

BỘ TƯ PHÁP**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06/2026/TT-BTP

Hà Nội, ngày 16 tháng 5 năm 2026

THÔNG TƯ

Hướng dẫn giao nhận, bảo quản, xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ; thủ tục quản lý hành chính, biểu mẫu và quy trình xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trong thi hành án dân sự

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiếp công dân, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo số 136/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tiếp công dân số 42/2013/QH13, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiếp công dân, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo số 136/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tố cáo số 25/2018/QH14, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiếp công dân, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo số 136/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 152/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị định số 09/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 142/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý kho vật chứng và tài liệu, đồ vật, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 184/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 123/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 41/2022/NĐ-CP và Nghị định số 70/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 155/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 31/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 156/2026/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Thi hành án dân sự;

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư hướng dẫn giao nhận, bảo quản, xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ; thủ tục quản lý hành chính, biểu mẫu và quy trình xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trong thi hành án dân sự.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn giao nhận, bảo quản, xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ; thủ tục quản lý hành chính, biểu mẫu và quy trình xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trong thi hành án dân sự, bao gồm:

1. Một số thủ tục về quản lý hành chính trong thi hành án dân sự, gồm: đăng tải, cập nhật, bổ sung, sửa đổi, quản lý thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành án trên Cổng, trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý thi hành án dân sự, cơ quan thi hành án dân sự; phân công tổ chức thi hành án và ủy quyền thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự; thu, chi tiền thi hành án; chế độ kiểm tra và báo cáo trong thi hành án dân sự;

2. Lập, sử dụng, bảo quản và lưu trữ sổ, hồ sơ thi hành án, hồ sơ giải quyết khiếu nại, tố cáo; các loại biểu mẫu, việc quản lý, sử dụng biểu mẫu trong thi hành án dân sự;

3. Trình tự, thủ tục tiếp nhận, bảo quản, xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ, vật, giấy tờ, tài sản kê biên trong quá trình tổ chức thi hành án dân sự (sau đây gọi chung là vật chứng, tài sản tạm giữ) và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan;

4. Tiếp nhận, phân loại, xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trong thi hành án dân sự, trừ các khiếu nại, tố cáo có liên quan đến hoạt động thi hành án dân sự do cơ quan, người có thẩm quyền khác thực hiện đã được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành tương ứng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan quản lý thi hành án dân sự, cơ quan thi hành án dân sự, văn phòng thi hành án dân sự, người làm công tác thi hành án dân sự và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Phân công tổ chức thi hành án của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự

1. Việc phân công tổ chức thi hành án của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự thực hiện như sau:

a) Phân công cho Phòng Thi hành án dân sự khu vực tổ chức thi hành bản án, quyết định của Tòa án nhân dân khu vực cùng địa bàn; bản án, quyết định phúc thẩm, quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm đối với bản án, quyết định của Tòa án nhân dân khu vực đó; bản án, quyết định do cơ quan thi hành án dân sự nơi khác ủy thác.

Phân công cho Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án dân sự tổ chức thi hành bản án, quyết định sơ thẩm, quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, quyết định công nhận kết quả hòa giải thành của Tòa án nhân dân cấp tỉnh nơi cơ quan thi hành án dân sự có trụ sở; bản án, quyết định phúc thẩm, quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm của Tòa án nhân dân tối cao đối với bản án, quyết định của Tòa án nhân dân cấp tỉnh đó; quyết định của Tòa án nhân dân tối cao chuyển giao;

b) Việc phân công tổ chức thi hành các bản án, quyết định còn lại quy định tại khoản 1 Điều 32 của Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15 (sau đây gọi là Luật Thi hành án dân sự) do Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự quyết định.

2. Trường hợp việc thi hành án đang do Phòng Thi hành án dân sự khu vực tổ chức thi hành theo quy định tại khoản 1 Điều này mà người phải thi hành án không có tài sản trên địa bàn hoặc có tài sản nhưng tài sản đó đã được Tòa án, cơ quan có thẩm quyền thụ lý để giải quyết yêu cầu xác định, phân chia, giải quyết tranh chấp về quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng đất thì thực hiện như sau:

a) Trường hợp người phải thi hành án có tài sản ở khu vực khác thì Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự phân công cho Phòng Thi hành án dân sự khu vực nơi có tài sản tổ chức thi hành;

b) Trường hợp người phải thi hành án có tài sản ở nhiều khu vực thì phân công cho Phòng Thi hành án dân sự khu vực nơi có tài sản đủ để thi hành án hoặc nơi có tổng giá trị tài sản lớn nhất tổ chức thi hành.

3. Trường hợp tài sản trên địa bàn nơi Phòng Thi hành án dân sự khu vực đang tổ chức thi hành không đủ để thi hành án mà cần xử lý đồng thời tài sản ở nhiều khu vực thì Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự phân công cho Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án dân sự tổ chức thi hành hoặc phân công cho Phòng Thi hành án dân sự khu vực nơi có tài sản thực hiện xử lý tài sản. Phòng Thi hành án dân sự khu vực đang tổ chức thi hành án chịu trách nhiệm theo dõi kết quả xử lý tài sản của các Phòng Thi hành án dân sự khu vực khác.

Trường hợp xác định kết quả thẩm định giá, xác định giá, đấu giá tài sản đủ để thanh toán nghĩa vụ của người phải thi hành án và chi phí liên quan hoặc có quyết định hoãn, tạm đình chỉ thi hành án thì thông báo ngay bằng văn bản cho Phòng Thi hành án dân sự khu vực đang xử lý tài sản để tạm dừng việc xử lý tài sản còn lại.

Trường hợp đã thu đủ số tiền thi hành án và chi phí liên quan hoặc có quyết định đình chỉ thi hành án thì thông báo ngay bằng văn bản cho Phòng Thi hành án dân sự khu vực đang xử lý tài sản để chấm dứt việc xử lý các tài sản còn lại.

4. Việc phân công Chấp hành viên tổ chức thi hành án do Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự hoặc người được Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ủy quyền ra quyết định thi hành án dân sự thực hiện trên Nền tảng số thi hành án dân sự hoặc hình thức khác do Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự quyết định.

Điều 4. Ủy quyền thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự

1. Việc ủy quyền của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự cho người đứng đầu các đơn vị quy định tại khoản 3 Điều 19 của Luật Thi hành án dân sự thực hiện như sau:

a) Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự có thể ủy quyền cho Chấp hành viên trưởng ký thừa ủy quyền các quyết định về thi hành án đối với việc thi hành án do Phòng Thi hành án dân sự khu vực tổ chức thi hành, trừ quyết định thi hành án và các quyết định quy định tại điểm g và điểm i khoản 2 Điều 22 của Luật Thi hành án dân sự và các trường hợp pháp luật có liên quan quy định không được ủy quyền.

Việc ủy quyền ký thừa ủy quyền phải được thể hiện bằng quyết định của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự và gửi cho cơ quan có liên quan để biết, phối hợp.

Chấp hành viên trưởng chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được ủy quyền; có quyền yêu cầu, kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân phối hợp với Phòng Thi hành án dân sự khu vực hoặc thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên trong việc tổ chức thi hành án;

b) Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự có thể ủy quyền cho người đứng đầu các đơn vị quy định tại khoản 3 Điều 19 của Luật Thi hành án dân sự ký thừa lệnh các văn bản theo thẩm quyền, trừ các quyết định theo quy định tại điểm a khoản này.

Việc ủy quyền ký thừa lệnh phải được thể hiện trong quy chế làm việc hoặc quy chế công tác văn thư của cơ quan thi hành án dân sự.

Người đứng đầu các đơn vị chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được ủy quyền.

2. Người đứng đầu các đơn vị quy định tại khoản 3 Điều 19 của Luật Thi hành án dân sự có thể ủy quyền cho cấp phó của mình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao, trừ việc ký các quyết định về thi hành án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này. Cấp phó của người đứng đầu các đơn vị quy định tại khoản 3

Điều 19 của Luật Thi hành án dân sự thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo sự phân công, ủy quyền của người đứng đầu và chịu trách nhiệm trong phạm vi công việc được giao.

3. Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đã ủy quyền; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của việc ủy quyền; chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn mà mình ủy quyền, trừ trường hợp người được ủy quyền thực hiện không đúng nội dung, phạm vi được ủy quyền.

Điều 5. Dữ liệu quản lý vật chứng, tài sản tạm giữ trong Cơ sở dữ liệu về thi hành án dân sự

1. Dữ liệu quản lý vật chứng, tài sản tạm giữ thuộc Cơ sở dữ liệu về thi hành án dân sự được tạo lập, cập nhật, quản lý, khai thác phục vụ việc tiếp nhận, theo dõi, bảo quản, kiểm kê, đối chiếu, chuyển giao và xử lý vật chứng, tài sản trong thi hành án dân sự.

2. Dữ liệu quản lý vật chứng, tài sản tạm giữ bao gồm thông tin về vật chứng, tài sản đang được bảo quản tại kho bảo quản tài sản thi hành án của cơ quan thi hành án dân sự và vật chứng, tài sản tạm giữ đang được bảo quản tại kho, địa điểm bảo quản của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác nhưng thuộc trách nhiệm tiếp nhận, theo dõi, xử lý của cơ quan thi hành án dân sự theo bản án, quyết định.

3. Cơ quan thi hành án dân sự phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân đang bảo quản vật chứng, tài sản để tiếp nhận, đối chiếu, cập nhật, khai thác dữ liệu; thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu khi đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật.

Sau khi kết nối với cơ sở dữ liệu quản lý vật chứng tài sản tạm giữ của nơi bảo quản vật chứng, Chấp hành viên tiếp nhận, cập nhật kết quả xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ theo bản án, quyết định, chuyển thông tin cho Kế toán nghiệp vụ tổng hợp, theo dõi kết quả.

4. Việc tạo lập, cập nhật, quản lý, khai thác dữ liệu quản lý vật chứng, tài sản tạm giữ được thực hiện trên môi trường số. Trường hợp chưa thực hiện được trên môi trường số thì thực hiện việc tiếp nhận, đối chiếu, theo dõi, xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ trên cơ sở hồ sơ, tài liệu, biên bản, quyết định, chứng từ và biểu mẫu theo quy định. Chấp hành viên, Thủ kho, Kế toán nghiệp vụ có trách nhiệm cập nhật, bổ sung dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về thi hành án dân sự khi đủ điều kiện.

Điều 6. Dữ liệu về xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trong Cơ sở dữ liệu về thi hành án dân sự

1. Dữ liệu về xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trong

thi hành án dân sự thuộc Cơ sở dữ liệu về thi hành án dân sự được tạo lập, cập nhật, quản lý, khai thác phục vụ việc tiếp nhận, xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

2. Dữ liệu về xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trong thi hành án dân sự được kết nối, chia sẻ, liên thông với Cơ sở dữ liệu quốc gia về công tác tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh và Cơ sở dữ liệu khác có liên quan.

Chương II

MỘT SỐ THỦ TỤC VỀ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH TRONG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Mục 1

ĐĂNG TẢI CÔNG KHAI THÔNG TIN CỦA NGƯỜI PHẢI THI HÀNH ÁN CHƯA CÓ ĐIỀU KIỆN THI HÀNH ÁN

Điều 7. Nguyên tắc đăng tải công khai thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành án

1. Việc đăng tải công khai thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành án phải bảo đảm chính xác, minh bạch, đầy đủ nội dung, đúng hình thức, đúng thời hạn, đúng phạm vi thông tin được đăng tải công khai theo quy định của pháp luật.

Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự, Trưởng văn phòng thi hành án dân sự chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, kịp thời của thông tin được đăng tải công khai.

2. Việc đăng tải, cập nhật, sửa đổi, bổ sung, chấm dứt đăng tải công khai thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành án phải được thực hiện trên cơ sở quyết định, dữ liệu, thông tin do cơ quan thi hành án dân sự, văn phòng thi hành án dân sự có thẩm quyền tạo lập, quản lý. Thông tin đăng tải phải được cập nhật, hiển thị hoặc ngừng hiển thị phù hợp với trạng thái pháp lý và trạng thái dữ liệu có hiệu lực tại thời điểm công khai trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý thi hành án dân sự, Trang thông tin điện tử của cơ quan thi hành án dân sự.

3. Việc kết nối, truyền nhận, khai thác dữ liệu phục vụ hiển thị đăng tải công khai thông tin không làm thay đổi thẩm quyền quản lý, cập nhật và chịu trách nhiệm đối với dữ liệu gốc của cơ quan, đơn vị đã tạo lập, quản lý dữ liệu.

Điều 8. Đăng tải công khai thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành án

1. Việc đăng tải công khai thông tin của người phải thi hành án chưa có

điều kiện thi hành án thuộc thẩm quyền của cơ quan thi hành án dân sự được thực hiện thông qua kết nối, khai thác dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu về thi hành án dân sự để tự động cập nhật, hiển thị thông tin công khai trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý thi hành án dân sự, Trang thông tin điện tử của cơ quan thi hành án dân sự theo cấu trúc thông tin quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày dữ liệu phát sinh hoặc có thay đổi trạng thái liên quan đến người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành án, Hệ thống Nền tảng số thi hành án dân sự tự động cập nhật, hiển thị hoặc ngừng hiển thị thông tin công khai trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý thi hành án dân sự, Trang thông tin điện tử của cơ quan thi hành án dân sự.

3. Trường hợp chức năng kết nối, trích xuất, cập nhật hoặc hiển thị dữ liệu đăng tải bị gián đoạn do sự cố kỹ thuật, ngay sau khi sự cố được khắc phục, hệ thống phải thực hiện cập nhật lại đối với toàn bộ dữ liệu phát sinh trong thời gian gián đoạn và dữ liệu chưa được cập nhật thành công, bảo đảm thông tin công khai được hiển thị đúng trạng thái, đúng nội dung có hiệu lực tại thời điểm hoàn thành việc cập nhật lại.

Điều 9. Đăng tải công khai thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành án của cơ quan thi hành án cấp quân khu, văn phòng thi hành án dân sự

1. Trường hợp cơ quan thi hành án cấp quân khu, văn phòng thi hành án dân sự chưa có Cơ sở dữ liệu thi hành án dân sự hoặc có nhưng chưa đáp ứng yêu cầu kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ đăng tải công khai thông tin thì cơ quan thi hành án cấp quân khu, văn phòng thi hành án dân sự có văn bản đề nghị cơ quan thi hành án dân sự nơi người phải thi hành án cư trú, làm việc hoặc có trụ sở thực hiện đăng tải công khai thông tin; kèm theo danh sách người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành án theo cấu trúc thông tin quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị có đầy đủ thông tin, cơ quan thi hành án dân sự thực hiện đăng tải công khai thông tin trên Trang thông tin điện tử của cơ quan thi hành án dân sự.

Trường hợp thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành án có thay đổi hoặc có căn cứ chấm dứt đăng tải công khai, cơ quan thi hành án cấp quân khu, văn phòng thi hành án dân sự phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho cơ quan thi hành án dân sự để cập nhật, sửa đổi, bổ sung hoặc chấm dứt đăng tải công khai theo quy định.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thay đổi hoặc chấm dứt đăng tải công khai, cơ quan thi hành án dân sự thực hiện cập nhật, sửa đổi, bổ sung hoặc chấm dứt đăng tải theo quy định trên Trang

thông tin điện tử của cơ quan thi hành án dân sự.

2. Trường hợp Cơ sở dữ liệu thi hành án dân sự đáp ứng yêu cầu kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ hiển thị công khai, việc đăng tải công khai thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành án thuộc thẩm quyền của cơ quan thi hành án cấp quân khu, văn phòng thi hành án dân sự được thực hiện thông qua kết nối từ Cơ sở dữ liệu thi hành án dân sự của Bộ Quốc phòng, văn phòng thi hành án dân sự đến Cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý thi hành án dân sự, Trang thông tin điện tử của cơ quan thi hành án dân sự để cập nhật, hiển thị hoặc ngừng hiển thị thông tin công khai theo cấu trúc thông tin quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 10. Trách nhiệm của cơ quan quản lý thi hành án dân sự trong việc đăng tải công khai thông tin

1. Cơ quan quản lý thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra cơ quan thi hành án dân sự, văn phòng thi hành án dân sự trong việc tạo lập, cập nhật, khai thác dữ liệu và đăng tải, cập nhật, sửa đổi, bổ sung, chấm dứt đăng tải công khai thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành án theo quy định của pháp luật;

b) Bảo đảm điều kiện kỹ thuật, hạ tầng, an toàn thông tin và các thành phần hệ thống phục vụ việc kết nối, khai thác Cơ sở dữ liệu thi hành án dân sự để cập nhật, hiển thị hoặc ngừng hiển thị thông tin công khai trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý thi hành án dân sự, Trang thông tin điện tử của cơ quan thi hành án dân sự;

c) Phối hợp với cơ quan quản lý thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng trong việc xác định phương thức kết nối, truyền nhận dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng phục vụ hiển thị công khai thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành án thuộc thẩm quyền của cơ quan thi hành án cấp quân khu;

d) Kiểm tra hoặc yêu cầu kiểm tra thông tin được hiển thị công khai trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý thi hành án dân sự, Trang thông tin điện tử của cơ quan thi hành án dân sự khi cần thiết.

2. Cơ quan quản lý thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc cơ quan thi hành án cấp quân khu trong việc cung cấp, cập nhật, sửa đổi, bổ sung, chấm dứt, khai thác dữ liệu và đăng tải thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành án theo quy định tại Chương này;

b) Chịu trách nhiệm quản lý, bảo đảm tính chính xác, đầy đủ, kịp thời của dữ liệu về người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành án thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng;

c) Phối hợp với cơ quan quản lý thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp trong việc kết nối, truyền nhận dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu thi hành án dân sự thuộc Bộ Quốc phòng đến Cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý thi hành án dân sự, Trang thông tin điện tử của cơ quan thi hành án dân sự khi Cơ sở dữ liệu thi hành án dân sự thuộc Bộ Quốc phòng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, an toàn thông tin và điều kiện kết nối theo quy định;

d) Trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu kết nối, chia sẻ dữ liệu, chỉ đạo cơ quan thi hành án cấp quân khu thực hiện việc đề nghị đăng tải, cập nhật, sửa đổi, bổ sung hoặc chấm dứt đăng tải công khai thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Thông tư này.

Điều 11. Trách nhiệm của cơ quan thi hành án dân sự tỉnh, thành phố, cơ quan thi hành án cấp quân khu, văn phòng thi hành án dân sự

1. Trách nhiệm của cơ quan thi hành án dân sự tỉnh, thành phố:

a) Tổ chức, hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị trực thuộc thực hiện cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời dữ liệu vào cơ sở dữ liệu về thi hành án dân sự theo quy trình nghiệp vụ, làm căn cứ để hệ thống tự động cập nhật, hiển thị hoặc ngừng hiển thị thông tin công khai theo quy định tại Thông tư này;

b) Thực hiện đăng tải, cập nhật, sửa đổi, bổ sung hoặc chấm dứt đăng tải công khai thông tin của người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành án theo đề nghị của cơ quan thi hành án cấp quân khu, văn phòng thi hành án dân sự trong trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu kết nối dữ liệu theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Thông tư này;

c) Rà soát, kiểm tra thông tin hiển thị công khai trên Trang thông tin điện tử của cơ quan thi hành án dân sự; kịp thời phối hợp xử lý khi phát hiện nội dung hiển thị không đúng, không đầy đủ hoặc không còn phù hợp với trạng thái dữ liệu do đơn vị quản lý, tạo lập trong Cơ sở dữ liệu thi hành án dân sự;

d) Tổ chức quán triệt, phân công nhiệm vụ, bố trí nguồn lực và hướng dẫn các đơn vị trực thuộc sử dụng Hệ thống Nền tảng số thi hành án dân sự để xử lý nghiệp vụ, cập nhật thông tin, thay đổi trạng thái dữ liệu theo đúng quy trình.

2. Trách nhiệm của cơ quan thi hành án cấp quân khu, văn phòng thi hành án dân sự:

a) Cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời dữ liệu người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành án thuộc thẩm quyền đề đăng tải công khai trong trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu kết nối, chia sẻ dữ liệu theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Thông tư này;

b) Kịp thời thông báo cho cơ quan thi hành án dân sự tỉnh, thành phố nơi đã đăng tải công khai thông tin khi có thay đổi, sai sót hoặc có căn cứ chấm dứt đăng tải công khai;

c) Thực hiện việc kết nối, truyền nhận dữ liệu phục vụ hiển thị công khai thông tin khi có Cơ sở dữ liệu thi hành án dân sự đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, an toàn thông tin và điều kiện kết nối theo quy định;

d) Chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, kịp thời của thông tin do mình tạo lập, quản lý, cung cấp, cập nhật hoặc đề nghị đăng tải công khai.

Mục 2

HOẠT ĐỘNG THU, CHI TIỀN THI HÀNH ÁN

Điều 12. Biên lai thu tiền trong thi hành án dân sự

1. Biên lai thu tiền trong thi hành án dân sự là chứng từ do cơ quan thi hành án dân sự lập khi thu các khoản thuộc thẩm quyền thu của cơ quan thi hành án dân sự theo quy định của pháp luật.

2. Biên lai thu tiền trong thi hành án dân sự được thực hiện theo Biểu mẫu tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này, bao gồm:

a) Biên lai thu tiền theo Mẫu số C16-THADS, sử dụng để tạm thu trước khi có bản án, quyết định; các khoản theo bản án, quyết định khi chưa có Quyết định thi hành án; chi phí cưỡng chế của đương sự, chi phí thông báo thi hành án, chi phí thỏa thuận thi hành án, chi phí xác minh, kê biên tài sản và các khoản thu khác theo quy định;

b) Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án theo Mẫu số C17-THADS, sử dụng để thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án căn cứ theo giấy báo của Tòa án; thu tiền tạm thu về chi phí thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về dân sự;

c) Biên lai thu tiền nộp ngân sách nhà nước theo Mẫu số C18-THADS, sử dụng để thu các khoản thu nộp ngân sách nhà nước;

d) Biên lai thu tiền thi hành án theo Mẫu số C19-THADS, sử dụng để thu các khoản tiền thi hành án theo đơn yêu cầu và các khoản thu khác cho Nhà nước thuộc diện cơ quan thi hành án dân sự chủ động ra quyết định thi hành án;

e) Biên lai thu tiền thuế, phí, lệ phí theo Mẫu số EBL01, sử dụng để thu các khoản tiền án phí, phí thi hành án dân sự, phí thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về dân sự có yếu tố nước ngoài và các khoản phí, lệ phí khác.

3. Biên lai thu tiền trong thi hành án dân sự được thể hiện theo hình thức điện tử (biên lai điện tử), là tập hợp các thông tin được thể hiện ở dạng dữ liệu điện tử, theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này, do cơ quan thi hành án dân sự lập và cấp bằng phương tiện điện tử cho người nộp tiền theo quy định của pháp luật.

Ký hiệu, số biên lai điện tử thực hiện theo quy định tại Nghị định số 123/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ được sửa đổi, bổ

sung bởi Nghị định số 41/2022/NĐ-CP và Nghị định số 70/2025/NĐ-CP.

Phần tên đơn vị phát hành biên lai thể hiện tên đơn vị thu tiền.

4. Định dạng biên lai điện tử được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 123/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 41/2022/NĐ-CP và Nghị định số 70/2025/NĐ-CP.

5. Việc đăng ký sử dụng biên lai thu tiền phí, lệ phí trong thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định của pháp luật về hóa đơn, chứng từ.

6. Nội dung trên biên lai điện tử được nhập đầy đủ thông tin theo mẫu dựa trên các thông tin mà người nộp tiền cung cấp, thông tin từ các cơ quan khác gửi đến cơ quan thi hành án dân sự có liên quan đến biên lai điện tử.

7. Trường hợp thu tiền mặt ngoài trụ sở cơ quan thi hành án dân sự mà tại thời điểm thu tiền không thể phát hành biên lai điện tử thì sử dụng biên lai giấy theo Mẫu C16a-THADS. Việc lập, quản lý, sử dụng, kiểm kê, báo cáo, tiêu hủy biên lai giấy được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 123/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 41/2022/NĐ-CP và Nghị định số 70/2025/NĐ-CP.

Điều 13. Cung cấp, sử dụng biên lai điện tử

1. Đối tượng sử dụng biên lai điện tử bao gồm: cơ quan thi hành án dân sự là người sử dụng biên lai điện tử để thu tiền; cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng nộp tiền; các cơ quan, tổ chức khác sử dụng thông tin biên lai điện tử để thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan thi hành án dân sự có trách nhiệm cung cấp cho các đối tượng nộp tiền mã tra cứu hoặc thông tin địa chỉ truy cập để tra cứu biên lai điện tử trên Nền tảng số thi hành án dân sự.

Trường hợp cơ quan, tổ chức khác muốn cung cấp biên lai điện tử để thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật thì phải gửi đề nghị bằng văn bản đến cơ quan thi hành án dân sự.

Điều 14. Báo cáo tình hình sử dụng biên lai điện tử

Định kỳ hằng quý, cơ quan thi hành án dân sự có trách nhiệm tổng hợp tình hình sử dụng biên lai tại đơn vị theo Mẫu số B02/BL Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này; báo cáo tình hình sử dụng biên lai dùng để thu tiền phí, lệ phí trong thi hành án dân sự thực hiện theo quy định tại Nghị định số 123/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 41/2022/NĐ-CP và Nghị định số 70/2025/NĐ-CP.

Điều 15. Tiêu hủy biên lai điện tử

Việc xác định căn cứ tiêu hủy, trình tự, thủ tục tiêu hủy biên lai điện tử trong thi hành án dân sự thực hiện theo quy định tại Nghị định số 123/2020/NĐ-

CP của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 41/2022/NĐ-CP và Nghị định số 70/2025/NĐ-CP.

Điều 16. Cách ghi, nhập thông tin biên lai thu tiền thi hành án dân sự

1. Người nhập thông tin biên lai phải nhập đầy đủ các thông tin trên biên lai, số tiền tính đến đơn vị nhỏ nhất. Trường hợp nộp thay phải nhập đầy đủ họ tên, địa chỉ của người trực tiếp nộp tiền và họ tên, địa chỉ của người được nộp thay. Khi lập, nhận biên lai cần kiểm tra đối chiếu các thông tin trên biên lai.

Trường hợp sử dụng biên lai trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia thì các thông tin trên biên lai do người nộp tiền nhập.

2. Phần người thu tiền là chữ ký số của người thu tiền theo quy định của pháp luật.

Đối với việc chuyển từ khoản tạm thu sang thu chính thức thì hình thức thanh toán ghi “chuyển tạm thu sang và có kèm số, ngày, tháng năm của Biên lai tạm thu”; Mục chữ ký người thu tiền: là chữ ký của kế toán nghiệp vụ thi hành án.

3. Đối với khoản thu qua chuyển khoản thì nội dung biên lai nhập như sau:

Mục họ tên người nộp tiền: theo họ tên người đã nộp tiền trong báo Có của tài khoản cơ quan thi hành án dân sự tại ngân hàng hoặc Kho bạc Nhà nước;

Mục nội dung thu và số tiền thu: thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này;

Hình thức thanh toán: chuyển khoản, ghi ngày tháng năm trên báo Có của tài khoản cơ quan thi hành án dân sự tại ngân hàng hoặc Kho bạc nhà nước;

Mục chữ ký người thu tiền: là chữ ký của kế toán nghiệp vụ thi hành án;

Các khoản tiền thu được bằng hình thức chuyển khoản phải được thể hiện kịp thời, đầy đủ, cụ thể vào sổ kế toán nghiệp vụ thi hành án.

Điều 17. Nộp tiền thi hành án vào quỹ tiền mặt cơ quan thi hành án dân sự

1. Tất cả các khoản tiền thu được bằng tiền mặt trong hoạt động thi hành án dân sự phải nộp vào quỹ tiền mặt cơ quan thi hành án dân sự ngay trong ngày thu để xử lý theo quy định của pháp luật. Trường hợp đương sự nộp tiền vào cuối ngày làm việc thì phải nộp vào quỹ tiền mặt cơ quan ngay đầu giờ làm việc của ngày làm việc tiếp theo.

Trường hợp thu tiền thi hành án bằng tiền mặt ở ngoài trụ sở cơ quan thi hành án dân sự thì phải nộp vào quỹ tiền mặt cơ quan ngay trong ngày làm việc đầu tiên khi về đến trụ sở hoặc nộp ngay vào tài khoản chuyên thu của cơ quan thi hành án dân sự mở tại Ngân hàng.

Trường hợp thu tiền tại các Phòng Thi hành án dân sự khu vực, cuối ngày làm việc, công chức được phân công thu tiền phải nộp toàn bộ số tiền thu được trong ngày vào tài khoản chuyên thu của cơ quan thi hành án dân sự mở tại

Ngân hàng và gửi kèm bảng kê chi tiết các khoản thu cho kế toán nghiệp vụ để hạch toán.

2. Cơ quan thi hành án dân sự chỉ thu vàng, bạc, đá quý, ngoại tệ theo bản án, quyết định của Tòa án.

3. Trường hợp sử dụng biên lai giấy được quy định tại khoản 7 Điều 12 của Thông tư này thì ngay trong ngày làm việc đầu tiên khi về đến trụ sở người thu tiền phải tạo lập biên lai điện tử để kết chuyển theo khoản thu tương ứng.

Điều 18. Mở tài khoản thanh toán, quản lý tiền thi hành án tại ngân hàng thương mại

1. Cơ quan thi hành án dân sự được mở tài khoản tại ngân hàng thương mại, gồm:

- a) Tài khoản chuyên thu tạm ứng án phí qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia;
- b) Tài khoản chuyên thu các khoản nộp ngân sách nhà nước;
- c) Tài khoản thu, thanh toán tiền thi hành án.

2. Các khoản tiền do tổ chức, cá nhân nộp vào tài khoản quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này được tự động chuyển về tài khoản tạm giữ chờ xử lý của cơ quan thi hành án dân sự mở tại Kho bạc Nhà nước vào thời điểm cuối thời gian giao dịch trong ngày. Số tiền ngân hàng nhận được sau thời gian giao dịch trong ngày sẽ chuyển về tài khoản tạm giữ chờ xử lý của cơ quan thi hành án dân sự mở tại Kho bạc Nhà nước vào đầu giờ làm việc của ngày làm việc tiếp theo.

3. Cơ quan thi hành án dân sự mở tài khoản theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này tại ngân hàng đáp ứng yêu cầu kết nối với Nền tảng số thi hành án dân sự và phần mềm kế toán nghiệp vụ trực tuyến để thực hiện các lệnh chuyển tiền trực tiếp từ phần mềm kế toán trực tuyến được xác thực bằng hình thức ký số các giao dịch ngân hàng.

Trường hợp trên địa bàn không có ngân hàng đáp ứng điều kiện trên thì tất cả các khoản thu tại tài khoản này phải tự động chuyển về tài khoản tạm giữ chờ xử lý của cơ quan thi hành án dân sự mở tại Kho bạc Nhà nước vào thời điểm cuối thời gian giao dịch trong ngày. Thủ tục thanh toán được thực hiện theo quy định tại Điều 6 của Nghị định số 347/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước và quy định của Bộ Tài chính về chi thanh toán cho cá nhân qua Kho bạc Nhà nước.

4. Khoản lãi phát sinh tại các tài khoản của cơ quan thi hành án dân sự mở tại ngân hàng thương mại sau khi trừ chi phí duy trì tài khoản (nếu có), số còn lại nộp ngân sách nhà nước vào ngày cuối của năm.

Điều 19. Thanh toán tiền thi hành án

1. Trường hợp người được nhận tiền cung cấp thông tin số tài khoản

ngân hàng nhận tiền khi yêu cầu thi hành án thì Chấp hành viên lập giấy đề nghị chi tiền chuyển kế toán, kế toán lập ủy nhiệm chi và thực hiện chuyển khoản. Chi phí chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng thương mại (nếu có) do người nhận tiền chịu và trừ vào số tiền họ được nhận.

2. Trường hợp chưa có thông tin số tài khoản ngân hàng của người được nhận tiền thì trong thời hạn 03 ngày làm việc theo quy định tại khoản 1 Điều 59 của Luật Thi hành án dân sự, Chấp hành viên thông báo cho người được nhận tiền cung cấp thông tin số tài khoản để nhận tiền; trường hợp người được nhận tiền là cá nhân không cung cấp số tài khoản thì yêu cầu đến trụ sở cơ quan thi hành án dân sự để nhận tiền, khi đến nhận tiền mang theo thông báo và xuất trình tài khoản định danh điện tử theo quy định của pháp luật hoặc bản chính một trong các giấy tờ sau đây: Hộ chiếu, Căn cước công dân; trường hợp ủy quyền thì phải cung cấp giấy ủy quyền hợp pháp.

3. Việc thanh toán tiền không qua hình thức chuyển khoản được thực hiện như sau:

a) Trường hợp người được nhận tiền trực tiếp đến cơ quan thi hành án dân sự nhận tiền, Chấp hành viên yêu cầu người được nhận tiền xuất trình các giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều này và lập giấy đề nghị chi tiền chuyển kế toán, kế toán làm thủ tục chi trả tiền;

b) Hết thời hạn 15 ngày kể từ ngày được thông báo mà người được nhận tiền không đến nhận tiền, không cung cấp thông tin số tài khoản và khoản tiền có giá trị nhỏ hơn 01 lần mức lương tối thiểu tháng theo vùng nơi cơ quan thi hành án dân sự có trụ sở thì cơ quan thi hành án dân sự gửi tiền qua dịch vụ bưu chính nếu xác định được địa chỉ rõ ràng của họ. Cước phí chuyển tiền qua dịch vụ bưu chính do người nhận tiền chịu và được trừ vào số tiền họ được nhận.

4. Chấp hành viên lưu các tài liệu, chứng từ trong hồ sơ thi hành án theo quy định tại khoản 1 Điều 78 của Thông tư này. Trường hợp thực hiện chuyển tiền qua dịch vụ bưu chính thì hồ sơ kế toán lưu bản gốc giấy chuyển tiền và phiếu báo nhận tiền.

5. Cơ quan thi hành án dân sự có trách nhiệm theo dõi việc gửi tiền vào Kho bạc Nhà nước hoặc gửi theo hình thức tiết kiệm không kỳ hạn đối với các khoản tiền quy định tại khoản 1 Điều 59 của Luật Thi hành án dân sự.

6. Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định thu phí thi hành án dân sự. Đối với vụ việc phải thu phí thi hành án dân sự nhiều lần thì mỗi lần thu phí, Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra một quyết định thu phí thi hành án dân sự theo quy định.

Điều 20. Nộp tiền vào ngân sách nhà nước

Thủ tục nộp tiền vào ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy định tại Điều 4 của Nghị định số 347/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về thủ tục

hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước.

1. Hằng tháng, kế toán rà soát các khoản thu nộp ngân sách nhà nước đã thu theo quyết định thi hành án để nộp ngân sách nhà nước kèm bảng kê chi tiết từng khoản theo từng quyết định thi hành án. Việc nộp ngân sách nhà nước được thực hiện 01 lần hoặc nhiều lần trong tháng; chậm nhất đến ngày 05 của tháng sau liền kề, kế toán thực hiện nộp 100% các khoản thu nộp ngân sách nhà nước của tháng trước vào ngân sách nhà nước. Sau khi nộp tiền, giấy nộp tiền và bảng kê nộp tiền được lưu chứng từ kế toán và hồ sơ thi hành án.

2. Đối với khoản thoái thu để hoàn trả trong kỳ, nếu số tiền nộp đủ để hoàn trả thì tại dòng cuối cùng của bảng kê nộp tiền vào ngân sách phải ghi rõ tên quyết định thoái thu, số tiền thoái thu.

Chương III

GIAO NHẬN, BẢO QUẢN, XỬ LÝ VẬT CHỨNG, TÀI SẢN TẠM GIỮ TRONG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Mục 1

NGUYÊN TẮC GIAO NHẬN, BẢO QUẢN, XỬ LÝ VẬT CHỨNG, TÀI SẢN TẠM GIỮ TRONG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Điều 21. Nguyên tắc giao nhận, bảo quản và xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ

1. Cơ quan thi hành án dân sự chỉ tiếp nhận, bảo quản và xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ khi nhận được đầy đủ bản sao biên bản về việc kê biên, tạm giữ tài sản, vật chứng hoặc tài liệu khác có liên quan đến vật chứng, tài sản tạm giữ, kê biên kèm theo bản án, quyết định.

2. Sau khi cơ quan thi hành án dân sự tiếp nhận, vật chứng, tài sản tạm giữ theo bản án, quyết định có hiệu lực sẽ tiếp tục được phân loại, bảo quản, lưu giữ tại nơi đang bảo quản và được xử lý kịp thời theo quy định của pháp luật.

Tài sản mà cơ quan thi hành án dân sự kê biên, thu giữ trong quá trình tổ chức thi hành án theo quy định tại Điều 69, Điều 89 và Điều 90 của Luật Thi hành án dân sự thì cơ quan thi hành án dân sự giao bảo quản theo quy định tại Điều 40 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Kho bảo quản tài sản thi hành án được bảo vệ an toàn 24/24 giờ hàng ngày. Việc nhập, xuất chỉ được thực hiện khi có lệnh của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự hoặc người được Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ủy quyền; các lệnh, quyết định có dấu hiệu tẩy xóa, sửa chữa hoặc sai quy định sẽ bị từ chối thực hiện. Vật chứng, tài sản tạm giữ sau khi xuất kho phải được xử lý ngay theo quy định của pháp luật.

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm phối hợp xử lý kịp thời theo yêu cầu của cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên trong quá trình bảo quản, tiếp nhận, xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ.

Điều 22. Kho bảo quản tài sản thi hành án

1. Hệ thống kho bảo quản tài sản thi hành án bao gồm:
 - a) Kho bảo quản tài sản thi hành án tại Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố và kho bảo quản tài sản thi hành án tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực;
 - b) Kho cơ quan thi hành án dân sự thuê bảo quản.
2. Kho bảo quản tài sản thi hành án theo quy định tại khoản 1 Điều này phải bảo đảm yêu cầu theo quy định tại khoản 4 Điều 3 và Điều 9 của Nghị định số 142/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý kho vật chứng và tài liệu, đồ vật (sau đây gọi là Nghị định số 142/2024/NĐ-CP của Chính phủ).

Mục 2

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TIẾP NHẬN VÀ XỬ LÝ VẬT CHỨNG, TÀI SẢN TẠM GIỮ THEO BẢN ÁN, QUYẾT ĐỊNH

Điều 23. Kiểm kê, tiếp nhận vật chứng, tài sản tạm giữ

1. Chậm nhất 03 ngày làm việc trước khi xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ theo quy định tại các điều 57, 58 và 59 của Luật Thi hành án dân sự, cơ quan thi hành án dân sự phải thông báo cho cơ quan, tổ chức đang bảo quản vật chứng, tài sản tạm giữ để thực hiện việc bàn giao vật chứng, tài sản tạm giữ cho cơ quan thi hành án dân sự.

Nội dung thông báo phải ghi rõ thời điểm thực hiện việc kiểm kê, tiếp nhận và xử lý; lý do xuất kho; có chữ ký của Thủ trưởng hoặc người được Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ủy quyền và đóng dấu cơ quan thi hành án dân sự.

2. Tại thời điểm xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ đã được ấn định, Chấp hành viên tiếp nhận vật chứng, tài sản tạm giữ có trách nhiệm kiểm kê, kiểm tra hiện trạng vật chứng, tài sản tạm giữ theo quy định tại Điều 37 của Nghị định số 152/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự (sau đây gọi là Nghị định số 152/2026/NĐ-CP của Chính phủ).

Trường hợp vật chứng, tài sản tạm giữ số lượng lớn, có tính chất đặc thù mà Chấp hành viên không thể tự mình kiểm kê, kiểm tra hiện trạng thì Chấp hành viên báo cáo Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự thuê tổ chức có chuyên môn thực hiện.

Khi đến nhận vật chứng, tài sản tạm giữ để xử lý, Chấp hành viên phải có

Giấy giới thiệu kèm theo giấy tờ chứng minh nhân thân.

3. Sau khi hoàn thành việc kiểm kê, tiếp nhận vật chứng, tài sản tạm giữ Chấp hành viên lập biên bản giao, nhận vật chứng, tài sản tạm giữ và tiến hành xử lý theo quy định.

Biên bản giao, nhận vật chứng, tài sản tạm giữ được gửi cho Kế toán nghiệp vụ, Thủ kho bảo quản tài sản thi hành án để thực hiện việc theo dõi vật chứng, tài sản tạm giữ theo bản án, quyết định của Tòa án.

4. Trường hợp sau khi cơ quan thi hành án dân sự đã tiếp nhận vật chứng, tài sản tạm giữ nhưng vì lý do khách quan chưa thực hiện được việc xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ thì cơ quan thi hành án dân sự giao lại cho cơ quan, tổ chức đang bảo quản vật chứng, tài sản tạm giữ tiếp tục lưu giữ, bảo quản.

Việc giao lại vật chứng, tài sản tạm giữ phải được lập thành biên bản, có chữ ký của bên giao và chữ ký, dấu của bên nhận.

5. Trường hợp vật chứng, tài sản tạm giữ theo bản án, quyết định có hiệu lực đang được bảo quản tại kho thuê thì kể từ thời điểm tiếp nhận cơ quan thi hành án dân sự có trách nhiệm tiếp tục ký hợp đồng với đơn vị được thuê bảo quản và thanh toán chi phí thuê kho cho đến khi tiêu hủy, trả lại tài sản hoặc giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã để sung quỹ nhà nước hoặc xử lý xong theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

Điều 24. Tiếp nhận vật chứng, tài sản tạm giữ trong một số trường hợp đặc thù

1. Đối với vật chứng, tài sản tạm giữ không thể di chuyển về kho vật chứng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 15 của Nghị định số 142/2024/NĐ-CP của Chính phủ thì Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự tổ chức tiếp nhận tại nơi đang bảo quản vật chứng, tài sản tạm giữ; đồng thời chỉ đạo làm thủ tục giao bảo quản cho cá nhân, tổ chức đang thực hiện bảo quản vật chứng, tài sản tạm giữ.

2. Đối với vật chứng, tài sản tạm giữ quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g, h, i, k và l khoản 2 Điều 15 của Nghị định số 142/2024/NĐ-CP của Chính phủ thì Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự thực hiện tiếp nhận theo quy định tại Điều 23 của Thông tư này và tiếp tục bảo quản tại nơi đang bảo quản cho đến khi có thông báo xử lý của cơ quan thi hành án dân sự.

Điều 25. Mở niêm phong vật chứng, tài sản tạm giữ

1. Trước khi chuyển giao vật chứng, tài sản tạm giữ cho cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận để sung quỹ nhà nước hoặc trả lại tài sản cho đương sự thì phải thực hiện mở niêm phong vật chứng, tài sản tạm giữ bị niêm phong. Thành phần mở niêm phong gồm: Chấp hành viên, đại diện cơ quan, tổ chức đang bảo quản, Thủ kho vật chứng nơi bảo quản, đại diện cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận vật chứng để sung quỹ nhà nước hoặc đương sự.

Trường hợp chuyển giao vật chứng, tài sản tạm giữ để tiêu huỷ thì thành phần mở niêm phong gồm: Hội đồng tiêu huỷ, đại diện Viện kiểm sát nhân dân.

2. Việc mở niêm phong do Chấp hành viên chủ trì, được lập thành biên bản, ghi rõ thời gian mở niêm phong; số lượng, chủng loại, hiện trạng của từng loại vật chứng, tài sản, có đối chiếu với biên bản thu giữ ban đầu và bản án, quyết định của Tòa án hoặc đối chiếu với văn bản xác nhận của cơ quan, tổ chức đang bảo quản vật chứng tài sản trong trường hợp vật chứng, tài sản có sự thay đổi; chữ ký của thành phần mở niêm phong quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 26. Xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ bị tuyên tịch thu, sung quỹ nhà nước

1. Cơ quan thi hành án dân sự thông báo bằng văn bản, ấn định thời gian cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có vật chứng, tài sản tạm giữ đến nơi đang bảo quản vật chứng, tài sản tạm giữ để tiếp nhận theo quy định.

2. Sau khi nhận vật chứng, tài sản tạm giữ theo quy định tại Điều 23 và Điều 24 của Thông tư này, Chấp hành viên kiểm tra giấy tờ chứng minh tư cách đại diện hợp pháp của người nhận bàn giao và thực hiện bàn giao. Việc bàn giao phải lập thành biên bản có chữ ký của Chấp hành viên và dấu của cơ quan thi hành án dân sự, chữ ký của người đại diện và dấu của Ủy ban nhân dân cấp xã kèm theo các giấy tờ, tài liệu có liên quan đến vật chứng, tài sản tạm giữ bị tuyên tịch thu, sung quỹ nhà nước.

3. Trường hợp thi hành khoản tịch thu tài sản là tiền, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định thi hành án, cơ quan thi hành án dân sự phải thông báo cho cơ quan đang giữ tiền chuyển số tiền đó cho cơ quan thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của cơ quan thi hành án dân sự, cơ quan đang giữ tiền có trách nhiệm chuyển tiền vào tài khoản của cơ quan thi hành án dân sự mở tại Kho bạc Nhà nước.

Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được tiền, cơ quan thi hành án dân sự phải nộp số tiền đó vào ngân sách nhà nước.

Điều 27. Tiêu huỷ vật chứng, tài sản tạm giữ

1. Việc tiêu huỷ vật chứng, tài sản tạm giữ được thực hiện theo quy định tại Điều 58 của Luật Thi hành án dân sự, Điều 40 của Nghị định số 152/2026/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Trường hợp tài sản không bán được hoặc bị hư hỏng không còn giá trị sử dụng quy định tại khoản 2 Điều 59 của Luật Thi hành án dân sự; tài sản tạm giữ của người phải thi hành án trong trường hợp cưỡng chế trả nhà, giao nhà, chuyển giao quyền sử dụng đất nhưng bị hư hỏng mà đương sự không đến nhận hoặc không xác định được địa chỉ thì Chấp hành viên phối hợp với cơ quan

chuyên môn, đại diện Viện kiểm sát nhân dân, đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền để xác định giá trị tài sản. Việc xác định giá trị tài sản được lập thành biên bản, ghi rõ họ tên và ký xác nhận.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có căn cứ xác định tài sản không còn giá trị sử dụng, Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ban hành quyết định tiêu hủy tài sản.

Trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày có quyết định tiêu hủy tài sản, Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự quyết định thành lập Hội đồng tiêu hủy tài sản, trừ trường hợp pháp luật quy định phải tiêu hủy ngay. Hội đồng thực hiện việc tiêu hủy tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Việc tiêu hủy vật chứng, tài sản phải lập thành biên bản ghi rõ hiện trạng vật chứng, tài sản tiêu hủy, họ tên, chữ ký của các thành viên Hội đồng tiêu hủy; chữ ký của đại diện Viện kiểm sát nhân dân. Biên bản phải gửi cho Viện kiểm sát nhân dân và lưu hồ sơ thi hành án.

4. Đối với vật chứng, tài sản sau khi tiêu hủy mà Hội đồng tiêu hủy xác định vẫn có giá trị lớn thì Chấp hành viên lập biên bản thống nhất của các thành viên Hội đồng tiêu hủy và Viện kiểm sát có thẩm quyền, báo cáo Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự quyết định.

Điều 28. Trả lại tài sản cho đương sự

1. Việc giao, nhận tài sản tạm giữ để trả cho đương sự được thực hiện tại nơi đang bảo quản, lưu giữ vật chứng, tài sản tạm giữ; có sự tham gia của đại diện cơ quan thi hành án dân sự, Thủ kho nơi bảo quản tài sản hoặc người được giao bảo quản tài sản, đương sự hoặc người được đương sự ủy quyền. Việc giao, nhận tài sản phải được lập thành biên bản, ghi rõ tình trạng tài sản, ý kiến của đương sự hoặc người được ủy quyền về việc đã nhận đúng, đủ tài sản theo bản án, quyết định hoặc ý kiến khác (nếu có).

Khi đến nhận tài sản, đương sự hoặc người được đương sự ủy quyền phải xuất trình căn cước công dân, giấy ủy quyền nhận tài sản theo quy định.

2. Trường hợp đương sự không đến nhận tài sản thì cơ quan thi hành án dân sự thực hiện theo quy định tại Điều 59 của Luật Thi hành án dân sự.

Mục 3

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC GIAO NHẬN, BẢO QUẢN, XỬ LÝ TÀI SẢN KÊ BIÊN, TẠM GIỮ TRONG QUÁ TRÌNH TỔ CHỨC THI HÀNH ÁN

Điều 29. Thủ tục nhập kho đối với tài sản do Chấp hành viên kê biên, tạm giữ để thi hành án

1. Ngay sau thời điểm vận chuyển tài sản về kho bảo quản tài sản thi hành

án, Chấp hành viên có trách nhiệm tiến hành thủ tục nhập kho, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Thủ tục nhập kho được thực hiện như sau:

a) Chấp hành viên lập Giấy đề nghị nhập kho, Lệnh nhập kho và Phiếu xác định giá trị hạch toán tài sản trình Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ký duyệt;

b) Căn cứ Lệnh nhập kho được ký duyệt, Kế toán nghiệp vụ lập Phiếu nhập kho;

c) Thủ trưởng cơ quan thi hành án ký duyệt Phiếu nhập kho, chuyển Thủ kho ký và thực hiện việc nhập kho đối với tài sản;

d) Việc nhập kho tài sản phải có sự tham gia của Chấp hành viên, Thủ kho, Kế toán nghiệp vụ (nếu có).

3. Trường hợp cơ quan thi hành án dân sự thuê cá nhân, tổ chức bảo quản tài sản thì Chấp hành viên căn cứ vào tính chất của từng tài sản đề xuất phương án bảo quản theo quy định của pháp luật, trình Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ký duyệt. Sau khi phương án bảo quản được phê duyệt thì Chấp hành viên ký hợp đồng với đơn vị được thuê bảo quản và tiến hành giao tài sản. Việc giao tài sản phải lập thành biên bản có chữ ký của bên giao, bên nhận.

Phương án bảo quản bao gồm nội dung: Số lượng kê biên, tạm giữ, thời gian bảo quản dự kiến; loại hình bảo quản, diện tích, địa điểm nơi bảo quản, cấp hạng công trình, yêu cầu về phòng cháy chữa cháy, điện nước; mức giá và nội dung khác nếu cần thiết.

Phương án, hợp đồng thuê, biên bản giao nhận tài sản được lưu thành 02 bản, 01 bản gửi cho Kế toán nghiệp vụ để theo dõi, quản lý và thanh toán chi phí thuê kho theo quy định của pháp luật; 01 bản lưu tại hồ sơ thi hành án.

Điều 30. Bảo quản tài sản kê biên, tạm giữ trong quá trình tổ chức thi hành án

1. Thủ kho cơ quan thi hành án dân sự cập nhật thông tin nhập kho, thông tin tài sản, tình trạng tài sản, tình trạng niêm phong (nếu có), vị trí bảo quản và các thông tin có liên quan trên Nền tảng số thi hành án dân sự, lập thẻ kho theo vụ việc.

2. Việc sắp xếp tài sản kê biên, tạm giữ để trong kho phải gọn gàng, khoa học; phải bảo đảm nguyên vẹn, không để mất mát, lẫn lộn, hư hỏng hoặc gây ô nhiễm môi trường, gây nguy hại cho tài sản của Nhà nước, tổ chức, cá nhân và tính mạng, sức khỏe của con người.

3. Thủ kho chỉ được nhập, xuất tài sản khi có lệnh của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự. Khi nhập hoặc xuất kho, Thủ kho có trách nhiệm kiểm tra lệnh nhập, xuất và các giấy tờ cần thiết khác theo quy định.

4. Người được giao trách nhiệm bảo quản tài sản hoặc các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác khi phát hiện tài sản bị mất mát, hư hỏng hoặc thay đổi hiện trạng niêm phong phải kịp thời báo cáo Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự để có biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật.

5. Đối với tài sản kê biên, tạm giữ giao cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp hoặc người thân thích của họ hoặc chính quyền địa phương, tổ chức, cá nhân khác nơi có tài sản kê biên, tạm giữ bảo quản theo quy định, cơ quan thi hành án dân sự có trách nhiệm kiểm tra việc bảo quản tài sản kê biên, tạm giữ.

Việc kiểm tra tài sản kê biên, tạm giữ phải được lập biên bản, ghi rõ giờ, ngày, tháng năm kiểm tra; tên, số lượng và tình trạng của từng loại tài sản, có chữ ký của Thủ kho và Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự hoặc Trưởng phòng Phòng Thi hành án dân sự khu vực và người được giao bảo quản.

Trường hợp xét thấy việc bảo quản tài sản kê biên, tạm giữ không đảm bảo an toàn thì phải yêu cầu tổ chức hoặc cá nhân được giao (hoặc thuê) bảo quản có biện pháp khắc phục, bảo đảm an toàn hoặc xem xét, giao (hoặc thuê) tổ chức, cá nhân khác bảo quản.

6. Trường hợp Nền tảng số thi hành án dân sự phát sinh sự cố kỹ thuật thì việc lập sổ theo dõi, thẻ kho, ghi nhận vị trí bảo quản và biến động tài sản được thực hiện theo hồ sơ, sổ sách, chứng từ, biểu mẫu quy định tại Thông tư này; đồng thời Thủ kho cập nhật, bổ sung dữ liệu trên Nền tảng số thi hành án dân sự ngay sau khi đủ điều kiện thực hiện.

Điều 31. Kiểm kê tài sản kê biên, tạm giữ

1. Định kỳ 06 tháng và hằng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất, cơ quan thi hành án dân sự phải thực hiện kiểm kê kho bảo quản tài sản thi hành án.

Việc kiểm kê tài sản kê biên, tạm giữ phải được lập biên bản, ghi rõ giờ, ngày, tháng, năm kiểm kê; tên, số lượng và tình trạng của từng loại tài sản, có chữ ký của Kế toán, Thủ kho bảo quản tài sản thi hành án và Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự hoặc người được Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ủy quyền.

2. Trong các trường hợp xảy ra thiên tai, hỏa hoạn, bàn giao, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách đơn vị, các sự cố bất thường khác và theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì cơ quan thi hành án dân sự phải kịp thời kiểm kê.

3. Việc kiểm kê tài sản kê biên, tạm giữ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải đảm bảo khớp đúng với số liệu ghi trong sổ kế toán tại thời điểm kiểm kê. Trường hợp kết quả kiểm kê có chênh lệch với sổ kế toán thì phải kiểm tra, rà soát, tìm nguyên nhân và báo cáo cấp có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 32. Bảo quản tài sản kê biên, tạm giữ không thể vận chuyển, di dời về kho

1. Trường hợp tài sản kê biên, tạm giữ không thể đưa về kho bảo quản tài sản thi hành án hoặc có thể đưa về kho nhưng diện tích kho không đủ để lưu giữ hoặc không đảm bảo điều kiện bảo quản thì Chấp hành viên báo cáo Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự tiếp nhận, đồng thời ký hợp đồng thuê trông giữ, bảo quản và thanh toán chi phí thuê kho theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp cơ quan thi hành án dân sự giao tài sản kê biên, tạm giữ cho người phải thi hành án hoặc người khác quản lý, sử dụng bảo quản nhưng họ từ chối bảo quản thì Chấp hành viên báo cáo Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự tiếp nhận, đồng thời ký hợp đồng thuê trông giữ, bảo quản và thanh toán chi phí thuê kho theo quy định của pháp luật.

Điều 33. Thủ tục xuất kho đối với tài sản kê biên, tạm giữ

1. Việc xuất kho tại kho bảo quản tài sản của cơ quan thi hành án dân sự được thực hiện như sau:

- a) Chấp hành viên lập Giấy đề nghị xuất kho;
- b) Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ký duyệt Lệnh xuất kho, chuyển Kế toán nghiệp vụ ra Phiếu xuất kho;
- c) Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ký duyệt Phiếu xuất kho, chuyển Thủ kho thực hiện việc xuất kho tài sản giao cho Chấp hành viên để xử lý theo quy định của pháp luật;
- d) Việc giao nhận tài sản kê biên, tạm giữ tại kho bảo quản tài sản tại Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố phải có sự tham gia của Thủ kho, Chấp hành viên, Kế toán nghiệp vụ.

Việc giao nhận tài sản kê biên, tạm giữ tại kho bảo quản tài sản tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực phải có sự tham gia của Thủ kho, Chấp hành viên, Trưởng phòng Phòng Thi hành án dân sự khu vực.

Việc giao nhận được lập thành biên bản, có chữ ký của các bên.

2. Trường hợp xuất kho tài sản kê biên, tạm giữ tại nơi cơ quan thi hành án dân sự thuê bảo quản tài sản được thực hiện như sau:

- a) Trước khi xử lý, Chấp hành viên thông báo cho cơ quan, tổ chức đang bảo quản tài sản và ấn định thời điểm (giờ, ngày, tháng, năm) thực hiện việc chuyển giao cho cơ quan thi hành án dân sự;
- b) Thực hiện việc xuất kho theo quy định tại các điểm a, điểm b khoản 1 Điều này. Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ký duyệt Phiếu xuất kho và chuyển Chấp hành viên để xử lý theo quy định của pháp luật.

Việc xuất kho phải có sự tham gia của Chấp hành viên, Kế toán nghiệp vụ

hoặc Trưởng phòng Phòng Thi hành án dân sự khu vực và người được giao bảo quản tài sản;

c) Chấp hành viên kiểm kê, kiểm tra hiện trạng tài sản, tiếp nhận, lập biên bản giao, nhận có chữ ký của các bên và tiến hành xử lý theo quy định;

d) Đề nghị đơn vị thuê bảo quản tiến hành thanh lý hợp đồng và chuyển các chứng từ, tài liệu cho Kế toán.

Mục 4

XỬ LÝ VẬT CHỨNG, TÀI SẢN TẠM GIỮ TRONG MỘT SỐ TRƯỜNG HỢP

Điều 34. Xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ trong một số trường hợp đặc thù

1. Chấp hành viên phải xây dựng Kế hoạch tiêu hủy (bao gồm cả kinh phí xử lý) và báo cáo Hội đồng tiêu hủy vật chứng quyết định cách thức tiêu hủy trong trường hợp tiêu hủy vật chứng, tài sản tạm giữ có số lượng lớn, có nguy cơ ảnh hưởng đến môi trường bao gồm: chất độc, hóa chất nguy hiểm, ma túy hoặc các loại vật chứng đặc thù khác. Trường hợp thuê cơ quan, tổ chức tiêu hủy vật chứng thì cơ quan thi hành án dân sự thực hiện việc lựa chọn cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

2. Đối với vật chứng, tài sản tạm giữ đã tiếp nhận trước thời điểm Luật Thi hành án dân sự có hiệu lực thi hành, Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố phối hợp với cơ quan Công an, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Sở Tài chính và các cơ quan chức năng để xác định tình trạng, lập danh sách vật chứng, tài sản tạm giữ chưa xử lý và tiến hành xử lý như sau:

a) Đối với các vật chứng, tài sản tạm giữ mà vụ án bị đình chỉ thì cơ quan thi hành án dân sự đề nghị cơ quan đã ra quyết định đình chỉ vụ án ra quyết định xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ để tiến hành xử lý theo quy định;

b) Đối với các vật chứng, tài sản tạm giữ mà Tòa án chưa chuyển giao bản án, quyết định; Viện kiểm sát, Cơ quan điều tra chưa chuyển giao tài liệu liên quan đến vật chứng, tài sản tạm giữ thì cơ quan thi hành án dân sự đề nghị các cơ quan có liên quan nêu trên chuyển giao để tiến hành xử lý theo quy định;

c) Đối với các vật chứng, tài sản tạm giữ đã tiếp nhận trên 05 năm mà chưa có quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ hoặc không có tài liệu liên quan đến vật chứng, tài sản tạm giữ thì Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố chủ trì, phối hợp với cơ quan Công an, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân cùng cấp, Sở Tài chính rà soát, kiểm kê, lập danh sách và thống nhất phương án, biện pháp xử lý.

Điều 35. Xử lý trường hợp vật chứng, tài sản tạm giữ bị mất, hư hỏng

1. Khi phát hiện vật chứng, tài sản tạm giữ đang lưu giữ, bảo quản tại kho vật chứng hoặc kho bảo quản tài sản thi hành án bị mất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng hoặc bị biến chất gây nguy hiểm, có thể gây mất an toàn thì Thủ kho phải kịp thời lập biên bản, báo cáo người có thẩm quyền và xử lý theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Việc xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ bị mất, hư hỏng không còn giá trị sử dụng, biến chất gây nguy hiểm, có thể gây mất an toàn được thực hiện như sau:

a) Đối với vật chứng, tài sản tạm giữ bị mất thì phải phối hợp với các cơ quan liên quan điều tra, xác minh, làm rõ trách nhiệm và xử lý theo quy định hoặc đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự đối với cá nhân vi phạm;

b) Đối với vật chứng, tài sản tạm giữ bị hư hỏng, không còn giá trị sử dụng thì thực hiện tiêu hủy theo quy định tại khoản 2 Điều 59 của Luật Thi hành án dân sự và Điều 27 của Thông tư này;

c) Đối với vật chứng, tài sản tạm giữ bị biến chất gây nguy hiểm, có thể gây mất an toàn thì phối hợp với các cơ quan chuyên môn để thống nhất phương án xử lý, đảm bảo an toàn.

Điều 36. Xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ trong trường hợp bản án, quyết định tuyên xử lý để tịch thu sung quỹ nhà nước một phần giá trị và một phần giá trị trả lại đương sự

Trường hợp bản án, quyết định tuyên sung quỹ nhà nước một phần giá trị vật chứng, tài sản và trả lại một phần giá trị vật chứng, tài sản tạm giữ cho đương sự mà vật chứng, tài sản tạm giữ không thể phân chia hoặc việc phân chia làm giảm đáng kể giá trị thì cơ quan thi hành án dân sự thực hiện thủ tục thẩm định giá hoặc xác định giá và bán theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự và pháp luật khác có liên quan.

Số tiền thu được từ việc xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ được trả lại cho đương sự theo bản án, quyết định, phần còn lại sau khi trừ các chi phí xử lý tài sản, cơ quan thi hành án dân sự nộp vào ngân sách nhà nước để sung quỹ theo quy định.

Mục 5**TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG GIAO NHẬN, BẢO QUẢN, XỬ LÝ VẬT CHỨNG, TÀI SẢN TẠM GIỮ TRONG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ****Điều 37. Trách nhiệm của cơ quan quản lý thi hành án dân sự**

1. Triển khai, chỉ đạo, hướng dẫn cơ quan thi hành án dân sự trong việc giao nhận, bảo quản, xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ trong thi hành án dân sự

theo đúng quy định của pháp luật; phối hợp với các cơ quan liên quan chỉ đạo, hướng dẫn, giải quyết vướng mắc, khó khăn trong việc xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ.

2. Tổng hợp khó khăn, vướng mắc trong quá trình xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ để kiến nghị xây dựng và hoàn thiện pháp luật có liên quan.

3. Tổ chức kiểm tra, tổng hợp, báo cáo công tác quản lý, xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ trong thi hành án dân sự trong phạm vi cả nước.

4. Xây dựng quy hoạch kho bảo quản tài sản thi hành án.

5. Nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 38. Trách nhiệm của cơ quan thi hành án dân sự

1. Triển khai, chỉ đạo nghiệp vụ, hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giao nhận, bảo quản, xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ trong thi hành án dân sự.

2. Kiểm kê, tiếp nhận vật chứng, tài sản tạm giữ tại kho vật chứng, tài sản đang được bảo quản và kho bảo quản tài sản thi hành án.

3. Định kỳ 06 tháng, hằng năm hoặc đột xuất thực hiện rà soát, thống kê vật chứng, tài sản tạm giữ trong kho bảo quản tài sản thi hành án hoặc phối hợp với cơ quan, tổ chức đang bảo quản vật chứng, tài sản tạm giữ rà soát, thống kê và xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ theo quy định của pháp luật.

4. Bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện, tổ chức bảo vệ an toàn vật chứng, tài sản tạm giữ tại kho bảo quản tài sản thi hành án.

5. Chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức di chuyển kịp thời vật chứng, tài sản tạm giữ đang quản lý đến nơi an toàn trong trường hợp thiên tai, cháy, nổ hoặc có nguy cơ mất an toàn kho bảo quản tài sản thi hành án.

6. Thông báo kịp thời cho cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan công an trên địa bàn có kho bảo quản tài sản thi hành án và cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã ra lệnh hoặc quyết định nhập kho trong các trường hợp vật chứng, tài sản tạm giữ bị mất mát, xâm phạm, chiếm đoạt để phối hợp xử lý, giải quyết.

Điều 39. Trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự

1. Hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc và tổ chức việc giao nhận, bảo quản, xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ tại đơn vị.

2. Chỉ đạo việc lập, quản lý, lưu trữ, khai thác hồ sơ, sổ sách, dữ liệu liên quan đến việc giao nhận, quản lý, bảo quản và xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ; kiểm kê định kỳ, đột xuất, tổng hợp báo cáo về việc bảo quản vật chứng, tài sản tạm giữ.

3. Ra lệnh nhập kho, lệnh xuất kho và ấn định thời điểm thực hiện việc

xuất kho tài sản tại đơn vị để xử lý theo quy định.

4. Thành lập Hội đồng tiêu huỷ vật chứng, tài sản; ban hành Quyết định tiêu huỷ tài sản theo quy định.

5. Ký duyệt các chứng từ, tài liệu liên quan đến việc tiếp nhận, quản lý và xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ.

6. Kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền khắc phục, xử lý tài sản tạm giữ có dấu hiệu, nguy cơ hư hỏng, bong, rách niêm phong hoặc đe dọa đến sự an toàn của kho bảo quản tài sản thi hành án, ảnh hưởng xấu hoặc gây thiệt hại đến con người, tài sản, môi trường.

7. Ban hành và tổ chức thực hiện nội quy kho bảo quản tài sản thi hành án; phối hợp ban hành và tổ chức thực hiện nội quy của kho vật chứng của cơ quan đang bảo quản.

Nội quy kho thực hiện, gồm các nội dung sau:

- a) Quy định về thời gian, đối tượng ra, vào kho;
- b) Quy định về bảo đảm an ninh, an toàn vật chứng, tài sản tạm giữ;
- c) Quy định về phòng chống cháy, nổ, bảo vệ môi trường;
- d) Quy định về trách nhiệm của bảo vệ kho bảo quản tài sản; trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan;
- đ) Những nội dung khác theo quy định của pháp luật.

Điều 40. Trách nhiệm của Chấp hành viên

1. Thực hiện thủ tục nhập, xuất kho đối với vật chứng, tài sản tạm giữ được bảo quản tại kho bảo quản tài sản của cơ quan thi hành án dân sự; kịp thời xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ theo quy định.

2. Lập phiếu xác định giá trị hạch toán vật chứng, tài sản tạm giữ.

3. Lập và quản lý hồ sơ liên quan trong việc xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ.

4. Cập nhật kịp thời thông tin, kết quả xử lý vật chứng, tài sản theo bản án, quyết định vào Cơ sở dữ liệu về thi hành án dân sự theo quy định tại Thông tư này.

Điều 41. Trách nhiệm của Kế toán nghiệp vụ thi hành án

1. Thu thập, xử lý thông tin, số liệu vật chứng, tài sản tạm giữ theo quy định của pháp luật về kế toán nghiệp vụ thi hành án.

2. Lập các chứng từ về việc giao nhận, bảo quản, xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ.

3. Định kỳ 6 tháng và hằng năm hoặc theo yêu cầu phối hợp với Thủ kho bảo quản tài sản thi hành án tiến hành việc đối chiếu, kiểm kê, đánh giá tình hình, kết quả bảo quản, xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ.

4. Theo dõi số liệu, tình hình xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ theo quyết định thi hành án, kịp thời tham mưu cho Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự để chỉ đạo xử lý theo quy định.

Điều 42. Trách nhiệm của Thủ kho bảo quản tài sản thi hành án

1. Thực hiện việc nhập, xuất kho và bảo quản vật chứng, tài sản tạm giữ theo quy định của pháp luật, bảo đảm đúng danh sách do Chấp hành viên lập và lệnh xuất kho của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự.

2. Kiểm tra số lượng, tình trạng, đặc điểm và niêm phong của vật chứng, tài sản tạm giữ, đối chiếu với các tài liệu có liên quan khi tiếp nhận và nhập kho theo quy định.

3. Tham gia kiểm kê, xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ.

4. Sắp xếp, bảo quản, lập thẻ kho, cập nhật thông tin đối với tài sản tại kho bảo quản tài sản thi hành án theo quy định tại Điều 29 Thông tư này.

5. Báo cáo kịp thời Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự khi phát hiện tài sản bị mất, hư hỏng, thiếu hụt, thay đổi hiện trạng niêm phong, bị xâm phạm, chiếm đoạt, nguy cơ hư hỏng hoặc đe dọa an toàn của kho, gây nguy hiểm đến con người, tài sản, môi trường và thực hiện các công việc theo yêu cầu của người có thẩm quyền.

6. Kiểm tra bảo đảm sự an toàn của các trang thiết bị trong kho; kịp thời báo cáo Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự về tình trạng kho; kiến nghị, đề xuất mở rộng, nâng cấp, sửa chữa kho; đề xuất cấp các trang thiết bị, phương tiện phục vụ việc tiếp nhận, nhập, xuất, bảo quản tài sản vật chứng, tài sản tạm giữ.

Chương IV

QUY TRÌNH XỬ LÝ, GIẢI QUYẾT ĐƠN KHIẾU NẠI, TỐ CÁO, KIẾN NGHỊ, PHẢN ÁNH TRONG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Mục 1

TIẾP NHẬN, PHÂN LOẠI ĐƠN

Điều 43. Tiếp nhận đơn

1. Đơn được tiếp nhận từ các nguồn sau:

a) Đơn gửi trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận đơn, hộp thư góp ý, tại địa điểm tiếp công dân của cơ quan, đơn vị hoặc trình bày trực tiếp với người có thẩm quyền được lập thành văn bản;

b) Đơn gửi qua dịch vụ bưu chính;

c) Thông tin kiến nghị, phản ánh từ Cổng Dịch vụ công Quốc gia, Cổng Thông tin điện tử Bộ Tư pháp, Cổng, Trang thông tin điện tử của cơ quan quản

lý thi hành án dân sự, cơ quan thi hành án dân sự được lập thành văn bản hoặc có văn bản đính kèm; thông tin được phản ánh qua đường dây nóng được lập thành văn bản.

2. Đơn tiếp nhận từ các nguồn quy định tại khoản 1 Điều này phải được thể hiện thành văn bản, nhập vào sổ trên hệ thống cơ sở dữ liệu để quản lý, theo dõi. Việc lưu trữ sổ và sao lưu dữ liệu được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 44. Phân loại đơn

1. Đơn tiếp nhận được phân loại theo các tiêu chí như sau:

a) Theo nội dung, gồm: đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh; đơn có nhiều nội dung trong đó vừa có nội dung khiếu nại, vừa có nội dung tố cáo hoặc kiến nghị, phản ánh;

b) Theo điều kiện xử lý, gồm: đơn đủ điều kiện xử lý, đơn không đủ điều kiện xử lý;

c) Theo thẩm quyền giải quyết, gồm: đơn thuộc thẩm quyền giải quyết, đơn không thuộc thẩm quyền giải quyết;

d) Theo số lượng người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, gồm: đơn của một người, đơn của nhiều người.

2. Đối với đơn vừa có nội dung khiếu nại, vừa có nội dung tố cáo hoặc kiến nghị, phản ánh thì tách riêng từng nội dung để xử lý, giải quyết theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo và Thông tư này.

3. Việc phân loại đơn căn cứ vào nội dung trình bày trong đơn, mục đích, yêu cầu của người viết đơn, không phụ thuộc vào tiêu đề của đơn.

Điều 45. Các trường hợp đơn không đủ điều kiện xử lý

1. Đơn khiếu nại không đủ điều kiện xử lý khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Đơn không ghi rõ họ tên người viết đơn; đơn qua kiểm tra xác minh không xác định được người viết đơn hoặc người viết đơn dùng tên người khác để viết đơn; đơn không rõ địa chỉ; đơn nhân danh tập thể; đơn không ghi rõ ngày, tháng, năm viết đơn; đơn không có chữ ký hoặc điểm chỉ của người viết đơn;

b) Đơn đã được chuyển, hướng dẫn, trả lời, giải quyết theo quy định của pháp luật nhưng người viết đơn tiếp tục có đơn cùng nội dung;

c) Đơn viết bằng tiếng nước ngoài không kèm bản dịch được chứng thực chữ ký người dịch theo quy định của pháp luật;

d) Đơn có nội dung chống đối đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước hoặc có nội dung chia rẽ đoàn kết dân tộc, tôn giáo;

đ) Đơn có lời lẽ thô tục, bôi nhọ, xúc phạm danh dự, uy tín của cá nhân,

cơ quan, tổ chức;

- e) Đơn rách nát hoặc chữ viết bị tẩy xóa mà không rõ, không thể đọc được;
- g) Đơn đồng gửi nhiều cơ quan, trong đó đã đề gửi cơ quan, người có thẩm quyền giải quyết;
- h) Đơn khiếu nại lần hai gửi đến người đã giải quyết khiếu nại lần đầu;
- i) Đơn không xác định được người bị khiếu nại, quyết định, hành vi bị khiếu nại.

2. Đơn tố cáo không đủ điều kiện xử lý là các loại đơn thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và g khoản 1 Điều này;
- b) Đơn qua kiểm tra xác minh không xác định được người tố cáo hoặc người tố cáo dùng tên người khác để tố cáo hoặc tố cáo không thực hiện đúng theo hình thức quy định tại Điều 22 của Luật Tố cáo, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 25 của Luật Tố cáo;
- c) Đơn không xác định được người bị tố cáo, hành vi bị tố cáo.

3. Đơn kiến nghị, phản ánh không đủ điều kiện xử lý là các loại đơn thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và g khoản 1 Điều này hoặc đơn không ghi rõ nội dung kiến nghị, phản ánh; trừ trường hợp thông tin phản ánh, kiến nghị tiếp nhận theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 43 Thông tư này.

4. Các trường hợp lưu đơn:

- a) Đơn không đủ điều kiện xử lý theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này, trừ các trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều này;
- b) Đơn theo quy định tại điểm i khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều này sau khi đã được hướng dẫn mà người gửi đơn vẫn không thực hiện.

Thời hạn lưu đơn là 01 năm. Hết thời hạn lưu đơn thì người có thẩm quyền xem xét quyết định việc tiêu hủy đơn theo quy định của pháp luật.

Mục 2

XỬ LÝ, GIẢI QUYẾT ĐƠN KHIẾU NẠI

Điều 46. Xử lý đơn khiếu nại

Cơ quan tiếp nhận đơn xử lý như sau:

1. Trường hợp đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền và đủ điều kiện thì thụ lý giải quyết khiếu nại theo quy định tại Điều 47 của Thông tư này; đơn chưa đủ điều kiện thụ lý thì có văn bản trả lời cho người khiếu nại biết lý do hoặc hướng

dẫn người khiếu nại bổ sung thông tin, tài liệu liên quan đến khiếu nại để được thụ lý giải quyết; đơn thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 97 của Luật Thi hành án dân sự thì ra thông báo không thụ lý giải quyết khiếu nại.

2. Trường hợp đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết lần đầu của cơ quan thi hành án dân sự, văn phòng thi hành án dân sự thì chuyển đơn đến cơ quan, người có thẩm quyền để giải quyết theo quy định và thông báo cho người khiếu nại biết.

3. Cơ quan tiếp nhận đơn ban hành văn bản trả lời, hướng dẫn trong các trường hợp sau:

a) Đơn khiếu nại không thuộc thẩm quyền của các cơ quan quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Đơn khiếu nại chưa thụ lý có nội dung đã được giải quyết bằng quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc bản án, quyết định của Tòa án; vụ việc khiếu nại không còn đối tượng hoặc nội dung để giải quyết.

Đơn khiếu nại chưa thụ lý mà cá nhân khiếu nại chết mà quyền, lợi ích liên quan đến nội dung khiếu nại không được thừa kế; cơ quan, tổ chức khiếu nại giải thể, phá sản hoặc kết thúc hoạt động mà quyền, nghĩa vụ liên quan đến nội dung khiếu nại không được kế thừa;

c) Đơn khiếu nại hành vi ban hành văn bản trả lời kiến nghị, phản ánh của cơ quan thi hành án dân sự, văn phòng thi hành án dân sự.

4. Trường hợp tiếp nhận đơn khiếu nại việc không thụ lý, tạm đình chỉ, đình chỉ giải quyết khiếu nại, tố cáo thì Bộ Tư pháp, cơ quan quản lý thi hành án dân sự chuyển đơn, yêu cầu cơ quan đã ban hành văn bản về việc không thụ lý, tạm đình chỉ, đình chỉ giải quyết khiếu nại, tố cáo rà soát và trả lời người khiếu nại hoặc giải quyết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp đã thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều này mà người khiếu nại tiếp tục có đơn thì Bộ Tư pháp, cơ quan quản lý thi hành án dân sự xem xét hồ sơ, tài liệu giải quyết trước đó để xử lý như sau:

a) Nếu việc không thụ lý, tạm đình chỉ, đình chỉ giải quyết khiếu nại, tố cáo là đúng quy định của pháp luật thì ban hành văn bản trả lời người khiếu nại;

b) Nếu việc không thụ lý, tạm đình chỉ, đình chỉ giải quyết khiếu nại, tố cáo không đúng quy định của pháp luật thì ban hành văn bản chỉ đạo giải quyết theo quy định, đồng thời thông báo cho người khiếu nại biết.

6. Thời hạn xử lý đơn quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn. Thời hạn xử lý đơn quy định tại khoản 5 Điều này là 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn.

Việc chuyển đơn, hướng dẫn, trả lời chỉ thực hiện một lần và không xem xét,

thụ lý giải quyết đối với đơn khiếu nại về việc chuyển đơn, hướng dẫn, trả lời này.

Điều 47. Thụ lý đơn khiếu nại, yêu cầu báo cáo, giải trình, cung cấp hồ sơ, tài liệu

1. Việc xác định ngày khiếu nại để tính thời hiệu khiếu nại theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 96 của Luật Thi hành án dân sự được thực hiện như sau:

a) Trường hợp người khiếu nại trình bày trực tiếp với người tiếp công dân, người có thẩm quyền về nội dung khiếu nại thì ngày khiếu nại là ngày làm việc trực tiếp đó;

b) Trường hợp người khiếu nại trực tiếp nộp đơn tại cơ quan có thẩm quyền giải quyết khiếu nại thì ngày khiếu nại là ngày nộp đơn;

c) Trường hợp người khiếu nại gửi đơn qua dịch vụ bưu chính thì ngày khiếu nại là ngày gửi đơn được thể hiện trên phong bì hoặc chứng từ gửi.

2. Người khiếu nại có quyền chứng minh việc gửi đơn khiếu nại còn trong thời hiệu khiếu nại hoặc do tình trạng khẩn cấp, sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan dẫn đến việc họ không thực hiện được quyền khiếu nại trong thời hiệu.

3. Ban hành thông báo thụ lý giải quyết khiếu nại:

a) Người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại ra một thông báo thụ lý đối với mỗi đơn khiếu nại hoặc nhiều đơn khiếu nại của một người vào cùng thời điểm. Trường hợp nhiều người có đơn khiếu nại về cùng một nội dung vào cùng thời điểm thì ra một thông báo thụ lý chung kèm theo danh sách những người khiếu nại;

b) Trường hợp đơn khiếu nại đối với nhiều quyết định, hành vi có thời hạn giải quyết khác nhau thì căn cứ vào thời hạn giải quyết để ra các thông báo thụ lý tương ứng.

4. Thực hiện việc báo cáo giải trình, cung cấp hồ sơ, tài liệu:

a) Người bị khiếu nại, cơ quan thi hành án dân sự, văn phòng thi hành án dân sự nơi có người bị khiếu nại báo cáo giải trình bằng văn bản, cung cấp hồ sơ vụ việc theo thời hạn sau đây: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu bằng văn bản đối với khiếu nại lần đầu; 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu bằng văn bản đối với khiếu nại lần hai.

Báo cáo, giải trình phải bảo đảm các nội dung theo yêu cầu của người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại và chịu trách nhiệm về tính trung thực, đầy đủ, chính xác của báo cáo, hồ sơ, tài liệu;

b) Trường hợp hồ sơ, tài liệu được số hóa toàn trình thì việc cung cấp hồ sơ, tài liệu thực hiện theo quy định về cung cấp hồ sơ, tài liệu trên môi trường số.

Trường hợp hồ sơ, tài liệu chưa được số hóa toàn trình thì phải lập danh

mục tài liệu, đánh số bút lục và có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự, Trưởng văn phòng thi hành án dân sự hoặc người được ủy quyền.

Điều 48. Rút khiếu nại, tạm đình chỉ, đình chỉ giải quyết khiếu nại

1. Người khiếu nại có quyền rút toàn bộ nội dung khiếu nại hoặc một phần nội dung khiếu nại tại bất cứ thời điểm nào trong quá trình khiếu nại và giải quyết khiếu nại.

Việc rút khiếu nại được thực hiện bằng đơn rút khiếu nại hoặc biên bản ghi nhận ý kiến rút khiếu nại có chữ ký hoặc điểm chỉ của người khiếu nại.

Trường hợp người khiếu nại rút khiếu nại mà khiếu nại chưa được thụ lý giải quyết thì người có thẩm quyền không xem xét giải quyết nội dung khiếu nại đã rút, thông báo cho người khiếu nại biết.

2. Trường hợp người khiếu nại rút một phần nội dung khiếu nại thì phần còn lại được tiếp tục giải quyết. Trường hợp nhiều người cùng khiếu nại mà có một hoặc một số người rút khiếu nại thì khiếu nại vẫn tiếp tục được giải quyết đối với người không rút khiếu nại.

Nội dung khiếu nại đã rút sẽ không được xem xét, giải quyết lại, trừ trường hợp có căn cứ xác định người khiếu nại rút khiếu nại là do bị ép buộc, đe dọa.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày có một trong các căn cứ quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 105 của Luật Thi hành án dân sự, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại ra thông báo tạm đình chỉ hoặc thông báo đình chỉ giải quyết khiếu nại.

Trường hợp khiếu nại nhiều nội dung mà có nội dung tạm đình chỉ thì các nội dung còn lại tiếp tục giải quyết.

Thời gian tạm đình chỉ giải quyết khiếu nại không tính vào thời hạn giải quyết khiếu nại.

4. Thông báo tạm đình chỉ, đình chỉ việc giải quyết khiếu nại phải nêu rõ lý do, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và gửi đến người khiếu nại, người bị khiếu nại.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày căn cứ tạm đình chỉ không còn thì người giải quyết khiếu nại ra thông báo tiếp tục giải quyết khiếu nại và thông báo cho các bên có liên quan. Thời hạn giải quyết khiếu nại tiếp tục được tính từ ngày ban hành thông báo tiếp tục giải quyết khiếu nại.

Điều 49. Xác minh nội dung khiếu nại, tổ chức đối thoại

1. Trường hợp nội dung khiếu nại, báo cáo giải trình của người bị khiếu nại và hồ sơ, tài liệu có liên quan đã rõ ràng, có đủ căn cứ, cơ sở pháp lý để kết luận, giải quyết thì người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại ra quyết định giải quyết khiếu nại.

2. Trường hợp cần xác minh, đối thoại trực tiếp tại địa phương hoặc với cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan để giải quyết khiếu nại thì người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại ra quyết định thành lập đoàn xác minh. Đoàn xác minh có trách nhiệm xây dựng kế hoạch làm việc, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên để tiến hành xác minh, đối thoại.

3. Việc xác minh, đối thoại phải lập biên bản, ghi rõ thời gian, địa điểm, thành phần và nội dung làm việc; thông tin, tài liệu, bằng chứng được tiếp nhận (nếu có); chữ ký của đại diện các bên tham gia.

4. Kết thúc việc xác minh, đối thoại, đoàn xác minh báo cáo kết quả xác minh khiếu nại bằng văn bản với người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại.

Điều 50. Tổ chức họp, trao đổi ý kiến, trưng cầu giám định hoặc áp dụng các biện pháp cần thiết khác

1. Trường hợp vụ việc có tính chất phức tạp, vướng mắc về pháp luật, quan điểm giải quyết, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại có thể tổ chức họp, trao đổi ý kiến với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; xin hướng dẫn nghiệp vụ của cấp trên trực tiếp; trưng cầu giám định hoặc thực hiện các biện pháp cần thiết khác.

2. Người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại quyết định việc trưng cầu giám định khi thấy cần thiết hoặc khi có đề nghị của người khiếu nại, người bị khiếu nại và cơ quan, tổ chức có liên quan. Thời gian trưng cầu giám định không tính vào thời hạn giải quyết khiếu nại.

Điều 51. Ra quyết định, gửi, công khai, đôn đốc, theo dõi và kiểm tra việc thực hiện quyết định giải quyết khiếu nại

1. Người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại ra một quyết định giải quyết khiếu nại đối với mỗi thông báo thụ lý giải quyết khiếu nại, trừ trường hợp có nội dung khiếu nại đang tạm đình chỉ.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu; 07 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định giải quyết khiếu nại lần hai, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại gửi quyết định giải quyết khiếu nại cho người khiếu nại, người bị khiếu nại, cơ quan cấp trên trực tiếp, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

3. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày ra quyết định giải quyết khiếu nại, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần hai công khai quyết định giải quyết khiếu nại theo một trong các hình thức sau:

a) Công bố tại cuộc họp cơ quan nơi người bị khiếu nại công tác;

b) Niêm yết tại trụ sở làm việc hoặc nơi tiếp công dân của cơ quan đã giải quyết khiếu nại;

c) Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng hoặc Cổng/Trang thông tin điện tử của cơ quan đã giải quyết khiếu nại.

4. Đơn đốc, theo dõi và kiểm tra việc thực hiện quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực thi hành.

a) Người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại có trách nhiệm đơn đốc, theo dõi, kiểm tra cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực thi hành;

b) Thủ trưởng cơ quan quản lý thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp, Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự, Trưởng văn phòng thi hành án dân sự được giao tổ chức thực hiện quyết định giải quyết khiếu nại có trách nhiệm thực hiện và báo cáo người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết khiếu nại.

Mục 3

XỬ LÝ, GIẢI QUYẾT ĐƠN TỐ CÁO

Điều 52. Xử lý đơn tố cáo

1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn, người có thẩm quyền giải quyết tố cáo ra quyết định thụ lý tố cáo. Trường hợp phải kiểm tra, xác minh hoặc ủy quyền cho cơ quan, tổ chức có thẩm quyền kiểm tra, xác minh thì thời hạn này có thể kéo dài hơn nhưng không quá 10 ngày làm việc. Trường hợp không đủ điều kiện thụ lý theo quy định tại Điều 29 của Luật Tố cáo thì người có thẩm quyền không thụ lý tố cáo và thông báo ngay cho người tố cáo biết lý do không thụ lý tố cáo.

Trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền giải quyết tố cáo có thể làm việc trực tiếp với người tố cáo để làm rõ nội dung tố cáo và các vấn đề khác có liên quan trước khi thụ lý giải quyết tố cáo.

2. Trường hợp đơn tố cáo không thuộc thẩm quyền thì có văn bản hướng dẫn, trả lời hoặc chuyển đơn đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết và thông báo cho người tố cáo biết.

3. Trường hợp đơn tố cáo việc không thụ lý, tạm đình chỉ, đình chỉ giải quyết khiếu nại, tố cáo thì cơ quan có thẩm quyền thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 46 của Thông tư này.

4. Thời hạn xử lý đơn quy định tại khoản 2 Điều này là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn. Thời hạn xử lý đơn quy định tại khoản 3 Điều này là 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn.

5. Trường hợp hành vi bị tố cáo có dấu hiệu tội phạm thì người có thẩm quyền giải quyết tố cáo có văn bản chuyển đơn tố cáo và hồ sơ, tài liệu kèm theo

đến Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp đơn không rõ họ tên, địa chỉ người tố cáo; đơn qua kiểm tra, xác minh không xác định được người tố cáo hoặc người tố cáo dùng tên người khác để tố cáo; nội dung tố cáo được phản ánh không thực hiện theo hình thức quy định tại Điều 22 của Luật Tố cáo nhưng có nội dung rõ ràng về người có hành vi vi phạm pháp luật, có tài liệu, chứng cứ cụ thể và có cơ sở để thẩm tra, xác minh thì kiểm tra theo thẩm quyền hoặc chuyển người có thẩm quyền kiểm tra phục vụ công tác quản lý.

7. Trong quá trình xử lý đơn, cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm giữ bí mật thông tin của người tố cáo, nội dung tố cáo theo quy định của pháp luật. Trường hợp người tố cáo đề nghị được bảo vệ thì đề nghị người có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 53. Thụ lý đơn tố cáo

1. Người có thẩm quyền giải quyết tố cáo ra quyết định thụ lý tố cáo theo quy định tại Điều 29 của Luật Tố cáo.

Trường hợp người tố cáo có nhiều đơn tố cáo nhiều nội dung vào cùng thời điểm hoặc nhiều người tố cáo có nhiều đơn tố cáo về cùng một nội dung vào cùng thời điểm thì người có thẩm quyền giải quyết tố cáo ra một quyết định thụ lý tố cáo.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định thụ lý tố cáo, người có thẩm quyền giải quyết tố cáo phải thông báo việc thụ lý cho người tố cáo và thông báo về nội dung tố cáo cho người bị tố cáo biết.

Đối với trường hợp thụ lý tố cáo của nhiều người về cùng một nội dung vào cùng thời điểm thì người có thẩm quyền giải quyết tố cáo ra từng thông báo về việc thụ lý tố cáo cho từng người có đơn tố cáo.

3. Đơn tố cáo người giải quyết khiếu nại vi phạm về thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại thì không thụ lý đơn theo quy định của Luật Tố cáo. Trong trường hợp này, người xử lý đơn hướng dẫn người có đơn tiếp tục thực hiện việc khiếu nại.

Trường hợp đơn tố cáo mà người tố cáo cung cấp được thông tin, tài liệu, chứng cứ xác định người giải quyết khiếu nại có hành vi vi phạm một trong các điều cấm được quy định tại các khoản 1, 2 và 4 Điều 6 của Luật Khiếu nại thì thụ lý giải quyết theo quy định của Luật Tố cáo.

4. Trường hợp tố cáo tiếp thì trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được đơn, người có thẩm quyền xem xét, thụ lý để giải quyết lại vụ việc tố cáo nếu có một trong các căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 37 của Luật Tố cáo hoặc chuyển tố cáo đến cơ quan, người có thẩm quyền giải quyết hoặc thụ lý giải quyết theo

thẩm quyền nếu việc giải quyết trước đó không đúng thẩm quyền hoặc ban hành văn bản về việc không giải quyết lại nếu việc giải quyết tố cáo trước đó là đúng quy định của pháp luật và thông báo cho người tố cáo biết.

Điều 54. Rút tố cáo, tạm đình chỉ, đình chỉ việc giải quyết tố cáo

1. Người tố cáo có quyền rút một phần hoặc toàn bộ nội dung tố cáo trước khi người giải quyết tố cáo ra kết luận nội dung tố cáo. Trường hợp người tố cáo rút một phần nội dung tố cáo thì phần còn lại được tiếp tục giải quyết.

Trường hợp nhiều người cùng tố cáo mà có một hoặc một số người rút tố cáo thì việc tố cáo vẫn tiếp tục được giải quyết.

Việc rút tố cáo phải được thực hiện bằng đơn rút tố cáo hoặc biên bản ghi nhận ý kiến rút tố cáo có chữ ký hoặc điểm chỉ của người tố cáo.

Trường hợp người tố cáo rút tố cáo mà tố cáo chưa được thụ lý giải quyết thì người có thẩm quyền không xem xét giải quyết nội dung tố cáo đã rút, thông báo cho người tố cáo biết.

2. Nội dung tố cáo đã rút không được xem xét, giải quyết lại nếu người tố cáo tiếp tục tố cáo, trừ các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Trường hợp người tố cáo rút tố cáo mà người có thẩm quyền giải quyết tố cáo xét thấy hành vi bị tố cáo có dấu hiệu vi phạm pháp luật thì vụ việc tố cáo vẫn được giải quyết.

Trường hợp người tố cáo rút tố cáo mà có căn cứ xác định việc rút tố cáo do bị đe dọa, mua chuộc hoặc có căn cứ xác định người tố cáo lợi dụng việc tố cáo để vu khống, xúc phạm, gây thiệt hại cho người bị tố cáo thì vụ việc tố cáo vẫn phải được giải quyết và áp dụng biện pháp hoặc kiến nghị người có thẩm quyền áp dụng biện pháp bảo vệ người tố cáo, xử lý người có hành vi đe dọa, mua chuộc, người tố cáo có hành vi vu khống, xúc phạm, gây thiệt hại cho người bị tố cáo theo quy định của pháp luật.

4. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày có một trong các căn cứ quy định tại Điều 34 của Luật Tố cáo, người có thẩm quyền giải quyết tố cáo ra quyết định tạm đình chỉ hoặc quyết định đình chỉ giải quyết tố cáo.

Trường hợp tố cáo nhiều nội dung mà có nội dung tạm đình chỉ thì các nội dung còn lại tiếp tục giải quyết.

5. Quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ giải quyết tố cáo phải nêu rõ lý do, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và thông báo cho người tố cáo, người bị tố cáo.

Khi căn cứ tạm đình chỉ không còn thì người có thẩm quyền giải quyết tố cáo ra ngay quyết định tiếp tục giải quyết tố cáo và thông báo cho các bên có liên quan; thời gian tạm đình chỉ giải quyết tố cáo không tính vào thời hạn giải

quyết tố cáo.

Điều 55. Xác minh nội dung tố cáo

Người có thẩm quyền giải quyết tố cáo tự mình tiến hành xác minh hoặc thành lập đoàn xác minh nội dung tố cáo. Đoàn xác minh có trách nhiệm xây dựng kế hoạch làm việc, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên để xác minh nội dung tố cáo theo các bước sau đây:

1. Công bố quyết định thành lập đoàn xác minh nội dung tố cáo

Trưởng đoàn xác minh có trách nhiệm giao hoặc công bố quyết định thành lập đoàn xác minh nội dung tố cáo cho người bị tố cáo, cơ quan của người bị tố cáo trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ban hành quyết định. Việc giao hoặc công bố quyết định thành lập đoàn xác minh nội dung tố cáo phải được lập thành biên bản, có chữ ký của người công bố quyết định và người bị tố cáo. Biên bản phải lập thành ít nhất hai bản, giao một bản cho người bị tố cáo.

2. Làm việc với người bị tố cáo, người tố cáo

a) Người có thẩm quyền giải quyết tố cáo, đoàn xác minh tố cáo phải làm việc trực tiếp với người bị tố cáo, yêu cầu người bị tố cáo giải trình bằng văn bản về những nội dung bị tố cáo và cung cấp thông tin, tài liệu, bằng chứng liên quan đến nội dung bị tố cáo, nội dung giải trình, tiếp tục cung cấp thông tin, tài liệu, bằng chứng, giải trình về các vấn đề chưa rõ.

b) Trong trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền giải quyết tố cáo, đoàn xác minh tố cáo làm việc trực tiếp với người tố cáo. Trường hợp không làm việc được trực tiếp với người tố cáo vì lý do khách quan thì người có thẩm quyền giải quyết tố cáo hoặc Trưởng đoàn xác minh có văn bản yêu cầu người tố cáo cung cấp thông tin, tài liệu, bằng chứng để làm rõ nội dung tố cáo.

3. Người có thẩm quyền giải quyết tố cáo hoặc Trưởng đoàn xác minh có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan cung cấp thông tin, tài liệu, bằng chứng liên quan đến nội dung tố cáo. Trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền giải quyết tố cáo, đoàn xác minh tố cáo làm việc trực tiếp để thu thập thông tin, tài liệu, bằng chứng có liên quan đến nội dung tố cáo và nội dung làm việc phải được lập biên bản.

Điều 56. Tham khảo ý kiến tư vấn, trưng cầu giám định

Trường hợp vụ việc phức tạp hoặc xét thấy cần thiết, người giải quyết tố cáo có thể tổ chức họp, trao đổi ý kiến với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; xin hướng dẫn nghiệp vụ của cấp trên trực tiếp; trưng cầu giám định hoặc tiến hành các biện pháp cần thiết khác.

Người có thẩm quyền giải quyết tố cáo quyết định việc trưng cầu giám định khi thấy cần thiết hoặc khi có đề nghị của người tố cáo, người bị tố cáo và cơ quan, tổ chức có liên quan mà việc giám định có nội dung liên quan đến

chuyên môn, kỹ thuật làm căn cứ cho việc kết luận nội dung tố cáo. Thời gian trung cầu giám định không tính vào thời hạn giải quyết tố cáo.

Điều 57. Báo cáo kết quả xác minh tố cáo

1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc xác minh, Trưởng đoàn xác minh phải báo cáo bằng văn bản về kết quả xác minh với người có thẩm quyền giải quyết tố cáo.

Báo cáo kết quả xác minh tố cáo có các nội dung chính sau đây:

- a) Tóm tắt nội dung tố cáo;
- b) Kết quả xác minh từng nội dung tố cáo;
- c) Nội dung giải trình của người bị tố cáo (nếu có);
- d) Đề xuất đánh giá về nội dung tố cáo là đúng, đúng một phần hoặc tố cáo sai sự thật; xác định trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến nội dung tố cáo;
- đ) Kiến nghị xử lý đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm; các biện pháp cần thiết khác (nếu có).

2. Trường hợp xác minh phát hiện hành vi có dấu hiệu tội phạm thì Trưởng đoàn xác minh báo cáo người có thẩm quyền giải quyết tố cáo xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 58. Kết luận nội dung tố cáo

1. Căn cứ nội dung tố cáo, văn bản giải trình của người bị tố cáo, báo cáo kết quả xác minh, các tài liệu, bằng chứng có liên quan, đối chiếu với các quy định của pháp luật, người có thẩm quyền giải quyết tố cáo ban hành kết luận nội dung tố cáo với các nội dung chính sau:

- a) Kết quả xác minh nội dung tố cáo;
- b) Căn cứ pháp luật để xác định có hay không có hành vi vi phạm pháp luật;
- c) Kết luận về nội dung tố cáo là đúng, đúng một phần hoặc tố cáo sai sự thật; xác định trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến nội dung tố cáo;
- d) Các biện pháp xử lý theo thẩm quyền cần thực hiện; kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân khác áp dụng các biện pháp xử lý theo thẩm quyền đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có vi phạm pháp luật;
- đ) Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật, áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

2. Trường hợp giải quyết lại vụ việc tố cáo thì ngoài các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này, người giải quyết tố cáo phải kết luận về những nội

dung vi phạm pháp luật, sai lầm hoặc không phù hợp của việc giải quyết tố cáo trước đó (nếu có); xử lý theo thẩm quyền hoặc chỉ đạo, kiến nghị cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền xử lý đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật trong quá trình giải quyết tố cáo trước đó.

Điều 59. Xử lý kiến nghị của người bị tố cáo

Sau khi nhận được kết luận nội dung tố cáo, nếu người bị tố cáo không đồng ý thì có quyền kiến nghị bằng văn bản đến cấp trên trực tiếp của người đã giải quyết tố cáo và giải quyết như sau:

1. Trường hợp việc giải quyết tố cáo đã đúng quy định của pháp luật thì cấp trên trực tiếp của người đã giải quyết tố cáo có văn bản trả lời, yêu cầu người bị tố cáo nghiêm túc thực hiện kết luận nội dung tố cáo.

2. Trường hợp phát hiện có tình tiết mới hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật của người đã giải quyết tố cáo thì tiến hành giải quyết lại hoặc chỉ đạo giải quyết lại. Trình tự, thủ tục giải quyết lại tố cáo được thực hiện theo quy định của Thông tư này và pháp luật về tố cáo có liên quan.

Điều 60. Gửi, công khai kết luận nội dung tố cáo và quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ra kết luận nội dung tố cáo, người có thẩm quyền giải quyết tố cáo gửi kết luận nội dung tố cáo đến người bị tố cáo, cơ quan quản lý người bị tố cáo, cơ quan cấp trên trực tiếp, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp và thông báo về kết luận nội dung tố cáo đến người tố cáo.

Việc ra thông báo về kết luận nội dung tố cáo đối với trường hợp tố cáo của nhiều người về cùng một nội dung vào cùng thời điểm được thực hiện cho từng người có đơn tố cáo.

2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày ra kết luận nội dung tố cáo, quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo, người có thẩm quyền giải quyết tố cáo, người có thẩm quyền xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính công khai kết luận nội dung tố cáo, quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo.

Việc công khai phải bảo đảm không làm tiết lộ những nội dung thuộc bí mật nhà nước hoặc thông tin về người tố cáo và thực hiện bằng một trong các hình thức sau: Công bố tại cuộc họp cơ quan nơi người bị tố cáo công tác; niêm yết tại trụ sở làm việc hoặc nơi tiếp công dân; đăng tải trên Cổng hoặc Trang thông tin điện tử của người đã giải quyết tố cáo, người đã ra quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo; thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 61. Thực hiện kết luận nội dung tố cáo, quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo

1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày ban hành kết luận nội dung tố cáo, người có thẩm quyền giải quyết tố cáo xử lý như sau:

Trường hợp kết luận người bị tố cáo không vi phạm pháp luật thì khôi phục quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tố cáo do việc tố cáo không đúng sự thật gây ra, đồng thời xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị xử lý người cố ý tố cáo sai sự thật.

Trường hợp kết luận người bị tố cáo vi phạm pháp luật thì xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị người có thẩm quyền xử lý kỷ luật, buộc khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm pháp luật gây ra, áp dụng các biện pháp xử lý khác theo quy định của pháp luật. Nếu có dấu hiệu tội phạm thì có văn bản chuyển hồ sơ đến Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân có thẩm quyền.

Người có thẩm quyền giải quyết tố cáo có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc tổ chức thực hiện kết luận nội dung tố cáo, quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo.

2. Người bị tố cáo có trách nhiệm thực hiện kịp thời, đầy đủ, đúng thời hạn các nghĩa vụ được xác định trong kết luận nội dung tố cáo.

3. Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự, Trưởng văn phòng thi hành án dân sự được giao tổ chức thực hiện kết luận nội dung tố cáo, quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo phải thực hiện đúng nội dung kết luận, quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo và báo cáo người có thẩm quyền giải quyết tố cáo.

Mục 4

XỬ LÝ, GIẢI QUYẾT ĐƠN KIẾN NGHỊ, PHẢN ÁNH VÀ VỤ VIỆC KHIẾU NẠI, TỐ CÁO PHỨC TẠP, KÉO DÀI

Điều 62. Thẩm quyền xử lý đơn kiến nghị, phản ánh

1. Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Thủ trưởng cơ quan quản lý thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp có thẩm quyền xử lý các kiến nghị, phản ánh về những vấn đề liên quan đến việc thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật, công tác quản lý trong lĩnh vực thi hành án dân sự.

2. Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự, Trưởng văn phòng thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý các kiến nghị, phản ánh về những vấn đề liên quan đến việc tổ chức thi hành án tại cơ quan, đơn vị mình.

Điều 63. Xử lý đơn kiến nghị, phản ánh

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn, người có thẩm quyền xử lý như sau:

1. Trường hợp kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền thì có văn bản trả lời người kiến nghị, phản ánh.

2. Trường hợp kiến nghị, phản ánh không thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan tiếp nhận thì trả lời, hướng dẫn cho người kiến nghị, phản ánh hoặc

chuyển đơn cùng các tài liệu kèm theo (nếu có) đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 64. Rà soát, phân loại, xử lý vụ việc có đơn khiếu nại, tố cáo phức tạp, kéo dài

Bộ Tư pháp, cơ quan quản lý thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp, cơ quan thi hành án dân sự rà soát, phân loại đơn khiếu nại, tố cáo phức tạp, kéo dài để giải quyết theo trình tự như sau:

1. Tổ chức họp liên ngành trung ương, địa phương để thống nhất phương án giải quyết; tổ chức đối thoại với người khiếu nại, tố cáo; thông báo kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo.

2. Đối với việc khiếu nại, tố cáo đã được giải quyết đúng pháp luật, nếu người khiếu nại, tố cáo đồng ý với phương án giải quyết thì người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo ra thông báo chấm dứt giải quyết. Trường hợp người khiếu nại, tố cáo không đồng ý thì ra thông báo không thụ lý giải quyết, lập hồ sơ trích ngang về nội dung vụ việc, quá trình giải quyết để công khai trên Cổng hoặc Trang thông tin điện tử của cơ quan và thông báo cho các cơ quan có liên quan ở Trung ương, địa phương.

Điều 65. Phối hợp xử lý vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp, kéo dài

Bộ Tư pháp, cơ quan quản lý thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp, cơ quan thi hành án dân sự phối hợp với các cơ quan có liên quan trong việc giải quyết vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp, kéo dài.

Đối với các vụ việc có ảnh hưởng đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa phương thì Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền giải quyết tổ chức họp liên ngành hoặc thành lập đoàn công tác liên ngành tiến hành xác minh, làm rõ những nội dung khiếu nại, tố cáo và thống nhất biện pháp giải quyết với cơ quan phối hợp có liên quan; trường hợp có khó khăn, vướng mắc phát sinh trong việc phối hợp giữa các cơ quan thì báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để chỉ đạo giải quyết theo quy định tại khoản 4 Điều 10 của Luật Thi hành án dân sự.

Điều 66. Gửi văn bản về khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh

1. Văn bản về khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh phải được gửi trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ban hành, trừ các văn bản quy định tại khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 60 của Thông tư này.

2. Việc gửi các văn bản về khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh ban hành theo quy định của Thông tư này được thực hiện bằng một trong các hình thức sau đây:

a) Gửi trực tiếp;

- b) Dịch vụ bưu chính bằng thư bảo đảm;
- c) Thực hiện qua môi trường số theo quy định của pháp luật.

Trường hợp người gửi đơn đang ở nước ngoài thì việc gửi các văn bản về khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 35 của Luật Thi hành án dân sự và văn bản hướng dẫn thi hành.

3. Biên bản giao văn bản, chứng từ gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc kết quả tra cứu việc gửi qua môi trường số phải được lưu kèm trong hồ sơ công việc.

Chương V

CHẾ ĐỘ KIỂM TRA, BÁO CÁO, BIỂU MẪU TRONG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Mục 1

CHẾ ĐỘ KIỂM TRA CÔNG TÁC THI HÀNH ÁN

Điều 67. Nguyên tắc kiểm tra

1. Việc kiểm tra không được làm ảnh hưởng tới hoạt động bình thường của đơn vị được kiểm tra.
2. Việc kiểm tra phải công khai, minh bạch, dân chủ; các đánh giá, kết luận phải chính xác, khách quan.
3. Việc kiểm tra phải bảo đảm sự phối hợp giữa các cơ quan liên quan, hạn chế trùng lặp với hoạt động kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, giám sát khác đối với cùng đơn vị trong cùng thời gian, trừ trường hợp cần thiết theo yêu cầu quản lý.
4. Kết thúc kiểm tra phải có kết luận về những nội dung được kiểm tra.

Điều 68. Căn cứ xây dựng Kế hoạch kiểm tra

1. Kế hoạch công tác năm của đơn vị.
2. Kế hoạch tổ chức thi hành án dân sự.
3. Chỉ tiêu thực hiện nhiệm vụ thi hành án dân sự được giao hằng năm của địa phương và đơn vị.
4. Kết quả công tác của đơn vị thực hiện kiểm tra và của đơn vị được kiểm tra trong năm báo cáo và những năm trước đó.
5. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị lập kế hoạch kiểm tra.
6. Chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 69. Xây dựng và ban hành kế hoạch kiểm tra

1. Hằng năm, Cục trưởng Cục Quản lý thi hành án dân sự, Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự xây dựng và ban hành kế hoạch kiểm tra của đơn vị mình. Kế hoạch kiểm tra bao gồm:

- a) Tự kiểm tra;
- b) Kiểm tra nội bộ đơn vị;
- c) Kiểm tra đối với cấp dưới;
- d) Kiểm tra liên ngành.

2. Kế hoạch kiểm tra phải được lập xong trong kỳ báo cáo 03 tháng đầu tiên của năm công tác thi hành án dân sự và phải gửi cho cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp để báo cáo. Nội dung của kế hoạch kiểm tra được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 14 của Nghị định số 217/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về hoạt động kiểm tra chuyên ngành.

Điều 70. Nội dung kiểm tra

1. Cục trưởng Cục Quản lý thi hành án dân sự, Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự quyết định nội dung kiểm tra.

2. Nội dung kiểm tra phải bám sát việc thực hiện các nhiệm vụ của đối tượng được kiểm tra và bảo đảm tính khả thi, đạt được mục đích đã đề ra. Trong quá trình kiểm tra, nếu phát hiện những vấn đề có liên quan cần phải được kiểm tra làm rõ thì phải báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo của người đã ký quyết định kiểm tra và chỉ thực hiện kiểm tra sau khi có ý kiến của người đó.

Điều 71. Phương pháp kiểm tra

1. Việc kiểm tra được thực hiện bằng một trong các hình thức sau:

- a) Kiểm tra trực tiếp;
- b) Kiểm tra trực tuyến;
- c) Kiểm tra trực tiếp kết hợp trực tuyến.

2. Việc kiểm tra được thực hiện thông qua báo cáo, hồ sơ, sổ sách, tài liệu hoặc dữ liệu điện tử, giải trình của đối tượng được kiểm tra. Trường hợp cần thiết, đoàn kiểm tra có thể tiến hành thẩm tra, xác minh để làm rõ những vấn đề có liên quan đến nội dung kiểm tra.

Điều 72. Trình tự, thủ tục kiểm tra, kết luận kiểm tra

1. Cục trưởng Cục Quản lý thi hành án dân sự ban hành quy chế về công tác kiểm tra để thực hiện thống nhất trong nội bộ hệ thống thi hành án dân sự.

2. Kết luận kiểm tra phải thể hiện rõ những việc đã làm được, chưa làm được, hạn chế, nguyên nhân; những kiến nghị về biện pháp khắc phục; biện pháp xử lý đối với tập thể, cá nhân có sai phạm trong công tác thi hành án dân sự; kiến nghị, đề xuất với người có thẩm quyền.

Kết luận kiểm tra có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và phải được gửi cho đơn vị được kiểm tra, cấp trên trực tiếp quản lý, tổ chức, cá nhân có liên quan để thực hiện và báo cáo.

3. Trong thời hạn không quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Trưởng đoàn kiểm tra có trách nhiệm ký kết luận kiểm tra, chịu trách nhiệm trước Thủ trưởng cơ quan ra quyết định kiểm tra và trước pháp luật về kết luận kiểm tra.

Trường hợp cần kiểm tra bổ sung hoặc phải tổ chức họp, trao đổi ý kiến với các cơ quan chuyên môn có liên quan hoặc có tính chất phức tạp thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra.

4. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ký kết luận kiểm tra, Trưởng đoàn kiểm tra phải gửi kết luận kiểm tra cho đối tượng được kiểm tra, cấp trên trực tiếp quản lý, tổ chức, cá nhân có liên quan để thực hiện.

5. Thủ trưởng cơ quan ra quyết định kiểm tra chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát hoạt động của Đoàn kiểm tra bảo đảm khách quan, công tâm, đúng quy định của pháp luật; chỉ đạo tổ chức thực hiện kết luận kiểm tra và tổ chức kiểm tra việc thực hiện kết luận kiểm tra trong trường hợp cần thiết.

Mục 2

BÁO CÁO THI HÀNH ÁN

Điều 73. Nguyên tắc báo cáo về thi hành án

1. Việc thực hiện báo cáo về thi hành án phải bảo đảm đúng thẩm quyền yêu cầu và thực hiện báo cáo, bảo đảm rõ ràng, thống nhất, đồng bộ, khả thi và không trùng lặp với chế độ báo cáo khác.

2. Thông tin, số liệu, nội dung báo cáo phải kịp thời, toàn diện, chính xác, khách quan, rõ ràng, thống nhất.

3. Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong thực hiện báo cáo, đảm bảo thực hiện đầy đủ các yêu cầu của Chính phủ về việc xử lý hồ sơ công việc toàn trình trên môi trường số, sử dụng chữ ký số để giải quyết công việc, trừ văn bản được quản lý theo chế độ mật.

4. Trường hợp thông tin, dữ liệu đã có trên Cơ sở dữ liệu Thi hành án dân sự thì Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự và cơ quan quản lý thi hành án dân sự thực hiện khai thác để phục vụ việc xây dựng báo cáo.

Điều 74. Các loại báo cáo trong thi hành án

1. Báo cáo định kỳ theo quy định trong hệ thống thi hành án dân sự.

2. Báo cáo theo kế hoạch công tác của ngành, của đơn vị.

3. Báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự và cơ quan quản lý thi hành án dân sự; báo cáo theo yêu cầu của người có thẩm quyền.

Điều 75. Nội dung, phạm vi, thời hạn, phương thức báo cáo

1. Cục trưởng Cục Quản lý thi hành án dân sự quyết định về nội dung, phạm vi, thời hạn, phương thức báo cáo để thực hiện thống nhất trong nội bộ hệ thống thi hành án dân sự.

2. Báo cáo tài chính, kế toán, đầu tư công thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, kế toán, đầu tư công; chế độ kế toán nghiệp vụ thi hành án dân sự.

3. Báo cáo thống kê thi hành án thực hiện theo quy định của pháp luật về thống kê, thống kê thi hành án dân sự.

4. Báo cáo thống kê giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi hành án dân sự được thực hiện theo yêu cầu của công tác quản lý nhà nước về thi hành án dân sự, dựa trên cơ sở dữ liệu về thi hành án dân sự được tạo lập.

5. Báo cáo theo chế độ mật thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 76. Trách nhiệm thực hiện báo cáo, thẩm tra báo cáo về thi hành án

1. Thủ trưởng cơ quan nơi thực hiện báo cáo chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác, kịp thời và nội dung báo cáo.

2. Cơ quan nhận báo cáo, cơ quan đã yêu cầu báo thực hiện thẩm tra báo cáo trong trường hợp cần xác định tính chính xác của các thông tin trong báo cáo.

3. Việc chấp hành chế độ báo cáo trong hệ thống thi hành án dân sự là một trong những điều kiện xét thi đua, khen thưởng hằng năm.

Mục 3**BIỂU MẪU TRONG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ****Điều 77. Lập, sử dụng các loại sổ thi hành án**

1. Cơ quan thi hành án dân sự phải lập đầy đủ các loại sổ thi hành án theo mẫu thống nhất hướng dẫn tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này, gồm:

Mẫu số 01: Sổ nhận bản án, quyết định;

Mẫu số 02: Sổ nhận yêu cầu thi hành án;

Mẫu số 03: Sổ thụ lý thi hành án (chủ động, theo yêu cầu);

Mẫu số 04: Sổ ra quyết định thu hồi, sửa đổi, bổ sung, hủy quyết định về thi hành án;

Mẫu số 05: Sổ ra quyết định ủy thác thi hành án;

Mẫu số 06: Sổ nhận quyết định ủy thác thi hành án;

- Mẫu số 07: Sổ ra quyết định ủy thác xử lý tài sản;
- Mẫu số 08: Sổ ra quyết định xử lý tài sản ủy thác;
- Mẫu số 09: Sổ ra quyết định hoãn thi hành án;
- Mẫu số 10: Sổ ra quyết định đình chỉ thi hành án;
- Mẫu số 11: Sổ ra quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành án;
- Mẫu số 12: Sổ ra quyết định giảm giá tài sản;
- Mẫu số 13: Sổ theo dõi việc phân công, thay đổi Chấp hành viên tổ chức thi hành án;
- Mẫu số 14: Sổ ra quyết định áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án;
- Mẫu số 15: Sổ ra quyết định cưỡng chế thi hành án;
- Mẫu số 16: Sổ ra quyết định thu phí thi hành án;
- Mẫu số 17: Sổ theo dõi xử lý tài sản bán đấu giá thi hành án;
- Mẫu số 18: Sổ theo dõi miễn, giảm trong thi hành án;
- Mẫu số 19: Sổ theo dõi thi hành án hành chính;
- Mẫu số 20: Sổ theo dõi việc chưa có điều kiện thi hành án;
- Mẫu số 21: Sổ theo dõi lưu trữ hồ sơ thi hành án;
- Mẫu số 22: Sổ ra quyết định tạm đình chỉ thi hành án;
- Mẫu số 23: Sổ ra quyết định tiếp tục thi hành án;
- Mẫu số 24: Sổ theo dõi việc ra thông báo về thi hành án;
- Mẫu số 25: Sổ theo dõi việc ra giấy báo, giấy mời, giấy triệu tập thi hành án;
- Mẫu số 26: Sổ ra các loại quyết định khác về thi hành án;
- Mẫu số 27: Sổ quản lý các văn bản đi khác về nghiệp vụ thi hành án;
- Mẫu số 28: Sổ theo dõi xác nhận kết quả thi hành án;
- Mẫu số 29: Sổ theo dõi tài sản kê biên, tạm giữ do cơ quan thi hành án thu giữ;
- Mẫu số 30: Sổ theo dõi vật chứng, tài sản tạm giữ theo bản án, quyết định của toà án;
- Mẫu số 31: Sổ nhận đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh về thi hành án dân sự;
- Mẫu số 32: Sổ thụ lý đơn khiếu nại về thi hành án dân sự;
- Mẫu số 33: Sổ thụ lý đơn tố cáo về thi hành án dân sự.

2. Đối với mỗi loại quyết định về thi hành án, cơ quan thi hành án dân sự mở 01 sổ ra quyết định thu hồi, sửa đổi, bổ sung, hủy quyết định về thi hành án theo Mẫu số 04 quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Hệ thống sổ kế toán thi hành án dân sự thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

4. Sổ được lập dưới hình thức điện tử trên Nền tảng sổ thi hành án dân sự và thực hiện như sau:

a) Các loại sổ thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này và được lập theo năm báo cáo thống kê thi hành án dân sự. Thủ trưởng cơ quan quản lý thi hành án dân sự, cơ quan thi hành án dân sự xác nhận tổng số trang ở trang bìa 2 của sổ, thời gian sử dụng sổ (từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm), ký tên và đóng dấu cơ quan;

b) Sổ phải được tự động cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác theo các cột, mục trong sổ;

c) Kết thúc năm công tác, cơ quan quản lý thi hành án dân sự, cơ quan thi hành án dân sự phải thực hiện kết sổ trên môi trường số. Nội dung kết sổ phải phản ánh đúng và đầy đủ các cột mục hướng dẫn của sổ, có chữ ký của người kết sổ và xác nhận của Thủ trưởng cơ quan quản lý thi hành án dân sự, cơ quan thi hành án dân sự.

Điều 78. Lập hồ sơ thi hành án, giải quyết khiếu nại, tố cáo

1. Chấp hành viên thực hiện việc lập hồ sơ thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 12 của Nghị định số 152/2026/NĐ-CP của Chính phủ. Thẩm tra viên, người được giao tham mưu giải quyết khiếu nại, tố cáo có trách nhiệm lập hồ sơ giải quyết khiếu nại, tố cáo. Trường hợp lập hồ sơ bằng dữ liệu điện tử mà trong hồ sơ có các văn bản, tài liệu không được tạo lập, tiếp nhận trên môi trường số thì Chấp hành viên, Thẩm tra viên, người được giao tham mưu giải quyết khiếu nại, tố cáo phải thực hiện số hóa ngay sau khi tạo lập, tiếp nhận văn bản, tài liệu, trừ văn bản được quản lý theo chế độ mật. Việc số hóa văn bản, tài liệu được thực hiện theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

a) Hồ sơ thi hành án được lập như sau:

Hồ sơ thi hành án, gồm: bản án, quyết định; quyết định về thi hành án; biên bản về việc kê biên, tạm giữ tài sản, thu giữ vật chứng; các biên bản bàn giao, xử lý vật chứng, tài sản đã kê biên, tạm giữ; biên bản xác minh, biên bản giải quyết việc thi hành án; giấy báo, giấy triệu tập; giấy mời; các đơn yêu cầu, khiếu nại về thi hành án; các biên lai, phiếu thu, phiếu chi; các tài liệu liên quan đến việc xử lý tài sản để thi hành án; các công văn, giấy tờ của cơ quan thi hành án dân sự,

tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thi hành án dân sự, như: công văn xin ý kiến chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ thi hành án; công văn trao đổi với cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan trong quá trình thi hành án; công văn yêu cầu chuyển tiền, vật chứng, tài sản đã kê biên, tạm giữ cho cơ quan thi hành án dân sự; các giấy tờ, tài liệu liên quan khác (nếu có);

b) Hồ sơ giải quyết khiếu nại, tố cáo phải thể hiện toàn bộ quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo; lưu giữ tất cả các tài liệu đã, đang thực hiện và được lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ;

c) Bìa hồ sơ theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Chấp hành viên, Thẩm tra viên, người được giao tham mưu giải quyết khiếu nại, tố cáo có trách nhiệm cập nhật đầy đủ, chi tiết nội dung các mục trên bìa hồ sơ;

d) Các tài liệu có trong hồ sơ thi hành án phải được sắp xếp, đánh số bút lục và liệt kê đầy đủ vào bảng danh mục trên bìa hồ sơ thi hành án. Tài liệu được sắp xếp theo thứ tự bắt đầu từ bút lục số 01 cho đến bút lục cuối cùng. Các bút lục được sắp xếp theo phương pháp tịnh tiến về số và thứ tự từng tài liệu có trong hồ sơ. Mỗi tài liệu là một số bút lục và được thực hiện ngay sau khi thiết lập hoặc tiếp nhận tài liệu, theo trình tự thời gian. Trường hợp tại một thời điểm tiếp nhận nhiều tài liệu thì đánh số bút lục theo thứ tự thời gian ban hành tài liệu.

Chỉ đánh một số bút lục tại danh mục hồ sơ được cung cấp đối với hồ sơ thi hành án, hồ sơ giải quyết khiếu nại, tố cáo lần đầu.

2. Sắp xếp tài liệu trong hồ sơ thi hành án, giải quyết khiếu nại, tố cáo

a) Tài liệu trong hồ sơ thi hành án được xếp theo thứ tự sau đây:

Đối với việc thi hành án chủ động: tài liệu thứ nhất là quyết định thi hành án; tài liệu thứ hai là bản án, quyết định mà cơ quan thi hành án dân sự đưa ra thi hành.

Đối với việc thi hành án theo yêu cầu: tài liệu thứ nhất là quyết định thi hành án; tài liệu thứ hai là tài liệu về việc yêu cầu thi hành án; tài liệu thứ ba là bản án, quyết định mà cơ quan thi hành án dân sự đưa ra thi hành.

Các tài liệu tiếp theo (nếu có) được sắp xếp theo thứ tự từ trên xuống dưới theo thời điểm cơ quan thi hành án có được tài liệu;

b) Tài liệu trong hồ sơ giải quyết khiếu nại, tố cáo được xếp theo thứ tự sau đây:

Tài liệu thứ nhất là Thông báo về việc thụ lý khiếu nại hoặc Quyết định về việc thụ lý tố cáo; tài liệu thứ hai là đơn khiếu nại hoặc tố cáo và tài liệu kèm theo đơn (nếu có); tài liệu thứ ba là Phiếu đề xuất thụ lý giải quyết khiếu nại

hoặc tố cáo; các tài liệu tiếp theo được sắp xếp theo thứ tự từ trên xuống dưới theo thời điểm cơ quan giải quyết khiếu nại, tố cáo có được tài liệu;

c) Tài liệu trong hồ sơ phải được thống kê tại trang 03 của bìa hồ sơ (Danh mục tài liệu), từ bút lục số 01 đến các bút lục tiếp theo.

Điều 79. Lưu trữ sổ, hồ sơ thi hành án, giải quyết khiếu nại, tố cáo

1. Cơ quan thi hành án dân sự thực hiện việc lưu trữ sổ thi hành án, sổ giải quyết khiếu nại, tố cáo dưới dạng lưu trữ dữ liệu điện tử; hồ sơ thi hành án, hồ sơ giải quyết khiếu nại, tố cáo được lưu trữ dưới dạng dữ liệu điện tử hoặc hồ sơ giấy.

Trường hợp lưu trữ dưới dạng điện tử mà trong hồ sơ có các văn bản, tài liệu không được tạo lập, tiếp nhận trên môi trường số thì văn bản, tài liệu đó được bảo quản tại lưu trữ cơ quan. Chấp hành viên thực hiện ghi chú trong danh mục tài liệu của bìa hồ sơ nội dung “bảo quản tại lưu trữ cơ quan”.

Trường hợp hồ sơ, tài liệu được tạo lập, gửi, nhận hoặc lưu giữ trên môi trường điện tử thì việc quản lý, lưu trữ hồ sơ được thực hiện theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử, lưu trữ điện tử, công nghệ thông tin và quy định của pháp luật khác có liên quan.

Trường hợp gửi lại yêu cầu thi hành án theo quy định tại khoản 4 Điều 38 của Luật Thi hành án dân sự thì gửi lại bản gốc yêu cầu thi hành án và các tài liệu kèm theo (nếu có) cho người yêu cầu; hồ sơ thi hành án lưu bản chụp.

2. Sau khi kết thúc việc thi hành án, Chấp hành viên được phân công tổ chức thi hành vụ việc phải kiểm tra các tài liệu có trong hồ sơ; ký vào phía dưới, góc phải của bảng danh mục tài liệu và chuyển cho Thẩm tra viên kiểm tra, ký xác nhận vào phía dưới, góc trái của bảng danh mục tài liệu, báo cáo Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự phê duyệt đưa vào lưu trữ.

Sau khi kết thúc việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, Thẩm tra viên được phân công giải quyết vụ việc phải kiểm tra các tài liệu có trong hồ sơ; ký vào phía dưới, góc phải của bảng danh mục tài liệu, báo cáo Thủ trưởng cơ quan quản lý thi hành án dân sự, cơ quan thi hành án dân sự phê duyệt đưa vào lưu trữ.

Thủ trưởng cơ quan quản lý thi hành án dân sự, cơ quan thi hành án dân sự xác nhận vào phía dưới, góc phải trang 01 của bìa hồ sơ: cho lưu trữ kể từ ngày, tháng, năm; ký tên và đóng dấu và chuyển lưu trữ.

3. Việc lưu trữ, bảo quản, khai thác, sử dụng hồ sơ thi hành án, giải quyết khiếu nại, tố cáo đã đưa vào lưu trữ, thời hạn lưu trữ được thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Trường hợp cần khai thác hồ sơ lưu trữ để phục vụ công tác kiểm tra, giải

quyết khiếu nại, tố cáo, nghiên cứu khoa học và yêu cầu khác thì phải có sự đồng ý của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự.

Điều 80. Các loại biểu mẫu trong thi hành án dân sự

Các loại biểu mẫu trong thi hành án dân sự có tên, số, ký hiệu theo các phụ lục, bao gồm:

1. Danh mục biểu mẫu sổ thi hành án, giải quyết khiếu nại, tố cáo (Phụ lục I);
2. Danh mục biểu mẫu bì hồ sơ và dấu bút lục (Phụ lục II);
3. Danh mục biểu mẫu quyết định về thi hành án dân sự (Phụ lục III);
4. Danh mục biểu mẫu báo cáo kế toán nghiệp vụ, báo cáo biên lai và báo cáo khác (Phụ lục IV);
5. Danh mục biểu mẫu chứng từ kế toán (Phụ lục V);
6. Danh mục biểu mẫu đơn, giấy báo, giấy mời, giấy triệu tập, thông báo, biên bản thi hành án (Phụ lục VI);
7. Biểu mẫu Danh sách người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành (Phụ lục VII);
8. Danh mục biểu mẫu giao nhận, bảo quản và xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ trong thi hành án dân sự (Phụ lục VIII);
9. Danh mục biểu mẫu giải quyết khiếu nại, tố cáo trong thi hành án dân sự (Phụ lục IX).

Điều 81. Quản lý biểu mẫu trong thi hành án dân sự

1. Cục Quản lý Thi hành án dân sự giúp Bộ trưởng Bộ Tư pháp thống nhất việc quản lý và hướng dẫn sử dụng các biểu mẫu thi hành án dân sự kèm theo Thông tư này.

2. Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố quản lý và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu thi hành án dân sự trong phạm vi địa phương.

Điều 82. Sử dụng biểu mẫu thi hành án dân sự, giải quyết khiếu nại, tố cáo

1. Biểu mẫu thi hành án dân sự, giải quyết khiếu nại, tố cáo được sử dụng thống nhất, phù hợp với các hoạt động phát sinh trong quá trình tổ chức thi hành án, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Biểu mẫu về việc lựa chọn và thông báo kết quả lựa chọn doanh nghiệp thẩm định giá, tổ chức hành nghề đấu giá tài sản thực hiện theo quy định tại Thông

tư này.

2. Căn cứ tình hình thực tiễn, Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên, Thẩm tra viên, công chức thi hành án dân sự, Trưởng văn phòng thi hành án dân sự, Thừa hành viên xem xét, quyết định lựa chọn sử dụng biểu mẫu phù hợp, bổ sung các nội dung cần thiết theo quy định của pháp luật hiện hành và từng vụ việc thi hành án dân sự.

3. Kích cỡ của các loại biểu mẫu thi hành án dân sự, giải quyết khiếu nại, tố cáo quy định tại Phụ lục III, Phụ lục IV, Phụ lục VI, Phụ lục VIII, Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này được thống nhất sử dụng trên khổ giấy A4 (210mm x 297mm).

Điều 83. Nhập, ghi chép biểu mẫu trong thi hành án dân sự

1. Việc nhập dữ liệu vào biểu mẫu trên môi trường số phải bảo đảm đầy đủ, chính xác theo nội dung và các trường thông tin đã được thiết lập theo quy định của pháp luật về dữ liệu điện tử.

Trường hợp ghi chép biểu mẫu thì chữ viết phải rõ ràng, dễ đọc, viết cùng một loại mực, không được viết tắt hoặc viết bằng ký hiệu riêng, không tẩy xóa, không dùng từ ngữ địa phương, bảo đảm liên tiếp, không được bỏ trống, đánh rõ số trang. Kết thúc việc ghi chép phải gạch chéo vào phần còn trống không ghi chép trong văn bản. Nghiêm cấm việc tự ý tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung tài liệu, hồ sơ thi hành án dân sự.

2. Quá trình nhập, ghi chép, sử dụng biểu mẫu thi hành án dân sự, nếu có sai sót thì Thủ trưởng cơ quan, đơn vị áp dụng biểu mẫu thi hành án dân sự có thể đính chính, khắc phục xử lý như sau:

a) Đối với các loại quyết định, thông báo, giấy báo và giấy triệu tập về thi hành án, giải quyết khiếu nại, tố cáo (gọi chung là văn bản) đã phát hành có sai sót nhưng sai sót đó không làm thay đổi nội dung vụ việc thì thực hiện sửa đổi, bổ sung hoặc đính chính bằng văn bản đối với phần sai sót; trường hợp sai sót làm thay đổi nội dung vụ việc thì phải ban hành văn bản thu hồi văn bản đã phát hành để thay thế bằng văn bản mới;

b) Đối với sai sót trong biên bản thi hành án cần chỉnh sửa, nếu các thành viên có tên trong biên bản đồng ý chỉnh sửa trực tiếp thì Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên, Thẩm tra viên hoặc công chức thi hành án đã lập biên bản chỉnh sửa trực tiếp vào phần sai sót trên biên bản, đồng thời, những người tham gia phải ký ngay bên cạnh phần đã chỉnh sửa. Trường hợp các thành viên không đồng ý chỉnh sửa trực tiếp thì phải thay thế bằng biên bản khác.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 84. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.
2. Thông tư số 01/2017/TT-BTP ngày 23 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về quản lý kho vật chứng, tài sản tạm giữ trong thi hành án dân sự, Thông tư số 13/2021/TT-BTP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định quy trình xử lý, giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trong thi hành án dân sự, Thông tư số 04/2023/TT-BTP ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện một số thủ tục về quản lý hành chính và biểu mẫu trong thi hành án dân sự hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Điều 85. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với việc thi hành án đã thi hành một phần hoặc chưa thi hành xong trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành nhưng đã thực hiện các thủ tục về thi hành án theo đúng quy định thì kết quả thi hành án được công nhận; các thủ tục thi hành án tiếp theo được thực hiện theo quy định tại Thông tư này.
2. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, cơ quan thi hành án dân sự, văn phòng thi hành án dân sự sử dụng các biểu mẫu ban hành kèm theo Thông tư này.

Đối với các loại sổ thi hành án được lập theo năm báo cáo thống kê thi hành án dân sự thì cơ quan thi hành án dân sự tiếp tục sử dụng cho đến hết năm báo cáo thống kê thi hành án dân sự.
3. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, cơ quan thi hành án dân sự thực hiện hủy sổ biên lai giấy còn tồn theo quy định; biên lai giấy đã in theo Mẫu số C20-THADS Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 04/2023/TT-BTP được tiếp tục sử dụng cho đến hết.
4. Đối với vật chứng, tài sản tạm giữ theo bản án, quyết định của Tòa án đã được cơ quan thi hành án dân sự tiếp nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2026 thì cơ quan thi hành án dân sự tiếp tục bảo quản tại kho bảo quản tài sản thi hành án; thực hiện thủ tục xuất, nhập kho theo quy định tại Điều 29, Điều 33; xử lý theo quy định tại Điều 26, Điều 27, Điều 28, Mục 4 Chương III và thực hiện kiểm kê theo quy định tại Điều 31 của Thông tư này. Trường hợp đang bảo quản tại các Kho vật chứng không thuộc khuôn viên trụ sở cơ quan thi hành án dân sự thì thực hiện đến khi chuyển giao kho cùng vật chứng đang bảo quản tại kho về cơ quan Công an có thẩm quyền theo quy định tại khoản 6 Điều 116 của Luật Thi hành án dân sự.
5. Hồ sơ, sổ theo dõi quản lý vật chứng, tài sản tạm giữ đã được thực hiện

trước ngày 01 tháng 7 năm 2026 thì cơ quan thi hành án dân sự tiếp tục cập nhật kết quả xử lý cho đến khi hoàn thành việc tích hợp theo dõi trên cơ sở dữ liệu điện tử và chuyển đổi hình thức theo dõi.

6. Việc phân công tổ chức thi hành án và ủy quyền thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành được công nhận, đơn vị đã được phân công tiếp tục tổ chức thi hành án theo quy định của pháp luật.

7. Đối với các trường hợp khiếu nại, tố cáo chưa được thụ lý hoặc đã được thụ lý giải quyết trước ngày 01 tháng 7 năm 2026 mà chưa giải quyết xong thì được giải quyết theo quy định tại Thông tư này.

Điều 86. Trách nhiệm thi hành

1. Thủ trưởng cơ quan quản lý thi hành án dân sự, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ có liên quan, Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự tỉnh, thành phố có trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Tư pháp để nghiên cứu giải quyết./.

BỘ TRƯỞNG

Hoàng Thanh Tùng

BỘ TƯ PHÁP**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập- Tự do- Hạnh phúc****DANH MỤC PHỤ LỤC THÔNG TƯ**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP ngày 16/5/2026
của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)*

STT	Tên biểu mẫu	Ký hiệu
1	Danh mục biểu mẫu sổ thi hành án dân sự (33 biểu mẫu)	Phụ lục I
2	Danh mục biểu mẫu bì hồ sơ và dấu bút lục thi hành án dân sự (02 mẫu bì hồ sơ và 01 mẫu dấu bút lục)	Phụ lục II
3	Danh mục biểu mẫu quyết định về thi hành án dân sự (63 biểu mẫu)	Phụ lục III
4	Danh mục biểu mẫu báo cáo kế toán nghiệp vụ báo cáo biên lai và báo cáo khác (13 biểu mẫu)	Phụ lục IV
5	Danh mục biểu mẫu chứng từ kế toán (22 biểu mẫu)	Phụ lục V
6	Danh mục biểu mẫu đơn, giấy báo, giấy mời, giấy triệu tập, thông báo, biên bản thi hành án dân sự (70 biểu mẫu)	Phụ lục VI
7	Biểu mẫu danh sách người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành (01 biểu mẫu)	Phụ lục VII
8	Danh mục biểu mẫu giao nhận, bảo quản, xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ trong thi hành án dân sự (20 biểu mẫu)	Phụ lục VIII
9	Danh mục biểu mẫu về khiếu nại, tố cáo (25 biểu mẫu)	Phụ lục IX

BỘ TƯ PHÁP**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**Phụ lục I****DANH MỤC BIỂU MẪU SỔ THI HÀNH ÁN***(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP ngày 16 tháng 5 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)*

STT	Tên biểu mẫu	Ký hiệu
1	Sổ nhận bản án, quyết định	Mẫu số 01
2	Sổ nhận yêu cầu thi hành án	Mẫu số 02
3	Sổ thụ lý thi hành án	Mẫu số 03
4	Sổ ra quyết định thu hồi, sửa đổi, bổ sung, hủy quyết định về thi hành án ¹	Mẫu số 04
5	Sổ ra quyết định ủy thác thi hành án	Mẫu số 05
6	Sổ nhận quyết định ủy thác thi hành án	Mẫu số 06
7	Sổ ra quyết định ủy thác xử lý tài sản	Mẫu số 07
8	Sổ ra quyết định xử lý tài sản ủy thác	Mẫu số 08
9	Sổ ra quyết định hoãn thi hành án	Mẫu số 09
10	Sổ ra quyết định đình chỉ thi hành án	Mẫu số 10
11	Sổ ra quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành án	Mẫu số 11
12	Sổ ra quyết định giảm giá tài sản	Mẫu số 12
13	Sổ theo dõi việc phân công, thay đổi Chấp hành viên tổ chức thi hành án	Mẫu số 13
14	Sổ ra quyết định áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án	Mẫu số 14
15	Sổ ra quyết định cưỡng chế thi hành án	Mẫu số 15
16	Sổ ra quyết định thu phí thi hành án	Mẫu số 16
17	Sổ theo dõi xử lý tài sản bán đấu giá thi hành án	Mẫu số 17
18	Sổ theo dõi miễn, giảm trong thi hành án	Mẫu số 18
19	Sổ theo dõi thi hành án hành chính	Mẫu số 19
20	Sổ theo dõi việc chưa có điều kiện thi hành án	Mẫu số 20
21	Sổ theo dõi lưu trữ hồ sơ thi hành án	Mẫu số 21
22	Sổ ra quyết định tạm đình chỉ thi hành án	Mẫu số 22
23	Sổ ra quyết định tiếp tục thi hành án	Mẫu số 23
24	Sổ theo dõi việc ra thông báo về thi hành án	Mẫu số 24
25	Sổ theo dõi việc ra giấy báo, giấy mời, giấy triệu tập thi hành án	Mẫu số 25
26	Sổ ra các loại quyết định khác về thi hành án	Mẫu số 26
27	Sổ quản lý các văn bản đi khác về nghiệp vụ thi hành án	Mẫu số 27

¹ Biểu mẫu này là mẫu chung trên cơ sở đó các cơ quan THADS mở từng loại Sổ quyết định về thu hồi, sửa đổi, bổ sung đối với mỗi loại quyết định về thi hành án

28	Sổ theo dõi xác nhận kết quả thi hành án	Mẫu số 28
29	Sổ theo dõi tài sản kê biên, tạm giữ do cơ quan thi hành án thu giữ	Mẫu số 29
30	Sổ theo dõi vật chứng, tài sản tạm giữ theo bản án, quyết định của toà án	Mẫu số 30
31	Sổ nhận đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh về thi hành án dân sự	Mẫu số 31
32	Sổ thụ lý đơn khiếu nại về thi hành án dân sự	Mẫu số 32
33	Sổ thụ lý đơn tố cáo về thi hành án dân sự	Mẫu số 33

Phụ lục I: Mẫu số 01

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....

SỐ
NHẬN BẢN ÁN, QUYẾT ĐỊNH

Quyển số:.....
Thời gian sử dụng:
từ ngày...../...../.....đến ngày...../...../.....

Phụ lục I: Mẫu số 01

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....

SỐ

NHẬN BẢN ÁN, QUYẾT ĐỊNH

Quyển số:.....

Tổng số trang:

Thời gian sử dụng:

từ ngày...../...../.....đến ngày...../...../.....

Trưởng Thi hành án dân sự xác nhận

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Bìa 2, giấy khuôn khổ A3

[illegible]

Ghi chú: Trang ruột, giấy khuôn khổ A3

² Trường hợp nhận bản án, quyết định theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 152/2026/ NĐ-CP của Chính phủ thì cơ quan THADS in Mẫu số 01 để sử dụng; người giao, người nhận ký tại cột “Ghi chú” và nhập ngay thông tin về việc nhận bản án, quyết định vào Sổ nhận bản án, quyết định trên môi trường số.

Phụ lục I: Mẫu số 02

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

SỞ
NHẬN YÊU CẦU THI HÀNH ÁN

Quyển số:.....
Thời gian sử dụng:
từ ngày...../...../.....đến ngày...../...../.....

Ghi chú: Bìa 1, giấy khuôn khổ A3

Phụ lục I: Mẫu số 02

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

SỐ
NHẬN YÊU CẦU THI HÀNH ÁN

Quyển số:.....
Tổng số trang:
Thời gian sử dụng:
từ ngày...../...../.....đến ngày...../...../.....
Trưởng Thi hành án dân sự xác nhận
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Bìa 2, giấy khuôn khổ A3

[illegible]

Phụ lục I: Mẫu số 03

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....

SỞ
THỤ LÝ THI HÀNH ÁN

Quyển số:.....
Thời gian sử dụng:
từ ngày...../...../.....đến ngày...../...../.....

Ghi chú: Bìa 1, giấy khuôn khổ A3

Phụ lục I: Mẫu số 03

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....

SỐ
THỤ LÝ THI HÀNH ÁN

Quyển số:.....
Tổng số trang:
Thời gian sử dụng:
từ ngày...../...../.....đến ngày...../...../.....
Trưởng Thi hành án dân sự xác nhận
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Bìa 2, giấy khuôn khổ A3

[illegible]

Phụ lục I: Mẫu số 04

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....

SỞ RA QUYẾT ĐỊNH THU HỒI, SỬA ĐỔI,
BỔ SUNG, HUỖ QUYẾT ĐỊNH VỀ THI HÀNH ÁN

Quyển số:.....
Thời gian sử dụng:
từ ngày...../...../.....đến ngày...../...../.....

Ghi chú: Bìa 1, giấy khuôn khổ A3

Phụ lục I: Mẫu số 04

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....

SỞ RA QUYẾT ĐỊNH THU HỒI, SỬA ĐỔI,
BỔ SUNG, HỦY QUYẾT ĐỊNH VỀ THI HÀNH ÁN

Quyển số:
Tổng số trang:
Thời gian sử dụng:
từ ngày...../...../.....đến ngày...../...../.....
Trưởng Thi hành án dân sự xác nhận
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Bìa 2, giấy khuôn khổ A3

[illegible]

Ghi chú: Trang ruột, giấy khuôn khổ A3

Phụ lục I: Mẫu số 05
(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....

SỞ
RA QUYẾT ĐỊNH ỦY THÁC THI HÀNH ÁN

Quyển số:.....
Thời gian sử dụng:
từ ngày...../...../.....đến ngày...../...../.....

Ghi chú: Bìa 1, giấy khuôn khổ A3

Phụ lục I: Mẫu số 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....

SỐ
RA QUYẾT ĐỊNH ỦY THÁC THI HÀNH ÁN

Quyển số:.....
Tổng số trang:
Thời gian sử dụng:
từ ngày...../...../.....đến ngày...../...../.....
Trưởng Thi hành án dân sự xác nhận
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Bìa 2, giấy khuôn khổ A3

[illegible]

Phụ lục I: Mẫu số 06

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....

SỐ
NHẬN QUYẾT ĐỊNH ỦY THÁC THI HÀNH ÁN

Quyển số:
Thời gian sử dụng:
từ ngày...../...../.....đến ngày...../...../.....

Ghi chú: Bìa 1, giấy khuôn khổ A3

Phụ lục I: Mẫu số 06

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....

SỐ
NHẬN QUYẾT ĐỊNH ỦY THÁC THI HÀNH ÁN

Quyển số:.....
Tổng số trang:
Thời gian sử dụng:
từ ngày...../...../.....đến ngày...../...../.....
Trưởng Thi hành án dân sự xác nhận
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Bìa 2, giấy khuôn khổ A3

[illegible]

Phụ lục I: Mẫu số 07

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....

SỞ
RA QUYẾT ĐỊNH ỦY THÁC XỬ LÝ TÀI SẢN

Quyển số:.....
Thời gian sử dụng:
từ ngày...../...../.....đến ngày...../...../.....

Ghi chú: Bìa 1, giấy khuôn khổ A3

Phụ lục I: Mẫu số 07

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....

SỐ
RA QUYẾT ĐỊNH ỦY THÁC XỬ LÝ TÀI SẢN

Quyển số:.....
Tổng số trang:
Thời gian sử dụng:
từ ngày...../...../.....đến ngày...../...../.....
Trưởng Thi hành án dân sự xác nhận
(Ký tên, đóng dấu)

[illegible]

Ghi chú: Trang ruột, giấy khuôn khổ A3

Phụ lục I: Mẫu số 08

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....

SỞ
RA QUYẾT ĐỊNH XỬ LÝ TÀI SẢN ỦY THÁC

Quyển số:.....
Thời gian sử dụng:
từ ngày...../...../.....đến ngày...../...../.....

Ghi chú: Bìa 1, giấy khuôn khổ A3

Phụ lục I: Mẫu số 08

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....

SỐ
RA QUYẾT ĐỊNH XỬ LÝ TÀI SẢN ỦY THÁC

Quyển số:.....
Tổng số trang:
Thời gian sử dụng:
từ ngày...../...../.....đến ngày...../...../.....
Trưởng Thi hành án dân sự xác nhận
(Ký tên, đóng dấu)

[illegible]

Phụ lục I: Mẫu số 09
(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....

SỞ
RA QUYẾT ĐỊNH HOÃN THI HÀNH ÁN

Quyển số:.....
Thời gian sử dụng:
từ ngày...../...../.....đến ngày...../...../.....

Ghi chú: Bìa 1, giấy khuôn khổ A3

Phụ lục I: Mẫu số 09
(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....

SỐ
RA QUYẾT ĐỊNH HOÃN THI HÀNH ÁN

Quyển số:.....
Tổng số trang:
Thời gian sử dụng:
từ ngày...../...../.....đến ngày...../...../.....
Trưởng Thi hành án dân sự xác nhận
(Ký tên, đóng dấu)

[illegible]

Phụ lục I: Mẫu số 10

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....

SỞ
RA QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ THI HÀNH ÁN

Quyển số:.....
Thời gian sử dụng:
từ ngày...../...../.....đến ngày...../...../.....

Ghi chú: Bìa 1, giấy khuôn khổ A3

Phụ lục I: Mẫu số 10

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....

SỐ
RA QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ THI HÀNH ÁN

Quyển số:.....
Tổng số trang:
Thời gian sử dụng:
từ ngày...../...../.....đến ngày...../...../.....
Trưởng Thi hành án dân sự xác nhận
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Bìa 2, giấy khuôn khổ A3

[illegible]

Phụ lục I: Mẫu số 11

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....

SỞ
RA QUYẾT ĐỊNH VỀ VIỆC CHƯA CÓ ĐIỀU KIỆN THI HÀNH ÁN

Quyển số:.....
Thời gian sử dụng:
từ ngày...../...../.....đến ngày...../...../.....

Ghi chú: Bìa 1, giấy khuôn khổ A3

Phụ lục I: Mẫu số 11
(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....

SỐ
RA QUYẾT ĐỊNH VỀ VIỆC CHƯA CÓ ĐIỀU KIỆN THI HÀNH ÁN

Quyển số:.....
Tổng số trang:
Thời gian sử dụng:
từ ngày...../...../.....đến ngày...../...../.....
Trưởng Thi hành án dân sự xác nhận
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Bìa 2, giấy khuôn khổ A3

[illegible]

Phụ lục I: Mẫu số 12

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

THI HÀNH ÁN DÂN SỰ...../

SỞ
RA QUYẾT ĐỊNH GIẢM GIÁ TÀI SẢN

Quyển số:.....
Thời gian sử dụng:
từ ngày...../...../.....đến ngày...../...../.....

Ghi chú: Bìa 1, giấy khuôn khổ A3

Phụ lục I: Mẫu số 12

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

THI HÀNH ÁN DÂN SỰ...../

SỞ
RA QUYẾT ĐỊNH GIẢM GIÁ TÀI SẢN

Quyển số:.....
Tổng số trang:
Thời gian sử dụng:
từ ngày...../...../.....đến ngày...../...../.....
Trưởng Thi hành án dân sự xác nhận
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Bìa 2, giấy khuôn khổ A3

[illegible]

Ghi chú: Trang ruột, giấy khuôn khổ A3

Phụ lục I: Mẫu số 13

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....

SỞ
THEO DỐI VIỆC PHÂN CÔNG, THAY ĐỔI CHẤP HÀNH VIÊN TỔ CHỨC THI HÀNH ÁN

Quyển số:.....
Thời gian sử dụng:
từ ngày...../...../.....đến ngày...../...../.....

Ghi chú: Bìa 1, khuôn khổ giấy A3

Phụ lục I: Mẫu số 13
(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....

SỐ
THEO DÕI VIỆC PHÂN CÔNG, THAY ĐỔI CHẤP HÀNH VIÊN TỔ CHỨC THI HÀNH ÁN

Quyển số:.....
Tổng số trang:
Thời gian sử dụng:
từ ngày...../...../.....đến ngày...../...../.....
Trưởng Thi hành án dân sự xác nhận
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Bìa 2, giấy khuôn khổ A3

[illegible]

Ghi chú: Trang ruột, giấy khuôn khổ A3

Phụ lục I: Mẫu số 14

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....

SỞ
RA QUYẾT ĐỊNH ÁP DỤNG BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM THI HÀNH ÁN

Quyển số:.....
Thời gian sử dụng:
từ ngày...../...../.....đến ngày...../...../.....

Ghi chú: Bìa 1, giấy khuôn khổ A3

Phụ lục I: Mẫu số 14
(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....

SỞ
RA QUYẾT ĐỊNH ÁP DỤNG BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM THI HÀNH ÁN

Quyển số:.....
Tổng số trang:
Thời gian sử dụng:
từ ngày...../...../.....đến ngày...../...../.....
Trưởng Thi hành án dân sự xác nhận
(Ký tên, đóng dấu)

[illegible]

Ghi chú: Trang ruột, giấy khuôn khổ A1

Phụ lục I: Mẫu số 15

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....

SỞ
RA QUYẾT ĐỊNH CƯỠNG CHẾ THI HÀNH ÁN

Quyển số:.....
Thời gian sử dụng:
từ ngày...../...../.....đến ngày...../...../.....

Ghi chú: Bìa 1, giấy khuôn khổ A3

Phụ lục I: Mẫu số 15

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....

SỐ
RA QUYẾT ĐỊNH CƯỠNG CHẾ THI HÀNH ÁN

Quyển số:.....
Tổng số trang:
Thời gian sử dụng:
từ ngày...../...../.....đến ngày...../...../.....
Trưởng Thi hành án dân sự xác nhận
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Bìa 2, giấy khuôn khổ A3

[illegible]

Ghi chú: Trang ruột, giấy khuôn khổ A3

Phụ lục I: Mẫu số 16

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....

SỞ
RA QUYẾT ĐỊNH THU PHÍ THI HÀNH ÁN

Quyển số:.....
Thời gian sử dụng:
từ ngày...../...../.....đến ngày...../...../.....

Phụ lục I: Mẫu số 16

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....

SỞ
RA QUYẾT ĐỊNH THU PHÍ THI HÀNH ÁN

Quyển số:.....
Tổng số trang:
Thời gian sử dụng:
từ ngày...../...../.....đến ngày...../...../.....
Trưởng Thi hành án dân sự xác nhận
(Ký tên, đóng dấu)

[illegible]

Ghi chú: Trang ruột, giấy khuôn khổ A3

Phụ lục I: Mẫu số 17

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....

SỐ
THEO DÕI XỬ LÝ TÀI SẢN BÁN ĐẤU GIÁ THI HÀNH ÁN

Quyển số:.....
Thời gian sử dụng:
từ ngày...../...../.....đến ngày...../...../.....

Ghi chú: Bìa 1, giấy khuôn khổ A3

Phụ lục I: Mẫu số 17
(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....

SỔ
THEO DÕI XỬ LÝ TÀI SẢN BÁN ĐẤU GIÁ THI HÀNH ÁN

Quyển số:.....
Tổng số trang:
Thời gian sử dụng:
từ ngày...../...../.....đến ngày...../...../.....
Trưởng Thi hành án dân sự xác nhận
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Bìa 2, giấy khuôn khổ A3

[illegible]

Ghi chú: Trang ruột, giấy khuôn khổ A3

Phụ lục I: Mẫu số 18
(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....

SỐ
THEO DÕI MIỄN, GIẢM TRONG THI HÀNH ÁN

Quyển số:.....
Thời gian sử dụng:
từ ngày...../...../.....đến ngày...../...../.....

Ghi chú: Bìa 1, giấy khuôn khổ A3

Phụ lục I: Mẫu số 18

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....

SỔ
THEO DÕI MIỄN, GIẢM TRONG THI HÀNH ÁN

Quyển số:.....
Tổng số trang:
Thời gian sử dụng:
từ ngày...../...../.....đến ngày...../...../.....
Trưởng Thi hành án dân sự xác nhận
(Ký tên, đóng dấu)

[illegible]

Ghi chú: Trang ruột, giấy khuôn khổ A3

Phụ lục I: Mẫu số 19
((Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp))

THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....

SỔ
THEO DÕI THI HÀNH ÁN HÀNH CHÍNH

Quyển số:.....
Thời gian sử dụng:
từ ngày...../...../.....đến ngày...../...../.....

Phụ lục I: Mẫu số 19

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....

SỔ
THEO DÕI THI HÀNH ÁN HÀNH CHÍNH

Quyển số:.....
Tổng số trang:
Thời gian sử dụng:
từ ngày...../...../.....đến ngày...../...../.....
Trưởng Thi hành án dân sự xác nhận
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Trang ruột, giấy khuôn khổ A3

Phụ lục I: Mẫu số 20

(Ban hành kèm theo Thông tư số số 06/2026/TT-BTP ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....

SỞ
THEO DÕI VIỆC CHƯA CÓ ĐIỀU KIỆN THI HÀNH ÁN

Quyển số:.....
Thời gian sử dụng:
từ ngày...../...../.....đến ngày...../...../.....

Ghi chú: Bìa 1, giấy khuôn khổ A3

Phụ lục I: Mẫu số 20

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....

SỞ
THEO DÕI VIỆC CHƯA CÓ ĐIỀU KIỆN THI HÀNH ÁN

Quyển số:.....
Tổng số trang:
Thời gian sử dụng:
từ ngày...../...../.....đến ngày...../...../.....
Trưởng Thi hành án dân sự xác nhận
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Bìa 2, giấy khuôn khổ A3

Ghi chú: Trang ruột, giấy khuôn khổ A3

Phụ lục I: Mẫu số 21
(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....

SỔ
THEO DÕI LƯU TRỮ HỒ SƠ THI HÀNH ÁN

Quyển số:.....
Thời gian sử dụng:
từ ngày...../...../.....đến ngày...../...../.....

Ghi chú: Bìa 1, giấy khuôn khổ A3

Phụ lục I: Mẫu số 21

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....

SỔ
THEO DÕI LƯU TRỮ HỒ SƠ THI HÀNH ÁN

Quyển số:.....
Tổng số trang:
Thời gian sử dụng:
từ ngày...../...../.....đến ngày...../...../.....
Trưởng Thi hành án dân sự xác nhận
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Trang ruột, giấy khuôn khổ A3

Phụ lục I: Mẫu số 22
(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....

SỞ
RA QUYẾT ĐỊNH TẠM ĐÌNH CHỈ THI HÀNH ÁN

Quyển số:.....
Thời gian sử dụng:
từ ngày...../...../.....đến ngày...../...../.....

Phụ lục I: Mẫu số 22
(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....

SỐ
RA QUYẾT ĐỊNH TẠM ĐÌNH CHỈ THI HÀNH ÁN

Quyển số:.....
Tổng số trang:
Thời gian sử dụng:
từ ngày...../...../.....đến ngày...../...../.....
Trưởng Thi hành án dân sự xác nhận
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Trang ruột, giấy khuôn khổ A3

Phụ lục I: Mẫu số 23
(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....

SỐ
RA QUYẾT ĐỊNH TIẾP TỤC THI HÀNH ÁN

Quyển số:.....
Thời gian sử dụng:
từ ngày...../...../.....đến ngày...../...../.....

Phụ lục I: Mẫu số 23

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....

SỞ

RA QUYẾT ĐỊNH TIẾP TỤC THI HÀNH ÁN

Quyển số:.....

Tổng số trang:

Thời gian sử dụng:

từ ngày...../...../.....đến ngày...../...../.....

Trưởng Thi hành án dân sự xác nhận

(Ký tên, đóng dấu)

[illegible]

Phụ lục I: Mẫu số 24

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....

SỐ
THEO DÕI VIỆC RA THÔNG BÁO VỀ THI HÀNH ÁN

Quyển số:.....
Thời gian sử dụng:
từ ngày...../...../.....đến ngày...../...../.....

Ghi chú: Bìa 1, giấy khuôn khổ A3

Phụ lục I: Mẫu số 24

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....

SỐ

THEO DÕI VIỆC RA THÔNG BÁO VỀ THI HÀNH ÁN

Quyển số:.....

Tổng số trang:

Thời gian sử dụng:

từ ngày...../...../.....đến ngày...../...../.....

Trưởng Thi hành án dân sự xác nhận

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Bìa 2, giấy khuôn khổ A3

[illegible]

Phụ lục I: Mẫu số 25

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....

SỐ
THEO DÕI VIỆC RA GIẤY BÁO, GIẤY MỜI, GIẤY TRIỆU TẬP THI HÀNH ÁN

Quyển số:.....
Thời gian sử dụng:
từ ngày...../...../.....đến ngày...../...../.....

Ghi chú: Bìa 1, giấy khuôn khổ A3

Phụ lục I: Mẫu số 25

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....

SỐ

THEO DÕI VIỆC RA GIẤY BÁO, GIẤY MỜI, GIẤY TRIỆU TẬP THI HÀNH ÁN

Quyển số:.....

Tổng số trang:

Thời gian sử dụng:

từ ngày...../...../.....đến ngày...../...../.....

Trưởng Thi hành án dân sự xác nhận

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Trang ruột, giấy khuôn khô A3

Phụ lục I: Mẫu số 26

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....

SỞ
THEO DÕI VIỆC RA CÁC LOẠI QUYẾT ĐỊNH KHÁC VỀ THI HÀNH ÁN

Quyển số:.....
Thời gian sử dụng:
từ ngày...../...../.....đến ngày...../...../.....

Ghi chú: Bìa 1, giấy khuôn khổ A3

Phụ lục I: Mẫu số 26
(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp))

THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....

SỐ
THEO DÕI VIỆC RA CÁC LOẠI QUYẾT ĐỊNH KHÁC VỀ THI HÀNH ÁN

Quyển số:.....
Tổng số trang:
Thời gian sử dụng:
từ ngày...../...../.....đến ngày...../...../.....
Trưởng Thi hành án dân sự xác nhận
(Ký tên, đóng dấu)

1

Ghi chú: Trang ruột, giấy khuôn khổ A3

Phụ lục I: Mẫu số 27

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....

SỔ
QUẢN LÝ CÁC VĂN BẢN ĐI KHÁC VỀ NGHIỆP VỤ THI HÀNH ÁN

Quyển số:.....
Thời gian sử dụng:
từ ngày...../...../.....đến ngày...../...../.....

Ghi chú: Bìa 1, giấy khuôn khổ A3

Phụ lục I: Mẫu số 27
(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....

SỐ
QUẢN LÝ CÁC VĂN BẢN ĐI KHÁC VỀ NGHIỆP VỤ THI HÀNH ÁN

Quyển số:.....
Tổng số trang:
Thời gian sử dụng:
từ ngày...../...../.....đến ngày...../...../.....
Trưởng Thi hành án dân sự xác nhận
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Bìa 2, giấy khuôn khổ A3

[illegible]

Ghi chú: Trang ruột, giấy khuôn khổ A3

Phụ lục I: Mẫu số 28
(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....

SỔ
THEO DÕI XÁC NHẬN KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN

Quyển số:.....
Thời gian sử dụng:
từ ngày...../...../.....đến ngày...../...../.....

Ghi chú: Bìa 1, giấy khuôn khổ A3

Phụ lục I: Mẫu số 28

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....

SỔ
THEO DÕI XÁC NHẬN KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN

Quyển số:.....
Tổng số trang:
Thời gian sử dụng:
từ ngày...../...../.....đến ngày...../...../.....
Trưởng Thi hành án dân sự xác nhận
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Bìa 2, giấy khuôn khổ A3

[illegible]

Ghi chú: Trang ruột, giấy khuôn khổ A3

Phụ lục I: Mẫu số 29
(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....

SỔ
THEO DÕI TÀI SẢN KÊ BIÊN, TẠM GIỮ DO CƠ QUAN THI HÀNH ÁN THU GIỮ

Quyển số:.....
Thời gian sử dụng:
từ ngày...../...../.....đến ngày...../...../.....

Ghi chú: Bìa 1, giấy khuôn khổ A3

Phụ lục I: Mẫu số 29
(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....

SỔ
THEO DÕI TÀI SẢN KÊ BIÊN, TẠM GIỮ DO CƠ QUAN THI HÀNH ÁN THU GIỮ

Quyển số:.....
Tổng số trang:
Thời gian sử dụng:
từ ngày...../...../.....đến ngày...../...../.....
Trưởng Thi hành án dân sự xác nhận
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Bìa 2, giấy khuôn khổ A3

[illegible]

Ghi chú: Trang ruột, giấy khuôn khổ A3

Phụ lục I: Mẫu số 30

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....

SỔ

SỔ THEO DÕI VẬT CHỨNG, TÀI SẢN TẠM GIỮ THEO BẢN ÁN, QUYẾT ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Quyển số:.....

Thời gian sử dụng:

từ ngày...../...../.....đến ngày...../...../.....

Ghi chú: Bìa 1, giấy khuôn khổ A3

Phụ lục I: Mẫu số 30

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....

SỐ

THEO DỐI VẬT CHỨNG, TÀI SẢN TẠM GIỮ THEO BẢN ÁN, QUYẾT ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Quyển số:.....

Tổng số trang:

Thời gian sử dụng:

từ ngày...../...../.....đến ngày...../...../.....

Trưởng Thi hành án dân sự xác nhận

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Bìa 2, giấy khuôn khổ A3

[illegible]

Ghi chú: Trang ruột, giấy khuôn khổ A3

Phụ lục I: Mẫu số 31

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ/THI HÀNH ÁN DÂN SỰ...../VĂN PHÒNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....

SỞ
NHẬN ĐƠN KHIẾU NẠI, TỐ CÁO, KIẾN NGHỊ, PHẢN ÁNH
VỀ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Quyển số:.....
Tổng số trang:.....
Thời gian sử dụng:
từ ngày...../...../.....đến ngày...../...../.....

Ghi chú: Bìa 1, giấy khuôn khổ A3

Phụ lục I: Mẫu số 31

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ/THI HÀNH ÁN DÂN SỰ...../VĂN PHÒNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....

SỐ

NHẬN ĐƠN KHIẾU NẠI, TỐ CÁO, KIẾN NGHỊ, PHẢN ÁNH

VỀ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Quyển số:.....

Tổng số trang:

Thời gian sử dụng:

từ ngày...../...../.....đến ngày...../...../.....

Thủ trưởng cơ quan quản lý/cơ quan thi hành án dân sự/ văn phòng thi hành án xác nhận

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Bìa 2, giấy khuôn khổ A3

[illegible]

Ghi chú: Trang ruột, giấy khuôn khô A3

Phụ lục I: Mẫu số 32
(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ/THI HÀNH ÁN DÂN SỰ...../VĂN PHÒNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....

SỔ
THỤ LÝ ĐƠN KHIẾU NẠI VỀ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Quyển số:.....
Tổng số trang:
Thời gian sử dụng:
từ ngày...../...../.....đến ngày...../...../.....

Phụ lục I: Mẫu số 32
(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ/THI HÀNH ÁN DÂN SỰ...../VĂN PHÒNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....

SỞ
THỤ LÝ KHIẾU NẠI VỀ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Quyển số:.....
Tổng số trang:
Thời gian sử dụng:
từ ngày...../...../.....đến ngày...../...../.....
Thủ trưởng cơ quan quản lý/ cơ quan thi hành án dân sự/ văn phòng thi hành án xác nhận
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Bìa 2, giấy khuôn khổ A3

[illegible]

Phụ lục I: Mẫu số 33

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ/THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....

SỞ
THỤ LÝ ĐƠN TỐ CÁO VỀ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Quyển số:.....
Tổng số trang:
Thời gian sử dụng:
từ ngày...../...../.....đến ngày...../...../.....

Ghi chú: Bìa 1, giấy khuôn khổ A3

Phụ lục I: Mẫu số 33
(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ/THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....

SỔ
THỤ LÝ TỔ CÁO VỀ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Quyển số:.....
Tổng số trang:
Thời gian sử dụng:
từ ngày...../...../.....đến ngày...../...../.....
Thủ trưởng cơ quan quản lý/ cơ quan thi hành án dân sự xác nhận
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Bìa 2, giấy khuôn khổ A3

[illegible]

BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục II

DANH MỤC BIỂU MẪU BÌA HỒ SƠ VÀ DẤU BÚT LỤC

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP ngày 16 tháng 5 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)*

STT	Tên biểu mẫu	Ký hiệu
1	Bìa hồ sơ thi hành án dân sự	Mẫu số 01
2	Bìa hồ sơ giải quyết khiếu nại tố cáo	Mẫu số 02
3	Dấu bút lục	Mẫu số 03

Phụ lục II

Mẫu số 01

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vào sổ thụ lý thi hành án

Số:.....

Ngày.....tháng.....năm.....

HỒ SƠ THI HÀNH ÁN

Bản án, Quyết định số:.....ngày.....tháng.....năm.....

Của.....

Về việc.....

Quyết định thi hành án số:.....ngày..... tháng..... năm.....

Chấp hành viên thi hành.....

.....

.....

Người phải thi hành án	Người được thi hành án
Họ, tên.....	Họ, tên.....
Địa chỉ.....	Địa chỉ.....
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	
Cho lưu trữ kể từ ngày.....thángnăm.....	
TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ	
(Ký tên, đóng dấu)	

[illegible]

Phụ lục II

Mẫu số 02

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vào sổ thụ lý khiếu nại, tố cáo

Số:.....

Ngày.....tháng.....năm.....

HỒ SƠ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

Thông báo thụ lý khiếu nại/Quyết định thụ lý tố cáo số:.....ngày.....tháng.....năm.....

Thẩm tra viên:

Người khiếu nại, tố cáo Họ, tên..... Địa chỉ..... 	Người bị khiếu nại, tố cáo Họ, tên..... Địa chỉ.....
NỘI DUNG KHIẾU NẠI, TỐ CÁO 	KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT
Cho lưu trữ kể từ ngày thángnăm..... TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ (Ký tên, đóng dấu)	

[illegible]

Mẫu số 03

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP ngày 16 tháng 5 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)*

**MẪU DẤU BÚT LỤC
TRONG HỒ SƠ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**



Ghi chú:

- Dấu bút lục hình elip; kích thước 15 mm x 20 mm;
 - Giữa 2 vòng của hình elip khắc: THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH, THÀNH PHỐ...;
- Ví dụ: THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH NINH BÌNH

BỘ TƯ PHÁP**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****Phụ lục III****DANH MỤC BIỂU MẪU QUYẾT ĐỊNH THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP ngày 16 tháng 5 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)*

STT	Tên biểu mẫu	Ký hiệu
1	Quyết định thi hành án chủ động	A01-THADS
2	Quyết định thi hành án theo yêu cầu	A02-THADS
3	Quyết định về việc hoãn thi hành án	A03-THADS
4	Quyết định về việc hoãn thi hành án	A04-THADS
5	Quyết định về việc tạm đình chỉ thi hành án	A05-THADS
6	Quyết định về việc đình chỉ thi hành án	A06-THADS
7	Quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành án	A07-THADS
8	Quyết định về việc tiếp tục thi hành án	A08-THADS
9	Quyết định về việc tiếp tục thi hành án	A09-THADS
10	Quyết định về việc tiếp tục thi hành án	A10-THADS
11	Quyết định về việc ủy thác thi hành án	A11-THADS
12	Quyết định về việc khôi phục thời hiệu yêu cầu thi hành án	A12-THADS
13	Quyết định về việc thu hồi quyết định về thi hành án	A13-THADS
14	Quyết định về việc thu hồi quyết định về thi hành án	A14-THADS
15	Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung quyết định về thi hành án	A15-THADS
16	Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung quyết định về thi hành án	A16-THADS
17	Quyết định về việc hủy quyết định thi hành án	A17-THADS
18	Quyết định thoái thu khoản tiền đã nộp ngân sách nhà nước	A18-THADS
19	Quyết định thi hành quyết định tuyên bố phá sản	A19-THADS
20	Quyết định về việc phong tỏa tài khoản/tài sản	A20-THADS
21	Quyết định về việc tạm giữ tài sản, giấy tờ	A21-THADS
22	Quyết định về việc buộc chuyển quyền sở hữu chứng khoán	A22-THADS
23	Quyết định về việc tạm ngừng giao dịch, tạm dừng việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản	A23-THADS
24	Quyết định chấm dứt áp dụng biện pháp bảo đảm	A24-THADS
25	Quyết định về việc phong tỏa chứng khoán	A25-THADS
26	Quyết định về việc khấu trừ tiền trong tài khoản	A26-THADS
27	Quyết định về việc trừ vào thu nhập của người phải thi hành án	A27-THADS
28	Quyết định về việc thu tiền từ hoạt động kinh doanh của người phải thi hành án	A28-THADS
29	Quyết định về việc thu tiền của người phải thi hành án	A29-THADS
30	Quyết định về việc thu tiền của người phải thi hành án đang do người thứ ba giữ	A30-THADS
31	Quyết định về việc thu giữ giấy tờ có giá của người phải thi hành án	A31-THADS
32	Quyết định về việc kê biên, xử lý tài sản	A32-THADS
33	Quyết định về việc kê biên quyền sở hữu trí tuệ	A33-THADS

34	Quyết định về việc giảm giá tài sản	A34-THADS
35	Quyết định về việc giải tỏa kê biên tài sản	A35-THADS
36	Quyết định về việc cưỡng chế khai thác tài sản	A36-THADS
37	Quyết định về việc chấm dứt áp dụng biện pháp cưỡng chế khai thác tài sản	A37-THADS
38	Quyết định về việc chuyển giao quyền, nghĩa vụ thi hành án	A38-THADS
39	Quyết định về việc cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (nếu có)	A39-THADS
40	Quyết định về việc cưỡng chế trả vật	A40-THADS
41	Quyết định về việc cưỡng chế giao, trả nhà, tài sản gắn liền với đất	A41-THADS
42	Quyết định về việc cưỡng chế giao, trả giấy tờ	A42-THADS
43	Quyết định về việc cưỡng chế chuyển giao quyền sử dụng đất	A43-THADS
44	Quyết định về việc cưỡng chế buộc thực hiện công việc	A44-THADS
45	Quyết định về việc cưỡng chế không được thực hiện công việc	A45-THADS
46	Quyết định về việc cưỡng chế giao người chưa thành niên cho người được giao nuôi dưỡng	A46-THADS
47	Quyết định về việc cưỡng chế buộc nhận người lao động trở lại làm việc	A47-THADS
48	Quyết định về việc giao tài sản cho người mua được tài sản	A48-THADS
49	Quyết định về việc giao tài sản cho người nhận tài sản để trừ vào tiền thi hành án	A49-THADS
50	Quyết định về việc chấm dứt áp dụng biện pháp trừ vào thu nhập của người phải thi hành án	A50-THADS
51	Quyết định về việc thu phí thi hành án dân sự	A51-THADS
52	Quyết định về việc miễn, giảm phí thi hành án dân sự	A52-THADS
53	Quyết định về việc thu chi phí thi hành án dân sự	A53-THADS
54	Quyết định về việc miễn, giảm chi phí cưỡng chế thi hành án dân sự	A54-THADS
55	Quyết định thành lập Hội đồng xác định giá tài sản	A55-THADS
56	Quyết định về việc ủy thác xử lý tài sản	A56-THADS
57	Quyết định về việc xử lý tài sản ủy thác	A57-THADS
58	Quyết định về việc sung quỹ nhà nước	A58- THADS
59	Quyết định xử phạt vi phạm hành chính	A59- XPHC
60	Quyết định xử phạt vi phạm hành chính	A60-XPHC
61	Quyết định về việc kê biên, xử lý chứng khoán	A61- THADS
62	Quyết định về việc cưỡng chế giao tài sản cho người mua được tài sản/người nhận tài sản để trừ vào tiền thi hành án	A62- THADS
63	Quyết định về việc kết thúc thi hành quyết định tuyên bố phá sản	A63- THADS

Mẫu số: A01-THADS*(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)***MÃ QR****CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/QĐ-THADS

....., ngày.....tháng.....năm 20....

**QUYẾT ĐỊNH
Thi hành án chủ động****TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**

Căn cứ khoản 2 Điều 22, khoản 1 Điều 32, khoản 2 Điều 33 và khoản 1 Điều 36 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15; Điều 8, khoản 1 Điều 12 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Bản án, Quyết định số... ngày...tháng...năm...của ;

Căn cứ Quyết định về việc ủy thác thi hành án/khôi phục thời hiệu yêu cầu thi hành án số.. ngày...tháng...năm... của(nếu có).

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.** Cho thi hành án đối với:.....

Người phải thi hành án:

địa chỉ:

số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có):

Các khoản phải thi hành:

.....
.....

Người phải thi hành án có trách nhiệm tự nguyện thi hành án trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày được thông báo hợp lệ Quyết định này.

Người phải thi hành án quét mã QR trên góc phải Quyết định thi hành án này để nộp tiền vào Tài khoản của Thi hành án dân sự..... theo hướng dẫn.

Các quyết định, văn bản về thi hành án được cơ quan thi hành án dân sự thông báo qua ứng dụng VNeID, trừ trường hợp quy định tại các Điều 16, 17, 18 và 19 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự.

Điều 2. Chấp hành viên được phân công tổ chức thi hành án có trách nhiệm tổ chức thi hành Quyết định này.

Điều 3. Người phải thi hành án, người được thi hành án và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2, 3;
- Viện kiểm sát nhân dân.....;
- Kế toán nghiệp vụ;
- Phòng THADS KV.../NV...;
-;
- Lưu: VT, HSTHA.

TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Mẫu số: A02-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

MÃ QR

CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-THADS

....., ngày.....tháng.....năm 20....

QUYẾT ĐỊNH
Thi hành án theo yêu cầu**TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**

Căn cứ khoản 2 Điều 22, khoản 1 Điều 32, khoản 2, 3 Điều 34 và khoản 1 Điều 36 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15; Điều 11, khoản 1 Điều 12 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Bản án, Quyết định số... ngày...tháng...năm... của.....;

Căn cứ Quyết định về việc ủy thác thi hành án/khôi phục thời hiệu yêu cầu thi hành án số...ngày...tháng...năm... của(nếu có);

Căn cứ Thông báo gửi lại yêu cầu thi hành án số... ngày...tháng...năm... của.....(nếu có);

Căn cứ Công văn số...ngày....tháng....năm... của Văn phòng thi hành án dân sự..... về việc chuyển hồ sơ tổ chức thi hành án.....(nếu có);

Xét yêu cầu thi hành án ngày...tháng...năm... của.... địa chỉ:

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.** Cho thi hành án đối với:

Người được thi hành án:.....
địa chỉ:.....

số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có):.....

số tài khoản (nếu có):.....

Người phải thi hành án:
địa chỉ:

số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có):

Các khoản phải thi hành:

.....
.....

Người phải thi hành án có trách nhiệm tự nguyện thi hành án trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày được thông báo hợp lệ Quyết định này.

Người phải thi hành án quét mã QR trên góc phải Quyết định thi hành án này để nộp tiền vào Tài khoản của Thi hành án dân sự.....theo hướng dẫn.

Các quyết định, văn bản về thi hành án được cơ quan thi hành án dân sự thông báo qua ứng dụng VNeID, trừ trường hợp quy định tại các Điều 16, 17, 18 và 19 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự.

Điều 2. Chấp hành viên được phân công tổ chức thi hành án có trách nhiệm tổ chức thi hành Quyết định này.

Điều 3. Người phải thi hành án, người được thi hành án và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2, 3;
- Viện kiểm sát nhân dân.....;
- Kế toán nghiệp vụ;
- Phòng THADS KV..../NV....;
-;
- Lưu: VT, HSTHA.

TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Mẫu số: A03-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-THADS.KV.../NV...

....., ngày.....tháng.....năm 20....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc hoãn thi hành án**TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ***Căn cứ khoản 2 Điều 22, điểm..... khoản 1 Điều 46 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15;**Căn cứ Bản án, Quyết định số ngày...tháng...năm... của**Căn cứ Quyết định thi hành án số...../QĐ-THADS ngày...tháng...năm.... của Trưởng Thi hành án dân sự.....;**Căn cứ Quyết định ủy quyền số.... ngày.... tháng... năm... của Trưởng Thi hành án dân sự.... (nếu có);**Căn cứ**Xét đề nghị của Chấp hành viên được phân công tổ chức thi hành án.***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Hoãn thi hành án đối với:.....

địa chỉ:.....

số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã:.....

Các khoản hoãn thi hành án:

.....

.....

Kể từ ngày.....tháng.....năm.....đến

Điều 2. Chấp hành viên được phân công tổ chức thi hành án, người phải thi hành án, người được thi hành án và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Tòa án nhân dân.....(hoãn theo điểm d, đ, e, g, h, l khoản 1 Điều 46 Luật THADS số 106/2025/QH15);
- Viện kiểm sát nhân dân.....;
- Kế toán nghiệp vụ;
- Phòng THADS KV.../NV...;
-
- Lưu: VT, HSTHA.

TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ/
TUQ. TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
CHẤP HÀNH VIÊN TRƯỞNG
PHÒNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ KHU VỰC...

Mẫu số: A04-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-THADS.KV.../NV....

....., ngày.....tháng.....năm 20....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc hoãn thi hành án**TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ***Căn cứ khoản 2 Điều 22, khoản 2 Điều 46 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15;**Căn cứ Bản án, Quyết định số... ngày...tháng...năm...của**Căn cứ Quyết định thi hành án số...../QĐ-THADS ngày.....tháng.... năm ... của Trưởng Thi hành án dân sự.....;**Căn cứ Quyết định ủy quyền số.... ngày.... tháng... năm... của Trưởng Thi hành án dân sự.... (nếu có);**Căn cứ Công văn yêu cầu hoãn thi hành án số....ngày....tháng....năm...của.....***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Hoãn thi hành án đối với:.....

địa chỉ:

số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã:.....

Các khoản hoãn thi hành án:

.....

.....

Kể từ ngày.....tháng.....năm.....đến

Điều 2. Chấp hành viên được phân công tổ chức thi hành án, người được thi hành án, người phải thi hành án và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Toà án nhân dân.....;
- Viện kiểm sát nhân dân.....;
- Kế toán nghiệp vụ;
- Phòng THADS KV.../NV...;
-
- Lưu: VT, HSTHA.

TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ/
TUQ. TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
CHẤP HÀNH VIÊN TRƯỞNG
PHÒNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ KHU VỰC...

Mẫu số: A05-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-THADS.KV.../NV...

....., ngày.....tháng.....năm 20....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc tạm đình chỉ thi hành án**TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ***Căn cứ khoản 2 Điều 22, điểmkhoản 1 Điều 47 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15;**Căn cứ Bản án, Quyết định số... ngày...tháng...năm... của**Căn cứ Quyết định thi hành án số...../QĐ-THADS ngày...tháng.... năm của Trưởng Thi hành án dân sự.....;**Căn cứ Thông báo thụ lý đơn yêu cầu áp dụng thủ tục phục hồi/áp dụng thủ tục phá sản số ... ngày...tháng...năm... của Tòa án nhân dân/Căn cứ văn bản số ngày ...tháng ... năm ... của Tòa án nhân dânvề việc tạm đình chỉ thi hành quyết định công nhận và cho thi hành phán quyết của Trọng tài nước ngoài;**Căn cứ Quyết định ủy quyền số.... ngày.... tháng... năm... của Trưởng Thi hành án dân sự.... (nếu có);**Xét đề nghị của Chấp hành viên được phân công tổ chức thi hành án.***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Tạm đình chỉ thi hành án đối với:
địa chỉ:.....
số định danh/mã số doanh nghiệp hợp tác xã:.....
Các khoản tạm đình chỉ:
.....
.....

Kể từ ngày.....tháng.....nămcho đến khi có quyết định của Tòa án có thẩm quyền.

Điều 2. Chấp hành viên được phân công tổ chức thi hành án, người phải thi hành án, người được thi hành án và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Tòa án nhân dân.....;
- Viện kiểm sát nhân dân.....;
- Kế toán nghiệp vụ;
- Phòng THADS KV.../NV...;
-
- Lưu: VT, HSTHA.

TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ/
TUQ. TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
CHẤP HÀNH VIÊN TRƯỞNG
PHÒNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ KHU VỰC...

Mẫu số: A06-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-THADS.KV.../NV...

....., ngày.....tháng.....năm 20....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc đình chỉ thi hành án**TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ***Căn cứ khoản 2 Điều 22, khoảnĐiều 48 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15;**Căn cứ Bản án, Quyết định số... ngày...tháng...năm... của**Căn cứ Quyết định thi hành án số...../QĐ-THADS ngày...tháng...năm... của
Trưởng Thi hành án dân sự.....;**Căn cứ Quyết định ủy quyền số.... ngày.... tháng... năm... của Trưởng Thi hành
án dân sự.... (nếu có);**Căn cứ**Xét đề nghị của Chấp hành viên được phân công tổ chức thi hành án.***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Đình chỉ thi hành án đối với:.....

địa chỉ:

số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã:.....

Các khoản đình chỉ:

.....
.....**Điều 2.** Chấp hành viên được phân công tổ chức thi hành án, người phải thi hành án, người được thi hành án và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Viện kiểm sát nhân dân.....;
- Kế toán nghiệp vụ;
- Phòng THADS KV.../NV...;
-¹;
- Lưu: VT, HSTHA.

TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ/
TUQ. TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
CHẤP HÀNH VIÊN TRƯỞNG
PHÒNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ KHU VỰC...

¹ Trường hợp cơ quan thi hành án dân sự hoặc chấp hành viên đã ra quyết định áp dụng biện pháp bảo đảm, biện pháp cưỡng chế thi hành án thì phải gửi quyết định đình chỉ đến các cơ quan có trách nhiệm thi hành quyết định áp dụng biện pháp bảo đảm, biện pháp cưỡng chế đã ban hành.

Mẫu số: A07-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-THADS.KV.../NV...

....., ngày.....tháng.....năm 20....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chưa có điều kiện thi hành án**TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ***Căn cứ khoản 2 Điều 22, điểm... khoản 1 Điều 38 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15;**Căn cứ Bản án, Quyết định số.... ngày...tháng... năm... của**Căn cứ Quyết định thi hành án số...../QĐ-THADS ngày...tháng... năm... của Trưởng Thi hành án dân sự.....;**Căn cứ biên bản xác minh ngàycủa Chấp hành viên Thi hành án dân sự.....;**Căn cứ Quyết định ủy quyền số.... ngày.... tháng... năm... của Trưởng Thi hành án dân sự.... (nếu có);**Căn cứ**Xét đề nghị của Chấp hành viên được phân công tổ chức thi hành án.***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Xác định việc chưa có điều kiện thi hành án đối với:.....
địa chỉ:
số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã:.....
Các khoản chưa có điều kiện:
.....
.....**Điều 2.** Chấp hành viên được phân công tổ chức thi hành án, người phải thi hành án, người được thi hành án và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.**Điều 3:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Viện kiểm sát nhân dân.....;
- Trang thông tin điện tử THADS tỉnh...;
- Kế toán nghiệp vụ;
- Phòng THADS KV.../NV...;
- UBND (cấp xã).....;
-
- Lưu: VT, HSTHA.

TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ/
TUQ. TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
CHẤP HÀNH VIÊN TRƯỞNG
PHÒNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ KHU VỰC...

Mẫu số: A08-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-THADS.KV.../NV...

....., ngày.....tháng.....năm 20....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc tiếp tục thi hành án**TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ***Căn cứ khoản 2 Điều 22, khoản 3 Điều 46 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15;**Căn cứ Bản án, Quyết định số..... ngàythángnăm của.....;**Căn cứ Quyết định thi hành án số...../QĐ-THADS ngày.....tháng năm của Trưởng Thi hành án dân sự.....;**Căn cứ Quyết định về việc hoãn thi hành án số...../QĐ-THADS.KV.../NV... ngày..... tháng..... nămcủa Trưởng Thi hành án dân sự.....;**Căn cứ Quyết định ủy quyền số.... ngày.... tháng... năm... của Trưởng Thi hành án dân sự.... (nếu có);**Căn cứ.....;**Xét thấy điều kiện hoãn thi hành án không còn.***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Tiếp tục thi hành Quyết định thi hành án số...../QĐ-THADS.KV.../NV... ngày.... thángnăm.....của Trưởng Thi hành án dân sự.....
Đối với khoản:.....
.....

Kể từ ngày.....tháng.....năm.....

Điều 2. Chấp hành viên được phân công tổ chức thi hành án có trách nhiệm thi hành Quyết định này.**Điều 3.** Người phải thi hành án, người được thi hành án và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.**Nơi nhận:**

- Như Điều 2, 3;
- Viện kiểm sát nhân dân.....;
- Kế toán nghiệp vụ;
- Phòng THADS KV.../NV...;
-
- Lưu: VT, HSTHA.

TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ/
TUQ. TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
CHẤP HÀNH VIÊN TRƯỞNG
PHÒNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ KHU VỰC...

Mẫu số: A09-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-THADS.KV.../NV...

....., ngày.....tháng.....năm 20....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc tiếp tục thi hành án**TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**

Căn cứ khoản 2 Điều 22, điểm.....khoản 3 Điều 47 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15/khoản 3 Điều 52 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15;

Căn cứ Bản án, Quyết định số.... ngày...tháng...năm.... của.....;

Căn cứ Quyết định thi hành án số....ngày... tháng ...năm... của Trưởng Thi hành án dân sự

Căn cứ Quyết định ủy quyền số.... ngày.... tháng... năm... của Trưởng Thi hành án dân sự.... (nếu có);

Căn cứ.....;

Xét đề nghị của Chấp hành viên được phân công tổ chức thi hành án.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tiếp tục thi hành Quyết định thi hành án số...../QĐ-THADS.KV.../NV... ngày.... thángnăm.....của Trưởng Thi hành án dân sự.....

Đối với khoản:

.....
.....

Điều 2. Chấp hành viên được phân công tổ chức thi hành án có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Người phải thi hành án, người được thi hành án và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2, 3;
- Viện kiểm sát nhân dân.....;
- Kế toán nghiệp vụ;
- Phòng THADS KV.../NV...;
-
- Lưu: VT, HSTHA.

TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ/
TUQ. TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
CHẤP HÀNH VIÊN TRƯỞNG
PHÒNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ KHU VỰC...

Mẫu số: A10-THADS(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)**CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-THADS.KV.../NV...

....., ngày.....tháng.....năm 20....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc tiếp tục thi hành án**TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ***Căn cứ khoản 2 Điều 22, khoản 2 Điều 38 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15;**Căn cứ Bản án, Quyết định số... ngày...tháng...năm... của.....;**Căn cứ Quyết định thi hành án số...../QĐ-THADS ngày...tháng...năm... của Trưởng Thi hành án dân sự**Căn cứ Quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành án số...../QĐ-THADS.KV.../NV... ngày.....tháng.....năm của Trưởng Thi hành án dân sự.....;**Căn cứ Quyết định ủy quyền số.... ngày.... tháng... năm... của Trưởng Thi hành án dân sự.... (nếu có);**Căn cứ.....;**Xét thấy người phải thi hành án đã có điều kiện thi hành án.***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Tiếp tục thi hành Quyết định thi hành án số...../QĐ-THADS.KV.../NV... ngày.... thángnăm.....của.....

Đối với khoản:

.....
.....

Kể từ ngày.....tháng.....năm.....

Điều 2. Chấp hành viên được phân công tổ chức thi hành án có trách nhiệm thi hành Quyết định này.**Điều 3.** Người phải thi hành án, người được thi hành án và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.**Nơi nhận:**

- Như Điều 2, 3;
- Viện kiểm sát nhân dân.....;
- Kế toán nghiệp vụ;
- Phòng THADS KV.../NV...;
-
- Lưu: VT, HSTHA.

TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ/
TUQ. TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
CHẤP HÀNH VIÊN TRƯỞNG
PHÒNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ KHU VỰC...

Mẫu số: A11-THADS*(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)***CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/QĐ-THADS.KV.../NV...

....., ngày.....tháng.....năm 20....

**QUYẾT ĐỊNH
Về việc ủy thác thi hành án****TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ***Căn cứ khoản 2 Điều 22, điểm... khoản 1 Điều 49 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15; khoản... Điều 26 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự;**Căn cứ Bản án, Quyết định số... ngày...tháng...năm... của**Căn cứ Quyết định thi hành án số...../QĐ-THADS ngày...tháng...năm... của Trưởng Thi hành án dân sự..... (nếu có);**Căn cứ Quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành án số... ngày..... tháng năm..... của(nếu có);**Căn cứ Quyết định về việc tiếp tục thi hành án số..... ngày... tháng... năm của(nếu có);**Căn cứ Quyết định về việc thu hồi quyết định thi hành án số..... ngày..... thángnăm của Trưởng Thi hành án dân sự.....(nếu có);**Căn cứ Quyết định ủy quyền số.... ngày.... tháng... năm... của Trưởng Thi hành án dân sự.... (nếu có);**Theo.....***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Ủy thác cho Thi hành án dân sự.....tiếp tục thi hành án đối với:.....

địa chỉ:.....

số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã:.....

Theo Quyết định thi hành án số.....ngày.....tháng.....năm.....của Trưởng Thi hành án dân sựthì.....phải thi hành các khoản sau:

.....
.....

Thi hành án dân sựđã thi hành xong các khoản:

.....
.....

Thi hành án dân sựđang thi hành các khoản (trường hợp ủy thác theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15):

Các khoản ủy thác thi hành:

Điều 2. Các tài liệu gửi kèm gồm:

Điều 3. Người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc thi hành án liên hệ với để thi hành các khoản ủy thác thi hành nêu tại Điều 1 Quyết định này/.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 1, 3;
- Viện kiểm sát nhân dân.....;
- Kế toán nghiệp vụ;
- Phòng THADS KV.../NV....;
- Trại giam/Trại tạm giam..... nơi người phải THA đang chấp hành án (nếu có);
-
- Lưu: VT, HSTHA.

**TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ/
TUQ. TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
CHẤP HÀNH VIÊN TRƯỞNG
PHÒNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ KHU VỰC...**

Mẫu số: A12-THADS*(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)***CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/QĐ-THADS.KV.../NV...

....., ngày.....tháng.....năm 20....

**QUYẾT ĐỊNH
Về việc khôi phục thời hiệu yêu cầu thi hành án****TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ***Căn cứ khoản 2 Điều 22, khoản 2 Điều 34 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15; điểm....khoản 1 Điều 3, khoản 2 Điều 10 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự;**Căn cứ Bản án, Quyết định số... ngày...tháng...năm... của;
Căn cứ Quyết định ủy quyền số.... ngày.... tháng... năm... của Trưởng Thi hành án dân sự.... (nếu có);**Xét yêu cầu khôi phục thời hiệu yêu cầu thi hành án của.....
địa chỉ:.....***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Khôi phục thời hiệu yêu cầu thi hành án của:.....
địa chỉ:.....
số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có):
đối với Bản án, Quyết định số.....ngày.....tháng.....năm.....
của**Điều 2.** Người được thi hành án, người phải thi hành án và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Viện kiểm sát nhân dân.....;
- Phòng THADS KV.../NV....;
-
- Lưu: VT, HSTHA;

**TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ/
TUQ. TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
CHẤP HÀNH VIÊN TRƯỞNG
PHÒNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ KHU VỰC...**

Mẫu số: A13-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ..... **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/QĐ-THADS.KV.../NV... .., ngày.....tháng.....năm 20....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thu hồi quyết định về thi hành án**TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**

Căn cứ khoản 2 Điều 22, điểm.....khoản 1 Điều 52/ khoản 3 Điều 52/khoản 5 Điều 62/khoản 2 Điều 64 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15/khoản 2, Điều 11 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Bản án, Quyết định số... ngày...tháng...năm... của.....;

Căn cứ Quyết định thi hành án số...../QĐ-THADS ngày...tháng...năm... của Trưởng Thi hành án dân sự.....;

Căn cứ Quyết định về việc.... số... ngày...tháng...năm... của Trưởng Thi hành án dân sự.....;

Căn cứ Quyết định ủy quyền số.... ngày.... tháng... năm... của Trưởng Thi hành án dân sự.... (nếu có);

Xét đề nghị của Chấp hành viên được phân công tổ chức thi hành án.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi một phần (toàn bộ) Quyết định về việc.... số ngày tháng năm của Trưởng Thi hành án dân sự

Nội dung thu hồi (trong trường hợp thu hồi một phần):

.....

Hậu quả pháp lý của việc thu hồi:

.....

Điều 2. Chấp hành viên được phân công tổ chức thi hành án, người được thi hành án, người phải thi hành án và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Viện kiểm sát nhân dân...;
- Kế toán nghiệp vụ;
- Phòng THADS KV../NV..;
-
- Lưu: VT, HSTHA.

TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ/
TUQ. TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
CHẤP HÀNH VIÊN TRƯỞNG
PHÒNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ KHU VỰC...

Mẫu số: A14-THADS*(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)***CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/QĐ-THADS.KV.../NV...

....., ngày.....tháng.....năm 20....

**QUYẾT ĐỊNH
Về việc thu hồi quyết định về thi hành án****CHẤP HÀNH VIÊN***Căn cứ khoản 1 Điều 25, điểmkhoản 1 Điều 52 Luật Thi hành án dân sự
số 106/2025/QH15;**Căn cứ Bản án, Quyết định số... ngày...tháng...năm... của**Căn cứ Quyết định thi hành án số...../QĐ-THADS ngày...tháng...năm... của
Trưởng Thi hành án dân sự.....;**Căn cứ Quyết định về việc.....số... ngày...tháng...năm... của Chấp hành viên
Thi hành án dân sự.....;**Xét***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Thu hồi một phần (toàn bộ) Quyết định về việc..... số ngày
tháng năm của Chấp hành viên Thi hành án dân sự.....

Nội dung thu hồi (trong trường hợp thu hồi một phần):

.....
.....

Hậu quả pháp lý của việc thu hồi:

.....
.....**Điều 2.** Người được thi hành án, người phải thi hành án và những người có
quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Viện kiểm sát nhân dân.....;
- Kế toán nghiệp vụ;
-
- Lưu: VT, HSTHA.

CHẤP HÀNH VIÊN

Mẫu số: A15-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-THADS.KV.../NV...

....., ngày.....tháng.....năm 20....

QUYẾT ĐỊNH**Về việc sửa đổi, bổ sung quyết định về thi hành án****TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**

Căn cứ khoản 2 Điều 22, khoản 2/khoản 3 Điều 52 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15/ khoản 6 Điều 54 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Bản án, Quyết định số... ngày...tháng...năm... của.....;
Căn cứ Quyết định thi hành án số...../QĐ-THADS ngày...tháng.... năm.... của Trưởng Thi hành án dân sự.....;

Căn cứ Quyết định về việc....số.....ngày...tháng...năm... của Trưởng Thi hành án dân sự.....;

Căn cứ Quyết định ủy quyền số.... ngày.... tháng... năm... của Trưởng Thi hành án dân sự.... (nếu có);

Xét đề nghị của Chấp hành viên được phân công tổ chức thi hành án.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Quyết định về việc...số/QĐ-THADS.KV.../NV... ngày.... tháng...năm... của Trưởng Thi hành án dân sự.....

Nội dung sửa đổi, bổ sung:

.....

Điều 2. Chấp hành viên được phân công tổ chức thi hành án có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Người được thi hành án, người phải thi hành án và những người có quyền lợi,, nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2,3;
- Viện kiểm sát nhân dân.....;
- Kế toán nghiệp vụ;
- Phòng THADS KV..../NV....;
-
- Lưu: VT, HSTHA.

TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ/
TUQ. TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
CHẤP HÀNH VIÊN TRƯỞNG
PHÒNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ KHU VỰC...

Mẫu số: A16-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)**CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ..... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-THADS.KV.../NV... .., ngày.....tháng.....năm 20....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc sửa đổi, bổ sung quyết định về thi hành án**CHẤP HÀNH VIÊN***Căn cứ khoản 1 Điều 25, khoản 2/khoản 3 Điều 52 Luật Thi hành án dân sự
số 106/2025/QH15;**Căn cứ Bản án, Quyết định số... ngày...tháng...năm...của.....;**Căn cứ Quyết định thi hành án số...../QĐ-THADS ngày tháng năm....
của Trưởng Thi hành án dân sự.....;**Căn cứ Quyết định về việc.... số..... ngày...tháng...năm... của Chấp hành viên
Thi hành án dân sự.....***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung Quyết định về việc....số.... ngày...tháng....năm... của
Chấp hành viên Thi hành án dân sự.....

Nội dung sửa đổi, bổ sung:

.....
.....**Điều 2.** Người được thi hành án, người phải thi hành án và những người có
quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Viện kiểm sát nhân dân.....;
- Kế toán nghiệp vụ;
-
- Lưu: VT, HSTHA.

CHẤP HÀNH VIÊN

Mẫu số: A17-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-THADS.KV.../NV...

....., ngày.....tháng.....năm 20...

QUYẾT ĐỊNH
Về việc hủy quyết định về thi hành án**TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ***Căn cứ khoản 2 Điều 22, điểm.....khoản 4 Điều 52 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15;**Căn cứ Bản án, Quyết định số... ngày...tháng...năm... của**Căn cứ Quyết định thi hành án số...../QĐ-THADS ngày...tháng... năm... của Trưởng Thi hành án dân sự.....;**Căn cứ Quyết định về việc.... số.... ngày...tháng...năm... của.....;**Căn cứ Quyết định ủy quyền số.... ngày.... tháng... năm... của Trưởng Thi hành án dân sự.... (nếu có);**Xét***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Hủy một phần (toàn bộ) Quyết định về việc.... số ngày tháng ... năm của

Nội dung hủy (trong trường hợp hủy một phần):

.....

Hậu quả pháp lý của việc hủy một phần (toàn bộ) quyết định:

.....

Điều 2. Chấp hành viên được phân công tổ chức thi hành án, người được thi hành án, người phải thi hành án và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Viện kiểm sát nhân dân.....;
- Kế toán nghiệp vụ;
- Phòng THADS KV..../NV....;
-
- Lưu: VT, HSTHA.

TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ/
TUQ. TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
CHẤP HÀNH VIÊN TRƯỞNG
PHÒNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ KHU VỰC...

Mẫu số: A18-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-THADS.KV.../NV...

....., ngày.....tháng.....năm 20....

QUYẾT ĐỊNH**Về việc thoái thu khoản tiền đã sung quỹ nhà nước****TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**

Căn cứ khoản 2 Điều 22, khoản 4 Điều 57 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15/khoản 4 Điều 34/khoản 4 Điều 41 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự; điểm b khoản 2 Điều 10 Thông tư số 328/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 72/2021/TT-BTC, Thông tư số 23/2025/TT-BTC ;

Căn cứ Quyết định sung quỹ nhà nước số/QĐ-THADS.KV.../NV... ngày...tháng...năm... của Trưởng Thi hành án dân sự.....;

Căn cứ Bản án, Quyết định số... ngày...tháng...năm... của

Căn cứ Quyết định thi hành án số/QĐ-THADS ngày...tháng...năm ... của Trưởng Thi hành án dân sự.....;

Căn cứ Quyết định ủy quyền số.... ngày.... tháng... năm... của Trưởng Thi hành án dân sự.... (nếu có);

Căn cứ.....(nếu có);

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thoái thu khoản tiền đã sung quỹ nhà nước của:.....

địa chỉ:

số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã:.....

Số tiền thoái thu:

Lý do thoái thu:

Điều 2. Chấp hành viên được phân công tổ chức thi hành án, kế toán nghiệp vụ và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Viện kiểm sát nhân dân.....;
- Kế toán nghiệp vụ;
- Phòng THADS KV..../NV....;
-
- Lưu: VT, HSTHA.

TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ/**TUQ. TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ****CHẤP HÀNH VIÊN TRƯỞNG****PHÒNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ KHU VỰC...**

Mẫu số: A19-THADS*(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)***CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/QĐ-THADS

....., ngày.....tháng.....năm 20....

QUYẾT ĐỊNH**Thi hành quyết định tuyên bố phá sản****TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**

Căn cứ khoản 2 Điều 22, khoản 1 Điều 32, điểm g khoản 2 Điều 33 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15; khoản 2 Điều 76 Luật Phục hồi, phá sản số 142/2025/QH15; khoản 1 Điều 4 Nghị định số 64/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phục hồi, phá sản về thi hành quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản; khoản 1 Điều 12 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Quyết định tuyên bố phá sản số... ngày...tháng...năm...của;

Căn cứ Quyết định về việc ủy thác.....số... ngày.....tháng..... năm..... của
.....(nếu có)

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho thi hành Quyết định tuyên bố phá sản số... ngày...tháng... năm... củađối với:(tên doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản).....
địa chỉ, trụ sở chính:
mã số doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản:.....

Các khoản phải thi hành:

.....
.....

Điều 2. Chấp hành viên được phân công có trách nhiệm phụ trách vụ việc này.

Điều 3. Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản..... đã được Tòa án..... chỉ định, người tham gia thủ tục phá sản có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2, 3;
- Toà án nhân dân.....;
- Viện kiểm sát nhân dân.....;
- Người tham gia thủ tục phá sản;
- Kế toán nghiệp vụ;
- Phòng THADS KV..../NV....;
-;
- Lưu: VT, HS.

TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Mẫu số: A20-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ..... **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/QĐ-THADS.KV.../NV... .., ngày.....tháng.....năm 20....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phong tỏa tài khoản/tài sản

CHẤP HÀNH VIÊN

Căn cứ khoản 5 Điều 25, điểm a khoản 1 Điều 66, Điều 67 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15; Điều 43 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Bản án, Quyết định số... ngày...tháng...năm... của.....;

Căn cứ Quyết định thi hành án số:/QĐ-THADS ngày...tháng...năm... của Trưởng Thi hành án dân sự.....;

Căn cứ đơn đề nghị phong tỏa tài khoản/tài sản của..... địa chỉ:.....(nếu có).....;

Căn cứ Biên bản phong tỏa tài khoản/tài sản ngày....tháng....năm.... của Chấp hành viên Thi hành án dân sự.....(nếu có);

Xét thấy cần ngăn chặn việc tẩu tán tiền trong tài khoản/tài sản ở nơi gửi giữ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phong tỏa tài khoản/tài sản:tại..... của.....

địa chỉ:.....

số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có):.....

Số tiền phải thi hành án và các chi phí thi hành án tính đến thời điểm có quyết định phong tỏa:..... (bằng chữ).

Điều 2. phải thực hiện ngay quyết định, yêu cầu của Chấp hành viên về phong tỏa tài khoản/tài sản. Trường hợpkhông thực hiện quyết định, yêu cầu của Chấp hành viên dẫn đến đương sự tẩu tán tài sản thì bị xử lý theo quy định của pháp luật, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường.

Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi thực hiện việc phong tỏa thìphải thông báo cho cơ quan thi hành án dân sự về kết quả thực hiện.

Điều 3., người phải thi hành án và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 1, 2;
- Viện kiểm sát nhân dân.....;
- Cơ quan, tổ chức.....;
- Kế toán nghiệp vụ;
-
- Lưu: VT, HSTHA.

CHẤP HÀNH VIÊN

Mẫu số: A21-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-THADS.KV.../NV...

....., ngày.....tháng.....năm 20....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc tạm giữ tài sản, giấy tờ**CHẤP HÀNH VIÊN***Căn cứ khoản 5 Điều 25, điểm c khoản 1 Điều 66, Điều 69 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15;**Căn cứ Bản án, Quyết định số... ngày...tháng...năm...của.....;**Căn cứ Quyết định thi hành án số...../QĐ-THADS ngày..... tháng.....năm..... của Trưởng Thi hành án dân sự.....;**Căn cứ Biên bản tạm giữ tài sản, giấy tờ ngày....tháng.... năm..... của Chấp hành viên Thi hành án dân sự.....(nếu có);**Xét đơn đề nghị của địa chỉ:.....(nếu có);**Xét thấy cần ngăn chặn việc chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, tẩu tán, hủy hoại, thay đổi hiện trạng tài sản, trốn tránh việc thi hành án.***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Tạm giữ tài sản, giấy tờ của:.....
địa chỉ:.....
số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có):.....

Tài sản, giấy tờ tạm giữ gồm:

.....
.....**Điều 2.** Người được thi hành án, người phải thi hành án và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.**Nơi nhận:**

- Như Điều 1, 2;
- Viện kiểm sát nhân dân.....;
- Kế toán nghiệp vụ;
-;
- Lưu: VT, HSTHA.

CHẤP HÀNH VIÊN

Mẫu số: A22-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-THADS.KV.../NV...

....., ngày.....tháng.....năm 20....

QUYẾT ĐỊNH**Về việc buộc chuyển quyền sở hữu chứng khoán****CHẤP HÀNH VIÊN**

*Căn cứ khoản 5 Điều 25, khoản 6 Điều 71 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15;
Điều 72 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều
và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự;*

Căn cứ Bản án, Quyết định số... ngày...tháng...năm... của.....;

*Căn cứ Quyết định thi hành án số...../QĐ-THADS ngày...tháng...năm... của
Trưởng Thi hành án dân sự.....;*

*Xét thấy..... có điều kiện thi hành án nhưng
không tự nguyện thi hành án.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cưỡng chế thi hành án đối với:.....
địa chỉ:.....
số định danh/mã số doanh nghiệp hợp tác xã (nếu có):.....

Buộc chuyển quyền sở hữu các chứng khoán sau:

.....
.....

Cho(người được thi hành án).....
địa chỉ.....
số định danh/mã số doanh nghiệp hợp tác xã (nếu có):.....

Điều 2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định này..... (tên tổ chức có chức năng lưu ký và bù trừ chứng khoán, cơ quan, tổ chức khác có thẩm quyền).....phải thực hiện việc chuyển quyền sở hữu chứng khoán cho..... theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện việc chuyển quyền sở hữu chứng khoán cho người được thi hành án, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, cơ quan, tổ chức khác có thẩm quyền phải thông báo cho Thi hành án dân sự..... về kết quả thực hiện.

Điều 3. Người được thi hành án, người phải thi hành án và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 1, 2;
- Viện kiểm sát nhân dân.....;
- Kế toán nghiệp vụ;
-;
- Lưu: VT, HSTHA.

CHẤP HÀNH VIÊN

Mẫu số: A23-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-THADS.KV.../NV...

....., ngày.....tháng.....năm 20....

QUYẾT ĐỊNH**Về việc tạm ngừng giao dịch, tạm dừng việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu,
quyền sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản****CHẤP HÀNH VIÊN***Căn cứ khoản 5 Điều 25, điểm b khoản 1 Điều 66, Điều 68 Luật Thi hành án dân sự
số 106/2025/QH15;**Căn cứ Bản án, Quyết định số... ngày...tháng...nămcủa**Căn cứ Quyết định thi hành án số:/QĐ-THADS ngày...tháng...năm... của
Trưởng Thi hành án dân sự.....;**Căn cứ đơn đề nghị tạm ngừng giao dịch, tạm dừng việc đăng ký, chuyển quyền
sở hữu, quyền sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản của.....
địa chỉ:.....**.....(nếu có);**Xét thấy cần ngăn chặn hành vi chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng, tẩu tán,
hủy hoại, thực hiện các giao dịch về tài sản hoặc thay đổi hiện trạng tài sản, trốn
tránh việc thi hành án.***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Tạm ngừng giao dịch, tạm dừng việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu,
quyền sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản của.....

địa chỉ:.....

số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có):.....

Đối với tài sản.....

.....

Điều 2., người phải thi hành án và người có
quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.**Nơi nhận:**

- Như Điều 1, 2;
- Viện kiểm sát nhân dân.....;
- Cơ quan, tổ chức.....;
- UBND xã, phường.....;
-
- Lưu: VT, HSTHA.

CHẤP HÀNH VIÊN

Mẫu số: A24-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư
pháp)CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-THADS.KV.../NV..., ngày.....tháng.....năm 20....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chấm dứt áp dụng biện pháp bảo đảm**CHẤP HÀNH VIÊN***Căn cứ khoản 1 Điều 25, điểm... khoản 2 Điều 95 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15;**Căn cứ Bản án, Quyết định số.....ngày.....tháng.....nămcủa**Căn cứ Quyết định thi hành án số/QĐ-THADS ngày.....thángnăm của Trưởng Thi hành án dân sự.....;**Căn cứ Quyết định về việc.....số:...../QĐ-THADS.KV.../NV... ngày.....tháng.....năm của Chấp hành viên Thi hành án dân sự**Căn cứ đơn đề nghị chấm dứt áp dụng biện pháp bảo đảm.....(nếu có);**Xét thấy.....***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Chấm dứt áp dụng biện pháp
đối với tài sản/tài khoản:.....

.....

của:.....

địa chỉ:.....

số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã:

Điều 2., người phải thi hành án và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.**Nơi nhận:**

- Như Điều 1, 2;
- Viện kiểm sát nhân dân.....;
- Cơ quan, tổ chức.....;
- Kế toán nghiệp vụ;
-;
- Lưu: VT, HSTHA.

CHẤP HÀNH VIÊN

Mẫu số: A25-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-THADS.KV.../NV...

....., ngày.....tháng.....năm 20....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phong tỏa chứng khoán**CHẤP HÀNH VIÊN**

Căn cứ khoản 5 Điều 25, điểm a khoản 1 Điều 66, Điều 67 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15; khoản 1 Điều 57 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Bản án, Quyết định số... ngày...tháng...năm... của.....;

Căn cứ Quyết định thi hành án số:/QĐ-THADS ngày...tháng...năm... của Trưởng Thi hành án dân sự.....;

Căn cứ đơn đề nghị phong tỏa tài khoản, tài sản của.....
địa chỉ:.....(nếu có).....;

Căn cứ Biên bản phong tỏa tài khoản, tài sản ngày....tháng....năm.... của Chấp hành viên Thi hành án dân sự.....(nếu có);

Xét thấy

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phong tỏa chứng khoán tại.....
của.....
địa chỉ.....
số định danh/số chứng minh nhân dân/căn cước/hộ chiếu/ mã số doanh nghiệp/giấy
tờ pháp lý khác (nếu có):.....

Mã số giao dịch chứng khoán:.....

Số tiền phải thi hành án và các chi phí thi hành án tính đến thời điểm có quyết
định phong tỏa:..... (bằng chữ).

Mã chứng khoán, số lượng chứng khoán đề nghị phong tỏa:.....

Số tài khoản chứng khoán (nếu có):.....

Điều 2. phải thực hiện phong tỏa chứng
khoản theo quy định của pháp luật về chứng khoán trong thời hạn 01 ngày làm việc
kể từ ngày nhận được quyết định này và gửi thông báo cho cơ quan thi hành án dân
sự và thành viên lưu ký.

Trường hợpkhông thực hiện
dẫn đến đương sự tẩu tán tài sản thì bị xử lý theo quy định của pháp luật, nếu gây
thiệt hại thì phải bồi thường.

Điều 3., người phải thi hành án và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 1, 2;
- Viện kiểm sát nhân dân.....;
- Cơ quan, tổ chức.....;
- Kế toán nghiệp vụ;
-;
- Lưu: VT, HSTHA.

CHẤP HÀNH VIÊN

Mẫu số: A26-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ..... **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/QĐ-THADS.KV.../NV... .., ngày.....tháng.....năm 20....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc khấu trừ tiền trong tài khoản

CHẤP HÀNH VIÊN

Căn cứ khoản 5 Điều 25, khoản 1 Điều 71, Điều 73 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15; Điều 49 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Bản án, Quyết định số.....ngày.....tháng.....nămcủa

Căn cứ Quyết định thi hành án số/QĐ-THADS ngày.....tháng....năm.... của Trưởng Thi hành án dân sự.....;

Căn cứ Quyết định phong tỏa tài khoản, tài sản số.....ngày....tháng..... năm.....của Chấp hành viên Thi hành án dân sự.....(nếu có);

Xét thấy:có tiền trong tài khoản tại nhưng không tự nguyện thi hành án.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Khấu trừ tiền đối với:.....
 địa chỉ:

số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có):.....

Số tiền khấu trừ:(bằng chữ),
 trong tài khoảnsốcủa.....mở tại:.....

Thời hạn thực hiện việc khấu trừ.....

Điều 2.có trách nhiệm chuyển số tiền nêu tại Điều 1 Quyết định này vào tài khoảncủa ...
mở tại.....

Điều 3., người được thi hành án, người phải thi hành án và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2, 3;
- Viện kiểm sát nhân dân.....;
- Cơ quan, tổ chức.....;
- Kế toán nghiệp vụ;
-
- Lưu: VT, HSTH

CHẤP HÀNH VIÊN

Mẫu số: A27-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/QĐ-THADS.KV.../NV...

....., ngày.....tháng.....năm 20....

QUYẾT ĐỊNH**Về việc trừ vào thu nhập của người phải thi hành án****CHẤP HÀNH VIÊN**

Căn cứ khoản 5 Điều 25, khoản 2 Điều 71, Điều 76 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15; Điều 51 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Bản án, Quyết định số.....ngày.....tháng.....năm ...của

Căn cứ Quyết định thi hành án số/QĐ-THADS...ngày..... tháng..... nămcủa Trưởng Thi hành án dân sự.....;

Xét thấy..... có điều kiện thi hành án nhưng không tự nguyện thi hành án.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Trừ vào thu nhập của:.....
địa chỉ:.....
số định danh (nếu có):.....
Số tiền phải thi hành án: (bằng chữ.....)
Số tiền phải trừ vào thu nhập: (bằng chữ.....),
tại:..... để thi hành án.

Thời hạn thực hiện việc khấu trừ.....

Điều 2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày bắt đầu kỳ chi trả gần nhất..... có trách nhiệm chuyển số tiền nêu tại Điều 1 Quyết định này vào tài khoảncủa Thi hành án dân sựmở tại.....để thi hành án, đồng thời thông báo cho người phải thi hành án biết.

Điều 3......, người được thi hành án, người phải thi hành án và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2, 3;
- Viện kiểm sát nhân dân.....;
- Cơ quan, tổ chức.....;
- Kế toán nghiệp vụ;
-
- Lưu: VT, HSTHA.

CHẤP HÀNH VIÊN

Mẫu số: A28-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-THADS.KV.../NV...

....., ngày.....tháng.....năm 20....

QUYẾT ĐỊNH**Về việc thu tiền từ hoạt động kinh doanh của người phải thi hành án****CHẤP HÀNH VIÊN**

Căn cứ khoản 5 Điều 25, khoản 1 Điều 71, khoản 1 Điều 74 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15; khoản 1 Điều 50 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Bản án, Quyết định số:... ngày...tháng...năm... của

Căn cứ Quyết định thi hành án số/QĐ-THADS ngày...tháng...năm... của Trưởng Thi hành án dân sự.....;

Xét thấy.....có điều kiện thi hành án nhưng không tự nguyện thi hành án.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu tiền từ hoạt động kinh doanh của
địa chỉ:.....
số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có):.....
Số tiền(bằng chữ.....),
tại:..... để thi hành án.

Thời hạn thực hiện.....

Điều 2......có trách nhiệm chuyển số tiền nêu tại Điều 1 Quyết định này vào tài khoảncủa Thi hành án dân sựmở tại.....trước ngày.....cho Thi hành án dân sự.....để thi hành án.

Điều 3......, người được thi hành án, người phải thi hành án và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2, 3;
- Viện kiểm sát nhân dân
- Cơ quan, tổ chức.....;
- Kế toán nghiệp vụ;
-
- Lưu: VT, HSTHA.

CHẤP HÀNH VIÊN

Mẫu số: A29-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ..... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-THADS.KV.../NV... .., ngày.....tháng.....năm 20....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thu tiền của người phải thi hành án

CHẤP HÀNH VIÊN

Căn cứ khoản 5 Điều 25, khoản 1 Điều 71, khoản 2 Điều 74 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15;

Căn cứ Bản án, Quyết định số.....ngày.....tháng.....nămcủa

Căn cứ Quyết định thi hành án số...../QĐ-THADS ngày...tháng...năm... của
Trưởng Thi hành án dân sự.....;

Xét thấy có điều kiện thi hành án nhưng không
tự nguyện thi hành án.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu tiền của
địa chỉ:
số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có):.....
Số tiền(bằng chữ.....),
tại..... để thi hành án.

Điều 2. Người được thi hành án, người phải thi hành án và những người có
quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Viện kiểm sát nhân dân
- Cơ quan, tổ chức.....;
- Kế toán nghiệp vụ;
-
- Lưu: VT, HSTHA.

CHẤP HÀNH VIÊN

Mẫu số: A30-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-THADS.KV.../NV...

....., ngày.....tháng.....năm 20....

QUYẾT ĐỊNH**Về việc thu tiền của người phải thi hành án đang do người thứ ba giữ****CHẤP HÀNH VIÊN**

Căn cứ khoản 5 Điều 25, khoản 1 Điều 71, khoản 3 Điều 74 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15; khoản 2 Điều 50 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Bản án, Quyết định số... ngày...tháng...năm... của

Căn cứ Quyết định thi hành án số...../QĐ-THADS ngày...tháng...năm... của Trưởng Thi hành án dân sự.....;

Căn cứ.....;

Xét thấy..... có tiền đang do..... giữ nhưng không tự nguyện thi hành án.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu tiền của:.....
địa chỉ:.....
số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có):.....
Số tiền:(bằng chữ.....),
hiện đang do:
địa chỉ:.....
số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có):.....
giữ để thi hành án.

Điều 2......có trách nhiệm nộp số tiền nêu tại Điều 1 Quyết định này cho Thi hành án dân sự..... hoặc nộp vào tài khoản.....của Thi hành án dân sựmở tại trước ngày..... để thi hành án.

Điều 3., người được thi hành án, người phải thi hành án và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:**CHẤP HÀNH VIÊN**

- Như Điều 2, 3;
- Viện kiểm sát nhân dân.....;
- UBND xã, phường.....;
- Kế toán nghiệp vụ;
-
- Lưu: VT, HSTHA.

Mẫu số: A31-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-THADS.KV.../NV...

....., ngày.....tháng.....năm 20....

QUYẾT ĐỊNH**Về việc thu giữ giấy tờ có giá của người phải thi hành án****CHẤP HÀNH VIÊN**

Căn cứ khoản 5 Điều 25, khoản 1 Điều 71, Điều 75 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15;

Căn cứ Bản án, Quyết định số... ngày...tháng...năm... của

Căn cứ Quyết định thi hành án số: .../QĐ-THADS ngày...tháng...năm... của
Trưởng Thi hành án dân sự

Căn cứ

Xét thấycó giấy tờ có giá đang do.....giữ nhưng
không tự nguyện thi hành án.**QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Thu giữ giấy tờ có giá của:
địa chỉ:.....

số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có):.....

Giấy tờ có giá thu giữ gồm:

.....
đang dogiữ để thi hành án.**Điều 2.**có trách nhiệm chuyển
các giấy tờ nêu tại Điều 1 Quyết định này cho Thi hành án dân sự.....**Điều 3.**, người được thi hành án, người
phải thi hành án và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm
thi hành Quyết định này.**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Viện kiểm sát nhân dân.....;
- UBND xã, phường.....;
- Kế toán nghiệp vụ;
-
- Lưu: VT, HSTHA.

CHẤP HÀNH VIÊN

Mẫu số: A32-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/QĐ-THADS.KV.../NV...

....., ngày.....tháng.....năm 20....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc kê biên, xử lý tài sản**CHẤP HÀNH VIÊN**

Căn cứ khoản 5 Điều 25, khoản 4 Điều 71, khoản 1 Điều 78, điểm....khoản 3 Điều 78 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15; Điều Nghị định số 152/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Bản án, Quyết định số... ngày...tháng...năm... của;
Căn cứ Quyết định thi hành án số: .../QĐ-THADS ngày...tháng...năm... của
Trưởng Thi hành án dân sự.....;

Căn cứ.....;
Xét thấy có điều kiện thi hành án nhưng
không tự nguyện thi hành.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kê biên, xử lý tài sản của:.....
địa chỉ:.....
số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có):.....
Tài sản kê biên, xử lý gồm:

Điều 2. không được chuyển dịch,
sang nhượng các tài sản nêu tại Điều 1 Quyết định này cho đến khi thi hành án
xong hoặc có quyết định của Thi hành án dân sự.....

Điều 3. Người được thi hành án, người phải thi hành án và những người có quyền
lợi, nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2, 3;
- Viện kiểm sát nhân dân.....;
- UBND xã, phường.....;
- Kế toán nghiệp vụ;
-;
- Lưu: VT, HSTHA.

CHẤP HÀNH VIÊN

Mẫu số: A33-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ..... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-THADS.KV.../NV... .., ngày.....tháng.....năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc kê biên quyền sở hữu trí tuệ

CHẤP HÀNH VIÊN

Căn cứ khoản 5 Điều 25, khoản 4 Điều 71, khoản 1, điểm e khoản 3 Điều 78 Luật
 Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15;
 Căn cứ Bản án, Quyết định số.... ngày...tháng...năm... của.....;
 Căn cứ Quyết định thi hành án số...../QĐ-THADS ngày.....tháng.....năm.....của
 Trưởng Thi hành án dân sự.....;
 Căn cứ.....;
 Xét thấy..... có điều kiện thi hành án nhưng không
 tự nguyện thi hành án.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kê biên quyền sở hữu trí tuệ thuộc sở hữu của
 địa chỉ:
 số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có):.....
 Quyền sở hữu trí tuệ bị kê biên gồm:

Điều 2. Giao cho sử dụng, khai thác quyền
 sở hữu trí tuệ nêu tại Điều 1 Quyết định này kể từ ngày.....tháng.....năm.....
 đến khi.....;

..... phải nộp số tiền thu được sau khi trừ các
 chi phí cần thiết vào tài khoản số..... mở tại.....của Thi hành án
 dân sự..... để thi hành án.

Điều 3., người phải thi hành án, người được
 thi hành án và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm thi
 hành Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2, 3;
- Viện kiểm sát nhân dân.....;
- Kế toán nghiệp vụ;
-
- Lưu: VT, HSTHA.

CHẤP HÀNH VIÊN

Mẫu số: A34-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-THADS.KV.../NV... .., ngày.....tháng.....năm 20....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giảm giá tài sản (lần....)**CHẤP HÀNH VIÊN***Căn cứ khoản 1 Điều 25, khoản 3 Điều 83 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15;**Căn cứ Bản án, Quyết định số... ngày...tháng...năm... của.....;**Căn cứ Quyết định thi hành án số...../QĐ-THADS ngày...tháng ...năm..... của
Trưởng Thi hành án dân sự.....;**Căn cứ Thông báo về việc tài sản đấu giá không thành số....
ngày....tháng....năm....của.....;**Xét thấy người được thi hành án không đồng ý nhận tài sản để thi hành án (áp
dụng từ lần giảm giá thứ hai trở đi).***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Giảm giá tài sản của:.....
địa chỉ:.....

Tài sản giảm giá gồm:

.....
.....
.....

Giá khởi điểm của lần bán đấu giá liền kề.....

Mức giảm giá là%.

Giá sau khi giảm giá:.....

Điều 2. Người phải thi hành án, người được thi hành án và những người có
quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Viện kiểm sát nhân dân.....;
- Kế toán nghiệp vụ;
-
- Lưu: VT, HSTHA.

CHẤP HÀNH VIÊN

Mẫu số: A35-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-THADS.KV.../NV... .., ngày.....tháng.....năm 20....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải tỏa kê biên tài sản**CHẤP HÀNH VIÊN**

Căn cứ khoản 1 Điều 25, điểm...khoản 3 Điều 95 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15; điểm c khoản 1 Điều 27 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự (nếu có);

Căn cứ Bản án, Quyết định số... ngày...tháng...năm... của.....;

Căn cứ Quyết định thi hành án số...../QĐ-THADS ngày...tháng...năm... của Trưởng Thi hành án dân sự.....;

Căn cứ Quyết định về việc kê biên số..... ngày...tháng...năm... của Chấp hành viên Thi hành án dân sự.....;

Căn cứ kết quả thi hành án của:..... địa chỉ:

Căn cứ.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giải tỏa kê biên tài sản của:.....
địa chỉ:.....

số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có):.....

Tài sản giải tỏa kê biên gồm:

.....
.....
.....

Điều 2. Người phải thi hành án, người được thi hành án và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Viện kiểm sát nhân dân.....;
- UBND xã, phường.....;
- Kế toán nghiệp vụ;
-
- Lưu: VT, HSTHA.

CHẤP HÀNH VIÊN

Mẫu số: A36-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-THADS.KV.../NV... .., ngày.....tháng.....năm 20....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cưỡng chế khai thác tài sản**CHẤP HÀNH VIÊN**

Căn cứ khoản 5 Điều 25, khoản 3 Điều 71, Điều 77 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15; Điều 52 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Bản án, Quyết định số... ngày...tháng...năm... của.....;

Căn cứ Quyết định thi hành án số/QĐ-THADS ngày...tháng...năm... của Trưởng Thi hành án dân sự.....;

Xét thấy có điều kiện thi hành án nhưng không tự nguyện thi hành án.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cưỡng chế khai thác đối với tài sản:.....
của:.....địa chỉ:
số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã:.....
Hình thức khai thác đối với tài sản:

.....
Số tiền:.....
Kể từ.....cho đến.....
Thời điểm, phương thức nộp tiền cho cơ quan thi hành án dân sự:.....

Điều 2.(người khai thác tài sản) phải nộp
số tiền thu được sau khi trừ các chi phí cần thiết vào tài khoản số..... mở
tại.....của Thi hành án dân sự..... để thi hành án.

Trường hợp(người khai thác tài sản)..... không nộp tiền khai
thác tài sản thì cơ quan thi hành án dân sự sẽ giao cho người khác khai thác tài sản
hoặc kê biên, xử lý để thi hành án.

Điều 3., người phải thi hành án, người được thi hành án và những
người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2,3;
- Viện kiểm sát nhân dân.....;
- Cơ quan quản lý, đăng ký tài sản;
- UBND xã, phường.....;
- Kế toán nghiệp vụ;
-;
- Lưu: VT, HSTHA.

CHẤP HÀNH VIÊN

Mẫu số: A37-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-THADS.KV.../NV...

....., ngày.....tháng.....năm 20....

QUYẾT ĐỊNH**Về việc chấm dứt áp dụng biện pháp cưỡng chế khai thác tài sản****CHẤP HÀNH VIÊN***Căn cứ khoản 5 Điều 25, điểm... khoản 4 Điều 95 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15;**Căn cứ Bản án, Quyết định số... ngày...tháng...năm... của**Căn cứ Quyết định thi hành án số...../QĐ-THADS ngày...tháng...năm... của Trưởng Thi hành án dân sự.....;**Căn cứ Quyết định về việc cưỡng chế khai thác tài sản số..... ngày.... tháng... năm... của Chấp hành viên Thi hành án dân sự.....;**Xét thấy.....***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Chấm dứt việc cưỡng chế khai thác tài sản:.....

.....của:.....

địa chỉ:.....

số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có):.....

.....

.....

Kể từ.....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm

Điều 2. Người phải thi hành án, người được thi hành án và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Viện kiểm sát nhân dân.....;
- Kế toán nghiệp vụ;
-;
- Lưu: VT, HSTHA.

CHẤP HÀNH VIÊN

Mẫu số: A38-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-THADS.KV.../NV...

....., ngày.....tháng.....năm 20....

QUYẾT ĐỊNH**Về việc chuyển giao quyền, nghĩa vụ thi hành án****TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ***Căn cứ khoản 2 Điều 22, khoản 4 Điều 41 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15;**Căn cứ Bản án, Quyết định số... ngày...tháng...năm... của**Căn cứ Quyết định thi hành án số/QĐ-THADS ngày...tháng...năm... của
Trưởng Thi hành án dân sự.....;**Căn cứ Quyết định ủy quyền số.... ngày.... tháng... năm... của Trưởng Thi hành
án dân sự.... (nếu có);**Căn cứ.....;**Xét đề nghị của Chấp hành viên được phân công tổ chức thi hành án.***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Chuyển giao quyền, nghĩa vụ thi hành án của
địa chỉ:

số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã:

Cho người nhận chuyển giao là:

địa chỉ:

số định danh mã số doanh nghiệp, hợp tác xã:

Đối với khoản:

.....

.....

Kể từ ngày.....tháng.....năm.....

Điều 2. Chấp hành viên được phân công tổ chức thi hành án có trách nhiệm thi hành Quyết định này.**Điều 3.** Người phải thi hành án, người được thi hành án và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.**Nơi nhận:**

- Như Điều 2, 3;
- Viện kiểm sát nhân dân.....;
- Kế toán nghiệp vụ;
- Phòng THADS KV...../NV.....;
-
- Lưu: VT, HSTHA

**TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ/
TUQ. TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ/
CHẤP HÀNH VIÊN TRƯỞNG
PHÒNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ KHU VỰC...**

Mẫu số: A39-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ'.....**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-THADS.KV.../NV...

....., ngày.....tháng.....năm 20....

QUYẾT ĐỊNH**Về việc cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (nếu có)****CHẤP HÀNH VIÊN***Căn cứ khoản 5 Điều 25, khoản 4 Điều 71, khoản 1, điểm....khoản 3 Điều 78
Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15;**Căn cứ Bản án, Quyết định số... ngày...tháng...năm... của**Căn cứ Quyết định thi hành án số...../QĐ-THADS ngày...tháng...năm.... của
Trưởng Thi hành án dân sự.....;**Xét thấy..... có điều kiện thi hành án nhưng
không tự nguyện thi hành án.***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Kê biên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (nếu có)
của:.....

địa chỉ:.....

số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có):.....

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (nếu có) bị kê biên gồm:

.....
.....
.....**Điều 2.** Người được thi hành án, người phải thi hành án và những người có
quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Viện kiểm sát nhân dân.....;
- UBND xã, phường.....;
- Kế toán nghiệp vụ;
-;
- Lưu: VT, HSTHA.

CHẤP HÀNH VIÊN

Mẫu số: A40-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-THADS.KV.../NV...

....., ngày.....tháng.....năm 20....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cưỡng chế trả vật**CHẤP HÀNH VIÊN***Căn cứ khoản 5 Điều 25, khoản 5 Điều 71, điểm.... khoản 1 Điều 88 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15;**Căn cứ Bản án, Quyết định số... ngày...tháng...năm...của**Căn cứ Quyết định thi hành án số...../QĐ-THADS ngày...tháng...năm... của Trưởng Thi hành án dân sự.....;**Xét thấy..... có điều kiện thi hành án nhưng không tự nguyện thi hành án.***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Cưỡng chế thi hành án đối với:.....

địa chỉ:.....

số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có):.....

Trả cho:

địa chỉ:.....

số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có):.....

Vật phải trả gồm:

.....

.....

.....

Điều 2. Người được thi hành án, người phải thi hành án và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Viện kiểm sát nhân dân.....;
- UBND xã, phường.....;
- Kế toán nghiệp vụ;
-
- Lưu: VT, HSTHA.

CHẤP HÀNH VIÊN

Mẫu số: A41-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ..... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-THADS.KV.../NV... .., ngày.....tháng.....năm 20....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cưỡng chế giao, trả nhà, tài sản gắn liền với đất

CHẤP HÀNH VIÊN

Căn cứ khoản 5 Điều 25, khoản 5 Điều 71, Điều 89 Luật Thi hành án dân sự
số 106/2025/QH15;

Căn cứ Bản án, Quyết định số... ngày...tháng...năm... của.....;

Căn cứ Quyết định thi hành án số/QĐ-THADS ngày...tháng....năm.... của
Trưởng Thi hành án dân sự.....;

Xét thấy có điều kiện thi hành án nhưng không
tự nguyện thi hành án.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cưỡng chế thi hành án đối với.....

địa chỉ:.....

số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có):.....

Giao, trả nhà, tài sản gắn liền với đất tại.....
cho.....

địa chỉ:

số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có):.....

Tài sản gồm:

.....

.....

.....

Điều 2. Người được thi hành án, người phải thi hành án và những người có
quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Viện kiểm sát nhân dân.....;
- UBND xã, phường.....;
- Kế toán nghiệp vụ;
-
- Lưu: VT, HSTHA.

CHẤP HÀNH VIÊN

Mẫu số: A42-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-THADS.KV.../NV...

....., ngày.....tháng.....năm 20....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cưỡng chế giao, trả giấy tờ**CHẤP HÀNH VIÊN**

Căn cứ khoản 5 Điều 25, khoản 5 Điều 71, Điều 88 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15; khoản 1 Điều 70 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự;
Căn cứ Bản án, Quyết định số... ngày...tháng...năm...của;
Căn cứ Quyết định thi hành án số...../QĐ-THADS ngày...tháng...năm... của Trưởng Thi hành án dân sự.....;
Xét thấy..... có điều kiện thi hành án nhưng không tự nguyện thi hành án.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cưỡng chế thi hành án đối với:..... địa chỉ:
số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có):.....
Giao, trả giấy tờ cho:
địa chỉ:
số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có):.....
Giấy tờ gồm:

Điều 2. Người được thi hành án, người phải thi hành án và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Viện kiểm sát nhân dân.....;
- UBND xã, phường
- Kế toán nghiệp vụ;
-
- Lưu: VT, HSTHA.

CHẤP HÀNH VIÊN

Mẫu số: A43-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-THADS.KV.../NV...

....., ngày.....tháng.....năm 20....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cưỡng chế chuyển giao quyền sử dụng đất**CHẤP HÀNH VIÊN***Căn cứ khoản 5 Điều 25, khoản 5 Điều 71, Điều 90 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15;**Căn cứ Bản án, Quyết định số... ngày...tháng...năm... của.....;**Căn cứ Quyết định thi hành án số/QĐ-THADS ngày.....tháng....năm... của
Trưởng Thi hành án dân sự.....;**Xét thấy.....có điều kiện thi hành án nhưng
không tự nguyện thi hành án.***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Cưỡng chế thi hành án đối với: địa
chỉ:

số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có):.....

Chuyển giao quyền sử dụng đất cho:

địa chỉ:

số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có):.....

Quyền sử dụng đất gồm:

.....

.....

.....

Điều 2. Người được thi hành án, người phải thi hành án và những người có
quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Viện kiểm sát nhân dân.....;
- Cơ quan quản lý Nhà nước về đất đai.....;
- UBND xã, phường
- Kế toán nghiệp vụ;
-
- Lưu: VT, HSTHA.

CHẤP HÀNH VIÊN

Mẫu số: A44-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ..... **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/QĐ-THADS.KV.../NV..., ngày.....tháng.....năm 20....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cưỡng chế buộc thực hiện công việc**CHẤP HÀNH VIÊN***Căn cứ khoản 5 Điều 25, khoản 6 Điều 71, Điều 91 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15;**Căn cứ Bản án, Quyết định số... ngày...tháng...năm... của.....;**Căn cứ Quyết định thi hành án số...../QĐ-THADS ngày...tháng...năm... của
Trưởng Thi hành án dân sự.....;**Xét thấy..... có điều kiện thi hành án nhưng
không tự nguyện thi hành án.***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Cưỡng chế thi hành án đối với:.....
địa chỉ:.....
số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có):.....
Buộc thực hiện công việc:
.....
.....*.....có nghĩa vụ thực hiện công việc trong thời hạn 05
ngày, kể từ ngày được thông báo hợp lệ Quyết định này.***Điều 2.** Người được thi hành án, người phải thi hành án và những người có
quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Viện kiểm sát nhân dân.....;
- UBND xã, phường.....;
- Kế toán nghiệp vụ;
.....;
- Lưu: VT, HSTHA.

CHẤP HÀNH VIÊN

Mẫu số: A45-THADS

*((Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp))*CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-THADS.KV.../NV...

....., ngày.....tháng.....năm 20....

QUYẾT ĐỊNH**Về việc cưỡng chế không được thực hiện công việc****CHẤP HÀNH VIÊN***Căn cứ khoản 5 Điều 25, khoản 6 Điều 71, Điều 92 Luật Thi hành án dân sự
số 106/2025/QH15;**Căn cứ Bản án, Quyết định số... ngày...tháng...năm...của.....;**Căn cứ Quyết định thi hành án số/QĐ-THADS ngày...tháng...năm... của
Trưởng Thi hành án dân sự.....;**Xét thấy có điều kiện thi hành án nhưng
không tự nguyện thi hành án.***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Cưỡng chế thi hành án đối với:.....

địa chỉ:.....

số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có):.....

Không được thực hiện công việc:

.....

Kể từ:.....giờ.....ngày.....tháng.....năm 20.....

Điều 2. Người được thi hành án, người phải thi hành án và những người có
quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Viện kiểm sát nhân dân.....;
- UBND xã, phường.....;
- Kế toán nghiệp vụ;
-;
- Lưu: VT, HSTHA.

CHẤP HÀNH VIÊN

Mẫu số: A46-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-THADS.KV.../NV...

....., ngày.....tháng.....năm 20....

QUYẾT ĐỊNH**Về việc cưỡng chế giao người chưa thành niên
cho người được giao nuôi dưỡng****CHẤP HÀNH VIÊN***Căn cứ khoản 5 Điều 25, khoản 6 Điều 71, Điều 93 Luật Thi hành án dân sự
số 106/2025/QH15;**Căn cứ Bản án, Quyết định số.....ngày.....tháng.....năm.....của.....;**Căn cứ Quyết định thi hành án số...../QĐ-THADS ngày..... tháng.....năm...
của Trưởng Thi hành án dân sự.....;**Xét thấy có điều kiện thi hành án nhưng không
tự nguyện thi hành án.***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Cưỡng chế thi hành án đối với:
địa chỉ:.....

số định danh (nếu có):.....

Giao người chưa thành niên là:cho
.....nuôi dưỡng......có nghĩa vụ thực hiện trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày
được thông báo hợp lệ quyết định này.**Điều 2.** Người được thi hành án, người phải thi hành án và những người có
quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.**Nơi nhận:**

- Như Điều 2,
- Viện kiểm sát nhân dân.....;
- UBND xã, phường.....;
- Kế toán nghiệp vụ;
-;
- Lưu: VT, HSTHA.

CHẤP HÀNH VIÊN

Mẫu số: A47-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ..... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-THADS.KV.../NV... .., ngày.....tháng.....năm 20....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cưỡng chế buộc nhận người lao động trở lại làm việc

CHẤP HÀNH VIÊN

Căn cứ khoản 5 Điều 25, khoản 6 Điều 71, Điều 94 Luật Thi hành án dân sự
số 106/2025/QH15;

Căn cứ Bản án, Quyết định số ... ngày...tháng...năm... của.....;

Căn cứ Quyết định thi hành án số/QĐ-THADS ngày...tháng...năm... của
Trưởng Thi hành án dân sự.....;

Xét thấy có điều kiện thi hành án, nhưng
không tự nguyện thi hành án.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cưỡng chế thi hành án đối với:

địa chỉ:

số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có):.....

Buộc nhận ông (bà):

địa chỉ:

số định danh (nếu có):.....

trở lại làm việc:

.....có trách nhiệm thực hiện trong thời hạn 05 ngày kể từ
ngày được thông báo hợp lệ quyết định này.

Điều 2. Người được thi hành án, người phải thi hành án và những người có
quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Viện kiểm sát nhân dân.....;
- Kế toán nghiệp vụ;
-
- Lưu: VT, HSTHA.

CHẤP HÀNH VIÊN

Mẫu số: A48-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-THADS.KV.../NV...

....., ngày.....tháng.....năm 20....

QUYẾT ĐỊNH**Về việc giao tài sản cho người mua được tài sản****CHẤP HÀNH VIÊN**

Căn cứ khoản 1 Điều 25, khoản....Điều 86 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15; khoản 2 Điều 63 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự (nếu có);

Căn cứ Bản án, Quyết định số.... ngày...tháng...năm...của..... (không áp dụng trong trường hợp bản án, quyết định bị hủy);

Căn cứ Quyết định thi hành án số...../QĐ-THADS ngày...tháng...năm... của Trưởng Thi hành án dân sự..... (không áp dụng trong trường hợp bản án, quyết định bị hủy);

Căn cứ Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá số... ngày...tháng...năm...và kết quả thực hiện hợp đồng (đối với trường hợp mua tài sản bán đấu giá);

Căn cứ

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao tài sản cho:
địa chỉ:.....
số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có):.....
là người mua được tài sản.

Tài sản gồm:

.....
.....

Giá tài sản là:.....(bằng chữ.....).

Điều 2. Người được thi hành án, người phải thi hành án và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 1, 2;
- Viện kiểm sát nhân dân.....;
- Kế toán nghiệp vụ;
-
- Lưu: VT, HSTHA.

CHẤP HÀNH VIÊN

Mẫu số: A49-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-THADS.KV.../NV...

....., ngày.....tháng.....năm 20....

QUYẾT ĐỊNH**Về việc giao tài sản cho người nhận tài sản để trừ vào tiền thi hành án****CHẤP HÀNH VIÊN**

Căn cứ khoản 1 Điều 25, khoản 2 Điều 86 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15; khoản 2 Điều 63 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Bản án, Quyết định số.... ngày...tháng...năm...của;

Căn cứ Quyết định thi hành án số/QĐ-THADS ngày...tháng...năm... của Trưởng Thi hành án dân sự.....;

Căn cứ.....;

Xét đơn đề nghị nhận tài sản/Biên bản thỏa thuận nhận tài sản của..... để thi hành án.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao tài sản cho:
địa chỉ:.....
số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có):.....,
để trừ vào số tiền được thi hành án.

Tài sản gồm:

.....
.....
.....

Điều 2. Người được thi hành án, người phải thi hành án và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Viện kiểm sát nhân dân.....;
- Kế toán nghiệp vụ;
-
- Lưu: VT, HSTHA.

CHẤP HÀNH VIÊN

Mẫu số: A50-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-THADS.KV.../NV...

....., ngày.....tháng.....năm 20....

QUYẾT ĐỊNH**Về việc chấm dứt áp dụng biện pháp trừ vào thu nhập
của người phải thi hành án****CHẤP HÀNH VIÊN***Căn cứ khoản 1 Điều 25, điểm.... khoản 3 Điều 95 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15;**Căn cứ Bản án, Quyết định số.... ngày...tháng...năm... của**Căn cứ Quyết định thi hành án số...../QĐ-THADS ngày...tháng ...năm... của Trưởng Thi hành án dân sự.....;**Căn cứ Quyết định về việc khấu trừ thu nhập của người phải thi hành án số.....ngày.....tháng..... năm.....của Chấp hành viên Thi hành án dân sự.....;**Căn cứ.....***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Chấm dứt áp dụng biện pháp trừ vào thu nhập tại:.....
.....của.....
địa chỉ.....
số định danh (nếu có):.....

Kể từ.....

Điều 2., người phải thi hành án, người được thi hành án và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Viện kiểm sát nhân dân.....;
- UBND xã, phường.....;
- Kế toán nghiệp vụ;
-
- Lưu: VT, HSTHA.

CHẤP HÀNH VIÊN

Mẫu số: A51-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-THADS.KV.../NV...

....., ngày.....tháng.....năm 20....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thu phí thi hành án dân sự**TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**

Căn cứ khoản 2 Điều 22, khoản 1 Điều 53 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15; khoản 1 Điều 30 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự (nếu có);

Căn cứ khoản 6 Điều 19 Thông tư số 06/2026/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn giao nhận, bảo quản, xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ; thủ tục quản lý hành chính, biểu mẫu và quy trình xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trong thi hành án dân sự;

Căn cứ điểm.....khoản Điều, Điều Thông tư số/2026/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, giảm, chế độ thu, nộp phí thi hành án dân sự.

Căn cứ Bản án, Quyết định số... ngày...tháng...năm... của

Căn cứ Quyết định thi hành án số /QĐ-THADS ngày...tháng...năm... của Trưởng Thi hành án dân sự.....;

Căn cứ kết quả thi hành án của thực nhận;

Căn cứ Quyết định ủy quyền số.... ngày.... tháng... năm... của Trưởng Thi hành án dân sự.... (nếu có).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu phí thi hành án dân sự đối với:
địa chỉ:.....

số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có):.....

Số tiền phải thu là:
(bằng chữ).

Điều 2., Chấp hành viên được phân công tổ chức thi hành án, kế toán nghiệp vụ và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Viện kiểm sát nhân dân.....;
- Kế toán nghiệp vụ;
- Phòng THADS KV.../NV....;
-;
- Lưu: VT, HSTHA.

TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ/
TUQ. TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
CHẤP HÀNH VIÊN TRƯỞNG
PHÒNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ KHU VỰC...

Mẫu số: A52-THADS(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ..... **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/QĐ-THADS.KV.../NV... .., ngày.....tháng.....năm 20....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc miễn, giảm phí thi hành án dân sự

TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Căn cứ khoản 2 Điều 22, điểm 1 khoản 1 Điều 6/điểm đ khoản 1 Điều 7, khoản 1 Điều 53 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15; điểm.....khoản Điều Thông tư số/2026/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, giảm, chế độ thu, nộp phí thi hành án dân sự.

Căn cứ Bản án, Quyết định số.... ngày...tháng...năm... của;
Căn cứ Quyết định thi hành án số...../QĐ-THADS ngày...tháng...năm... của
Trưởng Thi hành án dân sự.....;

Căn cứ Quyết định về việc thu phí thi hành án dân sự số...../QĐ-THADS.KV.../NV... ngày ...thángnăm của Trưởng Thi hành án dân sự.....;

Căn cứ Quyết định ủy quyền số.... ngày.... tháng... năm... của Trưởng Thi hành án dân sự.... (nếu có);

Căn cứ.....
Xét đề nghị của Chấp hành viên được phân công tổ chức thi hành án.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Miễn, giảm phí thi hành án dân sự cho:, địa chỉ:.....

số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có):.....

Theo quy định của pháp luật phải nộp:

Số tiền được miễn, giảm:.....(bằng chữ).

Số tiền còn phải nộp:.....(bằng chữ).

Điều 2., Chấp hành viên được phân công tổ chức thi hành án, kế toán nghiệp vụ và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Viện kiểm sát nhân dân.....;
- Kế toán nghiệp vụ;
- Phòng THADS KV..../NV....;
-
- Lưu: VT, HSTHA.

TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ/**TUQ. TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ****CHẤP HÀNH VIÊN TRƯỞNG****PHÒNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ KHU VỰC...**

Mẫu số: A53-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-THADS.KV.../NV... .., ngày.....tháng.....năm 20....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thu chi phí thi hành án dân sự**TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ***Căn cứ khoản 2 Điều 22, khoản.....Điều 53 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15; Điều Nghị định số 152/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự;**Căn cứ Bản án, Quyết định số ... ngày...tháng...năm... của.....;**Căn cứ Quyết định thi hành án số/QĐ-THADS ngày...tháng...năm... của Trưởng Thi hành án dân sự.....;**Căn cứ Quyết định về việc cưỡng chế thi hành án số...../QĐ-THADS.KV.../NV... ngày.....thángnăm 20... của Chấp hành viên Thi hành án dân sự**Căn cứ Quyết định ủy quyền số.... ngày.... tháng... năm... của Trưởng Thi hành án dân sự.... (nếu có);**Xét đề nghị của Chấp hành viên được phân công tổ chức thi hành án.***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Thu chi phí thi hành án đối với:

địa chỉ:.....

số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có):.....

Số tiền phải nộp:.....(bằng chữ).

Điều 2., Chấp hành viên được phân công tổ chức thi hành án, kế toán nghiệp vụ và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Viện kiểm sát nhân dân.....;
- Kế toán nghiệp vụ;
- Phòng THADS KV.../NV...;
-
- Lưu: VT, HSTHA.

TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ/
TUQ. TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
CHẤP HÀNH VIÊN TRƯỞNG
PHÒNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ KHU VỰC...

Mẫu số: A54-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-THADS.KV.../NV...

....., ngày.....tháng.....năm 20....

QUYẾT ĐỊNH**Về việc miễn, giảm chi phí cưỡng chế thi hành án dân sự****TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**

Căn cứ khoản 2 Điều 22, điểm đ khoản 1 Điều 7, Điều 53 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15; điểm.....khoản Điều 87 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Bản án, Quyết định số.... ngày...tháng...năm... của

Căn cứ Quyết định thi hành án số...../QĐ-THADS ngày..... tháng....năm của Trưởng Thi hành án dân sự.....;

Căn cứ Quyết định về việc cưỡng chế thi hành án số...../QĐ-THADS.KV.../NV... ngày..... tháng năm 20... của Chấp hành viên Thi hành án dân sự

Căn cứ Quyết định về việc thu chi phí thi hành án số...../QĐ-THADS.KV.../NV... ngày...tháng...năm... của Trưởng Thi hành án dân sự.....;

Căn cứ Quyết định ủy quyền số.... ngày.... tháng... năm... của Trưởng Thi hành án dân sự.... (nếu có);

Xét đơn đề nghị miễn, giảm chi phí cưỡng chế thi hành án của.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Miễn, giảm chi phí cưỡng chế thi hành án dân sự cho....., địa chỉ:

số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có):.....

Theo quy định của pháp luật phải nộp:(bằng chữ.....).

Số tiền được miễn, giảm:.....(bằng chữ

Số tiền còn phải nộp:.....(bằng chữ.....).

Điều 2., Chấp hành viên được phân công tổ chức thi hành án, kế toán nghiệp vụ và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Viện kiểm sát nhân dân.....;
- Kế toán nghiệp vụ;
- Phòng THADS KV...../NV.....;
-;
- Lưu: VT, HSTHA.

**TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ/
TUQ. TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
CHẤP HÀNH VIÊN TRƯỞNG
PHÒNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ KHU VỰC...**

Mẫu số: A55-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-THADS.KV.../NV...

....., ngày.....tháng.....năm 20....

QUYẾT ĐỊNH**Về việc thành lập Hội đồng xác định giá tài sản****TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**

Căn cứ khoản 2 Điều 22, điểm b khoản 1 Điều 82 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15; khoản 3 Điều 60 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Bản án, Quyết định số.... ngày...tháng...năm... của.....;

Căn cứ Quyết định thi hành án số/QĐ-THADS ngày....tháng...năm.... của Trưởng Thi hành án dân sự.....;

Căn cứ Quyết định kê biên tài sản số/QĐ-THADS.KV.../NV... ngày....tháng....năm..... của.....;

Căn cứ Biên bản kê biên tài sản ngày....tháng...năm....;

Căn cứ Quyết định ủy quyền số.... ngày.... tháng... năm... của Trưởng Thi hành án dân sự.... (nếu có);

Xét đề nghị của Chấp hành viên được phân công tổ chức thi hành án.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng xác định giá tài sản gồm các ông, bà có tên sau đây:

- Ông (bà).....Chấp hành viên - Chủ tịch Hội đồng;
- Ông (bà).....đại diện.....Thành viên;
- Ông (bà).....đại diện.....Thành viên;
-

Điều 2. Hội đồng xác định giá tài sản có nhiệm vụ tổ chức xác định giá đối với các tài sản sau đây:

.....

.....

Điều 3. Hội đồng tự giải thể sau khi thực hiện xong nhiệm vụ được quy định tại Điều 2 Quyết định này.

Điều 4. Chấp hành viên được phân công tổ chức thi hành án, ông (bà) có tên tại Điều 1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 1, 4;
- Viện kiểm sát nhân dân.....;
- Kế toán nghiệp vụ;
- Phòng THADS KV..../NV....;
- Lưu: VT, HSTHA.

**TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ/
TUQ. TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
CHẤP HÀNH VIÊN TRƯỞNG
PHÒNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ KHU VỰC...**

Mẫu số: A56-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-THADS.KV.../NV...

....., ngày.....tháng.....năm 20....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ủy thác xử lý tài sản**TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**

*Căn cứ khoản 2 Điều 22, Điều 50 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15;
Điều 27 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số
điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự;*

Căn cứ Bản án, Quyết định số... ngày...tháng...năm... của

*Căn cứ Quyết định thi hành án số/QĐ-THADS ngày...tháng...năm... của
Trưởng Thi hành án dân sự.....;*

*Căn cứ Quyết định ủy quyền số.... ngày.... tháng... năm... của Trưởng Thi hành
án dân sự.... (nếu có);*

*Xét thấy người phải thi hành án có tài sản được bản án, quyết định tuyên kê
biên, phong tỏa hoặc tuyên xử lý tài sản đảm bảo thi hành án tại:*

.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ủy thác choxử lý tài sản để đảm
bảo thi hành nghĩa vụ của

địa chỉ:.....

số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có):.....

Các tài sản ủy thác xử lý bao gồm:

1.....

2.....

3.....

Điều 2. Cơ quan thi hành án dân sự nhận ủy thác xử lý tài sản có trách nhiệm
gửi quyết định xử lý tài sản ủy thác và thông báo kết quả thẩm định giá, xác định
giá, thời điểm bán đấu giá, kết quả xử lý tài sản cho Thi hành án dân sự.....;
tạm dừng hoặc chấm dứt xử lý tài sản theo yêu cầu của Thi hành án dân
sự.....

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày giao tài sản cho người mua được
tài sản hoặc người nhận tài sản để trừ vào số tiền được thi hành án, Thi hành án

dân sựchuyển số tiền thu được cho Thi hành án dân sự
để thanh toán theo quy định tại Điều 54 của Luật Thi hành án dân sự, sau khi trừ
chi phí thi hành án, đồng thời, thông báo ngay bằng văn bản cho Thi hành án dân
sự.....

Điều 3. Các tài liệu gửi kèm gồm:

- 1.....
- 2.....
- 3.....
-

Điều 4. Người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền lợi,
nghĩa vụ liên quan đến việc xử lý tài sản ủy thác nêu tại Điều 1 Quyết định này
liên hệ với Thi hành án dân sự(nơi nhận ủy thác)
để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 1, 4;
- Viện kiểm sát nhân dân.....;
- Kế toán nghiệp vụ;
- Phòng THADS KV.../NV...;
-;
- Lưu: VT, HSTHA.

**TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ/
TUQ. TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
CHẤP HÀNH VIÊN TRƯỞNG
PHÒNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ KHU VỰC...**

Mẫu số: A57-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-THADS.KV.../NV...

....., ngày.....tháng.....năm 20....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc xử lý tài sản uỷ thác**TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ***Căn cứ khoản 2 Điều 22, khoản 3 Điều 50 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15;**Căn cứ Bản án, Quyết định số..... ngày..... tháng năm của**Căn cứ Quyết định thi hành án số:...../QĐ-THADS ngày.....tháng...năm... của Trưởng Thi hành án dân sự.....;**Căn cứ Quyết định uỷ thác xử lý tài sản số/QĐ-THADS.KV.../NV... ngày.....tháng.....năm của**Căn cứ Quyết định uỷ quyền số.... ngày.... tháng... năm... của Trưởng Thi hành án dân sự.... (nếu có).***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Xử lý tài sản của:.....
địa chỉ:.....

số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có):.....

Tài sản xử lý gồm:

.....

Điều 2. không được chuyển quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản nêu tại Điều 1 Quyết định này cho đến khi thi hành án xong hoặc có quyết định của cơ quan có thẩm quyền.**Điều 3.** Người được thi hành án, người phải thi hành án và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Viện kiểm sát nhân dân.....;
- THADS (nơi uỷ thác xử lý tài sản).....;
- Kế toán nghiệp vụ;
- Phòng THADS KV.../NV...;
-
- Lưu: VT, HSTHA.

TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ/
TUQ. TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
CHẤP HÀNH VIÊN TRƯỞNG
PHÒNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ KHU VỰC...

Mẫu số: A58-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ..... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-THADS.KV.../NV... .., ngày.....tháng.....năm 20....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc sung quỹ nhà nước**TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**

Căn cứ khoản 2 Điều 22, khoản 4 Điều 57/ khoản 1 Điều 59 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15/khoản 4 Điều 34/khoản 3 Điều 38 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Bản án, Quyết định số... ngày...tháng...năm... của

Căn cứ Quyết định thi hành án số/QĐ-THADS ngày...tháng...năm ...của
..... Trưởng Thi hành án dân sự.....;

Căn cứ Quyết định ủy quyền số.... ngày.... tháng... năm... của Trưởng Thi hành án dân sự.... (nếu có);

Căn cứ.....

Xét đề nghị của.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sung quỹ nhà nước số tiền của:.....
địa chỉ:/Sung quỹ nhà nước số tiền trong vụ án:.....

Số tiền sung quỹ nhà nước gồm:

.....

Lý do sung quỹ nhà nước:.....

.....

Điều 2., Chấp hành viên được phân công tổ chức thi hành án, kế toán nghiệp vụ và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Viện kiểm sát nhân dân.....;
- Kế toán nghiệp vụ;
- Phòng THADS KV.../NV...;
-
- Lưu: VT, HSTHA.

TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ/
TUQ. TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
CHẤP HÀNH VIÊN TRƯỞNG
PHÒNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ KHU VỰC...

Mẫu số: A59-THADS(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)**CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/QĐ-THADS

....., ngày.....tháng.....năm 20....

**QUYẾT ĐỊNH
Xử phạt vi phạm hành chính****TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ***Căn cứ khoản 2 Điều 22 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15;**Căn Điều 57, Điều 68, Điều 70, Điều 78, Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020, 2025);**Căn cứ điểm....khoản.... Điều 16 Nghị định số 189/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết Luật Xử lý vi phạm hành chính về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính;**Căn cứ điểm....khoản....Điều 65, khoản 1 Điều 86 Nghị định số 109/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã;**Căn cứ Bản án, Quyết định số.... ngày...tháng...năm... của.....;**Căn cứ Quyết định thi hành án số/QĐ-THADS ngày...tháng... năm... của Trưởng Thi hành án dân sự.....;**Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính lập ngày...tháng...năm... của.....;**Căn cứ Văn bản giải trình.....ngày.../.../...(nếu có);**Căn cứ Biên bản số:/BB-XM lập ngày.../.../.....xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính (nếu có);**Căn cứ.....;***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.****1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với <ông (bà)/tổ chức> có tên sau đây:**

<Họ và tên>:..... Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh:.../.../..... Quốc tịch:

Nghề nghiệp:

Nơi ở hiện tại:

Số định danh cá nhân/Hộ chiếu:

ngày cấp: .../.../.....; nơi cấp:

<Tên của tổ chức>:.....

Địa chỉ trụ sở chính:

.....

Mã số doanh nghiệp, hợp tác xã:

Số GCN đăng ký đầu tư/doanh nghiệp hoặc GP thành lập/đăng ký hoạt động:

.....; ngày cấp:...../...../.....; nơi cấp:

Người đại diện theo pháp luật:..... Giới tính:

Chức danh:

2. Đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính:

3. Quy định tại:.....

4. Các tình tiết tăng nặng (nếu có):

5. Các tình tiết giảm nhẹ (nếu có):

.....

6. Bị áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

a) Hình thức xử phạt chính:

Cụ thể:

.....

b) Hình thức xử phạt bổ sung (nếu có):

Cụ thể:

.....

c) Biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có):

Cụ thể:

.....

Thời hạn thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định này.

Những nội dung trực tiếp liên quan đến việc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có):

.....

Mọi chi phí tổ chức thi hành biện pháp khắc phục hậu quả do <ông (bà)/tổ chức> bị xử phạt có tên tại Điều này chi trả.

<Ông (bà)/Tổ chức> có tên tại Điều này phải hoàn trả số kinh phí là:

(Bằng chữ:.....)

cho:

là cơ quan đã thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản 5 Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ

Điều 3. Quyết định này được:

1. Giao cho ông (bà).....là <cá nhân/người đại diện theo pháp luật của tổ chức> bị xử phạt có tên tại Điều 1 Quyết định này để chấp hành.

<Ông (bà)/Tổ chức> có tên tại Điều 1 phải nghiêm chỉnh chấp hành Quyết định xử phạt này. Nếu quá thời hạn mà <ông (bà)/tổ chức>..... không tự nguyện chấp hành thì sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật và cứ mỗi ngày chậm nộp tiền phạt thì cá nhân, tổ chức vi phạm phải nộp thêm 0,05% tính trên tổng số tiền phạt chưa nộp.

a) <Ông (bà)/Tổ chức> bị xử phạt có tên tại Điều 1 phải nộp tiền phạt tại Kho bạc Nhà nước.....hoặc nộp tiền phạt vào ngân hàng thương mại nơi Kho bạc Nhà nước.....mở tài khoản:.....theo thông tin nộp Ngân sách nhà nước như sau:

Tài khoản: Tài khoản thu NSNN; Mã cơ quan ra quyết định xử phạt; Mã chương ; Mã nội dung kinh tế (mã tiểu mục) trong thời hạn ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định này.

b) <Ông (bà)/Tổ chức> bị xử phạt có tên tại Điều 1 bị tạm giữ để bảo đảm thi hành quyết định xử phạt.

c) <Ông (bà)/Tổ chức> có quyền khiếu nại đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Gửi cho để thu tiền phạt.

3. Gửi cho để tổ chức thực hiện.

4. Gửi cho để biết và phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Viện kiểm sát nhân dân.....;
- Kế toán nghiệp vụ;
- Phòng THADS KV.../NV..;
-
- Lưu: VT, HSTHA.

TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Mẫu số: A60-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-THADS.KV.../NV...

....., ngày.....tháng.....năm 20....

QUYẾT ĐỊNH
Xử phạt vi phạm hành chính**CHẤP HÀNH VIÊN***Căn cứ khoản 10 Điều 25 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15;**Căn cứ điểm h, khoản 1 Điều 37a, Điều 57, Điều 70, Điều 78, Điều 85 Luật Xử lý
vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020, 2025);**Căn cứ điểm....khoản....Điều 65 Nghị định số 109/2026/NĐ-CP của Chính phủ
quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp; hành chính tư
pháp; hôn nhân và gia đình; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã;**Căn cứ Bản án, Quyết định số..... ngày...tháng...năm... của.....;**Căn cứ Quyết định thi hành án số...../QĐ-THADS ngày...tháng ...năm...của
Trưởng Thi hành án dân sự.....;**Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính lập ngày...tháng...năm... của.....;**Căn cứ Văn bản giải trình... .. ngày.../.../...(nếu có);**Căn cứ Biên bản số: .../BB-XM lập ngày.../.../.....xác minh tình tiết của vụ việc
vi phạm hành chính (nếu có);**Căn cứ.....***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.**

1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với <ông (bà)/tổ chức> có tên sau đây:

<Họ và tên>: Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh:...../...../..... Quốc tịch:.....

Nghề nghiệp:

Nơi ở hiện tại:

.....

Số định danh cá nhân/Hộ chiếu:

ngày cấp:/...../.....; nơi cấp:.....

<Tên của tổ chức>:

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Mã số doanh nghiệp, hợp tác xã:

Số GCN đăng ký đầu tư/doanh nghiệp hoặc GP thành lập/đăng ký hoạt động:

.....; ngày cấp:...../...../.....; nơi cấp:

Người đại diện theo pháp luật:..... Giới tính:.....

Chức danh:

2. Đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính:

3. Quy định tại:

4. Các tình tiết tăng nặng (nếu có):.....

5. Các tình tiết giảm nhẹ (nếu có):.....

6. Bị áp dụng hình thức xử phạt như sau:

a) Hình thức xử phạt chính:

Cụ thể:.....

b) Hình thức xử phạt bổ sung (nếu có):.....

Cụ thể:.....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ

Điều 3. Quyết định này được:

1. Giao cho ông (bà).....là < cá nhân/người đại diện theo pháp luật của tổ chức> bị xử phạt có tên tại Điều 1 Quyết định này để chấp hành.

<Ông (bà)/Tổ chức> có tên tại Điều 1 phải nghiêm chỉnh chấp hành Quyết định xử phạt này. Nếu quá thời hạn mà <ông (bà)/tổ chức> không tự nguyện chấp hành thì sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật và cứ mỗi ngày chậm nộp tiền phạt thì cá nhân, tổ chức vi phạm phải nộp thêm 0,05% tính trên tổng số tiền phạt chưa nộp.

a) <Ông (bà)/Tổ chức> bị xử phạt có tên tại Điều 1 phải nộp tiền phạt tại Kho bạc Nhà nước.....hoặc nộp tiền phạt vào ngân hàng thương mại nơi Kho bạc Nhà nước.....mở tài khoản:.....theo thông tin nộp Ngân sách nhà nước như sau:

Tài khoản: Tài khoản thu NSNN; Mã cơ quan ra quyết định xử phạt.....; Mã chương.....; Mã nội dung kinh tế (mã tiểu mục) trong thời hạn ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định này.

b) <Ông (bà)/Tổ chức> có quyền khiếu nại đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Gửi cho.....để thu tiền phạt.

3. Gửi cho.....để tổ chức thực hiện.

4. Gửi chođể biết và phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Viện kiểm sát nhân dân.....;
- Kế toán nghiệp vụ;
-
- Lưu: VT, HSTHA.

CHẤP HÀNH VIÊN

Mẫu số: A61-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-THADS.KV.../NV...

....., ngày.....tháng.....năm 20....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc kê biên, xử lý chứng khoán**CHẤP HÀNH VIÊN**

Căn cứ khoản 5 Điều 25, khoản 4 Điều 71 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15; điểm b khoản 1 Điều 57 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Bản án, Quyết định số... ngày...tháng...năm... của;

Căn cứ Quyết định thi hành án số: .../QĐ-THADS ngày...tháng...năm... của Trưởng Thi hành án dân sự.....;

Căn cứ.....;

Xét thấy có điều kiện thi hành án nhưng không tự nguyện thi hành.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kê biên, xử lý chứng khoán của:.....
địa chỉ:.....
số định danh/số chứng minh nhân dân/căn cước/hộ chiếu/mã số doanh nghiệp/giấy tờ pháp lý khác:.....
Chứng khoán kê biên, xử lý gồm:

.....
.....

Điều 2. không được chuyển dịch, các chứng khoán nêu tại Điều 1 Quyết định này cho đến khi thi hành án xong hoặc có quyết định của Thi hành án dân sự.....

Điều 3. Người được thi hành án, người phải thi hành án và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2, 3;
- Viện kiểm sát nhân dân.....;
- Cơ quan, tổ chức.....;
- Kế toán nghiệp vụ;
-;
- Lưu: VT, HSTHA.

CHẤP HÀNH VIÊN

Mẫu số: A62-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ..... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-THADS.KV.../NV... .., ngày.....tháng.....năm 20....

QUYẾT ĐỊNH**Về việc cưỡng chế giao tài sản cho người mua được tài sản/người nhận tài
sản để trừ vào tiền thi hành án****CHẤP HÀNH VIÊN***Căn cứ khoản 5 Điều 25, khoản 5 Điều 86 Luật Thi hành án dân sự số
106/2025/QH15;**Căn cứ Bản án, Quyết định số... ngày...tháng...năm... của(không
áp dụng trong trường hợp Bản án, Quyết định đã bị hủy);**Căn cứ Quyết định thi hành án số: .../QĐ-THADS ngày...tháng ...năm... của
Trưởng Thi hành án dân sự.....(không áp dụng trong trường hợp Bản
án, Quyết định đã bị hủy);**Căn cứ Quyết định giao tài sản cho người mua được tài sản/người nhận tài
sản để trừ vào tiền thi hành án số.../QĐ-THADS.KV.../NV... ngày...tháng...năm...
của Trưởng Thi hành án dân sự.....;**Xét thấy***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Cưỡng chế giao tài sản đối với:.....
địa chỉ:.....

số định danh/mã số doanh nghiệp hợp tác xã:.....

Giao tài sản cho:

địa chỉ:.....

số định danh/mã số doanh nghiệp hợp tác xã:.....

Tài sản gồm:

.....

Điều 2. Người được thi hành án, người phải thi hành án và những người có
quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Viện kiểm sát nhân dân.....;
- Cơ quan, tổ chức.....;
- Kế toán nghiệp vụ;
-;
- Lưu: VT, HSTHA

CHẤP HÀNH VIÊN

Mẫu số: A63-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)**CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-THADS.KV.../NV... .., ngày.....tháng.....năm 20....

QUYẾT ĐỊNH**Về việc kết thúc thi hành quyết định tuyên bố phá sản****TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**

*Căn cứ khoản 2 Điều 22 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15; điểm...
khoản 1/khoản 2, khoản 3 Điều 82 Luật Phục hồi, phá sản số 142/2025/QH15;*

Căn cứ Quyết định tuyên bố phá sản số... ngày...tháng...năm...của;

*Căn cứ Quyết định thi hành quyết định tuyên bố phá sản số.... ngày.... tháng...
năm... của Trưởng Thi hành án dân sự.....;*

*Căn cứ Quyết định ủy quyền số.... ngày.... tháng... năm... của Trưởng Thi hành
án dân sự.... (nếu có);*

Căn cứ.....;

Xét đề nghị của Chấp hành viên được phân công phụ trách vụ việc.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kết thúc thi hành Quyết định tuyên bố phá sản số... ngày...tháng... năm...
củađối với:(tên doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản).....

địa chỉ, trụ sở chính:

mã số doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản:.....

Các khoản kết thúc thi hành:

.....

Điều 2. Chấp hành viên được phân công, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý,
thanh lý tài sản..... đã được Toà án..... chỉ định, người tham gia thủ tục
phá sản có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Toà án nhân dân.....;
- Viện kiểm sát nhân dân.....;
- Người tham gia thủ tục phá sản;
- Kế toán nghiệp vụ;
- Phòng THADS KV.../NV....;
-
- Lưu: VT, HS.

**TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ/
TUQ. TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
CHẤP HÀNH VIÊN TRƯỞNG
PHÒNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ KHU VỰC...**

BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Phụ lục IV

**DANH MỤC BIỂU MẪU BÁO CÁO KẾ TOÁN NGHIỆP VỤ,
BÁO CÁO BIÊN LAI VÀ BÁO CÁO KHÁC**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

I. DANH MỤC BIỂU MẪU BÁO CÁO KẾ TOÁN NGHIỆP VỤ

STT	Tên biểu	Ký hiệu	Thời hạn lập báo cáo	Nơi gửi đến	
				Lưu đơn vị	Cơ quan cấp trên trực tiếp
1	2	3	4	5	6
1	Báo cáo kết quả thi hành án bằng tiền, tài sản	B01- THA	Quý, Năm	x	x
2	Báo cáo kết quả thi hành án bằng tiền, tài sản	B02- THA	Quý, Năm		x
3	Thuyết minh báo cáo kết quả thi hành án bằng tiền, tài sản	B03- THA	Năm	x	Khi có yêu cầu
4	Báo cáo tài sản, vật chứng thu chưa xử lý	B04- THA	Quý, Năm	x	Khi có yêu cầu
5	Báo cáo phân tích số dư tài khoản	B05- THA	Quý, Năm	x	Khi có yêu cầu
6	Báo cáo chi tiết kết quả thi hành án bằng tiền, tài sản	B06- THA	Kết thúc việc THA	x	Khi có yêu cầu
7	Báo cáo chi tiết hoạt động thi hành án bằng tiền, tài sản	B07- THA	Tháng, quý, năm	x	Khi có yêu cầu

Thời hạn nộp báo cáo

- a) Đối với báo cáo quý: Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố gửi Cục Quản lý Thi hành án dân sự chậm nhất 20 ngày đầu kỳ kế toán sau.
- b) Đối với báo cáo năm: Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố gửi Cục Quản lý Thi hành án dân sự chậm nhất 30 ngày đầu kỳ kế toán sau.

II. DANH MỤC BIỂU MẪU BÁO CÁO BIÊN LAI VÀ BÁO CÁO KHÁC

STT	Tên biểu mẫu	Ký hiệu
A	DANH MỤC BIỂU MẪU BÁO CÁO BIÊN LAI	
1	Tờ khai đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng chứng từ điện tử	01/ĐKTĐ-CTĐT
2	Báo cáo tình hình sử dụng Biên lai thu thuế, phí, lệ phí	BC26/BLĐT
3	Báo cáo tình hình sử dụng biên lai	B02/BL
B	DANH MỤC BÁO CÁO KHÁC	
1	Báo cáo tổng hợp tình hình sử dụng kinh phí tạm ứng cưỡng chế thi hành án	B03/TUCC
2	Báo cáo chi tiết phải thu tạm ứng cưỡng chế thi hành án	B04/TUCC/CT
3	Báo cáo tổng hợp tình hình thu nộp phí thi hành án	B05/PHI

ĐƠN VỊ:.....

Mẫu số: B01- THA

MÃ QHNS:..... (Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)**BÁO CÁO KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN BẰNG TIỀN, TÀI SẢN**

Thời điểm báo cáo, ngày ... tháng ... năm

Số liệu báo cáo lũy kế từ ngày ... / ... / đến ngày ... / ... /

STT	CHỈ TIÊU	Tổng giá trị tiền, tài sản (Đồng)	Trong đó	
			T.H.A bằng tiền (Đồng)	T.H.A bằng tài sản (Đồng)
A	B	1	2	3
A	Số thu theo quyết định THA			
I	Số đã thu chưa nộp NSNN, chưa chi trả đương sự hoặc chưa xử lý kỳ trước chuyển sang			
1	Các khoản chủ động thi hành án			
1.1	Các khoản thu, nộp NSNN			
1.2	Các khoản trả lại đương sự			
2	Các khoản thi hành án theo đơn			
II	Số thực thu thi hành án			
1	Các khoản chủ động thi hành án			
1.1	Các khoản thu, nộp NSNN			
1.2	Các khoản trả lại đương sự			
2	Các khoản thi hành án theo đơn			
III	Số đã nộp NSNN, chi trả đương sự và xử lý			
1	Các khoản chủ động thi hành án			
1.1	Các khoản thu, nộp NSNN			
1.2	Các khoản trả lại đương sự			
2	Các khoản thi hành án theo đơn			
IV	Số đã thu chưa nộp NSNN, chưa chi trả đương sự hoặc chưa xử lý			

1	Các khoản chủ động thi hành án			
1.1	Các khoản thu, nộp NSNN			
1.2	Các khoản trả lại đương sự			
2	Các khoản thi hành án theo đơn			
B	Các khoản tạm thu, tạm giữ			
I	Số tạm thu, tạm giữ dư đầu kỳ			
1	Thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án			
2	Khoản tạm giữ do cơ quan công an chuyển sang			
3	Thu tạm ứng chi phí ủy thác Tư pháp			
4	Thu phí thi hành án			
5	Thu trước Quyết định thi hành án			
6	Tiền bán tài sản để THA			
7	Các khoản tạm thu chờ xử lý khác			
8	Giá trị tài sản, vật chứng tạm giữ			
II	Số phát sinh tạm thu, tạm giữ trong kỳ			
1	Thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án			
2	Khoản tạm giữ do cơ quan công an chuyển sang			
3	Thu tạm ứng chi phí ủy thác Tư pháp			
4	Thu phí thi hành án			
5	Thu trước Quyết định thi hành án			
6	Tiền bán tài sản để THA			
7	Các khoản tạm thu chờ xử lý khác			
8	Giá trị tài sản, vật chứng tạm giữ			
III	Số trả lại, kết chuyển tạm thu sang thu theo quyết định THADS			

1	Thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án			
2	Khoản tạm giữ do cơ quan công an chuyển sang			
3	Thu tạm ứng chi phí ủy thác Tư pháp			
4	Thu phí thi hành án			
5	Thu trước Quyết định thi hành án			
6	Tiền bán tài sản để THA			
7	Các khoản tạm thu chờ xử lý khác			
8	Giá trị tài sản, vật chứng tạm giữ			
IV	Số tạm thu chưa xử lý hiện còn tồn tại kho, quỹ, Kho bạc, Ngân hàng			
1	Thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án			
2	Khoản tạm giữ do cơ quan công an chuyển sang			
3	Thu tạm ứng chi phí ủy thác Tư pháp			
4	Thu phí thi hành án			
5	Thu trước Quyết định thi hành án			
6	Tiền bán tài sản để THA			
7	Các khoản tạm thu chờ xử lý khác			
8	Giá trị tài sản, vật chứng tạm giữ			

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

Ngày tháng ... năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ:.....

Mẫu số: B02- THA

MÃ QHNS:.....

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)**BÁO CÁO TỔNG HỢP
KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN BẰNG TIỀN, TÀI SẢN TOÀN NGÀNH**

Thời điểm báo cáo, ngày ... tháng ... năm

Số liệu báo cáo lũy kế từ ngày ... / ... / đến ngày ... / ... /

STT	CHỈ TIÊU	Tổng giá trị tiền, tài sản (đồng)	Chia ra	
			Đơn vị A (đồng)	Đơn vị..... (đồng)
A	B	1	2	3
A	Số thu theo quyết định THA			
I	Số đã thu chưa nộp NSNN, chưa chi trả đương sự hoặc chưa xử lý kỳ trước chuyển sang			
1	Các khoản chủ động thi hành án			
1.1	Các khoản thu, nộp NSNN			
1.2	Các khoản trả lại đương sự			
2	Các khoản thi hành án theo đơn			
II	Số thực thu thi hành án			
1	Các khoản chủ động thi hành án			
1.1	Các khoản thu, nộp NSNN			
1.2	Các khoản trả lại đương sự			
2	Các khoản thi hành án theo đơn			
III	Số đã nộp NSNN, chi trả đương sự và xử lý			
1	Các khoản chủ động thi hành án			
1.1	Các khoản thu, nộp NSNN			
1.2	Các khoản trả lại đương sự			
2	Các khoản thi hành án theo đơn			
IV	Số đã thu chưa nộp NSNN, chưa chi trả đương sự hoặc chưa xử lý			

1	Các khoản chủ động thi hành án			
1.1	Các khoản thu, nộp NSNN			
1.2	Các khoản trả lại đương sự			
2	Các khoản thi hành án theo đơn			
B	Các khoản tạm thu, tạm giữ			
I	Số tạm thu, tạm giữ dư đầu kỳ			
1	Thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án			
2	Khoản tạm giữ do cơ quan công an chuyển sang			
3	Thu tạm ứng chi phí ủy thác Tư pháp			
4	Thu phí thi hành án			
5	Thu trước Quyết định thi hành án			
6	Tiền bán tài sản để THA			
7	Các khoản tạm thu chờ xử lý khác			
8	Giá trị tài sản, vật chứng tạm giữ			
II	Số phát sinh tạm thu, tạm giữ trong kỳ			
1	Thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án			
2	Khoản tạm giữ do cơ quan công an chuyển sang			
3	Thu tạm ứng chi phí ủy thác Tư pháp			
4	Thu phí thi hành án			
5	Thu trước Quyết định thi hành án			
6	Tiền bán tài sản để THA			
7	Các khoản tạm thu chờ xử lý khác			
8	Giá trị tài sản, vật chứng tạm giữ			
III	Số trả lại, kết chuyển tạm thu sang thu theo quyết định THADS			

1	Thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án			
2	Khoản tạm giữ do cơ quan công an chuyển sang			
3	Thu tạm ứng chi phí ủy thác Tư pháp			
4	Thu phí thi hành án			
5	Thu trước Quyết định thi hành án			
6	Tiền bán tài sản để THA			
7	Các khoản tạm thu chờ xử lý khác			
8	Giá trị tài sản, vật chứng tạm giữ			
IV	Số tạm thu chưa xử lý hiện còn tồn tại kho, quỹ, Kho bạc, Ngân hàng			
1	Thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án			
2	Khoản tạm giữ do cơ quan công an chuyển sang			
3	Thu tạm ứng chi phí ủy thác Tư pháp			
4	Thu phí thi hành án			
5	Thu trước Quyết định thi hành án			
6	Tiền bán tài sản để THA			
7	Các khoản tạm thu chờ xử lý khác			
8	Giá trị tài sản, vật chứng tạm giữ			

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

**KẾ TOÁN
TRƯỞNG**
(Ký, họ tên)

Ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ:.....

Mẫu số: B03- THA

MÃ QHNS:.....

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

THUYẾT MINH
BÁO CÁO KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN BẰNG TIỀN, TÀI SẢN
Năm
(Từ ngày / / đến ngày / /)

A. THUYẾT MINH:

1. Nêu tình hình thực hiện thi hành án bằng tiền, tài sản năm có đặc điểm gì so với năm trước:

.....
.....

2. Nêu nguyên nhân của sự biến động đó

.....
.....

3.....

.....
.....

B. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ:

1. Nhận xét:

.....
.....
.....

2. Kiến nghị:

.....
.....
.....

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

Ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, họ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ:.....
MÃ QHNS:.....

Mẫu số: B04-THA
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)*

BÁO CÁO TÀI SẢN, VẬT CHỨNG THU CHƯA XỬ LÝ
Quý ... năm

Số TT	Tên tài sản, vật chứng	Căn cứ thu	Đơn vị tính	Đơn giá hạch toán	Số tồn kho		Số thuê gửi	
					Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
A	B	C	D	1	2	3	4	5

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

Ngày thángnăm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ:.....

Mẫu số: B05-THA

MÃ QHNS:.....

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)**BÁO CÁO PHÂN TÍCH SỐ DƯ TÀI KHOẢN**

Tên Tài khoản:..... số hiệu:.....

Thời điểm báo cáo, ngày tháng năm

STT	Số dư thuộc nội dung Quyết định hoặc yêu cầu thu Số, ngày, tháng, năm	Đối tượng có nghĩa vụ hoặc quyền lợi	Ngày thu cuối cùng của số dư	Số tiền	Giá trị tài sản
A	B	C	D	1	2
	Tổng số dư TK: ghi số hiệu TK cấp 1				
	1. Số dư TK: ghi số hiệu TK cấp 2				
	Số dư TK: ghi số hiệu TK cấp 3				
	Ghi số hiệu TK cấp nhỏ nhất				
	Liệt kê từng số dư				
	2. Số dư TK:				
	... Số dư TK:				
	n. Số dư TK:				

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, họ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ:

Mẫu số: B06- THA

Chấp hành viên:

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)**BÁO CÁO****CHI TIẾT KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN BẰNG TIỀN, TÀI SẢN**

Đối với Hồ sơ đã thi hành xong hoặc giải quyết xong đưa vào lưu trữ

Quyết định thi hành án số..... ngày.... tháng năm

ĐVT: đồng

STT	Tiêu chí trong quyết định thi hành án	Số thực thu thi hành án	Số đã nộp Nhà nước và chi trả
A	B	1	2
I	Số đã thu thi hành án		
1	Các khoản chủ động T.H.A		
1.1	Các khoản thu, nộp NSNN		
1.1.1	Ấn phí, lệ phí Tòa án		
1.1.2	Phạt tiền theo Bản án		
1.1.3	Truy thu tiền		
1.1.4	Truy thu tài sản thu lợi bất chính		
1.1.5	Tịch thu tiền sung quỹ Nhà nước		
1.1.6	Tịch thu tài sản sung quỹ Nhà nước		
1.1.7	Tịch thu tiêu hủy vật chứng, tài sản		
1.2	Các khoản trả lại đương sự		
1.2.1	Trả lại tiền cho đương sự		
1.2.2	Trả lại tài sản cho đương sự		
2	Các khoản thi hành án theo đơn		
2.1	Thi hành án bằng tiền		
2.2	Thi hành án bằng tài sản		
II	Xác định khoản phí THA phải thu:		
III	Chi phí thi hành án phải thu:		
	Trong đó: Chi phí cưỡng chế THA		

	Chi phí thi hành án khác theo yêu cầu của đương sự hoặc cơ quan chức năng (chi tiết từng loại chi phí).....		
			
IV	Các khoản nộp khác		
1	Phạt hành chính		
2	Sung quỹ tiền của đương sự hết thời hiệu		
3	Phải nộp khác		

Các nội dung khác có liên quan đến việc THA do CHV ghi:

.....

Ngày thángnăm

CHẤP HÀNH VIÊN

ĐƠN VỊ:.....**MÃ QHNS:**.....**Mẫu số: B07- THA***(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)***BÁO CÁO CHI TIẾT KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG THI HÀNH ÁN BẰNG TIỀN, TÀI SẢN**

Tháng .../quý ... năm

Chấp hành viên:.....

STT	Quyết định THA		Số tiền và giá trị tài sản đã thu kỳ trước chưa xử lý			Số tiền và giá trị tài sản thu được trong kỳ			Số tiền và giá trị tài sản đã xử lý trong kỳ			Số tiền và giá trị tài sản đã thu chưa xử lý còn lại cuối kỳ		
	Số	NTN	Tổng số	Tiền	Giá trị Tài sản	Tổng số	Tiền	Giá trị Tài sản	Tổng số	Tiền	Giá trị Tài sản	Tổng số	Tiền	Giá trị Tài sản

Ngày tháng năm 20.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên, đóng dấu)**KẾ TOÁN TRƯỞNG**
(Ký, họ tên)**CHẤP HÀNH VIÊN**
(Ký, họ tên)

Mẫu số: 01/ĐKTD-CTĐT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI

Đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng chứng từ điện tử

- ☐ Đăng ký mới
☐ Thay đổi thông tin

Tên người nộp thuế:

Mã số thuế:

Cơ quan thuế quản lý:

Người liên hệ: Điện thoại liên hệ:

Địa chỉ liên hệ: Thư điện tử:

Theo Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ, chúng tôi/tôi thuộc đối tượng sử dụng chứng từ điện tử. Chúng tôi/tôi đăng ký/thay đổi thông tin đã đăng ký với cơ quan thuế về việc sử dụng chứng từ điện tử như sau:

1. Đối tượng phát hành

Tổ chức, cá nhân phát hành

Cơ quan thuế phát hành

2. Loại hình sử dụng

- ☐ Chứng từ điện tử khấu trừ thuế thu nhập cá nhân
☐ Chứng từ điện tử khấu trừ thuế đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số
☐ Biên lai điện tử
o Biên lai thu thuế, phí, lệ phí không in sẵn mệnh giá
o Biên lai thu thuế, phí, lệ phí in sẵn mệnh giá
o Biên lai thu thuế, phí, lệ phí

3. Hình thức gửi dữ liệu:

- a. ☐ Trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan thuế

b. ☐ Thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử

c. ☐ Thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử được Tổng cục Thuế ủy thác

4. Danh sách chứng thư số sử dụng:

STT	Tên tổ chức cơ quan chứng thực/cấp/công nhận chữ ký số, chữ ký điện tử	Số sê-ri chứng thư	Thời hạn sử dụng chứng thư số		Hình thức đăng ký (Thêm mới, gia hạn, ngừng sử dụng)
			Từ ngày	Đến ngày	

5. Đăng ký ủy nhiệm lập biên lai

STT	Tên loại biên lai ủy nhiệm	Ký hiệu mẫu biên lai ủy nhiệm	Ký hiệu biên lai ủy nhiệm	Tên tổ chức được ủy nhiệm/tổ chức ủy nhiệm	Mục đích ủy nhiệm	Thời hạn ủy nhiệm	Phương thức thanh toán biên lai ủy nhiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

Chúng tôi cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung nêu trên và thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

....., ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký số, chữ ký điện tử của người nộp thuế)

Mẫu số: BC26/BLĐT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG BIÊN LAI
THU THUẾ, PHÍ, LỆ PHÍ

Kỳ tính thuế: Quý năm

1. Tên đơn vị:

2. Mã số thuế (nếu có):

3. Địa chỉ:

Đơn vị tính:

STT	Tên loại biên lai	Ký hiệu mẫu biên lai	Ký hiệu biên lai	Số biên lai sử dụng trong kỳ	Tổng tiền thuế, phí, lệ phí trong kỳ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

Cam kết báo cáo tình hình sử dụng biên lai trên đây là đúng sự thật, nếu sai, đơn vị chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

Ngày.....tháng.....năm.....

TỔ CHỨC THU THUẾ, PHÍ, LỆ PHÍ

(Chữ ký số của người nộp thuế)

Thi hành án dân sự

Mẫu số: B02/BL*(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)***BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG BIÊN LAI**

Quý....năm

(Dùng cho Thi hành án dân sự tỉnh tổng hợp báo cáo Cục Quản lý THADS)

Đơn vị tính: số

STT	Tên loại biên lai	Ký hiệu mẫu biên lai	Ký hiệu biên lai	Tổng số biên lai điện tử ký phát hành/biên lai giấy sử dụng trong kỳ	Trong đó				Tổng số tiền thu được trong kỳ
					Biên lai sử dụng	Biên lai điều chỉnh	Biên lai thay thế	Biên lai hủy (biên lai giấy)	
A	B	C	1	2=3+4+5+6	3	4	5	6	7
I	Biên lai điện tử								
1	Biên lai thu tiền	C16- THADS							
2	Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí toà án	C17- THADS							
3	Biên lai thu tiền nộp ngân sách nhà nước	C18- THADS							
4	Biên lai thu tiền thi hành án theo đơn yêu cầu	C19- THADS							
5	Biên lai thu tiền thuế, phí, lệ phí	EBL01							
II	Biên lai giấy								
1	Biên lai thu tiền	C16a- THADS							

Cam kết báo cáo tình hình sử dụng biên lai trên đây là đúng sự thật, nếu sai, đơn vị chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

NGƯỜI LẬP**KẾ TOÁN**

Ngày.....tháng.....năm.....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Thi hành án dân sự

Mẫu số: B03/TUCC*(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)*

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ TẠM ỦNG CƯỜNG CHẾ
THI HÀNH ÁN**
6 tháng/năm

Đơn vị tính: đồng

STT	Đơn vị	Số phải thu đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ	Số đã thu trong kỳ	Số còn phải thu cuối kỳ
A	B	1	2	3	4=1+2-3
	Thi hành án dân sự tỉnh...				
	Nguồn NSNN				
	Nguồn khác				

NGƯỜI LẬP**KẾ TOÁN***Ngày.....tháng.....năm.....*
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Thi hành án dân sự

Mẫu số: B04/TUCC/CT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

BÁO CÁO CHI TIẾT PHẢI THU TẠM ỨNG CƯỠNG CHẾ THI HÀNH ÁN
Năm

Đơn vị tính: đồng

STT	Chấp hành viên	Quyết định THADS, ngày, tháng, năm	Thời gian phát sinh tạm ứng	Số tiền phải thu	Nguồn NS	Nguồn khác	Nguyên nhân chưa thu được
A	B	C	D	1	1.1	1.2	2
	Tổng cộng						
1	CHV A						
2	CHV B						

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN

Ngày.....tháng.....năm.....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Thi hành án dân sự

Mẫu số: B05/PHI*(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)***BÁO CÁO TỔNG HỢP THU NỘP PHÍ THI HÀNH ÁN**

6 tháng/năm

Đơn vị tính: đồng

STT	Đơn vị	Số còn phải nộp NSNN kỳ trước chuyển sang	Số thu được trong kỳ	Số hoàn trả trong kỳ	Số đã nộp NSNN trong kỳ	Số còn phải nộp NSNN
1	2	3	4	5	6	7=3+4-5-6
	Thi hành án dân sự					

NGƯỜI LẬP**KẾ TOÁN***Ngày.....tháng.....năm.....*
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

BỘ TƯ PHÁP**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập- Tự do- Hạnh phúc****Phụ lục V****DANH MỤC BIỂU MẪU CHỨNG TỪ KẾ TOÁN**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

STT	Tên biểu mẫu	Ký hiệu
	<i>Chỉ tiêu tiền tệ</i>	
1	Phiếu thu	C01-THADS
2	Phiếu chi	C02-THADS
3	Giấy đề nghị tạm ứng	C03-THADS
4	Giấy thanh toán tạm ứng	C04-THADS
5	Giấy đề nghị thanh toán	C05-THADS
6	Giấy đề nghị chi	C06-THADS
7	Bảng kê mua hàng	C07-THADS
8	Bảng thanh toán tiền thuê ngoài	C08-THADS
9	Bảng kê chi tiền cho người tham gia thi hành án	C09-THADS
10	Bảng kê các khoản tiền nộp NSNN	C10-THADS
11	Bảng kê các khoản tiền mặt nhập quỹ/nộp tiền vào tài khoản	C11-THADS
12	Bảng kê vàng bạc, đá quý	C12-THADS
13	Bảng kê phân phối tiền để thi hành án	C13-THADS
14	Biên bản kiểm kê quỹ (dùng cho đồng Việt Nam)	C14-THADS
15	Biên bản kiểm kê quỹ (dùng cho kiểm kê ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý)	C15-THADS
16	Biên lai thu tiền	C16-THADS
17	Biên lai thu tiền (bản giấy)	C16a-THADS
18	Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án	C17-THADS
19	Biên lai thu tiền nộp NSNN	C18-THADS
20	Biên lai thu tiền thi hành án	C19-THADS
21	Biên lai thu tiền thuế, phí, lệ phí	EBL01
	<i>Chỉ tiêu khác</i>	
22	Chứng từ kết chuyên	C20-THADS

Đơn vị: Thi hành án dân sự tỉnh....**Mẫu số: C01-THADS***(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)***PHIẾU THU**

Ngày ... tháng ... năm ...

Số:.....

Nợ:.....

Có:.....

Họ và tên người nộp tiền:.....

CMND/CCCD sốngày cấp.....nơi cấp.....

Địa chỉ:.....

Lý do nộp:.....

.....

Số tiền:.....

Viết bằng chữ:.....

.....

Kèm theo:.....Chứng từ gốc.

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)**Kế toán trưởng**
(Ký, họ tên)**Người lập**
(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ):.....

Ngày ... tháng ... năm

Người nộp
(Ký, họ tên)**Thủ quỹ**
(Ký, họ tên)

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....

(Nếu gửi ra ngoài phải đóng dấu)

Đơn vị: Thi hành án dân sự tỉnh.....**Mẫu số:** C02-THADS(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)**PHIẾU CHI**

Ngày ... tháng ... năm

Số:.....

Nợ:.....

Có:.....

Họ và tên người nhận tiền:.....

CMND/CCCD sốngày cấp.....nơi cấp.....

Địa chỉ:.....

Lý do chi:.....

.....

Số tiền:.....

Viết bằng chữ:.....

.....

Kèm theo:.....Chứng từ gốc.

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)**Kế toán trưởng**
(Ký, họ tên)**Người lập**
(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ) :.....

Ngày ... tháng ... năm

Người nhận tiền
(Ký, họ tên)**Thủ quỹ**
(Ký, họ tên)

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....

(Nếu gửi ra ngoài phải đóng dấu)

Đơn vị: Thi hành án dân sự tỉnh...**Mẫu số:** C03-THADS*(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)***GIẤY ĐỀ NGHỊ TẠM ỨNG**

Số:

Ngày ... tháng ... năm

Kính gửi:.....

Tên tôi là:.....

Địa chỉ:.....

Đề nghị cho tạm ứng số tiền:.....

Viết bằng chữ:

Lý do tạm ứng:.....

Theo Quyết định hoặc Yêu cầu số..... ngày..... thángnăm của

Thời hạn thanh toán:.....

Thủ trưởng đơn vị
Duyệt tạm ứng.....
(Ký, họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký, họ tên)**Trưởng phòng Phòng**
Nghiệp vụ và tổ chức thi
hành án/Trưởng phòng
Phòng THADS khu vực
(Ký, họ tên)**Người đề nghị tạm ứng**
(Ký, họ tên)

Đơn vị: Thi hành án dân sự tỉnh.....

Mẫu số: C04-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

GIẤY THANH TOÁN TẠM ỨNG

Số:.....

Ngàythángnăm

Họ và tên người thanh toán:.....

Bộ phận (hoặc địa chỉ):.....

Số tiền tạm ứng được thanh toán theo bảng dưới đây theo Quyết định thi hành án hoặc Yêu cầu
số ngày..... tháng.... nămcủa.....

Diễn giải	Số tiền
A	1
I. Tổng số tiền tạm ứng còn dư nợ tại thời điểm thanh toán 1. Số tạm ứng các kỳ trước chưa chi hết 2. Số tạm ứng kỳ này: - Phiếu chi số.....ngày.... - Phiếu chi số.....ngày.... - ...	
II. Tổng số tiền đã chi: 1. Chứng từ sốngày..... 2. Chứng từ sốngày..... 3.....	
III. Chênh lệch 1. Số tạm ứng chi không hết (I - II) 2. Chi quá số tạm ứng (II - I)	

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Kế toán thanh toán
(Ký, họ tên)

Người thanh toán
(Ký, họ tên)

Đơn vị: Thi hành án dân sự tỉnh**Mẫu số: C06-THADS***(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)***GIẤY ĐỀ NGHỊ CHI**

Số:.....

Ngày... tháng ... năm

Kính gửi:.....

Đề nghị chi cho

Địa chỉ:.....

CMND/CCCD số:..... do cấp ngày

kèm Giấy ủy quyền (nếu là nhận thay) số:..... ngày tháng năm

Tài khoản số:..... Tại Ngân hàng/KBNN:.....

.....

Hình thức thanh toán:.....

Nội dung chi:gồm các khoản sau:

+..... đồng

+..... đồng

+..... đồng

+..... đồng.

Tổng cộng:.....

Viết bằng chữ:.....

.....

Theo Quyết định Thi hành án số ngày tháng năm của

(Biên lai thu tiền: số, ngày, tháng, năm, số tiền

.....)

**Thủ trưởng đơn vị hoặc
người được ủy quyền**
(Ký, họ tên)**Chấp hành viên**
(Ký, họ tên)

Đơn vị: Thi hành án dân sự tỉnh.....

Mẫu số: C07-THADS
(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

Số:.....

BẢNG KÊ MUA HÀNG
Ngày.....tháng.....năm

- Họ và tên người mua:.....
- Bộ phận (phòng, ban):.....

Số TT	Tên, quy cách, phẩm chất hàng hoá, vật tư, công cụ, dịch vụ	Tên người bán hoặc địa chỉ mua hàng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3
	Cộng	X	X			

- Tổng số tiền (viết bằng chữ):
* Ghi chú: để tổ chức cưỡng chế/tổ chức thi hành án theo Quyết định/Yêu cầu số
ngày..... tháng năm của.....

Người mua
(Ký, họ tên)

Trưởng phòng Phòng Nghiệp vụ và
tổ chức thi hành án/Trưởng phòng
Phòng THADS khu vực
(Ký, họ tên)

Đơn vị: Thi hành án dân sự tỉnh.....

Mẫu số: C08-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)**BẢNG THANH TOÁN TIỀN THUÊ NGOÀI**

Số:.....

Dùng cho thuê nhân công, thuê khoán việc

Ngày....tháng....năm

Nợ:.....

Có:.....

Họ và tên người đi thuê:.....

Bộ phận (hoặc địa chỉ):.....

Đã thuê người làm những công việc sau đây: tổ chức thi hành án/cưỡng chế thi hành án theo Quyết
định/Yêu cầu số ngàytháng..... năm..... của

tại địa điểm..... từ ngày..... đến ngày.....

STT	Họ và tên người được thuê	Địa chỉ hoặc số /CCCD	Nội dung hoặc tên công việc thuê	Số công hoặc khối lượng công việc đã làm	Đơn giá thanh toán	Thành tiền	Tiền thuế khấu trừ	Số tiền còn lại được nhận	Ký nhận
A	B	C	D	1	2	3	4	5	E
	Cộng	X	X	X	X				X

Đề nghị.....

cho thanh toán số tiền.....

Số tiền bằng chữ:.....

(Kèm theo..... chứng từ kế toán khác).

**Trưởng phòng Phòng
Nghị vụ và tổ chức thi
hành án/Trưởng phòng
Phòng THADS khu vực**
(Ký, họ tên)

Người đề nghị thanh toán
(Ký, họ tên)

Đơn vị: Thi hành án dân sự tỉnh.....

Mẫu số: C09-THADS
(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

**BẢNG KÊ CHI TIỀN CHO NGƯỜI
THAM GIA THI HÀNH ÁN**

Số:..... Ngày.....tháng.....năm

Quyết định thi hành án số ngày tháng năm
(hoặc) Quyết định cưỡng chế thi hành án số ngày ... tháng ... năm
Địa điểm tham gia: (xác minh/cưỡng chế)
Thời gian từ ... giờ ... ngày ... tháng ... đến ... giờ ... ngày ... tháng ... năm

STT	Họ và tên người tham gia	Đơn vị công tác	Chức vụ	Số tiền	Ký nhận
A	B	C	D	I	E
	Tổng cộng	X	X		X

Tổng số người tham gia:

Tổng số tiền xin thanh toán:

Viết bằng chữ:.....

Người đề nghị thanh toán
Chấp hành viên
(Ký, họ tên)

**Trưởng phòng Phòng Nghiệp vụ và
tổ chức thi hành án/Trưởng phòng**
Phòng THADS khu vực
(Ký, họ tên)

Đơn vị: Thi hành án dân sự tỉnh.....

Mẫu số: C10-THADS
(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

Số:.....

BẢNG KÊ
CÁC KHOẢN TIỀN NỢP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

STT	Nội dung	Quyết định thi hành án		Số tiền
		Số hiệu	Ngày, tháng, năm	
A	B	C	D	I
	Cộng	X	X	

Tổng số tiền (viết bằng chữ):.....
Kèm theo

**Thủ trưởng đơn vị hoặc
người được ủy quyền**
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày... tháng ... năm
Kế toán
(Ký, họ tên)

Đơn vị: Thi hành án dân sự tỉnh....

Mẫu số: C11-THADS
(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

BẢNG KÊ
CÁC KHOẢN TIỀN MẶT NHẬP QUỸ/NỘP TIỀN VÀO TÀI KHOẢN
Số:..... ngày... tháng ... năm

Kèm theo

STT	Nội dung	Căn cứ QĐ THADS hoặc Yêu cầu thu		Biên lai thu tiền		Số tiền
		Số hiệu	Ngày, tháng, năm	Số hiệu	Ngày, tháng, năm	
A	B	C	D	E	F	I
	Cộng	X	X	X	X	

Tổng số tiền (viết bằng chữ):.....

Người lập
(Ký, họ tên)

Đơn vị: Thi hành án dân sự tỉnh....

Mẫu số: C13-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

**BẢNG KÊ PHÂN PHỐI
TIỀN ĐỂ THI HÀNH ÁN**

Số:..... ngày... tháng ... năm

(Chỉ sử dụng phân phối đối với khoản thu để thanh toán cho nhiều nội dung, nhiều đối tượng)

Đã thu số:..... ngày ... tháng ... năm của
.....

STT	CHỈ TIÊU	Phân phối đến QĐ THADS số, ngày, tháng, năm	Số tiền
I	Tổng số thu chưa phân phối		
II	Số phân phối kỳ này		
	Chia ra:		
1	Các khoản chi phí		
1.1	...		
2	Thu nộp ngân sách nhà nước		
2.1	Án phí, lệ phí Tòa án		
2.2	Phạt theo bản án		
2.3	Tịch thu sung công theo bản án		
	...		
3	Bồi thường		
	...		
4	Hoàn trả đương sự		
III	Số còn lại chưa phân phối		

**Trưởng phòng Phòng Nghiệp vụ và
tổ chức thi hành án/Trưởng phòng
Phòng THADS khu vực**
(Ký, họ tên)

Chấp hành viên
(Ký, họ tên)

Đơn vị: Thi hành án dân sự tỉnh....

Mẫu số: C14-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

BIÊN BẢN KIỂM KÊ QUỸ
(Dùng cho đồng Việt Nam)

Số :.....

Vào hồi ... giờ ... ngày... tháng ... năm tại

Chúng tôi gồm:

Ông (bà):.....đại diện kế toán

Ông (bà):.....đại diện

Ông (bà):.....đại diện

Cùng tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt, kết quả như sau:

STT	Diễn giải	Số lượng (tờ)	Số tiền
A	B	1	2
I	Số dư theo sổ quỹ	x	
II	Số kiểm kê thực tế	x	
1	- Loại tiền 500.000 đ		
2	- Loại tiền 200.000 đ		
3	- Loại tiền 100.000 đ		
4	- Loại tiền 50.000 đ		
5	- Loại tiền 20.000 đ		
6	- Loại tiền 10.000 đ		
7	- Loại tiền 5.000 đ		
8	- Loại tiền 2.000 đ		
9	- Loại tiền 1.000 đ		
10	- Loại tiền 500 đ		
11	- Loại tiền 200 đ		
12	- Loại tiền 100 đ		
	Cộng số tiền đã kiểm kê thực tế		
III	Chênh lệch (III=I-II)		

Lý do: + Thừa:

+ Thiếu:

Kết luận sau khi kiểm kê quỹ :.....

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên)

Đơn vị: Thi hành án dân sự tỉnh.....

Mẫu số: C15-THADS
(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

BIÊN BẢN KIỂM KÊ QUỸ Số:.....
(Dùng cho kiểm kê ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý)

Vào hồi ... giờ ... ngày... tháng ... năm tại

Chúng tôi gồm:

Ông (bà):.....đại diện kế toán
Ông (bà):.....đại diện thủ kho
Ông (bà):.....đại diện
Cùng tiến hành kiểm kê quỹ (ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý), kết quả như sau:

STT	Diễn giải	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị	Tính ra tiền VNĐ	
					Tỷ giá	Tiền VNĐ
A	B	C	1	2	3	4
I	Số dư theo sổ quỹ	x	x			
II	Số kiểm kê thực tế	x	x			
1	- Loại					
2	- Loại					
3	- Loại					
4	- Loại					
III	Chênh lệch	x	x			

Lý do: + Thừa:

+ Thiếu:

Kết luận sau khi kiểm kê quỹ:.....

.....

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên)

Đơn vị: Thi hành án dân sự...

Mẫu số: C16-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

Ký hiệu: BLTT/.....¹

Số:.....

BIÊN LAI THU TIỀN

Ngày ... tháng ... năm

Họ và tên người nộp tiền:.....

CCCD/Hộ chiếu:.....cấp ngày.....tháng.....năm.....

Địa chỉ:.....

Nội dung :.....

Theo

Số tiền:.....đồng

(Viết bằng chữ):

Hình thức thanh toán:.....

Người thu tiền

(Ký, họ tên)

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....

¹ Biên lai điện tử, 02 chữ số cuối của năm là năm bắt đầu sử dụng biên lai ghi trên thông báo phát hành, ký tự tiếp theo là chữ cái E.

Đơn vị:.....

Mẫu số: C16a-THADS*(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)*Ký hiệu: BLTT/....²**BIÊN LAI THU TIỀN**

Số:.....

*Ngày ... tháng ... năm
(Liên 1: Lưu tại cơ quan thu)*

Họ và tên người nộp tiền:.....

CCCD/Hộ chiếu:.....cấp ngày.....tháng.....năm.....

Địa chỉ:.....

Nội dung :.....

Theo

Số tiền:.....đồng

(Viết bằng chữ):

Hình thức thanh toán.....

Người nộp tiền
*(Ký, họ tên)***Người thu tiền**
(Ký, họ tên)

(In tại Công ty in....Mã số thuế....)

²Đối với biên lai đặt in, 02 chữ số cuối của năm là năm in biên lai. Đối với biên lai điện tử, 02 chữ số cuối của năm là năm bắt đầu sử dụng biên lai ghi trên thông báo phát hành hoặc năm biên lai được in ra.

Đơn vị: Thi hành án dân sự tỉnh....

Mẫu số: C17-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

Ký hiệu: BLTU/.....³

Số:.....

BIÊN LAI THU TẠM ỨNG ÁN PHÍ, LỆ PHÍ TÒA ÁN

Ngày ... tháng ... năm

Họ và tên người nộp tiền:.....

CCCD/Hộ chiếu:.....cấp ngày.....tháng.....năm.....

Địa chỉ:.....

Nội dung:.....

Theo Thông báo số: ... ngày ... tháng ... năm của Tòa án

Số tiền :.....đồng

(Viết bằng chữ):

Hình thức thanh toán:

Người thu tiền

(Ký, họ tên)

³Biên lai điện tử, 02 chữ số cuối của năm là năm bắt đầu sử dụng biên lai ghi trên thông báo phát hành, ký tự tiếp theo là chữ cái E.

Đơn vị: Thi hành án dân sự tỉnh.....

Mẫu số: C18-THADS
(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

Ký hiệu: NSNN/.....⁴
Số:.....

BIÊN LAI THU TIỀN NỘP NSNN

Ngày ... tháng ... năm

Họ và tên người nộp tiền:.....
CCCD/Hộ chiếu:.....cấp ngày.....tháng.....năm.....
Địa chỉ:.....
Nội dung:.....
Theo Quyết định thi hành án số ... ngày ... tháng ... năm của
Số tiền đồng
(Viết bằng chữ):
Hình thức thanh toán:.....

Người thu tiền
(Ký, họ tên)

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):.....
+ Số tiền quy đổi:.....

⁴Biên lai điện tử, 02 chữ số cuối của năm là năm bắt đầu sử dụng biên lai ghi trên thông báo phát hành, ký tự tiếp theo là chữ cái E.

Đơn vị: Thi hành án dân sự tỉnh.....

Mẫu số: C19-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

Ký hiệu: TTHA/.....⁵

Số :

BIÊN LAI THU TIỀN THI HÀNH ÁN

Ngày ... tháng ... năm

Họ và tên người nộp tiền:.....

CCCD/Hộ chiếu:.....cấp ngày.....tháng.....năm.....

Địa chỉ:.....

Nội dung:.....

Theo Quyết định thi hành án số ... ngày ... tháng ... năm của

Số tiền :..... đồng (viết bằng chữ):.....

Hình thức thanh toán:

Người thu tiền

(Ký, họ tên)

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....

⁵Biên lai điện tử, 02 chữ số cuối của năm là năm bắt đầu sử dụng biên lai ghi trên thông báo phát hành, ký tự tiếp theo là chữ cái E.

Đơn vị: Thi hành án dân sự tỉnh.....
Mã số thuế

Mẫu số: EBL01
(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

Ký hiệu: BLP/....⁶
Số:.....

BIÊN LAI THU TIỀN THUẾ, PHÍ, LỆ PHÍ
Tên loại thuế, phí, lệ phí, án phí tòa án

Họ và tên người nộp tiền:..... Mã số thuế⁷.....
CCCD/Hộ chiếu:.....cấp ngày.....tháng.....năm.....
Địa chỉ:.....
Nội dung:.....
Theo Quyết định số ngày tháng năm của
Số tiền:đồng (viết bằng chữ)
Hình thức thanh toán:.....

Ngày ... tháng ... năm

Người thu tiền
(Ký, họ tên)

⁶Biên lai điện tử, 02 chữ số cuối của năm là năm bắt đầu sử dụng biên lai ghi trên thông báo phát hành, ký tự tiếp theo là chữ cái T.

⁷Trường hợp người nộp tiền là doanh nghiệp.

BỘ TƯ PHÁP**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập- Tự do- Hạnh phúc****Phụ lục VI****DANH MỤC BIỂU MẪU ĐƠN, GIẤY BÁO, GIẤY MỜI, GIẤY TRIỆU TẬP,
THÔNG BÁO, BIÊN BẢN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP ngày 16 tháng 5 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)*

STT	Tên biểu mẫu	Ký hiệu
1.	Đơn yêu cầu thi hành án	D01-THADS
2.	Đơn đề nghị thay đổi Chấp hành viên	D02-THADS
3.	Đơn đề nghị định giá lại, xác định lại giá tài sản	D03-THADS
4.	Đơn đề nghị miễn, giảm phí thi hành án	D04-THADS
5.	Đơn đề nghị xét miễn, giảm chi phí cưỡng chế thi hành án	D05-THADS
6.	Đơn đề nghị nhận tài sản để trừ vào số tiền được thi hành án	D06-THADS
7.	Đơn đề nghị xác nhận kết quả thi hành án	D07-THADS
8.	Phiếu nhận đơn	D08-THADS
9.	Giấy báo	D09-THADS
10.	Giấy mời	D10-THADS
11.	Giấy triệu tập	D11-THADS
12.	Giấy xác nhận kết quả thi hành án	D12-THADS
13.	Văn bản ủy quyền về việc xác minh điều kiện thi hành án	D13-THADS
14.	Phiếu nhận yêu cầu thi hành án	D14-THADS
15.	Thông báo về việc từ chối yêu cầu thi hành án	D15-THADS
16.	Thông báo về việc tạm đình chỉ thi hành án	D16-THADS
17.	Thông báo về quyền yêu cầu thi hành án	D17-THADS
18.	Thông báo về việc cưỡng chế thi hành án	D18-THADS
19.	Thông báo về việc kê biên tài sản phải đăng ký quyền sở hữu, sử dụng	D19-THADS
20.	Thông báo về việc xác định quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản thi hành án	D20-THADS
21.	Thông báo về việc lựa chọn doanh nghiệp thẩm định giá tài sản	D21-THADS
22.	Thông báo về kết quả thẩm định giá, xác định giá tài sản/kết quả thẩm định giá, xác định giá lại tài sản	D22-THADS
23.	Thông báo về việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	D23-THADS
24.	Thông báo về kết quả lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá	D24-THADS
25.	Thông báo về việc di dời, tháo dỡ tài sản không thuộc tài sản thi hành án bị kê biên	D25-THADS
26.	Thông báo về việc tài sản đấu giá không thành	D26-THADS
27.	Thông báo về việc người được thi hành án nhận tài sản để trừ vào tiền được thi hành án	D27-THADS

28.	Thông báo về việc bán tài sản	D28-THADS
29.	Thông báo về việc giao tài sản	D29-THADS
30.	Thông báo về việc nhận tiền, tài sản, giấy tờ	D30-THADS
31.	Thông báo về việc gửi lại yêu cầu thi hành án	D31-THADS
32.	Thông báo về việc tạm dừng/tiếp tục/chấm dứt xử lý tài sản ủy thác	D32-THADS
33.	Thông báo về kết quả thẩm định giá, xác định giá/thời điểm bán đấu giá/kết quả xử lý tài sản ủy thác	D33-THADS
34.	Biên bản về việc ghi nhận yêu cầu thi hành án	D34-THADS
35.	Biên bản về việc giao quyết định, văn bản về thi hành án	D35-THADS
36.	Biên bản về việc không thực hiện được thông báo về thi hành án	D36-THADS
37.	Biên bản về việc niêm yết công khai quyết định, văn bản về thi hành án	D37-THADS
38.	Biên bản về việc giải quyết việc thi hành án	D38-THADS
39.	Biên bản về việc xác minh điều kiện thi hành án	D39-THADS
40.	Biên bản về việc kê khai tài sản, thu nhập, điều kiện thi hành án	D40-THADS
41.	Biên bản về việc yêu cầu giao nộp tiền của người phải thi hành án	D41-THADS
42.	Biên bản về việc thỏa thuận thi hành án	D42-THADS
43.	Biên bản về việc tạm giữ tài sản, giấy tờ	D43-THADS
44.	Biên bản về việc phong tỏa tài khoản, tài sản gửi giữ	D44-THADS
45.	Biên bản về việc kê biên tài sản	D45-THADS
46.	Biên bản về việc giao bảo quản quyền sử dụng đất đã kê biên	D46-THADS
47.	Biên bản về việc trả lại tài sản, giấy tờ	D47-THADS
48.	Biên bản về việc niêm phong tài sản	D48-THADS
49.	Biên bản về việc mở niêm phong tài sản	D49-THADS
50.	Biên bản về việc giao bảo quản tài sản	D50-THADS
51.	Biên bản về việc giao, nhận tài sản thi hành án	D51-THADS
52.	Biên bản về việc giao, nhận hồ sơ thi hành án	D52-THADS
53.	Biên bản về việc định giá, định giá lại tài sản	D53-THADS
54.	Biên bản về việc cưỡng chế giao tài sản	D54-THADS
55.	Thông báo về quyền ưu tiên mua tài sản thi hành án	D55-THADS
56.	Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung yêu cầu thi hành án	D56-THADS
57.	Thông báo về giao tài sản cho người được thi hành án khi người phải thi hành án đã chết	D57-THADS
58.	Thông báo về việc chuyển giao quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án đã chết	D58-THADS
59.	Biên bản về việc bán tài sản không qua đấu giá	D59-THADS
60.	Biên bản về việc mở khoá, mở gói để cưỡng chế thi hành án	D60-THADS
61.	Biên bản về việc tiếp công dân	D61-THADS
62.	Biên bản về việc người được thi hành án yêu cầu đình chỉ thi hành án	D62-THADS

63.	Biên bản vi phạm hành chính về thi hành án dân sự	D63-THADS
64.	Kế hoạch cường chế thi hành án	D64-THADS
65.	Thông báo về việc thực hiện nghĩa vụ của người phải thi hành án đã chết	D65-THADS
66.	Văn bản yêu cầu về việc tổ chức thi hành quyết định tuyên bố phá sản	D66-THADS
67.	Thông báo về việc nhận tài sản để trừ vào tiền thi hành án	D67-THADS
68.	Thông báo về kết quả lựa chọn doanh nghiệp thẩm định giá	D68-THADS
69.	Phiếu ghi nhận dữ liệu gửi/nhận văn bản điện tử	D69-THADS
70.	Phiếu ghi nhận thông tin xác minh trên môi trường số	D70-THADS

Mẫu số: D01-THADS*(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**ĐƠN YÊU CẦU THI HÀNH ÁN**

Kính gửi: Thi hành án dân sự

Họ, tên người yêu cầu thi hành án¹ :.....
địa chỉ:.....
ngày tháng năm sinh:.....
số định danh:.....
số điện thoại (nếu có):.....

Họ, tên người được thi hành án
địa chỉ:
ngày tháng năm sinh:.....
số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có):.....
số điện thoại (nếu có):.....

Họ, tên người phải thi hành án
địa chỉ:.....
ngày tháng năm sinh:.....
số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có):.....
số điện thoại (nếu có):.....

1. Các khoản yêu cầu thi hành:

.....
.....
.....
.....

**2. Thông tin về tài sản, điều kiện thi hành của người phải thi hành án
(nếu có)²:**

.....
.....
.....

3. Số tài khoản ngân hàng để nhận tiền (nếu có):

¹ Trường hợp ủy quyền phải kèm theo giấy ủy quyền hợp pháp và xuất trình tài khoản định danh điện tử theo quy định của pháp luật hoặc bản chính một trong các giấy tờ sau đây: Hộ chiếu, Căn cước công dân.

² Trường hợp yêu cầu thi hành án trở lại sau khi cơ quan thi hành án dân sự đã gửi lại yêu cầu thi hành án theo quy định tại khoản 4 Điều 38 Luật Thi hành án dân sự thì phải cung cấp tài liệu chứng minh người phải thi hành án có điều kiện thi hành.

.....
.....
.....

4. Các tài liệu kèm theo:

- Bản án, Quyết định sốngày...tháng....năm.....của
- Tài liệu thông tin về tài sản hoặc điều kiện thi hành của người phải thi hành án (nếu có).
- Trường hợp yêu cầu thi hành phán quyết trọng tài thì phải cung cấp thông tin, tài liệu về việc Tòa án thụ lý đơn yêu cầu huỷ phán quyết trọng tài hoặc việc đăng ký phán quyết trọng tài vụ việc .
- Trường hợp yêu cầu thi hành án quá hạn thì phải nộp bản gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc dữ liệu điện tử các tài liệu chứng minh lý do không thể yêu cầu thi hành án đúng hạn quy định tại Điều 3 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự để cơ quan thi hành án dân sự đối chiếu.
- Tài liệu có liên quan khác

.....

..... ngày tháng năm

Người yêu cầu thi hành án

(Ký, ghi rõ họ, tên hoặc điểm chỉ)³

³ Trường hợp đương sự yêu cầu thi hành án theo hình thức trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, ứng dụng định danh điện tử (VNeID) thì người yêu cầu không phải ký, ghi rõ họ tên hoặc điểm chỉ.

Mẫu số: D02-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**
Thay đổi Chấp hành viên

Kính gửi:.....

Họ tên người yêu cầu⁴:

địa chỉ:.....

số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã:

Chấp hành viên.....

có trách nhiệm tổ chức thi hành Quyết định thi hành án số..... ngày.....tháng.....

năm của Thi hành án dân sự tỉnh (thành phố)

Đối với:

Người được thi hành án

địa chỉ:

Người phải thi hành án

địa chỉ:

1. Nội dung yêu cầu:.....
.....
.....**2. Lý do và căn cứ yêu cầu:**.....
.....
.....**3. Các tài liệu kèm theo:**.....
.....

..... ngày tháng năm

Người yêu cầu

(Ký, ghi rõ họ, tên hoặc điểm chỉ)

⁴ Trường hợp ủy quyền phải gửi kèm giấy ủy quyền hợp pháp và xuất trình tài khoản định danh điện tử theo quy định của pháp luật hoặc bản chính một trong các giấy tờ sau đây: Hộ chiếu, Căn cước công dân.

Mẫu số: D03-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**
Thẩm định giá lại/xác định lại giá tài sản

Kính gửi: Thi hành án dân sự

Họ và tên người đề nghị định giá lại tài sản⁵ :.....
địa chỉ:
số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã:.....
Họ và tên người được thi hành án
địa chỉ:
Họ và tên người phải thi hành án
địa chỉ:.....

Căn cứ Thông báo sốngày.....tháng.....năm.....của Chấp hành viên Thi hành
án dân sự.....về kết quả thẩm định giá/xác định giá tài sản, đề nghị:

1. Nội dung yêu cầu định giá lại/xác định giá lại tài sản:

.....
.....
.....

2. Lý do yêu cầu:

.....
.....
.....

3. Tạm ứng chi phí thẩm định giá lại/xác định giá lại:

.....
.....

4. Các tài liệu kèm theo:

.....
.....

..... ngày tháng năm

Người yêu cầu

(Ký, ghi rõ họ, tên hoặc điểm chỉ)

⁵ Trường hợp ủy quyền phải gửi kèm giấy ủy quyền hợp pháp và xuất trình tài khoản định danh điện tử theo quy định của pháp luật hoặc bản chính một trong các giấy tờ sau đây: Hộ chiếu, Căn cước công dân.

Mẫu số: D04-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**
Về việc miễn, giảm phí thi hành án

Kính gửi: Thi hành án dân sự

Họ và tên người đề nghị⁶ :

địa chỉ:

số định danh:

Họ và tên người được thi hành án

địa chỉ:

Họ và tên người phải thi hành án

địa chỉ:

1. Nội dung đề nghị miễn, giảm:.....
.....
.....**2. Căn cứ đề nghị miễn, giảm:**.....
.....
.....**3. Các tài liệu kèm theo:**.....
.....

..... ngày tháng năm

Người đề nghị

(Ký, ghi rõ họ, tên hoặc điểm chỉ)

⁶ Trường hợp ủy quyền phải gửi kèm giấy ủy quyền hợp pháp và xuất trình tài khoản định danh điện tử theo quy định của pháp luật hoặc bản chính một trong các giấy tờ sau đây: Hộ chiếu, Căn cước công dân.

Mẫu số: D05-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**ĐƠN ĐỀ NGHỊ****Xét miễn, giảm chi phí cưỡng chế thi hành án dân sự**

Kính gửi: Thi hành án dân sự.....

Họ và tên người đề nghị⁷ :.....

địa chỉ:.....

số định danh:.....

Họ và tên người được thi hành án

địa chỉ:

Họ và tên người phải thi hành án

địa chỉ:

1. Nội dung đề nghị xét miễn, giảm:.....
.....
.....**2. Lý do đề nghị xét miễn, giảm:**.....
.....
.....**3. Các tài liệu kèm theo:**.....
.....

..... ngày tháng năm

Người đề nghị

(Ký, ghi rõ họ, tên hoặc điểm chỉ)

⁷ Trường hợp ủy quyền phải gửi kèm giấy ủy quyền hợp pháp và xuất trình tài khoản định danh điện tử theo quy định của pháp luật hoặc bản chính một trong các giấy tờ sau đây: Hộ chiếu, Căn cước công dân.

Mẫu số: D06-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**
Nhận tài sản để trừ vào tiền được thi hành án

Kính gửi: Thi hành án dân sự

Họ và tên người đề nghị⁸ :.....

địa chỉ:

số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã:.....

Họ và tên người được thi hành án

địa chỉ:

Họ và tên người phải thi hành án

địa chỉ:

Căn cứ Thông báo số.....ngàytháng.....nămcủa Chấp hành viên Thi
hành án dân sự.....về việc tài sản đấu giá không thành:**1. Nội dung đề nghị:**

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

2. Các tài liệu kèm theo:

.....
.....

..... ngày tháng năm

Người đề nghị

(Ký, ghi rõ họ, tên hoặc điểm chỉ)

⁸ Trường hợp ủy quyền phải gửi kèm giấy ủy quyền hợp pháp và xuất trình tài khoản định danh điện tử theo quy định của pháp luật hoặc bản chính một trong các giấy tờ sau đây: Hộ chiếu, Căn cước công dân.

Mẫu số: D07-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**
Xác nhận kết quả thi hành án

Kính gửi: Thi hành án dân sự

Họ và tên người đề nghị⁹:.....
địa chỉ:.....
số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã:.....
Theo Bản án, Quyết định số.....ngày.....tháng
.....năm.....của.....và
Quyết định thi hành án số..... ngày..... tháng năm của Thi hành án dân
sự thì

địa chỉ:
số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã:.....

1. Phải thi hành các khoản:

.....

2. Đã thi hành các khoản:

.....

3. Còn phải thi hành các khoản:

.....

4. Đề nghị xác nhận kết quả thi hành án:

.....

5. Các tài liệu kèm theo:

.....

.....

..... ngày tháng năm

Người làm đơn(Ký, ghi rõ họ, tên hoặc điểm chỉ)¹⁰

⁹ Trường hợp ủy quyền phải gửi kèm giấy ủy quyền hợp pháp và xuất trình tài khoản định danh điện tử theo quy định của pháp luật hoặc bản chính một trong các giấy tờ sau đây: Hộ chiếu, Căn cước công dân.

¹⁰ Trường hợp đương sự yêu cầu xác nhận kết quả thi hành án theo hình thức trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, ứng dụng định danh điện tử (VNeID) thì không phải ký tên, ghi rõ họ tên hoặc điểm chỉ.

Mẫu số: D08-THADS*(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)***CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ'.....****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/PNĐ-THADS.KV.../NV... .., ngày.....tháng.....năm

PHIẾU NHẬN ĐƠN

Thi hành án dân sự
Nhận đơn của ông (bà)/tổ chức:
địa chỉ:
số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có):.....

1. Nội dung đơn:

.....
.....
.....
.....

2. Các tài liệu kèm theo:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

NGƯỜI NỘP¹¹*(Ký, ghi rõ họ tên hoặc điểm chỉ)***NGƯỜI NHẬN***(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh, chức vụ)*

¹¹ Trường hợp nộp trực tiếp.

Mẫu số: D09-THADS*(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)***CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/GB-THADS.KV.../NV...

....., ngày.....tháng.....năm

GIẤY BÁO

Thi hành án dân sự

Báo cho ông (bà)/tổ chức:.....

địa chỉ:.....

số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có):.....

Đến

địa chỉ:

Vào hồi:giờngày.....tháng năm

Để.....

.....

.....

.....

Yêu cầu ông, bà/tổ chức..... có mặt đúng thời gian, địa điểm trên,
mang theo Giấy báo này và xuất trình tài khoản định danh điện tử theo quy định
của pháp luật hoặc bản chính một trong các giấy tờ sau đây: Hộ chiếu, Căn cước
công dân; trường hợp ủy quyền thì phải cung cấp giấy ủy quyền hợp pháp./.

CHẤP HÀNH VIÊN

Vào hồi.....giờ.....ngày.....tháng.....năm.....

tại:.....

Ông (bà):.....đại diện.....

đã giao cho ông (bà):.....

.....

Giấy báo số:.....ngày.....tháng.....năm.....của

.....về việc.....¹²**NGƯỜI NHẬN***(Ký, ghi rõ họ tên hoặc điểm chỉ)***NGƯỜI GIAO***(Ký, ghi rõ họ tên)*¹² Trường hợp thực hiện thông báo qua ứng dụng VNeID thì bỏ nội dung này

Mẫu số: D10-THADS*(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)***CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ'.....****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/GM-THADS.KV.../NV...

....., ngày.....tháng.....năm

GIẤY MỜI**Về việc.....**

Thi hành án dân sự

Trân trọng kính mời:.....

.....
địa chỉ:.....

số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có):.....

Đến

Vào hồi:giờ.....ngày.....tháng.....năm.....

Địa điểm:

Để

.....
.....
Đề nghịcó mặt đúng thời gian, địa điểm trên./.**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, Hồ sơ THA

CHẤP HÀNH VIÊN

Mẫu số: D11-THADS*(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)***CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/GTT-THADS.KV.../NV...

....., ngày.....tháng.....năm

GIẤY TRIỆU TẬP

Thi hành án dân sự

Triệu tập ông (bà)/tổ chức:.....

địa chỉ:

số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có):.....

Đến

địa chỉ:

Vào hồi:giờngày.....tháng năm

Để.....

.....

.....

Yêu cầu ông (bà)/tổ chức:..... có mặt đúng thời gian, địa điểm trên, mang theo Giấy triệu tập này và xuất trình tài khoản định danh điện tử theo quy định của pháp luật hoặc bản chính một trong các giấy tờ sau đây: Hộ chiếu, Căn cước công dân; trường hợp ủy quyền thì phải cung cấp giấy ủy quyền hợp pháp./.

CHẤP HÀNH VIÊNVào hồi.....giờ.....ngày.....tháng.....năm.....
tại:.....Ông (bà):.....đại diện.....
đã giao cho ông (bà):.....Giấy triệu tập số:.....ngày.....tháng.....năm.....của.....
.....về việc.....¹³**NGƯỜI NHẬN***(Ký, ghi rõ họ tên hoặc điểm chỉ)***NGƯỜI GIAO***(Ký, ghi rõ họ tên)*¹³ Trường hợp thực hiện thông báo qua ứng dụng VNeID thì bỏ nội dung này

Mẫu số: D12-THADS*(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)***CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/GXN-THADS.KV.../NV...

....., ngày.....tháng.....năm

GIẤY XÁC NHẬN KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN*Căn cứ điểm h khoản 1 Điều 6/điểm b khoản 1 Điều 7 Luật Thi hành án dân sự
số 106/2025/QH15; khoản 3 Điều 32 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP của Chính phủ
quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự;**Căn cứ Bản án, Quyết định số ngàythángnăm
của**Căn cứ Quyết định thi hành án số ngày ...tháng nămcủa
.....;**Căn cứ kết quả thi hành án của:**Xét đơn đề nghị xác nhận kết quả thi hành án của**Trưởng Thi hành án dân sự***XÁC NHẬN:**

Theo Bản án, Quyết định số ngày tháng năm của.....

.....
thì:.....

địa chỉ:

số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã:.....

Phải thi hành:

.....
.....
.....Theo Quyết định thi hành án số ngày tháng năm.....của
Thi hành án dân sự tỉnh (thành phố).....

thì ông (bà):.....

địa chỉ:

số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã:.....

Phải thi hành:

.....
.....
.....

Đến ngày.....tháng.....năm.....đã thi hành được:

.....
.....
.....
.....
Còn phải thi hành:

.....
.....
.....
Nơi nhận:

- Đương sự;
-;
- Lưu: VT, HSTHA.

**TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ/
TL. TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
TRƯỞNG PHÒNG
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ KHU VỰC...**

Mẫu số: D13-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/VBUQ-THADS.KV.../NV...

....., ngày.....tháng.....năm

VĂN BẢN ỦY QUYỀN
Về việc xác minh điều kiện thi hành án

Kính gửi: Thi hành án dân sự

Căn cứ Bản án, Quyết định số ngàythángnăm của

.....;
Căn cứ Quyết định thi hành án số ngàytháng năm của
Thi hành án dân sự

Người phải thi hành án:.....

địa chỉ:

số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã:.....

Phải thi hành:

.....
.....
.....

Đã thi hành được:

.....
.....
.....
.....

Còn phải thi hành:

.....
.....
.....Căn cứ điểm d khoản 4 Điều 37 Luật Thi hành án dân sự số
106/2025/QH15, khoản 5 Điều 21 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP của Chính phủ
quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự;Căn cứ vào thông tin về tài sản (nơi cư trú, làm việc hoặc trụ sở) của người
phải thi hành án.

Bên ủy quyền:

Thi hành án dân sự.....

Bên nhận ủy quyền:

Thi hành án dân sự

Nội dung ủy quyền:

.....
.....
.....

.....
.....
.....
.....
.....

Tài liệu gửi kèm theo:

1. Bản án, Quyết định số ngày ...thángnăm của;
2. Quyết định thi hành án số ngày ...tháng năm của Thi hành án dân sự;

.....
.....
Trong thời hạn..... kể từ ngày nhận được Văn bản này, Thi hành án dân sự..... phải trả lời bằng văn bản kết quả xác minh và những nội dung cần thiết khác cho Thi hành án dân sự đã ủy quyền xác minh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
- Lưu: VT, HSTHA.

**TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ/
TL. TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
TRƯỞNG PHÒNG
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ KHU VỰC...**

Mẫu số: D14-THADS*(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)***CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ'.....****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/PNĐ-THADS.KV.../NV... .., ngày.....tháng.....năm

PHIẾU NHẬN YÊU CẦU THI HÀNH ÁN

Thi hành án dân sự
Nhận yêu cầu thi hành án của ông (bà)/tổ chức:
địa chỉ:
số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có):.....

1. Nội dung yêu cầu thi hành án:

.....
.....
.....
.....

2. Các tài liệu kèm theo:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

NGƯỜI NỘP¹⁴*(Ký, ghi rõ họ tên hoặc điểm chỉ)***NGƯỜI NHẬN***(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh, chức vụ)*

¹⁴ Trường hợp nộp trực tiếp.

Mẫu số: D15-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TB-THADS.KV.../NV...

....., ngày.....tháng.....năm

THÔNG BÁO
Về việc từ chối yêu cầu thi hành án

Kính gửi:.....

*Căn cứ điểm.....khoản 4 Điều 34 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15;**Căn cứ Bản án, Quyết định số..... ngày.....tháng..... năm..... của**Căn cứ yêu cầu thi hành án ngày.....tháng...năm.... của..... địa chỉ:..... số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có) :.....*

Sau khi xem xét nội dung yêu cầu và các tài liệu gửi kèm, Thi hành án dân sựnhận thấy:

.....
.....(nêu lý do từ chối yêu cầu thi hành án).....

Do đó, Thi hành án dân sựtừ chối yêu cầu thi hành án của.....và thông báo để.....biết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Viện kiểm sát nhân dân.....;
-
- Lưu: VT.

TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ/
TL. TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
TRƯỞNG PHÒNG
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ KHU VỰC...

Mẫu số: D16-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TB-THADS.KV.../NV...

....., ngày.....tháng.....năm

THÔNG BÁO
Về việc tạm đình chỉ thi hành án*Căn cứ khoản 2 Điều 47 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15;**Căn cứ Bản án, Quyết định số: ngày.....tháng.....năm..... của.....*
*.....;**Căn cứ Quyết định thi hành án số ngày ...tháng năm của Thi*
*hành án dân sự;**Căn cứ Quyết định tạm đình chỉ thi hành án số.....ngày.....tháng....*
*năm của.....*Thi hành án dân sựthông báo cho.....,
địa chỉ:.....
số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có) :.....

Về việc tạm đình chỉ thi hành án đối với các khoản:

.....
.....
.....
.....
.....
.....Thời gian tạm đình chỉ kể từ ngày.....tháng.....năm.....cho đến khi có quyết
định của cơ quan có thẩm quyền. Trong thời gian tạm đình chỉ thi hành án, người
phải thi hành án không phải chịu lãi chậm thi hành án.Thi hành án dân sự tỉnh (thành phố).....
thông báo đểbiết./.**Nơi nhận:**

- Chánh án TAND hoặc Chủ tịch Ủy ban Cảnh tranh Quốc gia.....;
- Viện trưởng VKSND.....;
- Các đương sự;
.....;
- Lưu: VT, HSTHA.

TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ/
TL. TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
TRƯỞNG PHÒNG
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ KHU VỰC...

Mẫu số: D17-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TB-THADS.KV.../NV...

....., ngày.....tháng.....năm

THÔNG BÁO
Về quyền yêu cầu thi hành án

Kính gửi:.....

Căn cứ Điều 34 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15; khoản 2 Điều 30 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Bản án, Quyết định số..... ngày.....tháng..... năm..... của

Căn cứ Quyết định thi hành án số..... ngàytháng năm của Thi hành án dân sự

Theo Bản án, Quyết định số..... ngày.....tháng..... năm..... của,.....(người phải thi hành án).....địa chỉ..... có nghĩa vụ:.....

Thi hành án dân sự tỉnh (thành phố).....đã kê biên, xử lý tài sản của.....(người phải thi hành án).....để bảo đảm thi hành.

Số tiền thu được:.....(bằng chữ:.....)

Số tiền đã thanh toán cho những người được thi hành án đã có yêu cầu:.....(bằng chữ:.....)

Số tiền còn lại chưa thanh toán:.....(bằng chữ:.....). Số tiền này, Thi hành án dân sự tỉnh (thành phố).....đã gửi vào ngân hàng theo hình thức tiền gửi kỳ hạn 01 tháng.

Vậy, Thi hành án dân sựthông báo cho:..... địa chỉ:.....có quyền yêu cầu thi hành án. Hết thời hiệu yêu cầu thi hành án mà cơ quan thi hành án dân sự không nhận được yêu cầu thì số tiền đã gửi và tiền lãi nêu trên được xử lý theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Viện kiểm sát nhân dân.....;
-
- Lưu: VT.

**TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ/
TL. TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
TRƯỞNG PHÒNG
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ KHU VỰC...**

Mẫu số: D18-THADS*(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP**ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)***CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TB-THADS.KV.../NV...

....., ngày.....tháng.....năm

THÔNG BÁO
Về việc cưỡng chế thi hành án

Căn cứ Bản án, Quyết định số ngàytháng năm của.....;
Căn cứ Quyết định thi hành án số..... ngàytháng năm của
Thi hành án dân sự;

Căn cứ Quyết định cưỡng chế thi hành án số..... ngày..... tháng
..... năm của Chấp hành viên Thi hành án dân sự;

Thi hành án dân sựsẽ tiến hành cưỡng
chế đối với:

địa chỉ:

số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có) :.....

Bằng biện pháp:

Thời gian cưỡng chế:giờngày.....thángnăm

Địa điểm cưỡng chế:

Dự trừ chi phí cưỡng chế:phải chịu là:
..... (bằng chữ).

Yêu cầucó mặt đúng thời gian, địa điểm nêu trên.
Trường hợp vắng mặt, phải ủy quyền cho người khác
tham gia theo nội dung Thông báo này. Nếucó tình vắng mặt
hoặc không thực hiện việc ủy quyền hợp pháp thì việc cưỡng chế vẫn được tiến
hành theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã, phường.....;
- Viện kiểm sát nhân dân.....;
- Kế toán nghiệp vụ;
-
- Lưu: VT, HSTHA.

CHẤP HÀNH VIÊN

Vào hồi..... giờ..... ngày.....tháng.....năm

Tại:

Ông (bà):..... đại diện

đã giao cho ông (bà):.....

Thông báo số:..... ngày.....thángnăm ...của

..... về việc.....¹⁵

NGƯỜI NHẬN*(Ký, ghi rõ họ tên hoặc điểm chỉ)***NGƯỜI GIAO***(Ký, ghi rõ họ tên)*

¹⁵ Trường hợp thực hiện thông báo qua ứng dụng VNeID thì bỏ nội dung này

Mẫu số: D19-THADS(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ..... **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/TB-THADS.KV.../NV... .., ngày.....tháng.....năm

THÔNG BÁO**Về việc kê biên tài sản phải đăng ký quyền sở hữu, sử dụng**

Căn cứ điểmkhoản 2 Điều 80 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15;

Căn cứ Bản án, Quyết định số.....ngày.....tháng.....năm.....
củaCăn cứ Quyết định thi hành án số..... ngàytháng năm
của Thi hành án dân sựCăn cứ Quyết định cưỡng chế thi hành án số..... ngày..... tháng
..... năm của Chấp hành viên Thi hành án dân sựThi hành án dân sựsẽ tiến hành kê biên
tài sản
của:Địa chỉ:
số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có) :.....

Thời gian kê biên:giờngày.....thángnăm

Địa điểm kê biên:

Tài sản kê biên gồm:

.....

.....

.....

.....

.....

Vậy, thông báo để.....không giải quyết các yêu
cầu về chuyển dịch, cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, sang nhượng, tặng cho, thay đổi
kết cấu, hiện trạng các tài sản nêu trên đến khi có quyết định của Chấp hành viên
hoặc của Thi hành án dân sựtheo quy định./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân.....;
- UBND xã, phường.....;
- Cơ quan có thẩm quyền về đăng ký đất đai;
- Kế toán nghiệp vụ;
-;
- Lưu: VT, HSTHA.

CHẤP HÀNH VIÊN

Mẫu số: D20-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TB-THADS.KV.../NV...

....., ngày.....tháng.....năm

THÔNG BÁO**Về việc xác định quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản thi hành án**

Kính gửi:
 Căn cứ điểmkhoản....Điều 39/khoản 3 Điều 68/khoản 3 Điều 69 Luật
 Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15;

Căn cứ Bản án, Quyết định số.....ngày.....tháng.....năm.....của;
 Căn cứ Quyết định thi hành án số..... ngàytháng năm
 của Thi hành án dân sự;

Căn cứ.....

Chấp hành viên Thi hành án dân sựthông báo cho:

Người được thi hành án:.....

địa chỉ:.....

số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có) :.....

Người phải thi hành án:.....

địa chỉ:.....

số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có) :.....

Người có quyền sở hữu chung đối với tài sản/người có tranh chấp/cơ quan,
 tổ chức, cá nhân có liên quan:.....

địa chỉ:.....

số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có) :.....

Có quyền thỏa thuận phân chia tài sản chung/khởi kiện, yêu cầu cơ quan có
 thẩm quyền xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản/đề nghị cơ quan có
 thẩm quyền giải quyết tranh chấp/yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch vô hiệu/yêu
 cầu hủy giấy tờ liên quan đến giao dịch đối với tài sản sau:

1.....

2.....

Trong thời hạn ngày, kể từ ngày nhận được thông báo này mà không
 thỏa thuận phân chia tài sản/không khởi kiện, yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xác
 định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản/không đề nghị cơ quan có thẩm quyền
 giải quyết tranh chấp/không yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch vô hiệu/ không
 yêu cầu hủy giấy tờ liên quan đến giao dịch thì Chấp hành viên sẽ giải quyết theo
 quy định của pháp luật.

Vậy, Thi hành án dân sự.....thông báo đểbiết./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Viện kiểm sát nhân dân....;
-;
- Lưu: VT, HSTHA.

CHẤP HÀNH VIÊN

Mẫu số: D21-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TB-THADS.KV.../NV...

....., ngày.....tháng.....năm

THÔNG BÁO**Về việc lựa chọn doanh nghiệp thẩm định giá tài sản**

Căn cứ khoản 1 Điều 59/ khoản 2 Điều 81/ điểm...khoản 1/ điểm...khoản 2/ khoản 5 Điều 82/ điểm a khoản 3 Điều 90 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15; khoản 2 Điều 60 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Bản án, Quyết định số.....ngày.....tháng.....năm..... của

Căn cứ Quyết định thi hành án số..... ngàytháng năm của Thi hành án dân sự

Căn cứ Quyết định cưỡng chế thi hành án số..... ngày..... tháng năm của Chấp hành viên Thi hành án dân sự

Căn cứ(nếu có).

Chấp hành viên Thi hành án dân sự địa chỉ.....cần lựa chọn doanh nghiệp thẩm định giá để ký hợp đồng dịch vụ thẩm định giá các tài sản như sau:

1.....

2.....

..... (mô tả rõ số lượng, tình trạng của tài sản).....

Tiêu chí lựa chọn thực hiện theo khoản 2 Điều 60 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP của Chính phủ.

Vậy, thông báo để các doanh nghiệp thẩm định giá biết, đăng ký.

Hồ sơ đăng ký bao gồm:

1.....

2

Thời gian nộp hồ sơ: từ ngày.....tháng.... năm..... đến hết ngày..... tháng..... năm.....

Hình thức nộp hồ sơ:

Địa chỉ nộp hồ sơ:

Nơi nhận:

- Trang thông tin điện tử THADS.....
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân.....;
- Lưu: VT, HSTHA.

CHẤP HÀNH VIÊN

Mẫu số: D22-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TB-THADS.KV.../NV...

....., ngày.....tháng.....năm

THÔNG BÁO**Về kết quả thẩm định giá, xác định giá tài sản
/kết quả thẩm định giá lại, xác định giá lại tài sản***Căn cứ Điều 82 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15; khoản 6 Điều 60 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự;**Căn cứ Quyết định thi hành án số..... ngàytháng năm của Thi hành án dân sự*;*Căn cứ Quyết định cưỡng chế thi hành án số..... ngày..... tháng năm của Thi hành án dân sự*;*Căn cứ kết quả thẩm định giá, xác định giá ngàytháng.....năm... của*

Chấp hành viên Thi hành án dân sựthông báo cho:

Người được thi hành án:

địa chỉ:.....

số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã:.....

Người phải thi hành án:

địa chỉ:.....

số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã:.....

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (nếu có):.....

địa chỉ:.....

số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có):.....

Kết quả thẩm định giá tài sản, xác định giá/kết quả thẩm định giá lại, xác định giá lại tài sản như sau:

1.....

2.....

3.....

.....

(nêu rõ giá của từng loại tài sản bằng số và bằng chữ).

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Thông báo này, người được thi hành án, người phải thi hành án được quyền gửi đơn yêu cầu định giá lại tài sản một lần và phải nộp ngay tạm ứng chi phí thẩm định giá lại, xác định giá lại tài sản. Chi phí tạm ứng thẩm định giá lại, xác định giá lại tài sản:.....(bằng chữ:.....), đề nghị nộp vào tài khoản số:.....của Thi hành án dân sựmở tại (*áp dụng đối với trường hợp thông báo kết quả thẩm định giá, xác định giá tài sản*).

.....phải nộp tiếp/được nhận lại số tiền.....là phần chênh lệch so với chi phí tạm ứng thẩm định giá lại, xác định giá lại tài sản đã nộp (nếu có) (*áp dụng đối với trường hợp thông báo kết quả thẩm định giá lại, xác định giá lại tài sản*).

Vậy, thông báo để.....biết./.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân.....;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (nếu có);
-
- Lưu: VT, HSTHA.

CHẤP HÀNH VIÊN

Mẫu số: D23-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TB-THADS.KV.../NV...

....., ngày.....tháng.....năm

THÔNG BÁO**Về việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản**

Căn cứ khoản 1 Điều 59/khoản 2 Điều 81/khoản 2 Điều 83/điểm a khoản 3 Điều 90 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15; Điều 35 Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Bản án, Quyết định số.....ngày.....tháng.....năm.....của

Căn cứ Quyết định thi hành án số... ngày...tháng ... năm ... của Thi hành án dân sự.....;

Căn cứ Quyết định cưỡng chế thi hành án số..... ngày..... tháng năm của Chấp hành viên Thi hành án dân sự

Căn cứ kết quả thẩm định giá/xác định giá....ngày...tháng...năm... của.....;

Căn cứ Biên bản làm việc ngày.....tháng.....năm của

Chấp hành viên Thi hành án dân sự địa chỉ.....
cần lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản để ký hợp đồng dịch vụ bán đấu giá các tài sản sau:

1.....

2.....

.....(ghi rõ số lượng, chủng loại, chất lượng và giá khởi điểm).....

Chấp hành viên Thi hành án dân sự thông báo để các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản biết, đăng ký.

Tiêu chí lựa chọn thực hiện theo Điều 35 Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp.

Hồ sơ đăng ký bao gồm:

1.....

2.....

Thời gian nộp hồ sơ: từ ngày...tháng...năm... đến hết ngày...tháng...năm...**Hình thức nộp hồ sơ:****Địa chỉ nộp hồ sơ:****Nơi nhận:**

- Trang thông tin điện tử THADS
- Công đấu giá tài sản Quốc gia;
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân.....;
-
- Lưu: VT, HSTHA.

CHẤP HÀNH VIÊN

Mẫu số: D24-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TB-THADS.KV.../NV...

....., ngày.....tháng.....năm

THÔNG BÁO**Về kết quả lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản**

Căn cứ khoản 2 Điều 81/ khoản 2 Điều 83/khoản 3 Điều 90 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15; khoản 1 Điều 36 Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Bản án, Quyết định số.....ngày.....tháng.....năm.....của

Căn cứ Quyết định thi hành án số..... ngàytháng năm của Thi hành án dân sự

Căn cứ Quyết định cưỡng chế thi hành án số..... ngày..... tháng năm của Thi hành án dân sự

Căn cứ kết quả thẩm định giá, xác định giángàytháng.....năm ... của

Căn cứ Biên bản làm việc ngày.....tháng.....năm của

Căn cứ kết quả lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản.

Chấp hành viên Thi hành án dân sự thông báo kết quả lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản để ký hợp đồng dịch vụ bán đấu giá tài sản như sau:

1. Tài sản đấu giá:

2. Giá khởi điểm:

3. Tên, địa chỉ tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn:.....

.....

Vậy, thông báo đề.....biết./.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân.....;
-
- Lưu: VT, HSTHA.

CHẤP HÀNH VIÊN

Mẫu số: D25-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TB-THADS.KV.../NV...

....., ngày.....tháng.....năm

THÔNG BÁO**Về việc di dời, tháo dỡ tài sản không thuộc tài sản thi hành án bị kê biên**Căn cứ khoản 2 Điều 81/điểm a khoản 3 Điều 90 Luật Thi hành án dân sự
số 106/2025/QH15;Căn cứ Bản án, Quyết định số.....ngày.....tháng.....năm.....
củaCăn cứ Quyết định thi hành án số..... ngàytháng năm
của Thi hành án dân sựCăn cứ Quyết định kê biên tài sản số..... ngày..... tháng năm
..... của Chấp hành viên Thi hành án dân sự

Căn cứ Biên bản về việc kê biên, xử lý tài sản ngày...tháng...năm.....

Chấp hành viên Thi hành án dân sự
đã kê biên tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của:.....
địa chỉ:.....

số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có):.....

Tài sản kê biên/quyền sử dụng đất bị cưỡng chế chuyển giao:

.....
.....
.....Tài sản không thuộc đối tượng kê biên/tài sản gắn liền với quyền sử dụng
đất phải chuyển giao hình thành sau khi có bản án, quyết định sơ thẩm:

1-.....của.....Địa chỉ.....

2-.....của.....Địa chỉ.....

3-.....của.....Địa chỉ.....

Thi hành án dân sựyêu cầu:.....

....(người có tài sản không thuộc đối tượng kê biên).....địa chỉ:.....

có trách nhiệm di dời, tháo dỡ các tài sản không thuộc tài sản kê biên/tài sản gắn
liền với quyền sử dụng đất phải chuyển giao nêu trên ra khỏi tài sản kê biên/
quyền sử dụng đất được chuyển giao trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được

thông báo. Hết thời hạn trên mà người có tài sản không di dời, tháo dỡ thì Chấp hành viên sẽ xử lý theo quy định.

Vậy, thông báo để.....biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã, phường.....;
- Viện kiểm sát nhân dân.....;
- Kế toán nghiệp vụ;
-;
- Lưu: VT, HSTHA.

CHẤP HÀNH VIÊN

Mẫu số: D26-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TB-THADS.KV.../NV...

....., ngày.....tháng.....năm

THÔNG BÁO
Về việc tài sản đấu giá không thành

Kính gửi:.....

*Căn cứ khoản 3 Điều 83 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15;
khoản 6 Điều 65 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết
một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự;**Căn cứ Bản án, Quyết định số.....ngày.....tháng.....năm.....
của**Căn cứ Quyết định thi hành án số..... ngàytháng năm
của Thi hành án dân sự**Căn cứ Quyết định cưỡng chế thi hành án số..... ngày....tháng
năm..... của Chấp hành viên Thi hành án dân sự**Căn cứ Thông báo về việc tài sản đấu giá không thành số
.....ngày.....tháng.....nămcủa(tên tổ chức hành nghề đấu giá tài sản).*

Chấp hành viên Thi hành án dân sựthông báo cho:

Người được thi hành án:.....
địa chỉ:.....

số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có):.....

Người phải thi hành án:.....
địa chỉ:.....

số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có):.....

Nội dung:

Ngày.... tháng.... năm....., Chấp hành viên nhận được Thông báo
số....của(tên tổ chức hành nghề đấu giá tài sản).....về việc đấu giá không
thành các tài sản sau:.....
.....
.....Chấp hành viên sẽ ra quyết định giảm giá tài sản vào
ngày....tháng....năm.....để tiếp tục bán đấu giá theo quy định pháp luật.Ông (bà).....(người được thi hành án)..... có quyền
nhận tài sản để trừ vào tiền thi hành án trước khi Chấp hành viên ra quyết định
giảm giá tài sản (dùng cho trường hợp từ sau lần giảm giá thứ hai trở đi mà tài
sản đấu giá không thành).

Vậy, thông báo để.....biết./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân.....;
-;
- Lưu: VT, HSTHA.

CHẤP HÀNH VIÊN

Mẫu số: D27-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TB-THADS.KV.../NV...

....., ngày.....tháng.....năm

THÔNG BÁO**Về việc người được thi hành án nhận tài sản
để trừ vào tiền được thi hành án**

Kính gửi: (người phải thi hành án).....

*Căn cứ khoản 3 Điều 83 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15;
khoản 6 Điều 65 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một
số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự;**Căn cứ Bản án, Quyết định số.....ngày.....tháng.....năm.....của**Căn cứ Quyết định thi hành án số..... ngàytháng năm
của Thi hành án dân sự**Căn cứ Quyết định cưỡng chế thi hành án số..... ngày..... tháng
..... năm của Chấp hành viên Thi hành án dân sự**Căn cứ Thông báo về việc tài sản đấu giá không thành ngày
.....tháng.....năm ... của**Căn cứ Đơn đề nghị nhận tài sản để trừ vào tiền thi hành án
ngày.....tháng.....năm của*Người được thi hành án:.....
địa chỉ:.....

số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có):.....

Đồng ý nhận các tài sản đã kê biên sau để trừ vào số tiền được thi hành án:

1-.....

2-.....

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Thông báo này nếu
.....(người phải thi hành án)..... không nộp đủ tiền thi hành án
và chi phí thi hành án để lấy lại tài sản thì Chấp hành viên giao tài sản cho người
được thi hành án.

Vậy, thông báo để.....biết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân.....;
-
- Lưu: VT, HSTHA.

CHẤP HÀNH VIÊN

Mẫu số: D28-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TB-THADS.KV.../NV...

....., ngày.....tháng.....năm

THÔNG BÁO
Về việc bán tài sản

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 83 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15; khoản 2 Điều 64 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Bản án, Quyết định số.....ngày.....tháng.....năm..... của

Căn cứ Quyết định thi hành án số..... ngàytháng năm của Thi hành án dân sự

Căn cứ Quyết định cưỡng chế thi hành án số.....ngày..... tháng năm...của Chấp hành viên Thi hành án dân sự tỉnh (thành phố).....;

Căn cứ căn cứ kết quả thẩm định giá/xác định giá ngày..... tháng năm của.....

Chấp hành viên Thi hành án dân sự tỉnh (thành phố).....
bán tài sản không qua thủ tục đấu giá đối với các tài sản sau:

1 -

2 -

.....

(nêu rõ tên và mô tả tình trạng từng loại tài sản)

Giá tài sản:

.....(giá từng loại tài sản).....

(bằng chữ.....).

Thời gian bán tài sản vào hồi:.....giờ.....ngày.....tháng.....năm.....

Địa điểm bán tài sản:.....

Tổ chức, cá nhân, có nhu cầu mua tài sản xin liên hệ với Thi hành án dân sự tỉnh (thành phố).....

Địa chỉ:.....điện thoại:.....

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã, phường.....;
- Viện kiểm sát nhân dân.....;
- Kế toán nghiệp vụ;
- Trang thông tin điện tử của THADS....;
-
- Lưu: VT, HSTHA.

CHẤP HÀNH VIÊN

Mẫu số: D29-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TB-THADS.KV.../NV...

....., ngày.....tháng.....năm

THÔNG BÁO
Về việc giao tài sản

Căn cứ Điều 86 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15; điểmkhoản
1 Điều 67 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều
và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Bản án, Quyết định số.....ngày.....tháng.....năm.....của

Căn cứ Quyết định thi hành án số..... ngàytháng năm của
Thi hành án dân sựCăn cứ Quyết định cưỡng chế thi hành án số..... ngày..... tháng
năm của Thi hành án dân sựCăn cứ Quyết định giao tài sản số.....ngày....tháng....năm
.....của.....(hoặc biên bản thoả thuận của các đương sự)

Thi hành án dân sựtổ chức giao tài sản (nêu rõ tài sản):

.....
cho:.....

địa chỉ:.....

số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có):.....

Thời gian:.....giờ.....ngày.....tháng.....năm.....

Địa điểm:.....

Yêu cầu người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền lợi,
nghĩa vụ liên quan có mặt đúng thời gian, địa điểm trên./.**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- UBND xã, phường.....;
- Viện kiểm sát nhân dân.....;
- Kế toán nghiệp vụ;
-
- Lưu: VT, HSTHA.

CHẤP HÀNH VIÊN

Mẫu số: D30-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TB-THADS.KV.../NV...

....., ngày.....tháng.....năm

THÔNG BÁO
Về việc nhận tiền, tài sản, giấy tờ

Căn cứ khoản...Điều 25, khoản...Điều... Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15; khoản...Điều ...Nghị định số 152/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự (nếu có);

Căn cứ Bản án, Quyết định số..... ngàythángnămcủa

Căn cứ Quyết định thi hành án số..... ngàytháng năm của Thi hành án dân sự

Căn cứ(nếu có).

Thi hành án dân sựthông báo cho:

Ông (bà)/cơ quan, tổ chức.....

Địa chỉ:

Số định danh, mã số doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có):.....

Được nhận số tiền/tài sản/giấy tờ sau:.....

Đề nghị ông (bà)/cơ quan, tổ chức.....có văn bản cung cấp thông tin số tài khoản của người được nhận tiền cho Thi hành án dân sự để nhận tiền. Trường hợp ... (đối với người được nhận tiền là cá nhân) không cung cấp số tài khoản để nhận tiền thì trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Thông báo này, ông (bà) đến trụ sở Thi hành án dân sựđịa chỉ.....để nhận tiền (áp dụng trong trường hợp trả tiền).

Đề nghị ông (bà)/cơ quan, tổ chức.....trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Thông báo này, ông (bà) đến địa chỉ.....để nhận tài sản, giấy tờ (áp dụng trong trường hợp trả tài sản, giấy tờ).

Khi đến nhận tiền/tài sản/giấy tờ, ông (bà) mang theo Thông báo này và xuất trình tài khoản định danh điện tử theo quy định của pháp luật hoặc bản chính một trong các giấy tờ sau đây: Hộ chiếu, Căn cước công dân; trường hợp ủy quyền thì phải cung cấp giấy ủy quyền hợp pháp.

Sau khi nhận được thông báo mà không có văn bản cung cấp tài khoản, không đến nhận tiền, tài sản, giấy tờ thì Chấp hành viên xử lý theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Đương sự;

-

- Lưu: VT, HSTHA.

CHẤP HÀNH VIÊN

Mẫu số: D31-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TB-THADS.KV.../NV...

....., ngày.....tháng.....năm

THÔNG BÁO
Về việc gửi lại yêu cầu thi hành án

Kính gửi: (người yêu cầu thi hành án).

Căn cứ khoản 4 Điều 38 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15;
khoản 2 Điều 22 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một
số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Bản án, Quyết định số.....ngày.....tháng.....năm.....của.....;

Căn cứ Quyết định thi hành án số..... ngàytháng năm
của Thi hành án dân sựCăn cứ Quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành án số..... ngày
.....tháng năm của Thi hành án dân sựCăn cứ Biên bản xác minh ngày.....tháng.....nămcủa Chấp hành viên
Thi hành án dân sự.....;

Xét thấy hết thời hạn 02 năm kể từ ngày có quyết định về việc chưa có điều
kiện thi hành án nhưng không có thông tin mới về điều kiện thi hành án của người
phải thi hành án.

Thi hành án dân sự tỉnh (thành phố)..... gửi lại yêu cầu
thi hành án của(người yêu cầu thi hành án).....
địa chỉ:.....
số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có):.....

Hồ sơ gửi lại yêu cầu thi hành án:

1. Văn bản yêu cầu thi hành án.....
2. Bản án, quyết định.....
3. Tài liệu kèm theo (nếu có).....
4.

.....(người yêu cầu thi hành án).....có quyền yêu cầu Thi
hành án dân sựthi hành án trở lại theo quy định tại Điều 34 của Luật
Thi hành án dân sự khi người phải thi hành án có điều kiện thi hành.

Vậy, Thi hành án dân sự thông báo để.....biết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Viện kiểm sát nhân dân.....;
-
- Lưu: VT, HSTHA.

CHẤP HÀNH VIÊN

Mẫu số: D32-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TB-THADS.KV.../NV...

....., ngày.....tháng.....năm

THÔNG BÁO**Về việc tạm dừng/tiếp tục/chấm dứt xử lý tài sản ủy thác**

Kính gửi:.....

Căn cứ Điều 50 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15; điểm c khoản 1 Điều 27 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Bản án, Quyết định số.....ngày.....tháng.....năm..... của;

Căn cứ Quyết định thi hành án số..... ngàytháng năm của Thi hành án dân sự

Căn cứ Quyết định ủy thác xử lý tài sản số.....ngày.... tháng....năm..... của Thi hành án dân sự

Thi hành án dân sự(nơi ủy thác xử lý tài sản)
đề nghị Thi hành án dân sự(nơi nhận ủy thác xử lý tài sản)
tạm dừng/tiếp tục/chấm dứt xử lý tài sản ủy thác sau:

1.....

2.....

Lý do đề nghị

Việc tiếp tục/tạm dừng/chấm dứt xử lý tài sản ủy thác được thực hiện theo thông báo của cơ quan thi hành án dân sự đã ủy thác.

Vậy, thông báo để Thi hành án dân sự tỉnh (thành phố).....
.....biết để thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân.....;
-
- Lưu: VT, HSTHA.

**TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ/
TL. TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
TRƯỞNG PHÒNG
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ KHU VỰC...**

Mẫu số: D33-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TB-THADS.KV.../NV...

....., ngày.....tháng.....năm

THÔNG BÁO**Về kết quả thẩm định giá, xác định giá/thời điểm bán đấu giá/
kết quả xử lý tài sản ủy thác**

Kính gửi:.....

*Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 27 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP của Chính phủ
quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự;**Căn cứ Bản án, Quyết định số.....ngày.....tháng....năm.....của**Căn cứ Quyết định thi hành án số..... ngàytháng năm
của Thi hành án dân sự**Căn cứ Quyết định ủy thác xử lý tài sản số.....ngày.... tháng....năm..... của
Thi hành án dân sự**Thi hành án dân sự(nơi nhận ủy thác xử lý tài
sản) thông báo cho Thi hành án dân sự(nơi đã ủy thác xử lý
tài sản) kết quả thẩm định giá, xác định giá/thời điểm bán đấu giá/kết quả xử lý
tài sản như sau:*.....
.....
.....
.....*Vậy, thông báo để Thi hành án dân sự tỉnh (thành phố).....
.....biết./.***Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, HSTHA.

**TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ/
TL. TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
TRƯỞNG PHÒNG
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ KHU VỰC...**

Mẫu số: D34-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
Về việc ghi nhận yêu cầu thi hành án

Vào hồi.....giờ.....ngày.....tháng.....năm.....tại: Thi hành án dân sự

.....

Chúng tôi gồm:

Ông (bà):, chức vụ:

Ông (bà):....., chức vụ:.....

Lập biên bản ghi nhận yêu cầu thi hành án của:

Ông (bà):.....

địa chỉ:.....

ngày tháng năm sinh:.....

số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có):.....

số điện thoại (nếu có):.....

Họ, tên người được thi hành án

địa chỉ:

ngày tháng năm sinh:.....

số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có):.....

số điện thoại (nếu có):.....

Họ, tên người phải thi hành án

địa chỉ:.....

ngày tháng năm sinh:.....

số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có):.....

số điện thoại (nếu có):.....

1. Các khoản yêu cầu thi hành:

.....
.....
.....
.....

2. Thông tin về tài sản, điều kiện thi hành của người phải thi hành án (nếu có)¹⁶:

.....
.....
.....

¹⁶ Trường hợp yêu cầu thi hành án trở lại sau khi cơ quan thi hành án dân sự đã gửi lại yêu cầu thi hành án theo quy định tại khoản 4 Điều 38 Luật Thi hành án dân sự thì phải cung cấp tài liệu chứng minh người phải thi hành án có điều kiện thi hành.

3. Số tài khoản ngân hàng để nhận tiền (nếu có):

.....
.....
.....

4. Các tài liệu kèm theo:

- Bản án, Quyết định sốngày...tháng.....năm.....của
- Tài liệu thông tin về tài sản hoặc điều kiện thi hành của người phải thi hành án (nếu có).

- Trường hợp yêu cầu thi hành phán quyết trọng tài thì phải cung cấp thông tin, tài liệu về việc Tòa án thụ lý đơn yêu cầu huỷ phán quyết trọng tài hoặc việc đăng ký phán quyết trọng tài vụ việc .

- Trường hợp yêu cầu thi hành án quá hạn thì phải nộp bản gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc dữ liệu điện tử các tài liệu chứng minh lý do không thể yêu cầu thi hành án đúng hạn quy định tại Điều 3 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự để cơ quan thi hành án dân sự đối chiếu.

- Tài liệu có liên quan khác

.....

Biên bản lập xong hồi.....giờ.....cùng ngày, lập thànhbản, đã đọc lại cho mọi người cùng nghe, nhất trí, ký tên./.

NGƯỜI YÊU CẦU THI HÀNH ÁN

(Ký, ghi rõ họ tên hoặc điểm chỉ)

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số: D35-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**BIÊN BẢN****Về việc giao quyết định, văn bản về thi hành án**

Hôm nay, vào hồi.....giờ.....ngày.....tháng năm, tại:

.....
Căn cứ Bản án, Quyết định số.....ngày.....tháng.....năm.....của;
Căn cứ Quyết định thi hành án số..... ngàytháng năm
của Thi hành án dân sự;
Căn cứ.....

Chúng tôi gồm:

Ông (bà):....., chức vụ:

Ông (bà):....., chức vụ:

Ông (bà):....., chức vụ:.....

Với sự tham gia của:

Ông (bà):, chức vụ:

Ông (bà):....., chức vụ:.....

Lập biên bản về việc giao quyết định, văn bản về thi hành án cho ông
(bà):.....địa chỉ:

số định danh:.....

Sau khi giải thích các quyền và nghĩa vụ của ông (bà):.....

Các quyết định, văn bản về thi hành án được giao gồm:

.....
Ông (bà):.....nhận (không nhận) quyết
định, văn bản về thi hành án.

Biên bản lập xong hồi.....giờ.....cùng ngày, lập thànhbản, đã đọc
lại cho mọi người nghe, nhất trí, ký tên./.**CHẤP HÀNH VIÊN/CÔNG CHỨC**
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
(Ký, ghi rõ họ tên)**NGƯỜI GHI BIÊN BẢN**
(Ký, ghi rõ họ tên)**ĐẠI DIỆN.....**
(Ký, ghi rõ họ tên)**NGƯỜI ĐƯỢC GIAO VĂN BẢN**
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số: D36-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**BIÊN BẢN****Về việc không thực hiện được thông báo về thi hành án**

Hôm nay, vào hồi.....giờ.....ngày.....tháng.....năm....., tại:.....

.....
Căn cứ Bản án, Quyết định số.....ngày.....tháng.....năm.....của;
Căn cứ Quyết định thi hành án số..... ngàytháng năm
của Thi hành án dân sự;
Căn cứ

Chúng tôi gồm:

Ông (bà):....., chức vụ:

Ông (bà):....., chức vụ:

Ông (bà):....., chức vụ:

Với sự tham gia của:

Ông (bà):....., chức vụ:

Ông (bà):....., chức vụ:

Người chứng kiến:.....

Lập biên bản về việc không thực hiện được thông báo về thi hành án cho
ông (bà):.....địa chỉ:

Quyết định, văn bản về thi hành án không thông báo được gồm:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Lý do:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Biên bản lập xong hồi.....giờ.....cùng ngày, lập thànhbản, đã đọc lại cho mọi người nghe, nhất trí, ký tên./.

**CHẤP HÀNH VIÊN/CÔNG CHỨC
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI GHI BIÊN BẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)

.....

NGƯỜI CHỨNG KIẾN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số: D37-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**BIÊN BẢN****Về việc niêm yết công khai quyết định, văn bản về thi hành án**

Hôm nay, vào hồi.....giờ.....ngày.....tháng năm, tại:

.....
Căn cứ Bản án, Quyết định số.....ngày.....tháng.....năm.....
củaCăn cứ Quyết định thi hành án số..... ngàytháng năm
của Thi hành án dân sự

Căn cứ

Chúng tôi gồm:

Ông (bà):....., chức vụ:

Ông (bà):....., chức vụ:

Ông (bà):....., chức vụ:.....

Với sự tham gia của:

Ông (bà):, chức vụ:

Ông (bà):....., chức vụ:.....

Người chứng kiến:

Ông (bà):,

Ông (bà):,

Lập biên bản về việc niêm yết quyết định, văn bản về thi hành án liên quan
đến ông (bà):.....

địa chỉ:

Các quyết định, văn bản về thi hành án niêm yết gồm:

.....
.....
.....
.....
.....
.....

Thời gian niêm yết từ:

.....
Địa điểm niêm yết:.....
.....
.....
.....

Biên bản lập xong hồi.....giờ.....cùng ngày, lập thành....bản, đã đọc lại cho mọi người cùng nghe, nhất trí, ký tên./.

**CHẤP HÀNH VIÊN/CÔNG CHỨC
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI GHI BIÊN BẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN.....
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI CHỨNG KIẾN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số: D38-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**BIÊN BẢN**
Về việc giải quyết việc thi hành án

Hôm nay, vào hồi.....giờ.....ngày.....tháng.....năm....., tại:.....

.....
Căn cứ Bản án, Quyết định số.....ngày.....tháng.....năm..... của.....

.....;

Căn cứ Quyết định thi hành án số..... ngàytháng năm
của Thi hành án dân sự;

Căn cứ.....

Chúng tôi gồm:

Ông (bà):....., chức vụ: Chấp hành viên

Ông (bà):....., chức vụ:

Ông (bà):....., chức vụ:.....

Với sự tham gia của:

Ông (bà):, chức vụ:

Ông (bà):....., chức vụ:.....

.....
.....
.....
Lập biên bản giải quyết việc thi hành án đối với:.....

địa chỉ:

số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã :.....

.....

Sau khi giải thích các quyền và nghĩa vụ của

.....
.....về việc thi hành án theo Quyết
định thi hành án số..... ngàythángnămcủa
Ông (bà):.....(cá nhân/đại diện của tổ chức).....trình
bày như sau:

.....

.....

.....

.....

Ý kiến của:.....

Ý kiến của cơ quan thi hành án dân sự:

Ông (bà):.....cam đoan lời trình bày trên đây là đúng sự thật, nếu sai sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Biên bản lập xong hồi.....giờ.....cùng ngày, lập thành....bản, đã đọc lại cho mọi người cùng nghe, nhất trí, ký tên./.

CHẤP HÀNH VIÊN

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI GHI BIÊN BẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN.....

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ĐƯỢC THI HÀNH ÁN

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI PHẢI THI HÀNH ÁN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số: D39-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Về việc xác minh điều kiện thi hành án

Hôm nay, vào hồi.....giờ ngày.....tháng.... nămtại:.....

.....
Căn cứ Bản án, Quyết định số.....ngày.....tháng.....năm.....
của.....;

Căn cứ Quyết định thi hành án số.....ngày.....tháng năm của
Thi hành án dân sự

Căn cứ.....

Chúng tôi gồm:

Ông (bà):....., chức vụ: Chấp hành viên

Ông (bà):....., chức vụ:.....

Với sự tham gia của:

Ông (bà):....., chức vụ:.....

Ông (bà):....., chức vụ:.....

Lập biên bản xác minh điều kiện thi hành án của:

.....địa chỉ:

số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã :.....

là người phải thi hành các khoản.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Kết quả xác minh:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Biên bản lập xong hồi.....giờ.....cùng ngày, lập thành...bản, đã đọc lại cho mọi người cùng nghe, nhất trí, ký tên./.

CHẤP HÀNH VIÊN

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI GHI BIÊN BẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN.....

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN.....

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI PHẢI THI HÀNH ÁN

(Ký, ghi rõ họ tên)

.....

Mẫu số: D40-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BIÊN BẢN****Về việc kê khai tài sản, thu nhập, điều kiện thi hành án**

Hôm nay, vào hồi.....giờ.....ngày.....tháng năm....., tại:.....

.....
Căn cứ Bản án, Quyết định số.....ngày.....tháng.....năm..... của;
Căn cứ Quyết định thi hành án số..... ngàytháng năm của
Thi hành án dân sự

Chúng tôi gồm:

Ông (bà):....., chức vụ: Chấp hành viên

Ông (bà):....., chức vụ:

Ông (bà):....., chức vụ:.....

Lập biên bản về việc kê khai tài sản, thu nhập, điều kiện thi hành án của

.....
địa chỉ:
số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã :.....

Tài sản, thu nhập, điều kiện thi hành án được kê khai như sau (nêu rõ loại, số lượng tiền, tài sản hoặc quyền tài sản; tiền mặt, tiền trong tài khoản, tiền đang cho vay, mượn; giá trị ước tính và tình trạng của từng loại tài sản; mức thu nhập định kỳ, không định kỳ, nơi trả thu nhập; địa chỉ, nơi cư trú của người chưa thành niên được giao cho người khác nuôi dưỡng; khả năng và điều kiện thực hiện nghĩa vụ thi hành án)

1.....

2.....

Ông (bà).....cam đoan việc kê khai tài sản, thu nhập, điều kiện thi hành án của mình là trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã kê khai.

Biên bản lập xong hồi.....giờ.....cùng ngày, lập thành....bản, đã đọc lại cho mọi người cùng nghe, nhất trí, ký tên./.

CHẤP HÀNH VIÊN

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI GHI BIÊN BẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)

.....

Mẫu số: D41-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**BIÊN BẢN****Về việc yêu cầu giao nộp tiền của người phải thi hành án**

Hôm nay, vào hồi.....giờ.....ngày.....tháng năm, tại:.....

.....
Căn cứ khoản 3 Điều 74 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15;
khoản 2 Điều 50 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết
một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Bản án, Quyết định số.....ngày.....tháng.....năm.....của

Căn cứ Quyết định thi hành án số..... ngàytháng năm
của Thi hành án dân sự

Chúng tôi gồm:

Ông (bà):....., chức vụ: Chấp hành viên

Ông (bà):....., chức vụ:

Ông (bà):....., chức vụ:.....

.....
Lập biên bản về việc yêu cầu:.....(cá
nhân, tổ chức) đang giữ tiền của người phải thi hành án.

địa chỉ:.....

số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có):.....

Phải giao nộp tiền của.....(người phải thi hành án)

địa chỉ:

số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có).....

trong thời hạn.....phải giao nộp số tiền.....cho

Thi hành án dân sự.....hoặc nộp vào Tài khoản số..... của

Thi hành án dân sự.....mở tại.....

Biên bản lập xong hồi.....giờ.....cùng ngày, lập thành...bản, đã đọc
lại cho mọi người cùng nghe, nhất trí, ký tên./.

CHẤP HÀNH VIÊN

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI GHI BIÊN BẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI PHẢI THI HÀNH ÁN

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ĐANG GIỮ TIỀN

(Ký, ghi rõ họ tên)

.....

.....

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

BIÊN BẢN
Về việc thoả thuận thi hành án

Nội dung thoả thuận:

.....
.....
.....

Thời hạn thực hiện thỏa thuận:.....
Hậu quả pháp lý đối với việc không thực hiện hoặc thực hiện không đúng
nội dung đã thỏa thuận.....
.....
.....

Biên bản lập xong hồi.....giờ.....cùng ngày, lập thành....bản, đã đọc lại
cho mọi người cùng nghe, nhất trí, ký tên./.

CHẤP HÀNH VIÊN
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI GHI BIÊN BẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN.....
(Ký, ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI CÓ QUYỀN LỢI, NGHĨA
VỤ LIÊN QUAN**
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI PHẢI THI HÀNH ÁN
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ĐƯỢC THI HÀNH ÁN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số: D43-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**BIÊN BẢN**
Về việc tạm giữ tài sản, giấy tờ

Hôm nay, vào hồi.....giờ.....ngày.....tháng.....năm.....tại:.....

.....
Căn cứ khoản 2 Điều 69 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15;
khoản 2 Điều 44 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết
một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Bản án, Quyết định số.....ngày.....tháng.....năm.....
của

Căn cứ Quyết định thi hành án sốngày.....tháng.....năm
của Thi hành án dân sự.....

Chúng tôi gồm:

Ông (bà):, chức vụ: Chấp hành viên

Ông (bà):....., chức vụ:

Ông (bà):....., chức vụ:.....

Với sự tham gia của:

Ông (bà):....., đại diện.....

Ông (bà):....., đại diện:.....

Người chứng kiến:

Ông (bà):.....

địa chỉ:

số định danh:

Ông (bà):.....

địa chỉ:

số định danh:

Lập biên bản về việc tạm giữ tài sản, giấy tờ của ông, (bà):

địa chỉ:

số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có):

tại:.....

Loại tài sản, giấy tờ bị tạm giữ:.....

Số lượng, khối lượng, kích thước và các đặc điểm khác của tài sản, giấy tờ
bị tạm giữ (nếu tiền mặt thì ghi rõ số lượng tờ, mệnh giá các loại tiền, tiền nước
nào, số sê ri/trường hợp tài sản là kim khí quý, đá quý thì biên bản phải có nội
dung niêm phong):

.....
.....
.....
Biên bản lập xong hồi.....giờ.....cùng ngày, lập thành....bản, đã đọc
lại cho mọi người cùng nghe, nhất trí, ký tên./.

CHẤP HÀNH VIÊN

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI GHI BIÊN BẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI CHỨNG KIẾN

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN.....

(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số: D44-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
Về việc phong tỏa tài khoản, tài sản gửi giữ

Hôm nay, vào hồi.....giờ.....ngày.....tháng năm, tại:....

.....
Căn cứ khoản 4 Điều 67 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15; điểm
c khoản 2 Điều 43 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết
một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Bản án, Quyết định số.....ngày.....tháng.....năm.....
của

Căn cứ Quyết định thi hành án số..... ngàytháng năm
của Thi hành án dân sự

Căn cứ đơn đề nghị phong tỏa tài khoản, tài sản của:.....
Địa chỉ.....(nếu có).

Chúng tôi gồm:

Ông (bà):....., chức vụ: Chấp hành viên

Ông (bà):....., chức vụ:

Ông (bà):....., chức vụ:.....

Ông (bà):....., chức vụ:

Ông (bà):....., chức vụ:.....

Lập biên bản phong tỏa tài khoản, tài sản:tại.....
của.....

địa chỉ.....
số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã

Số tiền phải thi hành án và các chi phí thi hành án..... (bằng
chữ

Tài sản bị phong tỏa: (tên tài sản, mô tả tài sản)

1.....

2.....

3.....

.....

.....

Trường hợpkhông thực hiện
yêu cầu của Chấp hành viên dẫn đến đương sự tẩu tán tài sản thì bị xử lý theo quy
định của pháp luật, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường.

Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi thực hiện việc phong tỏa thìphải thông báo cho cơ quan thi hành án dân sự về kết quả thực hiện.

Biên bản lập xong hồi.....giờ.....cùng ngày, lập thành....bản, đã đọc lại cho mọi người cùng nghe, nhất trí, ký tên./.

CHẤP HÀNH VIÊN

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI GHI BIÊN BẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN.....

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI CHỨNG KIẾN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số: D45-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BIÊN BẢN****Về việc kê biên tài sản**

Hôm nay, vào hồi.....giờ.....ngày.....tháng.....năm..... tại.....

Căn cứ khoản 1 Điều 80 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15;

Căn cứ Bản án, Quyết định số.....ngày.....tháng.....năm.....

của.....;

Căn cứ Quyết định thi hành án số.....ngày.....tháng.....năm.....
của Thi hành án dân sự.....;Căn cứ Quyết định kê biên tài sản số.....ngày.....tháng.... năm..... của
Thi hành án dân sự.....**I. Thành phần****1. Thành phần tham gia**

Đại diện cơ quan thi hành án dân sự

Ông (bà):....., chức vụ: Chấp hành viên

Ông (bà):....., chức vụ:.....

Ông (bà):....., chức vụ:.....

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân.....

Ông (bà):....., chức vụ:.....

Đại diện chính quyền cấp xã hoặc đại diện thôn, tổ dân phố:

Ông (bà):....., chức vụ:.....

Ông (bà):....., chức vụ:.....

Đại diện cơ quan có thẩm quyền quản lý về đất đai:

Ông (bà):....., chức vụ:.....

Ông (bà):....., chức vụ:.....

2. Thành phần khácNgười được thi hành án:..... (trường hợp vắng mặt
cần ghi rõ lý do....., có được thông báo hợp lệ hay
không.....);Người phải thi hành án:..... (trường hợp vắng mặt
cần ghi rõ lý do....., có được thông báo hợp lệ hay
không.....);

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến tài sản (nếu có):

Ông (bà):.....

.....
.....

II. Nội dung

Sau khi tiến hành các thủ tục công bố quyết định kê biên, các quy định của pháp luật có liên quan và tóm tắt nội dung vụ việc, các thành viên tham gia đã kê biên tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của.....

để đảm bảo thi hành Bản án, Quyết định số.....ngàythángnăm của.....

Tài sản kê biên bao gồm (*mô tả tình trạng từng tài sản*):

Tài sản khác (*nếu có*):

Việc giao bảo quản tài sản:

Ý kiến của đương sự đối với việc kê biên tài sản:

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với việc kê biên tài sản:

Ý kiến của:.....

- Ông (bà):.....
được nhận lại tài sản nếu nộp đủ tiền thi hành án và các chi phí phát sinh trước
khi mở cuộc bán đấu giá tài sản một (01) ngày làm việc.

Biên bản lập xong hồi.....giờ.....cùng ngày, lập thành....bản, đã đọc
lại cho mọi người cùng nghe, nhất trí, ký tên./.

CHẤP HÀNH VIÊN

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI GHI BIÊN BẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN VKSND.....

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN.....

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN.....

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN.....

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ĐƯỢC THI HÀNH ÁN

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI PHẢI THI HÀNH ÁN

(Ký, ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI CÓ QUYỀN LỢI NGHĨA VỤ
LIÊN QUAN ĐẾN TÀI SẢN**

(Ký, ghi rõ họ tên)

.....

Mẫu số: D46-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BIÊN BẢN****Về việc giao bảo quản quyền sử dụng đất đã kê biên**

Hôm nay, vào hồi.....giờ.....ngày.....tháng năm, tại:.....

.....
Căn cứ Điều 40 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15; khoản 4 Điều 24 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Bản án, Quyết định số.....ngày.....tháng.....năm.....của.....;

Căn cứ Quyết định thi hành án số..... ngàytháng năm của Thi hành án dân sự

Căn cứ Quyết định cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất số...ngày...tháng...năm...của Chấp hành viên Thi hành án dân sự

Căn cứ.....

Chúng tôi gồm:

Ông (bà):....., chức vụ: Chấp hành viên

Ông (bà):....., chức vụ:

Ông (bà):....., chức vụ:.....

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân.....

Ông (bà):....., chức vụ:

Đại diện chính quyền cấp xã hoặc đại diện thôn, tổ dân phố:

Ông (bà):....., chức vụ:.....

Ông (bà):....., chức vụ:.....

Đại diện cơ quan có thẩm quyền quản lý về đất đai:

Ông (bà):....., chức vụ:.....

Ông (bà):....., chức vụ:.....

Người được thi hành án:..... (trường hợp vắng mặt cần ghi rõ lý do....., có được thông báo hợp lệ hay không.....);

Người phải thi hành án:..... (trường hợp vắng mặt cần ghi rõ lý do....., có được thông báo hợp lệ hay không.....);

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến tài sản (nếu có):

Ông (bà):.....

Người chứng kiến (nếu có):

Ông (bà):.....

địa chỉ:.....

số định danh:.....

Lập biên bản về việc giao bảo quản quyền sử dụng đất đã kê biên theo Quyết định kê biên quyền sử dụng đất số..... ngàytháng năm của Chấp hành viên Thi hành án dân sự và Biên bản kê biên tài sản ngày...tháng...năm... đối với diện tích đất tại địa chỉ:

Tổ chức, cá nhân nhận giao bảo quản :

địa chỉ:

số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã:.....

Đất đã kê biên (được mô tả như sau):

1. Diện tích, loại đất, vị trí, số thửa đất, số bản đồ:

.....

2. Hiện trạng sử dụng đất:

.....

3. Thời hạn giao quản lý, khai thác, sử dụng đất:

.....

4. Quyền và nghĩa vụ của người được giao quản lý, khai thác, sử dụng đất:

.....

.....

.....

Người được giao bảo quản không được chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, tặng cho, để thừa kế, thế chấp, hoặc góp vốn bằng quyền sử dụng đất; không được làm thay đổi hiện trạng sử dụng đất; không được sử dụng đất trái mục đích.

Người được giao bảo quản tài sản cam kết thực hiện đúng yêu cầu của Chấp hành viên trong quá trình tổ chức thi hành án.

Biên bản lập xong hồi.....giờ.....cùng ngày, lập thành....bản, đã đọc lại cho mọi người cùng nghe, nhất trí, ký tên./.

CHẤP HÀNH VIÊN

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI GHI BIÊN BẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN.....

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI NHẬN BẢO QUẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN.....

(Ký, ghi rõ họ tên)

.....

Mẫu số: D47-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**BIÊN BẢN**
Về việc trả lại tài sản, giấy tờ

Hôm nay, vào hồi.....giờ.....ngày.....tháng.....năm.....tại.....

.....
Căn cứ Bản án, Quyết định số.....ngày.....thángnăm..... của..........;
Căn cứ Quyết định thi hành án sốngày.....tháng.....năm
của Thi hành án dân sự.....;Căn cứ Quyết định giải toả kê biên tài sản số..... ngày..... tháng.....năm
.....của Chấp hành viên Thi hành án dân sự

Chúng tôi gồm:

Ông (bà):, chức vụ: Chấp hành viên

Ông (bà):....., chức vụ:

Ông (bà):....., chức vụ:.....

Với sự tham gia của:

Ông (bà):....., đại diện VKSND.....

Ông (bà):....., đại diện:.....

Người được giao bảo quản tài sản:

Ông (bà)/tổ chức:.....

Lập biên bản trả lại tài sản, giấy tờ của
địa chỉ:.....

số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã:.....

Cho ông (bà):.....(cá nhân/đại diện của tổ chức).....

địa chỉ:.....

số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã:.....

Ông (bà):.....(cá nhân/đại diện của tổ chức) đã nhận tài
sản, giấy tờ (nêu rõ số lượng, khối lượng, kích thước và các đặc điểm khác của
tài sản, giấy tờ)
.....
.....
.....
.....

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Biên bản lập xong hồi.....giờ.....cùng ngày, lập thành....bản, đã đọc lại cho mọi người cùng nghe, nhất trí, ký tên./.

CHẤP HÀNH VIÊN

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI GHI BIÊN BẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN VKSND.....

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN.....

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI NHẬN TÀI SẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ĐƯỢC GIAO BẢO QUẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)

.....

Mẫu số: D48-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**BIÊN BẢN**
Về việc niêm phong tài sản

Hôm nay, vào hồi.....giờ.....ngày.....tháng.....năm.....tại.....

.....

Căn cứ Bản án, Quyết định số.....ngày.....tháng.....năm.....

của;

Căn cứ Quyết định thi hành án số..... ngày.....tháng năm

.....của Thi hành án dân sự;

Căn cứ Quyết định cưỡng chế số.....ngày.....tháng..... năm.....của

Chấp hành viên Thi hành án dân sự

Căn cứ Quyết định.....số.....ngày.....tháng..... năm.....của.....

Chúng tôi gồm:

Ông (bà):....., chức vụ: Chấp hành viên

Ông (bà):....., chức vụ:.....

Ông (bà):....., chức vụ:.....

Với sự tham gia của:

Đại diện VKSND.....:

Ông (bà):....., chức vụ:.....

Đại diện ủy ban nhân dân cấp xã hoặc đại diện thôn, tổ dân phố (nếu có):

Ông (bà):....., chức vụ:.....

Ông (bà):....., chức vụ:.....

Đại diện:.....

Người được thi hành án:.....

địa chỉ:.....

số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có).....

Người phải thi hành án:.....

địa chỉ:.....

số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có).....

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (nếu có):

địa chỉ:.....

số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có).....

Người làm chứng (nếu có):.....

.....

Mẫu số: D49-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**BIÊN BẢN**
Về việc mở niêm phong tài sản

Hôm nay, vào hồi.....giờ.....ngày.....tháng.....năm.....tại.....

.....
Căn cứ Quyết định thi hành án số..... ngày.....tháng năm
.....của Thi hành án dân sự,Căn cứ Quyết định cưỡng chế số..... ngày.....tháng năm.....của Chấp
hành viên Thi hành án dân sự

Căn cứ Quyết định.....số.....ngày.....tháng..... năm.....của.....

Căn cứ Biên bản về việc niêm phong tài sản ngày..... tháng....
năm.....của.....

Chúng tôi gồm:

Ông (bà):....., chức vụ: Chấp hành viên

Ông (bà):....., chức vụ:.....

Ông (bà):....., chức vụ:.....

Với sự tham gia của:

Đại diện VKSND.....:

Ông (bà):....., chức vụ:.....

Đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc đại diện thôn, tổ dân phố (nếu có):

Ông (bà):....., chức vụ:.....

Ông (bà):....., chức vụ:.....

Đại diện:.....

Người được thi hành án:.....

Người phải thi hành án:.....

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (nếu có):

Lập biên bản mở niêm phong tài sản của:.....

Tài sản sau khi mở niêm phong (nêu rõ số lượng, khối lượng và các đặc
điểm của tài sản)..........
.....
.....
.....

.....
.....
.....
.....
Sau khi mở niêm phong, tài sản được.....
.....
.....

Biên bản lập xong hồi.....giờ.....cùng ngày, lập thành....bản, đã đọc
lại cho mọi người cùng nghe, nhất trí, ký tên./.

CHẤP HÀNH VIÊN

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI GHI BIÊN BẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN VKSND.....

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN.....

(Ký, ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI CÓ QUYỀN LỢI,
NGHĨA VỤ LIÊN QUAN**

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN.....

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ĐƯỢC THI HÀNH ÁN

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI PHẢI THI HÀNH ÁN

(Ký, ghi rõ họ tên)

.....

Mẫu số: D50-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**BIÊN BẢN**
Về việc giao bảo quản tài sản

Hôm nay, vào hồi.....giờ.....ngày.....tháng....năm.....tại

.....
Căn cứ khoản Điều 40 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15; khoản 4 Điều 24 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Bản án, Quyết định số.....ngày.....tháng.....năm.....
của

Căn cứ Quyết định thi hành án số..... ngày.....thángnăm
của Thi hành án dân sự

Căn cứ Quyết định cưỡng chế thi hành án số.....ngày.....tháng....
năm....của Chấp hành viên Thi hành án dân sự

Căn cứ Quyết định.....số.....ngày.....tháng..... năm.....của.....
Căn cứ Biên bản về việc cưỡng chế kê biên/Biên bản tạm giữ tài sản ngày....
tháng năm...của.....

Căn cứ biên bản tự nguyện giao tài sản lập ngày... tháng....năm
...của.....(nếu có).

Chúng tôi gồm có:

Ông, bà:....., chức vụ: Chấp hành viên

Ông, bà:....., chức vụ:.....

Ông, bà:....., chức vụ:.....

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân.....

Ông (bà):....., chức vụ:.....

Đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc đại diện thôn, tổ dân phố (nếu có):

Ông (bà):....., chức vụ:.....

Ông (bà):....., chức vụ:.....

Đại diện:.....

Người được giao bảo quản tài sản:

Ông (bà):.....

địa chỉ:.....

số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã:.....

Người được thi hành án:

Ông (bà):.....

Người phải thi hành án:

Ông (bà):.....

Người chứng kiến (nếu có):

Ông (bà):.....
 địa chỉ:.....
 số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã:.....

Tiến hành giao cho ông (bà).....
 bảo quản tài sản kê biên, tạm giữ gồm (nêu rõ loại tài sản, tình trạng từng loại tài sản):

Thời hạn giao bảo quản tài sản: từ ngày....tháng....năm.... đến

Ông (bà):.....
 có trách nhiệm bảo quản, không được chuyển quyền sở hữu, chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, tặng cho, thế chấp, góp vốn bằng tài sản hoặc thực hiện các giao dịch khác liên quan đến tài sản; gây hư hỏng, đánh tráo, làm mất, hủy hoại tài sản, làm thay đổi kết cấu, thay đổi hiện trạng, mục đích sử dụng tài sản.

Quyền và nghĩa vụ khác của người được giao bảo quản tài sản (nếu có):

Người được giao bảo quản tài sản cam kết thực hiện đúng yêu cầu của Chấp hành viên trong quá trình tổ chức thi hành án.

Biên bản lập xong hồi.....giờ.....cùng ngày, lập thành....bản, đã đọc lại cho mọi người cùng nghe, nhất trí, ký tên./.

CHẤP HÀNH VIÊN

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI GHI BIÊN BẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN VKSND.....

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN.....

(Ký, ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI ĐƯỢC GIAO
BẢO QUẢN TÀI SẢN**

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LÀM CHỨNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ĐƯỢC THI HÀNH ÁN

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI PHẢI THI HÀNH ÁN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số: D51-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**BIÊN BẢN**
Về việc giao, nhận tài sản thi hành án

Hôm nay, vào hồi.....giờ.....ngày.....tháng.....năm..... tại.....

.....
Căn cứ Bản án, Quyết định số.....ngày tháng năm của;
Căn cứ Quyết định thi hành án số.....ngày tháng năm của
Thi hành án dân sự;
Căn cứ.....

Chúng tôi gồm:

Ông (bà):....., chức vụ: Chấp hành viên

Ông (bà):....., chức vụ:.....

Ông (bà):....., chức vụ:.....

Với sự tham gia của:

Đại diện VKSND.....:

Ông (bà):....., chức vụ:.....

Đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc đại diện thôn, tổ dân phố (nếu có):

Ông (bà):....., chức vụ:.....

Ông (bà):....., chức vụ:.....

Đại diện:.....

.....

Người được giao tài sản:

địa chỉ:.....

số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã:.....

Người được thi hành án:.....

địa chỉ:.....

số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có):.....

Người phải thi hành án:.....

địa chỉ:.....

số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có):.....

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (nếu có):

địa chỉ:.....

số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có):.....

Tài sản giao nhận gồm (nêu rõ từng tài sản):.....

Ông (bà).....đã nhận đúng, đủ số tài sản nêu trên, không có ý kiến gì khác. Ông (bà)..... phải hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với tài sản kể từ thời điểm nhận.

.....

Mẫu số: D52-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**BIÊN BẢN**
Về việc giao, nhận hồ sơ thi hành án

Hôm nay, vào hồi.....giờ.....ngày.....tháng năm, tại:

*Căn cứ điểm d khoản 5 Điều 31 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15;**Căn cứ Bản án, Quyết định số.....ngày.....tháng.....năm.....của**Căn cứ Quyết định thi hành án số..... ngàytháng năm của Văn phòng Thi hành án dân sự.....;**Căn cứ văn bản đề nghị của đương sự về việc chấm dứt việc thi hành án và chuyển cơ quan thi hành án dân sự tổ chức thi hành án.....;**Căn cứ.....*

Chúng tôi gồm:

Bên giao:

Ông (bà):....., chức vụ:.....

Đại diện: Văn phòng Thi hành án dân sự.....

Bên nhận:

Ông (bà):....., chức vụ:

Đại diện: Thi hành án dân sự

Với sự tham gia của (nếu có):

Ông (bà):, chức vụ:

Ông (bà):....., chức vụ:.....

Lập biên bản về việc giao, nhận Hồ sơ thi hành án đối với:

Người được thi hành án:.....

địa chỉ:.....

số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã:.....

Người phải thi hành án:.....

địa chỉ:.....

số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã:.....

Hồ sơ thi hành án được giao, nhận gồm:

1-.....

2-

.....
.....
Biên bản lập xong hồi.....giờ.....cùng ngày, lập thànhbản, đã đọc
lại cho mọi người nghe, nhất trí, ký tên./.

BÊN GIAO
(Ký, ghi rõ họ tên)

BÊN NHẬN
(Ký, ghi rõ họ tên)

.....
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI GHI BIÊN BẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số: D53-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**BIÊN BẢN****Về việc xác định giá, xác định giá lại tài sản**

Hôm nay, vào hồi.....giờ.....ngày.....tháng.....năm.....tại.....

Căn cứ Bản án, Quyết định số.....ngày.....tháng.....năm.....của

Căn cứ Quyết định thi hành án số.....ngày.....tháng.....năm.....của

Thi hành án dân sự

Căn cứ Quyết định cưỡng chế thi hành án số.....ngày.....tháng.....
năm.....của Chấp hành viên Thi hành án dân sự

Căn cứ

Hội đồng định giá gồm:

Ông (bà):....., chức vụ: Chấp hành viên, Chủ tịch Hội đồng;

Ông (bà):....., chức vụ:.....Ủy viên;

Ông (bà):....., chức vụ:.....Ủy viên;

Ông (bà):....., chức vụ:.....Ủy viên;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân.....:

Ông (bà):....., chức vụ:.....

Ông (bà):....., chức vụ:.....

Đại diện.....

Lập biên bản về việc xác định giá, xác định giá lại tài sản đối với tài sản của:

Người phải thi hành án:.....

địa chỉ:.....

số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã:.....

Tài sản xác định giá, xác định giá lại:

Giá dự kiến xác định:.....(Bằng chữ:.....)

Ý kiến của Thành viên 1:

.....

 Ý kiến của Thành viên 2:

.....

 Ý kiến của Thành viên :

.....
 Trên cơ sở ý kiến của / thành viên Hội đồng định giá tán thành, Chủ tịch Hội đồng định giá quyết định:

Giá tài sản: (Bằng chữ:)

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân.....:

.....

 Biên bản lập xong hồi.....giờ.....cùng ngày, lập thành....bản, đã đọc lại cho mọi người cùng nghe, nhất trí, ký tên./.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI GHI BIÊN BẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN VKSND.....

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN.....

(Ký, ghi rõ họ tên)

THÀNH VIÊN

(Ký, ghi rõ họ tên)

THÀNH VIÊN

(Ký, ghi rõ họ tên)

.....

.....

Mẫu số: D54-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**BIÊN BẢN****Về việc cưỡng chế giao tài sản**

Hôm nay, vào hồi.....giờ.....ngày.....tháng.....năm.....tại.....

.....
Căn cứ Bản án, Quyết định số.....ngày.....tháng.....năm.....của.....

.....;

Căn cứ Quyết định thi hành án số.....ngày tháng nămcủa
Thi hành án dân sựCăn cứ Quyết định cưỡng chế thi hành án sốngàytháng
.....nămcủa Chấp hành viên Thi hành án dân sự

Căn cứ.....

I. Thành phần:**1. Thành phần tham gia cưỡng chế:**

Thi hành án dân sự.....

Ông (bà):, chức vụ: Chấp hành viên

Ông (bà):....., chức vụ:.....;

Ông (bà):....., chức vụ:.....;

Đại diện

Ông (bà):....., chức vụ:.....;

Đại diện:.....:

Ông (bà):....., chức vụ:.....;

Đại diện:

Ông (bà):....., chức vụ:.....;

Đại diện:

Ông (bà):....., chức vụ:.....

2. Thành phần khác

Người chứng kiến (nếu có):

Ông (bà):.....

địa chỉ:.....

số định danh:.....

Ông (bà):.....

địa chỉ:.....

số định danh:.....

Người được thi hành án:

Ông (bà):.....

địa chỉ:.....
số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã:.....

Người phải thi hành án:

Ông (bà):.....

địa chỉ:.....
số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã:.....

Ông (bà)/tổ chức (người được giao tài sản):.....

địa chỉ:.....
số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã:.....

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông (bà):.....

địa chỉ:.....
số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã:.....

II. Nội dung (nêu rõ diễn biến và kết quả cưỡng chế)

.....
.....
.....

Các thành viên tham gia cưỡng chế đã tiến hành giao cho:

....., địa chỉ:.....
(là người được thi hành án, người mua được tài sản) các tài sản sau (nêu rõ tình trạng của từng tài sản được giao):.....
.....
.....
.....
.....

Ông (bà).....đã nhận đúng, đủ số tài sản
nêu trên, không có ý kiến gì khác.

Biên bản lập xong hồi.....giờ.....cùng ngày, lập thành...bản, đã đọc
lại cho mọi người cùng nghe, nhất trí, ký tên./.

CHẤP HÀNH VIÊN

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI GHI BIÊN BẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN VKSND.....

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN.....

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN.....

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN.....

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LÀM CHỨNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI NHẬN TÀI SẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số: D55-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TB-THADS.KV.../NV...

....., ngày.....tháng.....năm

THÔNG BÁO
Về quyền ưu tiên mua tài sản thi hành án

Kính gửi:

Căn cứ khoản 1 Điều 83 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15;
khoản 1 Điều 63 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một
số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Bản án, Quyết định số.....ngày.....tháng.....năm.....của

Căn cứ Quyết định thi hành án số..... ngàytháng năm
của Thi hành án dân sự

Căn cứ Bản án, quyết định số.....ngày.....tháng.....năm.....củavề
quyền ưu tiên mua tài sản (nếu có);

Căn cứ.....

Căn cứ Quyết định về việc kê biên tài sản sốngàytháng năm
của Chấp hành viên Thi hành án dân sự

Căn cứ Thông báo về kết quả thẩm định giá, xác định giá tài sản/kết quả thẩm
định giá lại, xác định giá lại tài sản số....ngày....tháng...năm.... của

Căn cứ.....

Chấp hành viên Thi hành án dân sự tỉnh (thành phố).....thông báo cho:

1. Ông/Bà:.....địa chỉ.....

số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã:.....

2. Ông/Bà:.....địa chỉ.....

số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã:.....

Có quyền ưu tiên mua tài sản/thỏa thuận người được quyền ưu tiên mua đối
với tài sản sau:

1.....

2.....

Giá tài sản:.....(Bằng chữ:.....)

Thời hạn thực hiện quyền ưu tiên mua/thỏa thuận người được quyền ưu tiên
mua là 15 ngày đối với bất động sản/05 ngày làm việc đối với động sản kể từ ngày
được thông báo hợp lệ. Hết thời hạn ưu tiên mà người được ưu tiên mua không
nộp tiền mua thì tài sản được bán theo quy định (áp dụng đối với trường hợp trước
khi bán tài sản lần đầu).

Thời hạn thực hiện quyền ưu tiên mua/thỏa thuận người được quyền ưu tiên mua là 03 ngày làm việc trước thời điểm mở cuộc đấu giá (*áp dụng đối với trường hợp bán tài sản từ lần thứ hai trở đi*)

Vậy, Thi hành án dân sựthông báo để.....biết./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Viện kiểm sát nhân dân....;
-;
- Lưu: VT, HSTHA.

CHẤP HÀNH VIÊN

Mẫu số: D56-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TB-THADS.KV.../NV...

....., ngày.....tháng.....năm

THÔNG BÁO
Về việc sửa đổi, bổ sung yêu cầu thi hành án

Kính gửi:.....

*Căn cứ khoản 6 Điều 9 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy
định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự;**Căn cứ Bản án, Quyết định số..... ngày.....tháng..... năm..... của
.....;**Căn cứ yêu cầu thi hành án ngày.....tháng...năm.... của.....
địa chỉ:*Sau khi xem xét nội dung yêu cầu và các tài liệu gửi kèm, Thi hành án dân
sựđề nghị:

- Sửa đổi, bổ sung nội dung yêu cầu thi hành án (nếu có)

Nội dung sửa đổi, bổ sung:.....

.....

- Bổ sung tài liệu kèm theo yêu cầu thi hành án (nếu có), gồm:.....

.....

Thi hành án dân sựthông báo để.....

.....biết, thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Viện kiểm sát nhân dân.....;
-
- Lưu: VT.

**TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ/
TL. TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
TRƯỞNG PHÒNG
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ KHU VỰC...**

Mẫu số: D57-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TB-THADS.KV.../NV...

....., ngày.....tháng.....năm

THÔNG BÁO**Về việc giao tài sản cho người được thi hành án khi
người phải thi hành án đã chết**

Kính gửi:.....

Căn cứ khoản 2 Điều 41 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15;
khoản 2 Điều 25 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một
số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Bản án, Quyết định số.....ngày.....tháng.....năm.....
của

Căn cứ Quyết định thi hành án số..... ngàytháng năm
của Thi hành án dân sự

Căn cứ Giấy chứng tử số.....ngày.....tháng.....năm.....của.....
.....;

Căn cứ Biên bản xác minh điều kiện thi hành án ngày.... tháng...
năm....của.....;

Thi hành án dân sự.....thông báo để ông, bà/ tổ chức
.....(người đang quản lý, sử dụng tài sản của người phải thi hành
án đã chết) giao tài sản cho người được thi hành án như sau:

Theo Quyết định thi hành án số...ngày...tháng...năm....của Trưởng Thi
hành án dân sựthì ông/bà..... là người phải thi
hành nghĩa vụ trả tài sản sau:.....

.....
.....

Theo Giấy chứng tử số.....ngày.....tháng.....năm.....
của.....thì ông/bà.....
đã chết.

Tài sản trên đang do.....trực tiếp quản
lý, sử dụng.

Thi hành án dân sựthông báo để..... (người trực tiếp
quản lý, sử dụng).....trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được
Thông báo này, ông (bà)/tổ chức.....có trách nhiệm giao
tài sản cho(người được thi hành án).

Hết thời hạn trên mà ông (bà)/tổ chức.....không thực hiện thì cơ quan thi hành án dân sự sẽ tổ chức giao tài sản theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Người được thi hành án;
- Viện kiểm sát nhân dân.....;
-;
- Lưu: VT, HSTHA.

**TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ/
TL. TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
TRƯỞNG PHÒNG
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ KHU VỰC...**

Mẫu số: D58-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TB-THADS.KV.../NV...

....., ngày.....tháng.....năm

THÔNG BÁO**Về việc chuyển giao quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án đã chết**

*Căn cứ khoản 2 Điều 41 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15;
khoản 1 Điều 25 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một
số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự;*

*Căn cứ Bản án, Quyết định số.....ngày.....tháng.....năm.....
của*

*Căn cứ Quyết định thi hành án số..... ngàytháng năm
của Thi hành án dân sự*

*Căn cứ Giấy chứng tử số.....ngày.....tháng.....năm.....của.....
.....;*

*Căn cứ Biên bản xác minh điều kiện thi hành án ngày.... tháng...
năm....của.....;*

Thi hành án dân sựthông báo về việc chuyển giao quyền,
nghĩa vụ của người được thi hành án đã chết như sau:

Theo Quyết định thi hành án số...ngày...tháng...năm...của Trưởng Thi
hành án dân sự tỉnh (thành phố) thì ông/bà.....là người
được thi hành án đối với khoản sau:...

.....

Theo Giấy chứng tử số.....ngày.....tháng.....năm.....của.....
.....thì ông/bà.....đã chết.

Thi hành án dân sựthông báo để người thừa kế của
Ông/Bà.....biết và thực hiện việc chuyển giao quyền, nghĩa
vụ theo quy định của pháp luật về thừa kế và thông báo cho Thi hành án dân
sự..... để giải quyết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Người phải thi hành án;
- Viện kiểm sát nhân dân.....;
- Trang Thông tin điện tử THADS
- UBND cấp xã.....;
-;
- Lưu: VT, HSTHA.

**TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ/
TL. TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
TRƯỞNG PHÒNG
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ KHU VỰC...**

Mẫu số: D59-
THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
Về việc bán tài sản không qua đấu giá

Hôm nay, vào hồi.....giờ.....ngày.....tháng.....năm.....tại.....

.....
Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 83 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15; Điều 64 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Bản án, Quyết định số.....ngày.....tháng.....năm.....của

.....;
Căn cứ Quyết định thi hành án số.....ngày.....tháng.....năm.....của Thi hành án dân sự

Căn cứ Quyết định cưỡng chế thi hành án số.....ngày.....tháng.....năm.....của Chấp hành viên Thi hành án dân sự

Căn cứ Thông báo bán tài sản số:.....ngày.....tháng.....năm của Thi hành án dân sự

Chúng tôi gồm:

Ông (bà):....., chức vụ: Chấp hành viên

Ông (bà):....., chức vụ:.....

Ông (bà):....., chức vụ:.....

Với sự tham gia của:

Đại diện VKSND.....:

Ông (bà):....., chức vụ:.....

Ông (bà):....., chức vụ:.....

Đại diện

Ông (bà):....., chức vụ:.....

Người phải thi hành án:.....(nếu có).

Người được thi hành án:.....(nếu có).

Với sự có mặt của ông (bà): (người đăng ký mua tài sản)

.....
.....
.....
.....

Lập biên bản về việc bán tài sản không qua đấu giá do Chấp hành viên Thi hành án dân sự tổ chức, cụ thể:

Tài sản bán:

.....
.....
Giá bán:

.....
.....
Người mua được tài sản:.....
.....
.....

.....
.....
Thanh toán và giao nhận tài sản:.....
.....
.....

.....
Biên bản lập xong hồi.....giờ.....cùng ngày, lập thành....bản, đã đọc
lại cho mọi người cùng nghe, nhất trí, ký tên./.

CHẤP HÀNH VIÊN

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI GHI BIÊN BẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN VKSND.....

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI MUA TÀI SẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN.....

NGƯỜI PHẢI THI HÀNH ÁN

(Ký, ghi rõ họ tên)

.....

NGƯỜI ĐƯỢC THI HÀNH ÁN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số: D60-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**BIÊN BẢN****Về việc mở khoá, mở gói đề cương chế thi hành án**

Hôm nay, vào hồi.....giờ.....ngày.....tháng.....năm.....tại.....

.....

Căn cứ điểm c khoản 4 Điều 37/điểm đ khoản 2 Điều 80 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15; khoản 3 Điều 53 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Bản án, Quyết định số.....ngày.....tháng.....năm.....của
.....;

Căn cứ Quyết định thi hành án số.....ngày tháng nămcủa
Thi hành án dân sự

Căn cứ Quyết định cưỡng chế thi hành án sốngàytháng năm.....của Chấp hành viên Thi hành án dân sự

Chúng tôi gồm:

Ông (bà):....., chức vụ: Chấp hành viên

Ông (bà):....., chức vụ:.....

Ông (bà):....., chức vụ:.....

Với sự tham gia của:

Đại diện VKSND.....:

Ông (bà):....., chức vụ:.....

Đại diện.....

Ông (bà):....., chức vụ:.....

Ông (bà):....., chức vụ:.....

Người chứng kiến:

Ông (bà):.....

Địa chỉ:

Số định danh (nếu có) :.....

Người được thi hành án:.....

Địa chỉ:

Số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã:.....

Người phải thi hành án:.....

Địa chỉ:

Số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã:.....

Người đang quản lý, sử dụng tài sản (nếu có):

Địa chỉ:

Số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có):.....

Lập biên bản về việc mở khóa, mở gói để xác minh/kê biên tài sản của ông (bà):.....

Lý do:.....

.....

Tình trạng tài sản trước khi mở khóa, mở gói (mô tả hiện trạng tài sản):

.....

Các tài sản sau khi mở khóa, mở gói (liệt kê tài sản, tình trạng từng tài sản):

.....

Biên bản lập xong hồi.....giờ.....cùng ngày, lập thành....bản, đã đọc lại cho mọi người cùng nghe, nhất trí, ký tên./.

CHẤP HÀNH VIÊN

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI GHI BIÊN BẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN VKSND.....

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI CHỨNG KIẾN

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN.....

(Ký, ghi rõ họ tên)

.....

Mẫu số: D61-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**BIÊN BẢN**
Về việc tiếp công dân

Hôm nay, vào hồi.....giờ.....ngày.....tháng.....năm.....tại.....

Chúng tôi gồm:

Ông (bà):....., chức vụ:

Ông (bà):....., chức vụ:.....

Ông (bà):....., chức vụ:.....

Với sự có mặt của ông (bà):.....

Lập biên bản về việc tiếp công dân đối với ông (bà):.....
địa chỉ:.....

Ông (bà):..... trình bày như sau:

Sau khi trình bày, ông (bà):.....có nộp các tài liệu sau:

Ý kiến của Thi hành án dân sự .

Biên bản lập xong hồi.....giờ.....cùng ngày, lập thành....bản, đã đọc
lại cho mọi người cùng nghe, nhất trí, ký tên./.**NGƯỜI TIẾP CÔNG DÂN**

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI GHI BIÊN BẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI TRÌNH BÀY

(Ký, ghi rõ họ tên)

.....

Mẫu số: D62-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**BIÊN BẢN****Về việc người được thi hành án yêu cầu đình chỉ thi hành án**

Hôm nay, vào hồi.....giờ.....ngày.....tháng.....năm.....tại.....

*Căn cứ khoản 4 Điều 48 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15;**Căn cứ Bản án, Quyết định số.....ngày.....tháng.....năm.....
của.....;**Căn cứ Quyết định thi hành án số.....ngày tháng nămcủa
Thi hành án dân sự*

Chúng tôi gồm:

Ông (bà):, chức vụ: Chấp hành viên

Ông (bà):....., chức vụ:.....

Ông (bà):....., chức vụ:.....

Người được thi hành án:

Ông (bà):,

địa chỉ:

số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã (nếu có):.....

Lập biên bản về việc người được thi hành án yêu cầu đình chỉ thi hành án
(*nêu nội dung yêu cầu đình chỉ thi hành án*).....Chấp hành viên đã giải thích cho ông (bà)
biết việc yêu cầu đình chỉ thi hành án, thì không được quyền yêu cầu thi hành án
trở lại với nội dung đã đình chỉ.

Sau khi được giải thích, ý kiến của ông (bà).....như sau:

Biên bản lập xong hồi.....giờ.....cùng ngày, lập thành....bản, đã đọc
lại cho mọi người cùng nghe, nhất trí, ký tên./.**CHẤP HÀNH VIÊN**

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI GHI BIÊN BẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ĐƯỢC THI HÀNH ÁN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số: D63-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BIÊN BẢN VI PHẠM HÀNH CHÍNH****Về thi hành án dân sự**

Hôm nay, vào hồi.....giờ.....ngày.....tháng.....năm.....tại:.....

.....
Căn cứ Bản án, Quyết định số.....ngày.....tháng.....năm..... của........;
Căn cứ Quyết định thi hành án số.....ngày..... tháng..... năm.....của

Thi hành án dân sự;

Căn cứ

Chúng tôi gồm:

1. Người có thẩm quyền lập biên bản:

Họ và tên:, Chức vụ:

Cơ quan:

2. Với sự tham gia của:

Ông (bà):....., Chức vụ:

Cơ quan:

Ông (bà):....., Chức vụ:

Cơ quan:

3. Với sự chứng kiến của:

Ông (bà) Nghề nghiệp:

Địa chỉ:

Số định danh:.....

Hoặc Ông (bà) Chức vụ:

Cơ quan:

4. Người phiên dịch (nếu có):

Ông (bà) Nghề nghiệp:

Địa chỉ:

Số định danh/hộ chiếu:.....

**Tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông (bà)/tổ chức có
tên sau đây:**

1. Họ và tên (cá nhân):Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh:.../.../ Quốc tịch:

Nghề nghiệp:

Nơi ở hiện tại:

Số định danh cá nhân/Hộ chiếu:.....; ngày cấp:.../... /...; nơi cấp:

.....
Tên tổ chức:

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Mã số doanh nghiệp, hợp tác xã:.....

Số GCN đăng ký đầu tư/doanh nghiệp hoặc GP thành lập/dăng ký hoạt động:.....

Ngày cấp:....../....../..... ; nơi cấp:.....

Người đại diện theo pháp luật:.....Chức danh:

2. Đã có các hành vi vi phạm hành chính:

.....

.....

3. Quy định tại:.....

4. Cá nhân/tổ chức bị thiệt hại (nếu có):.....

.....

.....

5. Ý kiến trình bày của cá nhân/đại diện tổ chức vi phạm:.....

.....

.....

6. Ý kiến trình bày của đại diện chính quyền, người chứng kiến (nếu có):

.....

.....

7. Ý kiến trình bày của cá nhân/tổ chức bị thiệt hại (nếu có):

.....

.....

.....

8. Chúng tôi đã yêu cầu ông (bà)/tổ chức vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm.

9. Các biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính và bảo đảm xử lý vi phạm được áp dụng gồm:

.....

.....

.....

10. Trong thời hạn (02 ngày làm việc/05 ngày làm việc) kể từ ngày lập biên bản này, ông (bà)/tổ chức vi phạm có quyền giải trình (gửi văn bản giải trình/giải trình trực tiếp) đến..... để thực hiện quyền giải trình.

11. Yêu cầu ông (bà) là (cá nhân, đại diện tổ chức) vi phạm có mặt vào hồi....giờ....phút, ngày/....../....., tại..... để giải quyết vụ việc.

Biên bản lập xong hồi giờ phút, ngày/....../....., gồm tờ, được lập thành bản có nội dung và giá trị như nhau; đã đọc lại cho những người có tên nêu trên cùng nghe, công nhận là đúng và cùng ký tên dưới đây; giao cho ông (bà) là (cá nhân, đại diện tổ chức) vi phạm 01 bản hoặc cha mẹ/người giám hộ của người chưa thành niên vi phạm 01 bản, 01 bản lưu hồ sơ.

(Trường hợp cá nhân/người đại diện của tổ chức vi phạm không ký biên bản vi phạm hành chính)

Lý do ông (bà).....(cá nhân/người đại diện tổ chức) vi phạm không ký biên bản:

(Trường hợp người chứng kiến/đại diện chính quyền cấp xã không ký xác nhận việc cá nhân/người đại diện của tổ chức vi phạm không ký biên bản vi phạm hành chính)

Lý do ông (bà)(người tham gia/người chứng kiến/đại diện chính quyền cấp xã) không ký xác nhận:

**CÁ NHÂN/NGƯỜI ĐẠI DIỆN
CỦA TỔ CHỨC VI PHẠM**
(Ký, ghi rõ chức vụ, họ và tên)

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN
(Ký, ghi rõ chức vụ, họ và tên)

ĐẠI DIỆN.....
(Ký, ghi rõ chức vụ, họ và tên)

ĐẠI DIỆN CHÍNH QUYỀN
(Ký, ghi rõ chức vụ, họ và tên)

**CÁ NHÂN/NGƯỜI ĐẠI DIỆN
CỦA TỔ CHỨC BỊ THIẾT HẠI**
(Ký, ghi rõ họ và tên)

NGƯỜI PHIÊN DỊCH
(Ký, ghi rõ họ và tên)

NGƯỜI CHỨNG KIẾN
(Ký, ghi rõ họ và tên)

.....

Mẫu số: D64-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/KH-THADS.KV.../NV...

....., ngày.....tháng.....năm

KẾ HOẠCH
Về việc cưỡng chế thi hành án*Căn cứ Điều 72 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15;**Căn cứ Bản án, Quyết định số.....ngày.....tháng.....năm.....của**.....;**Căn cứ Quyết định thi hành án số..... ngày tháng nămcủa*
*Trưởng Thi hành án dân sự**Căn cứ Quyết định cưỡng chế thi hành án sốngàytháng năm.....của Chấp hành viên Thi hành án dân sự**Chấp hành viên Thi hành án dân sự lập kế hoạch*
*cưỡng chế thi hành án đối với ông (bà)/tổ chức:.....**địa chỉ:**số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã:.....**Cụ thể như sau:***I. Nội dung Bản án, Quyết định:**

.....

.....

.....

.....

.....

II. Điều kiện thi hành án:

.....

.....

.....

.....

.....

III. Đặc điểm, thái độ của người phải thi hành án:

.....

.....

.....

.....

.....

IV. Yêu cầu về thành phần tham gia cưỡng chế:

.....

.....

V. Nội dung cưỡng chế:

1. Biện pháp cưỡng chế

2. Thời gian cưỡng chế

3. Địa điểm cưỡng chế

4. Phương án tiến hành cưỡng chế

5. Yêu cầu về lực lượng tham gia và bảo vệ cường chế

6. Dự trù chi phí cưỡng chế

7. Nội dung khác

.....

Trên đây là kế hoạch cưỡng chế của Thi hành án dân sự.....
 đối với ông (bà)/tổ chức:

Đề nghị cơ quan Công anxây dựng kế hoạch
 và phương án bảo vệ cưỡng chế, bố trí lực lượng, phương tiện cần thiết để giữ gìn
 trật tự, bảo vệ hiện trường, kịp thời ngăn chặn, xử lý hành vi tẩu tán tài sản, hành
 vi cản trở, chống đối việc thi hành án, tạm giữ người chống đối, khởi tố vụ án hình
 sự khi có dấu hiệu phạm tội./.

**TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ/
 TL. TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
 TRƯỞNG PHÒNG
 THI HÀNH ÁN DÂN SỰ KHU VỰC...**
(Ký, ghi rõ họ tên)

CHẤP HÀNH VIÊN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân
- Cơ quan Công an
- UBND xã, phường.....
- Cơ quan, tổ chức.....
-
- Lưu: VT, HSTHA.

Mẫu số: D65-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TB-THADS.KV.../NV...

....., ngày.....tháng.....năm

THÔNG BÁO**Về việc thực hiện nghĩa vụ của người phải thi hành án đã chết**

Kính gửi:.....

*Căn cứ khoản 2 Điều 41 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15;
khoản 3 Điều 25 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một
số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự;**Căn cứ Bản án, Quyết định số.....ngày.....tháng.....năm.....
của**Căn cứ Quyết định thi hành án số..... ngàytháng năm
của Thi hành án dân sự**Căn cứ Giấy chứng tử số.....ngày.....tháng.....năm.....của.....
.....;**Căn cứ Bản án, Quyết định sốngày..... tháng..... năm.....của Tòa
ánvề việc phân chia di sản thừa kế/ Văn bản phân chia di sản ngày.....
tháng..... năm.....của.....*

Thi hành án dân sựthông báo như sau:

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo này, ông (bà)
.....có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ
của..... (người phải thi hành án đã chết) theo Quyết định thi
hành án số.....ngày...tháng...năm....của Trưởng Thi hành án dân sự
.....Hết thời hạn nêu trên mà ông (bà).....
không thực hiện thì cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản để thi hành án./.**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Người được thi hành án;
- Viện kiểm sát nhân dân.....;
- UBND cấp xã.....;
-;
- Lưu: VT, HSTHA.

**TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ/
TL. TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
TRƯỞNG PHÒNG
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ KHU VỰC...**

Mẫu số: D66-THADS*(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)***CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/VBYC-THADS.KV.../NV...

....., ngày.....tháng.....năm

VĂN BẢN YÊU CẦU**Về việc tổ chức thi hành quyết định tuyên bố phá sản**Kính gửi:..... (tên, địa chỉ của *Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản*).Căn cứ Quyết định tuyên bố phá sản số ngàythángnăm
..... của Toà ánCăn cứ Quyết định chỉ định *Quản tài viên* số..... ngàytháng
năm của Toà ánCăn cứ Quyết định thi hành quyết định tuyên bố phá sản số ngày
.....tháng năm của *Thi hành án dân sự*Chấp hành viên *Thi hành án dân sự tỉnh (thành phố)*.....yêu cầu..... (tên
Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản).....tổ chức thi hành Quyết
định thi hành quyết định tuyên bố phá sản số ngàytháng năm
của *Thi hành án dân sự*Đối với:.....(tên *doanh nghiệp hợp tác xã phá sản*)
địa chỉ, trụ sở chính:
mã số *doanh nghiệp, hợp tác xã*:.....

Nội dung yêu cầu:

.....
.....
.....

Tài liệu gửi kèm theo:

1. Quyết định tuyên bố phá sản số ngàythángnăm
..... của Toà án.....;2. Quyết định thi hành quyết định tuyên bố phá sản số ngày ...tháng
.... năm của *Thi hành án dân sự*3. Văn bản đề nghị trả lại tài sản và các giấy tờ chứng minh quyền sở hữu,
hợp đồng cho thuê, cho mượn của chủ sở hữu tài sản cho *doanh nghiệp, hợp tác xã*
thuê hoặc mượn (nếu có).

Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được Văn bản này, trường hợp Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản từ chối tổ chức thi hành quyết định tuyên bố phá sản theo quy định tại khoản 2 Điều 11 của Luật Phục hồi, phá sản thì Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản phải có văn bản nêu rõ lý do từ chối gửi Tòa án nhân dân giải quyết vụ việc và cơ quan thi hành án dân sự để được xem xét giải quyết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tòa án nhân dân.....;
- Viện kiểm sát nhân dân.....;
- Người tham gia thủ tục phá sản;
-;
- Lưu: VT, HS.

CHẤP HÀNH VIÊN

Mẫu số: D67-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TB-THADS.KV.../NV...

....., ngày.....tháng.....năm

THÔNG BÁO**Về việc nhận tài sản để trừ vào tiền thi hành án**

Kính gửi: (người được thi hành án).....

*Căn cứ khoản 3 Điều 83 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15;
khoản 6 Điều 65, Điều 66 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi
tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự;*

*Căn cứ Quyết định thi hành án số..... ngàytháng năm
của Thi hành án dân sự*;

*Căn cứ Quyết định cưỡng chế thi hành án số..... ngày..... tháng
..... năm của Chấp hành viên Thi hành án dân sự*;

*Căn cứ Thông báo về việc tài sản đấu giá không thành số.... ngày
.....tháng.....năm ... của*;

*Xét người phải thi hành án không nộp đủ số tiền thi hành án và chi phí thi
hành án để lấy lại tài sản.*

Chấp hành viên Thi hành án dân sự thông báo cho:

Người được thi hành án:.....

địa chỉ:.....

số định danh/mã số doanh nghiệp, hợp tác xã:.....

*Được nhận các tài sản đã kê biên sau để trừ vào số tiền được thi hành án (đặc
điểm tài sản, giá trị tài sản tại thời điểm nhận):*

1-.....

2-.....

3-.....

*Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Thông báo này thì
.....(người nhận tài sản thi hành án) phải nộp số tiền..... theo
quy định tại Điều 66 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi
tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự (nếu có).*

Vậy, thông báo để.....biết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân.....;
-
- Lưu: VT, HSTHA.

CHẤP HÀNH VIÊN

Mẫu số: D68-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TB-THADS.KV.../NV...

....., ngày.....tháng.....năm

THÔNG BÁO**Về kết quả lựa chọn doanh nghiệp thẩm định giá**

Căn cứ khoản 1 Điều 82 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15; khoản 2 Điều 60 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Bản án, Quyết định số.....ngày.....tháng.....năm.....
của

Căn cứ Quyết định thi hành án số..... ngàytháng năm
của Thi hành án dân sự

Căn cứ Quyết định cưỡng chế thi hành án số..... ngày..... tháng
..... năm của Chấp hành viên Thi hành án dân sự

Căn cứ kết quả lựa chọn doanh nghiệp thẩm định giá;

Căn cứ(nếu có).

Chấp hành viên Thi hành án dân sự đã lựa
chọn:.....(tên doanh nghiệp thẩm định giá).....

Địa chỉ:.....

Để ký hợp đồng dịch vụ thẩm định giá đối với các tài sản sau:

1-.....

2-.....

3-.....

Vậy, thông báo để.....biết./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân.....;
-
- Lưu: VT, HSTHA.

CHẤP HÀNH VIÊN

Mẫu số: D69-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số

06/2026/TT-BTP ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****PHIẾU GHI NHẬN DỮ LIỆU GỬI/NHẬN VĂN BẢN ĐIỆN TỬ****I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Người thực hiện:
2. Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố:.....
3. Tên văn bản:
4. Số, ký hiệu văn bản:.....
5. Ngày ban hành văn bản:
6. Cơ quan ban hành văn bản:
7. Định dạng tệp văn bản:.....

II. THÔNG TIN CHỦ THỂ NHẬN

Loại chủ thể nhận: (ví dụ: Cá nhân/Cơ quan/Tổ chức/Chủ thể khác):.....

Tên chủ thể nhận:

Mã định danh chủ thể nhận: (Ví dụ: mã định danh điện tử, số định danh cá nhân, mã cơ quan, mã tổ chức...):.....

III. THÔNG TIN GIAO DỊCH ĐIỆN TỬMã giao dịch gửi/nhận: *id giao dịch*

Kênh gửi/nhận điện tử: (ví dụ: Trục liên thông văn bản, VNeID, Cổng Dịch vụ công, hệ thống chuyên ngành khác...):.....

Hệ thống nguồn gửi: (ví dụ: *vneid* hiện đang sử dụng: *sendPlaceCode = G15.33*; văn bản điện tử hiện đang sử dụng mã định danh: *G15.33.36*):.....

Hệ thống đích nhận:

Thời điểm khởi tạo gửi:

IV. KẾT QUẢ GHI NHẬN

Kết quả tiếp nhận ở hệ thống đích: (ví dụ: Đã tiếp nhận/Chưa tiếp nhận/Từ chối tiếp nhận/Không có dữ liệu/ gửi không thành công):.....

Thời điểm tiếp nhận:

Mẫu số: D70 -THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**PHIẾU GHI NHẬN**
Thông tin xác minh trên môi trường số**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Người thực hiện:
2. Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố:.....
3. Căn cứ xác minh:
4. Họ và tên đối tượng xác minh:
- Số định danh cá nhân/căn cước/hộ chiếu/giấy tờ định danh khác:.....

II. NGUỒN DỮ LIỆU ĐƯỢC KHAI THÁC

1. Tên cơ quan, tổ chức chủ quản, cung cấp dữ liệu:
2. Tên cơ sở dữ liệu/hệ thống thông tin/dịch vụ điện tử được khai thác:

.....

.....

3. Mã hệ thống, mã dịch vụ hoặc mã nguồn dữ liệu (nếu có):

.....

.....

4. Hình thức khai thác dữ liệu: Qua kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin

III. GIAO DỊCH KHAI THÁC DỮ LIỆU

1. Thời điểm gửi yêu cầu khai thác: giờ phút, ngày tháng năm
2. Thời điểm hệ thống trả kết quả: giờ phút, ngày tháng năm
3. Mã giao dịch/Mã tra cứu/Mã truy vết/Mã phản hồi:

IV. KẾT QUẢ XÁC MINH

.....

.....

.....

.....

.....

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

THI HÀNH ÁN DÂN SỰ'

PHỤ LỤC VII

DANH SÁCH NGƯỜI PHẢI THI HÀNH ÁN CHƯA CÓ ĐIỀU KIỆN THI HÀNH

(Từ ngày.....tháng.....năm.....)

[illegible]

BỘ TƯ PHÁP**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập- Tự do- Hạnh phúc****PHỤ LỤC VIII**

**DANH MỤC BIỂU MẪU GIAO NHẬN, BẢO QUẢN, XỬ LÝ
VẬT CHỨNG, TÀI SẢN TẠM GIỮ TRONG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP ngày 16 tháng 5 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

STT	Tên biểu mẫu	Ký hiệu
1	Thông báo về việc tiếp nhận vật chứng, tài sản tạm giữ theo bản án, quyết định	Đ01-THADS
2	Giấy giới thiệu	Đ02-THADS
3	Biên bản về việc giao, nhận vật chứng, tài sản tạm giữ theo bản án, quyết định	Đ03-THADS
4	Thông báo về việc tiếp nhận vật chứng, tài sản tạm giữ tịch thu, sung quỹ nhà nước	Đ04-THADS
5	Biên bản về việc bàn giao vật chứng, tài sản tạm giữ tịch thu, sung quỹ nhà nước	Đ05-THADS
6	Thông báo về việc chuyển tiền tạm giữ	Đ06-THADS
7	Biên bản về việc mở niêm phong vật chứng, tài sản tạm giữ	Đ07-THADS
8	Quyết định về việc tiêu hủy tài sản	Đ08-THADS
9	Quyết định về việc thành lập Hội đồng tiêu hủy vật chứng, tài sản	Đ09-THADS
10	Biên bản về việc tiêu hủy vật chứng, tài sản	Đ10-THADS
11	Giấy đề nghị nhập kho	Đ11-THADS
12	Lệnh nhập kho	Đ12-THADS
13	Phiếu xác định giá trị hạch toán vật chứng, tài sản	Đ13-THADS
14	Phiếu nhập kho	Đ14-THADS
15	Thẻ kho	Đ15-THADS
16	Giấy đề nghị xuất kho	Đ16-THADS
17	Lệnh xuất kho	Đ17-THADS
18	Phiếu xuất kho	Đ18-THADS
19	Nội quy kho bảo quản tài sản thi hành án dân sự	Đ19-THADS
20	Biên bản kiểm kê vật chứng, tài sản tạm giữ	Đ20-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ..... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TB-THADS.KV.../NV..., ngày.....tháng.....năm 20....

THÔNG BÁO

Về việc tiếp nhận vật chứng, tài sản tạm giữ theo bản án, quyết định

Kính gửi:.....

Căn cứ Điều 56 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15; khoản 1 Điều 37 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 23 Thông tư số 06/2026/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn giao nhận, bảo quản, xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ; thủ tục quản lý hành chính, biểu mẫu và quy trình xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trong thi hành án dân sự.

Căn cứ Bản án, Quyết định số.....ngày.....tháng.....năm.....của.....
.....;

*Căn cứ Quyết định thi hành án số.....ngày tháng nămcủa
Thi hành án dân sự.....;*

Thi hành án dân sự tỉnh, thành phốtiến hành kiểm kê, tiếp nhận và xử lý vật chứng, tài sản tam giữ như sau:

Vật chứng, tài sản tạm giữ kiểm kê, tiếp nhận, xử lý gồm (nêu rõ số lượng, khối lượng, đặc điểm, tình trạng vật chứng, tài sản):

.....

.....

Thời gian:giờ,.....ngày.....tháng.....năm.....

Địa điểm:

Lý do xuất kho:.....

Yêu cầu cơ quan bảo quản phối hợp thực hiện việc xuất kho vật chứng, tài sản tam giữ đúng thời gian trên./.

Nơi nhân:

- Như trên;
- Lưu: VT, HSTHA.

**TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ/
TL. TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
TRƯỞNG PHÒNG
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ KHU VỰC...**
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số: Đ02-THADS*(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)***CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: .../GGT-THADS.KV.../NV...

....., ngày tháng năm ...

GIẤY GIỚI THIỆU

Kính gửi:.....

Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố.....giới thiệu:

Ông, bà:

Chức vụ:

Được cử đến:

Về việc: Đại diện cơ quan Thi hành án dân sự đến kiểm kê, tiếp nhận và xử lý vật
chứng, tài sản tạm giữ theo Bản án/Quyết định:Rất mong Quý cơ quan tạo điều kiện để ông, bà hoàn
thành nhiệm vụ.

Giấy giới thiệu có giá trị từ ngày...../...../.....đến hết ngày .../...../.....

**TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ/
TL. TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
TRƯỞNG PHÒNG
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ KHU VỰC...***(Ký tên, đóng dấu)*

Mẫu số: Đ03 -THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**BIÊN BẢN****Về việc giao, nhận vật chứng, tài sản tạm giữ theo bản án, quyết định**

Hôm nay, vào hồi.....giờ..... ngày.....tháng.....năm....., tại.....

.....

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 37 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ khoản 3, khoản 4 Điều 23 Thông tư số 06/2026/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn giao nhận, bảo quản, xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ; thủ tục quản lý hành chính, biểu mẫu và quy trình xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trong thi hành án dân sự;

Căn cứ Bản án, Quyết định số.....ngày.....tháng.....năm.....của.....

.....;

Căn cứ Quyết định thi hành án số.....ngày tháng nămcủa Thi hành án dân sự.....;

Căn cứ Thông báo về việc tiếp nhận vật chứng, tài sản tạm giữ số.....ngày..... tháng..... năm.....của.....

Chúng tôi gồm:

1. Bên giao:.....

Ông (bà):....., chức vụ:.....

Ông (bà):....., chức vụ:.....

2. Bên nhận:

Ông (bà):....., chức vụ:.....

Ông (bà):....., chức vụ:.....

Ông (bà):....., chức vụ:.....

Tiến hành giao nhận vật chứng, tài sản tạm giữ gồm (nêu rõ số lượng, khối lượng, đặc điểm, tình trạng vật chứng, tài sản):

.....

.....

.....

Biên bản lập xong hồi.....giờ.....cùng ngày, lập thành....bản, đã đọc lại cho mọi người cùng nghe, nhất trí, ký tên./.

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN

Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số: Đ04-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TB-THADS.KV.../NV...

....., ngày.....tháng.....năm 20....

THÔNG BÁO**Về việc tiếp nhận vật chứng, tài sản tạm giữ tịch thu, sung quỹ nhà nước**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã/phường.....

*Căn cứ khoản 3 Điều 57 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15;
khoản 1 Điều 39 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết
một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự;**Căn cứ khoản 1 Điều 26 Thông tư số 06/2026/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ
Tư pháp hướng dẫn giao nhận, bảo quản, xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ; thủ
tục quản lý hành chính, biểu mẫu và quy trình xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo,
kiến nghị, phản ánh trong thi hành án dân sự;**Căn cứ Bản án, Quyết định số.....ngày.....tháng.....năm.....của
Tòa án nhân dân.....;**Căn cứ Quyết định thi hành án số..... ngàytháng năm
của Thi hành án dân sự*Thi hành án dân sự.....thông báo cho Ủy ban nhân dân
xã/phường..... cử đại diện..... đến tiếp nhận vật chứng, tài
sản tạm giữ tịch thu, sung quỹ nhà nước theo Quyết định thi hành án số.....
ngàytháng năm của Thi hành án dân sự

Thời gian:.....giờ,.....ngày.....tháng.....năm...

Địa điểm:.....

Tài sản giao nhận:

Đề nghị đại diện:.....có mặt đúng thời gian, địa điểm nêu trên,
kèm theo Thông báo này, Giấy giới thiệu/Giấy ủy quyền của cơ quan đại diện và
Căn cước công dân./.**Nơi nhận:**

- Như trên;
-
- Lưu: VT, HSTHA.

**TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ/
TL. TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
TRƯỞNG PHÒNG
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ KHU VỰC...**

Mẫu số: Đ05-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**BIÊN BẢN****Về việc bàn giao vật chứng, tài sản tạm giữ tịch thu, sung quỹ nhà nước**

Hôm nay, vào hồi.....giờ.....ngày.....tháng.....năm..... tại.....

.....

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Thông tư số 06/2026/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn giao nhận, bảo quản, xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ; thủ tục quản lý hành chính, biểu mẫu và quy trình xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trong thi hành án dân sự;

Căn cứ Bản án, Quyết định số.....ngàythángnăm của;

Căn cứ Quyết định thi hành án số.....ngày tháng năm của Thi hành án dân sự.....;

Căn cứ Thông báo về việc tiếp nhận tài sản tịch thu, sung quỹ nhà nước sốngàythángnăm....của.....;

Căn cứ.....

Chúng tôi gồm:

1. Bên giao:.....

Ông (bà):....., chức vụ:.....

Ông (bà):....., chức vụ:.....

2. Bên nhận:

Ông (bà):....., chức vụ:.....

Ông (bà):....., chức vụ:.....

Ông (bà):....., chức vụ:.....

Tiến hành giao, nhận vật chứng, tài sản gồm (nêu rõ từng tài sản):.....

.....

.....

.....

Ông (bà).....đã nhận đủ số tài sản nêu trên, không có ý kiến gì khác. Ông (bà)..... phải hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với tài sản kể từ thời điểm nhận.

Biên bản lập xong hồi.....giờ.....cùng ngày, lập thành....bản, đã đọc lại cho mọi người cùng nghe, nhất trí, ký tên./.

BÊN GIAO

(Ký, ghi rõ họ tên)

BÊN NHẬN

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI GHI BIÊN BẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số: Đ06-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TB-THADS.KV.../NV...

....., ngày.....tháng.....năm 20....

THÔNG BÁO
Về việc chuyển tiền tạm giữ

Kính gửi:

Căn cứ khoản 4 Điều 39 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 26 Thông tư số 06/2026/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn giao nhận, bảo quản, xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ; thủ tục quản lý hành chính, biểu mẫu và quy trình xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trong thi hành án dân sự;

Căn cứ Bản án, Quyết định số.....ngày.....tháng.....năm....của Tòa án nhân dân.....;

Căn cứ Quyết định thi hành án số..... ngàytháng năm của Thi hành án dân sự

Thi hành án dân sự.....đề nghị.....trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo này thực hiện việc chuyển số tiền.....theo Bản án, Quyết định.....số....ngày.....tháng.....năm của Tòa án nhân dân.....vào tài khoản số.....của cơ quan THADS tại.....

Đề nghịphối hợp chuyển số tiền trên để cơ quan thi hành án dân sự nộp vào ngân sách nhà nước theo đúng quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu: VT, HSTHA.

CHẤP HÀNH VIÊN

Mẫu số: Đ07-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Về việc mở niêm phong vật chứng, tài sản tạm giữ

Hôm nay, vào hồi.....giờ.....ngày.....tháng.....năm.....tại.....

Căn cứ khoản 2 Điều 25 Thông tư số 06/2026/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn giao nhận, bảo quản, xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ; thủ tục quản lý hành chính, biểu mẫu và quy trình xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trong thi hành án dân sự;

Căn cứ Bản án, Quyết định số.....ngày.....tháng.....năm....của Toà án nhân dân.....;

Căn cứ Quyết định thi hành án số..... ngày.....tháng năm của Thi hành án dân sự

Căn cứ Biên bản niêm phong vật chứng, tài sản tạm giữ ngày.....tháng năm.....của

Chúng tôi gồm:

Ông (bà):....., chức vụ: Chấp hành viên

Ông (bà):....., chức vụ:.....

Ông (bà):....., chức vụ:.....

Với sự tham gia của:

- Đại diện cơ quan đang bảo quản vật chứng, tài sản tạm giữ:

Ông (bà):....., chức vụ:.....

Ông (bà):....., chức vụ:.....

- Thủ kho nơi bảo quản vật chứng, tài sản tạm giữ:

Ông (bà):....., chức vụ:.....

- Đại diện cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận vật chứng để sung quỹ nhà nước/Thành viên Hội đồng tiêu hủy/ Người nhận tài sản

Ông (bà):....., chức vụ:.....

Ông (bà):....., chức vụ:.....

Lập biên bản mở niêm phong vật chứng, tài sản tạm giữ:.....

Hiện trạng vật chứng, tài sản tạm giữ trước khi thực hiện mở niêm phong:

.....
.....
.....

Hiện trạng vật chứng, tài sản sau khi mở niêm phong (*nêu rõ thời gian, số lượng, chủng loại, hiện trạng của từng loại vật chứng, tài sản, có đối chiếu với biên bản thu giữ ban đầu và bản án, quyết định của Tòa án*):

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Biên bản lập xong hồi.....giờ.....cùng ngày, lập thành....bản, đã đọc lại cho mọi người cùng nghe, nhất trí, ký tên./.

CHẤP HÀNH VIÊN

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI GHI BIÊN BẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)

**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN
ĐANG BẢO QUẢN VẬT CHỨNG,
TÀI SẢN TẠM GIỮ**

(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ KHO VẬT CHỨNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN
TIẾP NHẬN VẬT CHỨNG/THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TIÊU HỦY/NGƯỜI
ĐƯỢC NHẬN TÀI SẢN**

(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số: Đ08-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-THADS.KV.../NV...

....., ngày.....tháng.....năm 20....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc tiêu hủy tài sản**TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 22, khoản 2 Điều 59 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15;

Căn cứ khoản 2 Điều 27 Thông tư số 06/2026/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn giao nhận, bảo quản, xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ; thủ tục quản lý hành chính, biểu mẫu và quy trình xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trong thi hành án dân sự;

Căn cứ Bản án, Quyết định số..... ngày..... tháng năm của

Căn cứ Quyết định thi hành án số: .../QĐ-THADS.KV.../NV... ngày... tháng...nămcủa Trưởng Thi hành án dân sự

Căn cứ Quyết định ủy quyền số.... ngày.... tháng... năm... của Trưởng Thi hành án dân sự.... (nếu có);

Theo đề nghị của Chấp hành viên được phân công tổ chức thi hành án.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tiêu hủy tài sản của:.....địa chỉ:.....

Tài sản tiêu hủy gồm:

Điều 2. Chấp hành viên được phân công tổ chức thi hành án có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2, 3;
- Viện kiểm sát nhân dân.....;
- Kế toán nghiệp vụ;
-
- Lưu: VT, HSTHA.

TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ/
TUQ. TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
CHẤP HÀNH VIÊN TRƯỞNG
PHÒNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ KHU VỰC...

Mẫu số: Đ09- THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-THADS.KV.../NV...

....., ngày.....tháng.....năm 20....

QUYẾT ĐỊNH**Về việc thành lập Hội đồng tiêu hủy vật chứng, tài sản****TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ***Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 22, khoản 2 Điều 58/khoản 2 Điều 59 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15;**Căn cứ khoản 1, 2 Điều 27 Thông tư số 06/2026/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn giao nhận, bảo quản, xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ; thủ tục quản lý hành chính, biểu mẫu và quy trình xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trong thi hành án dân sự;**Căn cứ Bản án, Quyết định số..... ngày..... tháng năm của**Căn cứ Quyết định thi hành án số /QĐ-THADS ngày....tháng...năm của Trưởng Thi hành án dân sự**Căn cứ Quyết định số...../QĐ-THADS.KV.../NV... ngày...tháng.....năm.... của.. về việc tiêu hủy tài sản (nếu có);**Căn cứ Quyết định ủy quyền số.... ngày.... tháng... năm... của Trưởng Thi hành án dân sự.... (nếu có);**Theo đề nghị của Chấp hành viên được phân công tổ chức thi hành án.***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Thành lập Hội đồng tiêu hủy vật chứng, tài sản gồm các ông, bà có tên sau đây:

- Ông (bà).....Chấp hành viên - Chủ tịch Hội đồng;
- Ông (bà).....đại diện..... Ủy viên;
- Ông (bà).....đại diện.....Ủy viên;
- Ông (bà).....đại diện.....Ủy viên;

Điều 2. Hội đồng tiêu hủy vật chứng, tài sản có nhiệm vụ tổ chức tiêu hủy vật chứng, tài sản theo các Quyết định thi hành án (có danh sách kèm theo)/Quyết định tiêu hủy tài sản của Trưởng Thi hành án dân sự

Điều 3. Hội đồng tự giải thể sau khi thực hiện xong nhiệm vụ được quy định tại Điều 2 Quyết định này.

Điều 4. Chấp hành viên được phân công tổ chức thi hành án, ông (bà) có tên tại Điều 1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 1;
- Viện kiểm sát nhân dân.....;
- Kế toán nghiệp vụ;
-;
- Lưu: VT, HSTHA.

**TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ/
TUQ. TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
CHẤP HÀNH VIÊN TRƯỞNG
PHÒNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ KHU VỰC...**

Mẫu số: Đ10-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
Về việc tiêu hủy vật chứng, tài sản

Hôm nay, vào hồi.....giờ.....ngày.....tháng.....năm.....tại.....

Căn cứ khoản 2 Điều 40 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 27 Thông tư số 06/2026/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn giao nhận, bảo quản, xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ; thủ tục quản lý hành chính, biểu mẫu và quy trình xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trong thi hành án dân sự;

Căn cứ Bản án, Quyết định số.....ngày.....tháng.....năm....của Toà án nhân dân.....;

Căn cứ Quyết định thi hành án số..... ngày.....tháng năm.....của Thi hành án dân sự

Căn cứ Quyết định tiêu hủy tài sản số.....ngày..... tháng..... năm.....của Thi hành án dân sự..... (nếu có);

Căn cứ Quyết định thành lập Hội đồng tiêu hủy vật chứng, tài sản số..... ngày....tháng.....năm.....của Thi hành án dân sự

Hội đồng tiêu hủy vật chứng, tài sản bao gồm:

Ông (bà):....., chức vụ: Chấp hành viên, Chủ tịch Hội đồng;

Ông (bà):....., chức vụ:.....Ủy viên;

Ông (bà):....., chức vụ:.....Ủy viên;

Ông (bà):....., chức vụ:.....Ủy viên;

Với sự tham gia của:

Ông (bà):....., chức vụ:....., đại diện Viện kiểm sát nhân dân

Ông (bà):....., chức vụ:.....

Đại diện:.....

Tiến hành tiêu hủy vật chứng, tài sản là *(nêu rõ tình trạng vật chứng, tài sản trước khi tiêu hủy, biện pháp tiêu hủy, diễn biến trước, trong và khi kết thúc việc tiêu hủy):*.....

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Biên bản lập xong hồi.....giờ.....cùng ngày, lập thành....bản, đã đọc lại cho mọi người cùng nghe, nhất trí, ký tên./.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI GHI BIÊN BẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)

ỦY VIÊN
(Ký, ghi rõ họ tên)

ỦY VIÊN
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN.....
(Ký, ghi rõ họ tên)

**ĐẠI DIỆN VIỆN
KIỂM SÁT NHÂN DÂN**
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ NHẬP KHO

Số:.....

Kính gửi:.....

Đề nghị làm thủ tục nhập kho..... theo Quyết định thi hành án số..... ngày ... tháng ... năm 20 (hoặc Biên bản kê biên/tạm giữ) gồm những loại tài sản liệt kê dưới đây:

STT	Tài sản đề nghị nhập kho (tên, ký, mã hiệu)	Đơn vị tính	Số lượng
A	B	C	D
	Cộng	x	

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên)

Chấp hành viên
(Ký, họ tên)

Mẫu số: Đ12-THADS*(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)***CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

LỆNH NHẬP KHO**Số.....**

Họ và tên người giao:.....

Chức vụ:.....

Lý do nhập kho¹:

.....

.....

Thời gian nhập:

Số TT	Tên vật chứng, tài sản	Số lượng/trọng lượng		Đặc điểm	Ghi chú
		Theo quyết định/ văn bản	Thực nhập		
1	2	3	4	5	6

**TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ/
TUQ. TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
CHẤP HÀNH VIÊN TRƯỞNG
PHÒNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ KHU VỰC...**
(Ký, ghi rõ họ tên)

¹ Quyết định tạm giữ tài sản/Văn bản đề nghị nhập kho của người có thẩm quyền (ghi rõ số, ngày tháng năm).

CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....

Mẫu số: Đ13-THADS
(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

Số:.....

**PHIẾU XÁC ĐỊNH
GIÁ TRỊ HẠCH TOÁN VẬT CHỨNG, TÀI SẢN**

Ngày ... tháng ... năm 20....

Quyết định thi hành án số.../Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản: ngày ...
tháng....năm.....của.....

STT	Loại vật chứng, tài sản và nội dung hoạt động	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá hạch toán	Thành tiền
A	B	C	1	2	3
	Tổng cộng	x		x	

Tổng số tiền (viết bằng chữ):.....

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Chấp hành viên
(Ký, họ tên)

Mẫu số: Đ14-THADS(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)**CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

PHIẾU NHẬP KHO

Số:

Họ và tên người giao:

Căn cứ Lệnh nhập kho số..... ngày..... tháng..... năm..... của.....

kèm theo Quyết định (Biên bản giao nhận tài sản kê biên, tạm giữ) số:ngày

..... tháng năm của.....

Nhập tại kho:địa điểm.....

Số TT	Tên tài sản	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
	Cộng	X	X				

Tổng số tiền (viết bằng chữ):.....

Chứng từ kèm theo:.....

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký, họ tên)**Người lập**
(Ký, họ tên)**Người giao**
(Ký, họ tên)Ngày ... tháng ... năm 20....
Thủ kho
(Ký, họ tên)

Mẫu số: Đ15-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

.....(1).....

.....(2).....

**Quét mã QR
để kiểm tra**

Mã QR

THẺ KHO

Tên vật chứng/tài sản tạm giữ:.....

.....

Tên vụ việc:.....

Mã định danh:.....(3).....

Ghi chú:

-(1).....: Tên Cơ quan, đơn vị;
-(2).....: Tên Kho vật chứng và tài sản tạm giữ.
- (3) Mã định danh/Mã QR/Ký hiệu khác theo quy định của pháp luật gồm các thông tin: Tên vật chứng/tài sản tạm giữ, đặc điểm, tình trạng vật chứng/tài sản tạm giữ, số lượng, trọng lượng, tên vụ việc; bản án, quyết định; họ, tên đối tượng; ngày nhập kho, người giao, vị trí lưu kho.

Chấp hành viên
(Ký, họ tên)

CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ.....

Mẫu số: Đ17-THADS
(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

LỆNH XUẤT KHO
Ngày.....tháng.....năm 20....

Số:.....

Họ tên người nhận:.....
Chức vụ:.....
Lý do xuất kho²:.....
.....
Thời gian xuất:.....

Số TT	Tên vật chứng, tài sản	Số lượng/trọng lượng		Đặc điểm	Ghi chú
		Theo quyết định/ văn bản	Thực xuất		
1	2	3	4	5	6

TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ/
TUQ. TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
CHẤP HÀNH VIÊN TRƯỞNG
PHÒNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ KHU VỰC...
(Ký, ghi rõ họ tên)

² Quyết định hoặc văn bản của cơ quan có thẩm quyền (ghi rõ số, ngày tháng năm).

Mẫu số: Đ19 -THADS*(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP**ngày 16./5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)***CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ'.....****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.....năm 20....

NỘI QUY KHO BẢO QUẢN TÀI SẢN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ*(Quy định tại Thông tư số 06/2026/TT-BTP ngày 16 tháng 5 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)***I. Thời gian làm việc:**

- Buổi sáng: từ ... giờ ... phút đến ... giờ ... phút.

- Buổi chiều: từ ... giờ ... phút đến ... giờ ... phút.

Việc nhập, xuất kho bảo quản tài sản thi hành án được thực hiện vào các ngày hàng tuần.

II. Đối tượng ra, vào kho:

1.
2.

Chỉ những người có trách nhiệm mới được vào kho vật chứng. Trường hợp đặc biệt phải có sự đồng ý của Thủ trưởng cơ quan Thi hành án dân sự.

Các tổ chức, cá nhân khi đến làm việc tại kho bảo quản tài sản phải xuất trình giấy tờ tùy thân, giấy giới thiệu hoặc giấy tờ hợp lệ khác; tuân thủ theo hướng dẫn của Thủ kho.

III. Quy định về bảo đảm an ninh, an toàn vật chứng, tài sản tạm giữ:

1. Nghiêm cấm đốt lửa, hút thuốc lá, mang các chất dễ cháy nổ và dụng cụ phát tia lửa, chất độc hại vào kho vật chứng. Trước khi ra khỏi kho, Thủ kho phải kiểm tra việc khóa cửa; tắt toàn bộ hệ thống điện.

2. Tài sản, vật chứng phải được sắp xếp khoa học, phân loại rõ ràng.

3. Định kỳ ... kiểm tra bảo đảm sự an toàn của các trang thiết bị trong kho; kịp thời báo cáo Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự về tình trạng kho.

4.....

IV. Trách nhiệm của Bảo vệ kho, Thủ kho, tổ chức, cá nhân có liên quan:

1. Trách nhiệm của Bảo vệ kho:

.....
.....
.....

2. Trách nhiệm của Thủ kho:

.....
.....
.....

3. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan:

.....
.....
.....

V. Các nội dung khác:

.....
.....
.....

Mọi trường hợp cần liên hệ hoặc xử lý tình huống khẩn cấp liên quan đến kho vật chứng, đề nghị liên hệ hotline: hoặc ông (bà):.....
..... Thủ kho (SĐT:).

TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số: Đ20-THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16./5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM KÊ VẬT CHỨNG, TÀI SẢN TẠM GIỮ Số:.....

Vào hồi ... giờ ... ngày... tháng ... năm 20... tại

Chúng tôi gồm:
Ông (bà):.....đại diện
Ông (bà):.....đại diện kế toán
Ông (bà):.....đại diện thủ kho

Cùng tiến hành kiểm kê kho vật chứng, tài sản kết quả như sau:

STT	Vật chứng, tài sản (tên, ký, mã hiệu)	Quyết định, Yêu cầu thu		Đơn vị tính	Số lượng		Chênh lệch	
		Số	Ngày, tháng, năm		Theo Sổ sách	Theo kiểm kê	Thừa	Thiếu
A	B	C	D	E	1	2	3	4

Lý do:.....
.....
.....

Kết luận sau khi kiểm kê:.....
.....
.....
.....

Kế toán trưởng Thủ kho Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

BỘ TƯ PHÁP**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập- Tự do- Hạnh phúc****Phụ lục IX****DANH MỤC BIỂU MẪU VỀ KHIẾU NẠI, TỔ CÁO**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

STT	Tên biểu mẫu	Ký hiệu
BIỂU MẪU VỀ KHIẾU NẠI		
1	Thông báo về việc thụ lý giải quyết khiếu nại	E01 - THADS
2	Thông báo về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại	E02 - THADS
3	Thông báo về việc tạm đình chỉ giải quyết khiếu nại	E03 - THADS
4	Thông báo về việc đình chỉ giải quyết khiếu nại	E04 - THADS
5	Thông báo về việc tiếp tục giải quyết khiếu nại	E05 - THADS
6	Thông báo gia hạn giải quyết khiếu nại	E06 - THADS
7	Quyết định thành lập Đoàn xác minh nội dung khiếu nại	E07 - THADS
8	Quyết định trưng cầu giám định	E08 - THADS
9	Báo cáo kết quả xác minh nội dung khiếu nại	E09 - THADS
10	Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu)	E10 - THADS
11	Quyết định giải quyết khiếu nại (lần hai)	E11 - THADS
BIỂU MẪU VỀ TỔ CÁO		
12	Quyết định thụ lý tố cáo	E12 - THADS
13	Thông báo về việc thụ lý tố cáo	E13 - THADS
14	Thông báo về nội dung tố cáo	E14 - THADS
15	Thông báo về việc không thụ lý tố cáo	E15 - THADS
16	Thông báo về việc không thụ lý tố cáo tiếp	E16 - THADS
17	Quyết định thành lập Đoàn xác minh nội dung tố cáo	E17 - THADS
18	Báo cáo kết quả xác minh nội dung tố cáo	E18 - THADS
19	Quyết định tạm đình chỉ giải quyết tố cáo	E19 - THADS
20	Quyết định đình chỉ giải quyết tố cáo	E20 - THADS
21	Quyết định gia hạn giải quyết tố cáo	E21 - THADS
22	Quyết định tiếp tục giải quyết tố cáo	E22 - THADS
23	Quyết định trưng cầu giám định	E23 - THADS
24	Kết luận nội dung tố cáo	E24 - THADS
25	Thông báo kết luận nội dung tố cáo	E25 - THADS

Mẫu số: E01 - THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

.....(1).....

.....(2).....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-...(3)...

..., ngày tháng năm

THÔNG BÁO**Về việc thụ lý giải quyết khiếu nại**

Căn cứ Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiếp công dân, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo số 136/2025/QH15;

Căn cứ Điều 104 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15;

Căn cứ khoản 1 Điều 46, Điều 47 Thông tư số 06/2026/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn giao nhận, bảo quản, xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ; thủ tục quản lý hành chính, biểu mẫu nghiệp vụ và quy trình xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trong thi hành án dân sự;

Xét đơn khiếu nại về thi hành án dân sự của: (người khiếu nại)
....., địa chỉ:

Ngày / /, ... (4) ... đã thụ lý giải quyết đơn khiếu nại của (người khiếu nại), nội dung:

.....
.....

...(5)... thông báo đề (người khiếu nại) biết./.

Nơi nhận:

- Người khiếu nại;
-(6)... (để b/c);
- ... (7) ... (để b/c);
- ... (8)
- Lưu: VT, ... , HS.

.....(4).....

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan chủ quản.
- (2) Tên cơ quan ban hành.
- (3) Chữ viết tắt của cơ quan ban hành.
- (4) Người có thẩm quyền giải quyết: Cục trưởng Cục QLTHADS/ Trưởng THADS tỉnh/ Trưởng Văn phòng THADS.
- (5) Cơ quan của người có thẩm quyền giải quyết: Cục Quản lý THADS/ THADS tỉnh/ Văn phòng THADS
- (6) Thủ trưởng cơ quan cấp trên.
- (7) VKSND cùng cấp.
- (8) Cơ quan có liên quan.

Mẫu số: E02 - THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

.....(1).....

.....(2).....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../TB-...(3)...

..., ngày.....tháng....năm

THÔNG BÁO
Về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại

Căn cứ Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiếp công dân, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo số 136/2025/QH15;

Căn cứ khoản.....Điều 97 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15;

Căn cứ khoản 1 Điều 46 Thông tư số 06/2026/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn giao nhận, bảo quản, xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ; thủ tục quản lý hành chính, biểu mẫu nghiệp vụ và quy trình xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trong thi hành án dân sự;

Xét đơn khiếu nại về thi hành án dân sự của: (người khiếu nại)
....., địa chỉ:

...(4)... không thụ lý giải quyết khiếu nại của: (người
khiếu nại)

Lý do:

...(5)... thông báo để (người khiếu nại) ... biết./.

Nơi nhận:

- Người khiếu nại;
-(6)... (để b/c);
-(7)....(để b/c);
- ... (8).....;
- Lưu: VT, ..., HS.

.....(4).....

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan chủ quản.
- (2) Tên cơ quan ban hành.
- (3) Chữ viết tắt của cơ quan ban hành.
- (4) Người có thẩm quyền giải quyết: Cục trưởng Cục QLTHADS/ Trưởng THADS tỉnh/Trưởng Văn phòng THADS.
- (5) Cơ quan của người có thẩm quyền giải quyết: Cục Quản lý THADS/ THADS tỉnh/Văn phòng THADS
- (6) Thủ trưởng cơ quan cấp trên.
- (7) VKSND cùng cấp.
- (8) Cơ quan có liên quan.

Mẫu số: E03 - THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

.....(1).....

.....(2).....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-...(3)...

..., ngày tháng ... năm ...

THÔNG BÁO
Về việc tạm đình chỉ giải quyết khiếu nại

Căn cứ Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiếp công dân, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo số 136/2025/QH15;

Căn cứ khoản 2 Điều 105 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15;

Căn cứ Điều 48 Thông tư số 06/2026/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn giao nhận, bảo quản, xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ; thủ tục quản lý hành chính, biểu mẫu nghiệp vụ và quy trình xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trong thi hành án dân sự;

...(4)...: Tạm đình chỉ toàn bộ/một phần việc giải quyết khiếu nại của
.....(người khiếu nại).....đối với.....
..... (ghi tóm tắt nội dung khiếu nại).....
.....

Lý do:(ghi rõ lý do tạm đình chỉ toàn bộ/một phần).....
.....
.....

...(5)... thông báo để(người khiếu nại)..... biết./.

Nơi nhận:

- Người khiếu nại;
-(6)... (để b/c);
-(7)... (để b/c);
-(8).....;
- Lưu: VT, ..., HS.

.....(4).....
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan chủ quản.
- (2) Tên cơ quan ban hành.
- (3) Chữ viết tắt của cơ quan ban hành.
- (4) Người có thẩm quyền giải quyết: Cục trưởng Cục QLTHADS/ Trưởng THADS tỉnh;/ Trưởng Văn phòng THADS.
- (5) Cơ quan của người có thẩm quyền giải quyết: Cục Quản lý THADS/ THADS tỉnh/Văn phòng THADS
- (6) Thủ trưởng cơ quan cấp trên.
- (7) VKSND cùng cấp.
- (8) Cơ quan có liên quan.

Mẫu số: E04 - THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

.....(1).....

.....(2).....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-...(3)...

..., ngày tháng ... năm ...

THÔNG BÁO
Về việc đình chỉ giải quyết khiếu nại

Căn cứ Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiếp công dân, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo số 136/2025/QH15;

Căn cứ khoản 3 Điều 105 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15;

Căn cứ Điều 48 Thông tư số 06/2026/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn giao nhận, bảo quản, xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ; thủ tục quản lý hành chính, biểu mẫu nghiệp vụ và quy trình xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trong thi hành án dân sự;

...(4)...: Đình chỉ việc giải quyết khiếu nại của(người khiếu nại), địa chỉ.....đối với.....
.....(ghi tóm tắt nội dung khiếu nại đình chỉ).....
.....

Lý do: (ghi rõ lý do đình chỉ).....
.....
.....

...(5)... thông báo để(người khiếu nại)..... biết./.

Nơi nhận:

- Người khiếu nại;
-(6)... (để b/c);
-(7)... (để b/c);
-(8).....;
- Lưu: VT, ...,HS.

.....(4).....
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan chủ quản.
- (2) Tên cơ quan ban hành.
- (3) Chữ viết tắt của cơ quan ban hành.
- (4) Người có thẩm quyền giải quyết: Cục trưởng Cục QLTHADS/ Trưởng THADS tỉnh;/ Trưởng Văn phòng THADS.
- (5) Cơ quan của người có thẩm quyền giải quyết: Cục Quản lý THADS/ THADS tỉnh/Văn phòng THADS
- (6) Thủ trưởng cơ quan cấp trên.
- (7) VKSND cùng cấp.
- (8) Cơ quan có liên quan.

Mẫu số: E05 - THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

.....(1).....

.....(2).....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-...(3)...

..., ngày tháng năm

THÔNG BÁO
Về việc tiếp tục giải quyết khiếu nại

Căn cứ Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiếp công dân, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo số 136/2025/QH15;

Căn cứ Khoản 4 Điều 105 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15;

Căn cứ khoản 4 Điều 48 Thông tư số 06/2026/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn giao nhận, bảo quản, xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ; thủ tục quản lý hành chính, biểu mẫu nghiệp vụ và quy trình xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trong thi hành án dân sự;

Căn cứ Thông báo tạm đình chỉ giải quyết khiếu nại số .../TB-.....ngày.../.../.....của.....

Xét thấy căn cứ tạm đình chỉ không còn, ...(4)... tiếp tục giải quyết khiếu nại của..... (người khiếu nại) đối với.....
..... (ghi tóm tắt nội dung khiếu nại).....

Kể từ ngày.....

...(5)... thông báo để (người khiếu nại) ... biết./.

Nơi nhận:

- Người khiếu nại;
-(6)... (để b/c);
- ...(7)... (để b/c);
- ...(8).....;
- Lưu: VT, ..., HS.

.....(4).....

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan chủ quản.
- (2) Tên cơ quan ban hành.
- (3) Chữ viết tắt của cơ quan ban hành.
- (4) Người có thẩm quyền giải quyết: Cục trưởng Cục QLTHADS/ Trưởng THADS tỉnh;/ Trưởng Văn phòng THADS.
- (5) Cơ quan của người có thẩm quyền giải quyết: Cục Quản lý THADS/ THADS tỉnh/Văn phòng THADS
- (6) Thủ trưởng cơ quan cấp trên.
- (7) VKSND cùng cấp.
- (8) Cơ quan có liên quan.

Mẫu số: E06 - THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

.....(1).....

.....(2).....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-...(3)...

..., ngày tháng năm

THÔNG BÁO
Về việc gia hạn giải quyết khiếu nại

Căn cứ Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiếp công dân, Luật Khiếu nại, Luật Tổ cáo số 136/2025/QH15;

Căn cứ khoản Điều 102 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15;

Căn cứ Thông báo về việc thụ lý giải quyết khiếu nại số.....

.....;

Xét thấy vụ việc có tính chất phức tạp/vùng sâu, vùng xa, đường sá xa xôi, đi lại khó khăn,.....(4).... gia hạn thời hạn giải quyết khiếu nại của (người khiếu nại)đối với(ghi tóm tắt nội dung khiếu nại).....

Thời hạn.....ngày kể từ ngày.....

...(5)... thông báo để (người khiếu nại) ... biết./.

Nơi nhận:

- Người khiếu nại;
-(6)... (để b/c);
- ... (7)... (để b/c);
- ... (8).....;
- Lưu: VT, ...,HS.

.....(4).....

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan chủ quản.
- (2) Tên cơ quan ban hành.
- (3) Chữ viết tắt của cơ quan ban hành.
- (4) Người có thẩm quyền giải quyết: Cục trưởng Cục QLTHADS/ Trưởng THADS tỉnh;/ Trưởng Văn phòng THADS.
- (5) Cơ quan của người có thẩm quyền giải quyết: Cục Quản lý THADS/ THADS tỉnh/Văn phòng THADS
- (6) Thủ trưởng cơ quan cấp trên.
- (7) VKSND cùng cấp.
- (8) Cơ quan có liên quan.

Mẫu số: E07- THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

.....(1).....

.....(2).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-...(3)...

..., ngày tháng năm....

QUYẾT ĐỊNH**Thành lập Đoàn xác minh nội dung khiếu nại**

.....(4).....

Căn cứ Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiếp công dân, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo số 136/2025/QH15;

Căn cứ Điều 101, khoản 1 Điều 105 (hoặc khoản 2 Điều 106) Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15;

Căn cứ khoản 2 Điều 49 Thông tư số 06/2026/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn giao nhận, bảo quản, xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ; thủ tục quản lý hành chính, biểu mẫu nghiệp vụ và quy trình xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trong thi hành án dân sự;

Căn cứ thông báo về việc thụ lý giải quyết khiếu nại số của...(4).....;

Theo đề nghị của (5).....

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.** Thành lập Đoàn xác minh nội dung khiếu nại, gồm:

1. Ông (bà).....chức vụ..... - Trưởng đoàn;
2. Ông (bà).....chức vụ..... - Thành viên;
3.

Điều 2. Đoàn xác minh có nhiệm vụ xác minh nội dung:..........
.....
.....
.....

Đoàn xác minh thực hiện các quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm theo quy định của Luật Khiếu nại, Luật Thi hành án dân sự và quy định pháp luật có liên quan.

Trưởng Đoàn xác minh có trách nhiệm xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch xác minh. Thành viên Đoàn xác minh làm việc theo chế độ kiêm nhiệm và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Chánh Văn phòng,(5)...., cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, các ông (bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

-(6)... (để b/c);
-(7)... (để b/c);
-(8).....;
- Lưu: VT, ..., HS.

.....(4).....

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan chủ quản.
- (2) Tên cơ quan ban hành.
- (3) Chữ viết tắt của cơ quan ban hành.
- (4) Người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại
- (5)) Trưởng đơn vị tham mưu: Ban KTGQKNTC, Phòng KTQKNTC
- (6) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức cấp trên.
- (7) VKSND cùng cấp.
- (8) Cơ quan có liên quan

Mẫu số: E08 - THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp).....(1).....
.....(2).....
Số: .../.../QĐ-...(3)...**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH
TRƯNG CẦU GIÁM ĐỊNH

.....(4).....

*Căn cứ Điều 101, khoản 1 Điều 105 (hoặc khoản 2 Điều 106) Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15;**Căn cứ Điều 50 Thông tư số 06/2026/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn giao nhận, bảo quản, xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ; thủ tục quản lý hành chính, biểu mẫu nghiệp vụ và quy trình xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trong thi hành án dân sự;**Căn cứ thông báo về việc thụ lý giải quyết khiếu nại số.....*

.....;

*Theo đề nghị của(5).....;***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Trưng cầu(6)..... thực hiện giám định đối với.....(7).....**Điều 2.** Các tài liệu có liên quan hoặc mẫu so sánh gửi kèm theo bao gồm:.....(8).....
Thời hạn trả kết luận giám định:(9).....**Điều 3.** Các ông (bà)...(5), (6)... và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.**Nơi nhận:**

- Như Điều 1;
-(10)... (để b/c);
-;
- Lưu: VT,....., HS.

.....(4).....
(Ký tên, ghi rõ họ tên đóng dấu)**Ghi chú:**

- (1) Tên cơ quan chủ quản.
- (2) Tên cơ quan ban hành.
- (3) Chữ viết tắt của cơ quan ban hành.
- (4) Người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại.
- (5) Trưởng đơn vị tham mưu: Ban KTGQKNTC, Phòng KTQKNTC.
- (6) Tên tổ chức hoặc giám định viên được trưng cầu.
- (7) Nội dung trưng cầu giám định.
- (8) Các tài liệu, chứng cứ kèm theo.
- (9) Ghi thời hạn tổ chức giám định tư pháp hoặc giám định viên được trưng cầu giám định phải gửi kết luận giám định Cơ quan, tổ chức có liên quan.
- (10) Thủ trưởng Cơ quan, tổ chức cấp trên.

Mẫu số: E09 - THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp).....(1).....
ĐOÀN XÁC MINH**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../QĐ-...(2)...

..., ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO
Kết quả xác minh nội dung khiếu nại

Kính gửi:(3).....

Thực hiện Quyết định về việc thành lập đoàn xác minh số.....; Từ ngày/...../..... đến ngày/...../....., Đoàn xác minh nội dung khiếu nại đã tiến hành xác minh nội dung khiếu nại của.....(người khiếu nại)..... đối với.....(ghi tóm tắt nội dung khiếu nại).....

Căn cứ vào thông tin, tài liệu, chứng cứ được thu thập trong quá trình xác minh nội dung khiếu nại, kết quả làm việc với cơ quan, tổ chức đơn vị, cá nhân có liên quan, Đoàn xác minh nội dung khiếu nại báo cáo kết quả xác minh nội dung khiếu nại như sau:

1. Yêu cầu của người khiếu nại, căn cứ để khiếu nại và kết quả giải quyết khiếu nại trước đó (nếu có)

.....
2. Tóm tắt nội dung được giao xác minh và kết quả xác minh

.....
3. Nhận xét, đánh giá từng nội dung khiếu nại được giao xác minh là đúng toàn bộ, sai toàn bộ hoặc đúng một phần

.....
4. Kiến nghị về việc ban hành quyết định giải quyết khiếu nại

.....
Trên đây là báo cáo kết quả xác minh nội dung khiếu nại, kính trình(3)..... xem xét, cho ý kiến chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
-(4)... (để b/c);
- ... (5)... (để b/c);
- Lưu: VT,....., HS.

TRƯỞNG ĐOÀN XÁC MINH

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan của người có thẩm quyền giải quyết: Cục Quản lý THADS/THADS tỉnh/Văn phòng THADS
- (2) Chữ viết tắt của cơ quan ban hành.
- (3) Người có thẩm quyền giải quyết: Cục trưởng Cục QLTHADS/Trưởng THADS tỉnh/ Trưởng Văn phòng THADS
- (4) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức cấp trên.
- (5) Thủ trưởng, cơ quan ban hành.

Mẫu số: E10 - THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp).....(1).....
.....(2).....**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ... /QĐ-...(3)...

..., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH**Giải quyết khiếu nại của:, địa chỉ:**

.....(4).....

*Căn cứ khoản 1 Điều 98, Điều 105, Điều 107 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15;**Căn cứ Điều 51 Thông tư số 06/2026/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn giao nhận, bảo quản, xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ; thủ tục quản lý hành chính, biểu mẫu nghiệp vụ và quy trình xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trong thi hành án dân sự;*Xét đơn của (người khiếu nại) khiếu nại
.....

Trên cơ sở hồ sơ thi hành án và các tài liệu có liên quan, ...(3)... nhận thấy:

1. Nội dung vụ việc (nêu tóm tắt).....
.....**2. Khiếu nại và giải quyết khiếu nại**.....
.....**3. Nhận xét, đánh giá**

..... (nêu rõ căn cứ pháp lý để xác định nội dung khiếu nại là có cơ sở hay không có cơ sở)

Từ những căn cứ và nhận định trên,(4).....

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.** Chấp nhận (hoặc chấp nhận một phần hoặc không chấp nhận) khiếu nại của..... (người khiếu nại), đối với: (nêu rõ nội dung chấp nhận khiếu nại, nội dung chấp nhận một phần, nội dung không chấp nhận khiếu nại).

Giữ nguyên, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một phần (toàn bộ) hoặc yêu cầu sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một phần (toàn bộ) quyết định, hành vi bị khiếu nại hoặc buộc chấm dứt việc thực hiện quyết định, hành vi bị khiếu nại (biện pháp khắc phục nếu có)

Điều 2. Chánh Văn phòng, ...(5)..., người khiếu nại, người bị khiếu nại và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. (người khiếu nại) có quyền khiếu nại tiếp đến Cục trưởng Cục Quản lý Thi hành án dân sự trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này/Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký (đối với trường hợp Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự đối với quyết định, hành vi về áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án có hiệu lực thi hành ngay tại khoản 5 Điều 105 Luật Thi hành án dân sự)./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
-(6)... (để b/c);
- ...(7)... (để b/c);
- ...(8)...;
- Lưu: VT,....., HS.

.....(4).....

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Mẫu này áp dụng cho việc giải quyết khiếu nại lần đầu.

- (1) Tên cơ quan chủ quản.
- (2) Tên cơ quan ban hành.
- (3) Chữ viết tắt của cơ quan ban hành.
- (4) Người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại
- (5) Trưởng đơn vị tham mưu
- (6) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức cấp trên.
- (7) VKSND cùng cấp.
- (8) Cơ quan có liên quan.

Mẫu số: E11 - THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp).....(1).....
.....(2).....**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ... /QĐ-...(3)...

..., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH**Giải quyết khiếu nại của:, địa chỉ:****CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ***Căn cứ khoản 2 Điều 98; Điều 106, Điều 107 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15;**Căn cứ Điều 51 Thông tư số 06/2026/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn giao nhận, bảo quản, xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ; thủ tục quản lý hành chính, biểu mẫu nghiệp vụ và quy trình xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trong thi hành án dân sự;**Xét đơn của(người khiếu nại)....., khiếu nại.....**Sau khi nghiên cứu báo cáo của, hồ sơ vụ việc kèm theo và các tài liệu có liên quan, Cục trưởng Cục Quản lý Thi hành án dân sự nhận thấy:***1. Nội dung vụ việc (nêu tóm tắt)**.....
.....**2. Khiếu nại và giải quyết khiếu nại**.....
.....**3. Nhận xét, đánh giá***.....(căn cứ pháp lý để xác định khiếu nại có cơ sở hay không có cơ sở).....**Từ những căn cứ và nhận định trên, Cục trưởng Cục Quản lý Thi hành án dân sự.***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Chấp nhận (hoặc chấp nhận một phần hoặc không chấp nhận) khiếu nại của (người khiếu nại), đối với:(nêu rõ nội dung chấp nhận khiếu nại, nội dung chấp nhận một phần, nội dung không chấp nhận khiếu nại).*Giữ nguyên, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một phần (toàn bộ) hoặc yêu cầu sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một phần (toàn bộ) quyết định, hành vi bị khiếu nại hoặc buộc chấm dứt việc thực hiện quyết định, hành vi bị khiếu nại (biện pháp khắc phục nếu có).....*

Điều 2. Chánh Văn phòng, Trưởng ban Ban Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo - Cục Quản lý Thi hành án dân sự; Trưởng Thi hành án dân sự...../Trưởng văn phòng thi hành án dân sự, người khiếu nại, người bị khiếu nại và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
-(5)... (để b/c);
- ... (6)... (để b/c);
- ... (7).....(để đăng tải);
- Lưu: VT, KTGQKNTC, HS.

CỤC TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Mẫu này áp dụng cho việc giải quyết khiếu nại lần hai.

- (1) Tên cơ quan chủ quản.
- (2) Tên cơ quan ban hành.
- (3) Chữ viết tắt của cơ quan ban hành.
- (4) Người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại
- (5) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức cấp trên.
- (6) VKSND cùng cấp.
- (7) Cổng thông tin điện tử CQLTHADS

Mẫu số: E12 - THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

... (1) ...

...(2)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../QĐ-...(3)...

..., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH
Thụ lý tố cáo

.....(4).....

Căn cứ Luật Tố cáo số 25/2018/QH14, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiếp công dân, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo số 136/2025/QH15;

Căn cứ Điều 110 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 31/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 156/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Điều 75 Nghị định số 152/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 53 Thông tư số 06/2026/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn giao nhận, bảo quản, xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ; thủ tục quản lý hành chính, biểu mẫu nghiệp vụ và quy trình xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trong thi hành án dân sự;

Căn cứ đơn tố cáo đối với ông (bà) (họ tên, chức vụ, chức danh của người bị tố cáo)

Xét đề nghị của(5)

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thụ lý giải quyết tố cáo đối với ông (bà) (họ tên, chức vụ, chức danh của người bị tố cáo).

Nội dung tố cáo được thụ lý gồm:.....(6).....

.....

.....

.....

.....

Thời hạn giải quyết tố cáo là 30 ngày, kể từ ngày thụ lý.

Điều 2. ... (5)..., Thi hành án dân sự tỉnh.../Văn phòng thi hành án, người bị tố cáo, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
-(7)... (để b/c);
-(8)... (để b/c);
- Lưu: VT, KTGQKNTC, HS.

.....(4).....

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan chủ quản.
- (2) Tên cơ quan ban hành.
- (3) Chữ viết tắt của cơ quan ban hành.
- (4) Người có thẩm quyền giải quyết tố cáo
- (5) Trưởng đơn vị tham mưu
- (6) Ghi rõ từng nội dung thụ lý
- (7) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức cấp trên.
- (8) VKSND cùng cấp

...(1)...

...(2)...

Mẫu số: E13 - THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ... /TB-...(3)...

..., ngày ... tháng ... năm ...

THÔNG BÁO
Về việc thụ lý tố cáo

Căn cứ Luật Tố cáo số 25/2018/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiếp công dân, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo số 136/2025/QH15;

Căn cứ Điều 110 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15;

Căn cứ Điều 75 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị định số 31/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 156/2026/NĐ-CP;

Căn cứ khoản 2 Điều 53 Thông tư số 06/2026/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn giao nhận, bảo quản, xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ; thủ tục quản lý hành chính, biểu mẫu nghiệp vụ và quy trình xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trong thi hành án dân sự;

Ngày .../.../.....,(4)..... đã ra Quyết định thụ lý tố cáo số .../QĐ-...(3)... đối với tố cáo của ông (bà) ..., địa chỉ: ...

Nội dung thụ lý:(5).....

Thời hạn giải quyết là 30 ngày, kể từ ngày thụ lý.

...(6)... thông báo để ông (bà) (người tố cáo)..... biết và thực hiện quyền, nghĩa vụ của người tố cáo theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Người tố cáo;
-(7)... (để b/c);
-(8)... (để b/c);
- Lưu: VT, KTGQKNTC, HS.

.....(4).....

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan chủ quản.
- (2) Tên cơ quan ban hành.
- (3) Chữ viết tắt của cơ quan ban hành.
- (4) Người có thẩm quyền giải quyết: Cục trưởng Cục Quản lý Thi hành án dân sự, Trưởng Thi hành án dân sự
- (5) Ghi rõ từng nội dung thụ lý
- (6) Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cục Quản lý Thi hành án dân sự/Thi hành án dân sự
- (7) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức cấp trên.
- (8) VKSND cùng cấp.

Mẫu số: E14 - THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...(1)...

...(2)...

Số: ... / TB-...(3)...

..., ngày ... tháng ... năm ...

THÔNG BÁO
Về nội dung tố cáo

Căn cứ Luật Tố cáo số 25/2018/QH14, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiếp công dân, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo số 136/2025/QH15;

Căn cứ Điều 110 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 31/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 156/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Điều 75 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 53 Thông tư số 06/2026/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn giao nhận, bảo quản, xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ; thủ tục quản lý hành chính, biểu mẫu nghiệp vụ và quy trình xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trong thi hành án dân sự;

...(4)... nhận được đơn tố cáo/tố cáo tiếp về hành vi vi phạm pháp luật của (họ tên, chức vụ, chức danh của người bị tố cáo)

Ngày .../.../..., ...(5)... đã ra Quyết định thụ lý tố cáo số .../QĐ-...(3)...

Nội dung thụ lý:(6).....

Thời hạn giải quyết tố cáo là 30 ngày, kể từ ngày thụ lý.

...(4)... thông báo đề ông (bà) (người bị tố cáo) biết và thực hiện quyền, nghĩa vụ của người bị tố cáo theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Người bị tố cáo;
-(7)... (để b/c);
-(8)... (để b/c);
- Lưu: VT, KTGQKNTC, HS.

.....(5).....

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan chủ quản.
- (2) Tên cơ quan ban hành.
- (3) Chữ viết tắt của cơ quan ban hành.
- (4) Cơ quan có thẩm quyền giải quyết : Cục Quản lý thi hành án dân sự, Thi hành án dân sự tỉnh
- (5) Người có thẩm quyền giải quyết: Cục trưởng Cục Quản lý thi hành án dân sự, Trưởng Thi hành án dân sự
- (6) Nội dung thụ lý
- (7) Thủ trưởng cơ quan cấp trên.
- (8) VKSND cùng cấp.

Mẫu số: E15 - THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

...(1)...

...(2)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../ TB-...(3)...

..., ngày ... tháng ... năm ...

THÔNG BÁO
Về việc không thụ lý tố cáo

Căn cứ Luật Tố cáo số 25/2018/QH14, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiếp công dân, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo số 136/2025/QH15;

Căn cứ Điều 110 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 31/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 156/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Điều 75 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Điều 52 Thông tư số 06/2026/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn giao nhận, bảo quản, xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ; thủ tục quản lý hành chính, biểu mẫu nghiệp vụ và quy trình xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trong thi hành án dân sự;

...(4)... đã nhận được đơn tố cáo của ông (bà):...(tên người tố cáo)...., địa chỉ:, tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của (họ tên, chức vụ, chức danh của người bị tố cáo).....

...(5)... không thụ lý giải quyết tố cáo của ông (bà)(tên người tố cáo)

Lý do không thụ lý:

...(4)... thông báo để ông (bà) (người tố cáo)..... biết./.

Nơi nhận:

- Người tố cáo;
-(6)... (để b/c);
- Lưu: VT, KTGQKNTC.

.....(5).....

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan chủ quản.
- (2) Tên cơ quan ban hành.
- (3) Chữ viết tắt của cơ quan ban hành.
- (4) Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cục Quản lý thi hành án dân sự, Thi hành án dân sự tỉnh
- (5) Người có thẩm quyền giải quyết: Cục trưởng Cục Quản lý thi hành án dân sự, Trưởng Thi hành án dân sự
- (6) Thủ trưởng cơ quan cấp trên

Mẫu số: E16 - THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

...(1)...

...(2)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: / TB-...(3)...

..., ngày ... tháng ... năm ...

THÔNG BÁO**Về việc không thụ lý tố cáo tiếp**

Căn cứ Luật Tố cáo số 25/2018/QH14, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiếp công dân, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo số 136/2025/QH15;

Căn cứ Điều 110 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 31/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 156/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Điều 75 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Điều 53 Thông tư số 06/2026/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn giao nhận, bảo quản, xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ; thủ tục quản lý hành chính, biểu mẫu nghiệp vụ và quy trình xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trong thi hành án dân sự;

...(4)...đã nhận được đơn tố cáo của ông (bà):...(tên người tố cáo)...., địa chỉ: ... , tố cáo tiếp hành vi vi phạm pháp luật của ... (họ tên, chức vụ, chức danh của người bị tố cáo)

Theo quy định của pháp luật, ...(5)... không thụ lý tố cáo tiếp của ông (bà)

Lý do không thụ lý:

...(4)... thông báo để ông (bà) ... (người tố cáo) ... biết./.

Nơi nhận:

- Người tố cáo;

-(6)... (để b/c);

-.....(7).....;

- Lưu: VT, KTGQKNTC, HS.

.....(5).....

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan chủ quản.

(2) Tên cơ quan ban hành.

(3) Chữ viết tắt của cơ quan ban hành.

(4) Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cục Quản lý thi hành án dân sự, Thi hành án dân sự tỉnh

(5) Người có thẩm quyền giải quyết: Cục trưởng Cục Quản lý thi hành án dân sự, Trưởng Thi hành án dân sự

(6) Thủ trưởng cơ quan cấp trên

(7) Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp

Mẫu số: E17 - THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...(1)...

...(2)...

..., ngày ... tháng ... năm ...

Số: ... /QĐ-...(3)...

QUYẾT ĐỊNH
Thành lập Đoàn xác minh nội dung tố cáo

.....(4).....

Căn cứ Luật Tố cáo số 25/2018/QH14, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiếp công dân, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo số 136/2025/QH15;

Căn cứ Điều 110 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 31/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 156/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Điều 75 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Điều 55 Thông tư số 06/2026/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn giao nhận, bảo quản, xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ; thủ tục quản lý hành chính, biểu mẫu nghiệp vụ và quy trình xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trong thi hành án dân sự;

Căn cứ Quyết định thụ lý tố cáo số .../QĐ-...(3) ... ngày.../.../... của (4) ...;

Xét đề nghị của ...(5) ...

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.** Thành lập Đoàn xác minh nội dung tố cáo, gồm:

1. Ông (bà)....., chức vụ.....- Trưởng đoàn;
2. Ông (bà)....., chức vụ.....- Thành viên;
3.

Điều 2. Đoàn xác minh có nhiệm vụ kiểm tra, xác minh nội dung tố cáo:

.....

Đoàn xác minh thực hiện các quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm theo quy định tại Điều 11 của Luật Tố cáo, Luật Thi hành án dân sự và quy định pháp luật có liên quan.

Trưởng Đoàn xác minh có trách nhiệm xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch xác minh nội dung tố cáo. Các thành viên Đoàn xác minh làm việc theo chế độ kiêm nhiệm và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Thời gian tiến hành xác minh là ngày, kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng, ...(5)..., ông (bà) (*người bị tố cáo*), cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và các ông (bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
-(5)... (để b/c);
- Lưu: VT, KTGQKNTC, HS.

.....(4).....

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan chủ quản.
- (2) Tên cơ quan ban hành.
- (3) Chữ viết tắt của cơ quan ban hành.
- (4) Người có thẩm quyền giải quyết tố cáo
- (5) Trưởng đơn vị tham mưu
- (6) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức cấp trên.

Mẫu số: E18 - THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)...(1)...
ĐOÀN XÁC MINH**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO
Kết quả xác minh nội dung tố cáo

Kính gửi:(3).....

Thực hiện Quyết định về việc thành lập Đoàn xác minh nội dung tố cáo số....., từ ngày .../.../.... đến ngày .../.../...., Đoàn xác minh đã tiến hành xác minh nội dung tố cáo đối với: Ông (bà)(họ tên, chức vụ, chức danh người bị tố cáo)

Đoàn xác minh báo cáo kết quả xác minh nội dung tố cáo, như sau:

1. Nội dung tố cáo

..... (ghi rõ từng nội dung tố cáo)

2. Nội dung giải trình của người bị tố cáo

..... (giải trình theo từng nội dung tố cáo)

3. Kết quả xác minh**3.1. Làm việc với người tố cáo (nếu có)****3.2. Làm việc trực tiếp với người bị tố cáo****3.3. Làm việc với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan (nếu có)****3.4. Kết quả trưng cầu giám định (nếu có)****3.5. Tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình xác minh****4. Nhận xét, đánh giá**

..... (các căn cứ pháp lý để xác định có hay không có hành vi vi phạm pháp luật, nội dung tố cáo đúng/đúng một phần/sai; xác định trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân)

5. Đề xuất, kiến nghị

..... (đề xuất, kiến nghị đối với người giải quyết tố cáo, trong đó chỉ rõ nội dung xử lý đối với người bị tố cáo, biện pháp khắc phục)

Trên đây là báo cáo kết quả xác minh nội dung tố cáo, đề nghị ...(3)... xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KTGQKNTC, HS.

TRƯỞNG ĐOÀN XÁC MINH

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan của người có thẩm quyền giải quyết:
- (2) Chữ viết tắt của cơ quan ban hành.
- (3) Người có thẩm quyền giải quyết: Cục trưởng Cục Quản lý thi hành án dân sự. Trưởng Thi hành án dân sự

Mẫu số: E19 - THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

...(1)...

...(2)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ... /QĐ-...(3)...

..., ngày ... tháng năm ...

QUYẾT ĐỊNH**Tạm đình chỉ giải quyết tố cáo**

.....(4).....

Căn cứ Luật Tố cáo số 25/2018/QH14, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiếp công dân, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo số 136/2025/QH15;

Căn cứ Điều 110 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 31/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 156/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Điều 75 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Điều 54 Thông tư số 06/2026/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn giao nhận, bảo quản, xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ; thủ tục quản lý hành chính, biểu mẫu nghiệp vụ và quy trình xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trong thi hành án dân sự;

Căn cứ Quyết định thụ lý tố cáo số .../QĐ-...(3)....ngày.../.../...của (4)....;

Xét đề nghị của(5).....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tạm đình chỉ giải quyết tố cáo đối với: Ông (bà)(họ tên, chức vụ, chức danh người bị tố cáo)

Nội dung tạm đình chỉ:

Lý do:

Kể từ ngày..... đến khi căn cứ tạm đình chỉ không còn.

Điều 2. ... (5)...., người bị tố cáo, người tố cáo và các cơ quan, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;

- ... (6)....;

- ... (7)....;

- Lưu: VT, KTGQKNTC, HS.

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan chủ quản.

(2) Tên cơ quan ban hành.

(3) Chữ viết tắt của cơ quan ban hành.

(4) Người có thẩm quyền giải quyết tố cáo.

(5) Trưởng đơn vị tham mưu.

(6) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức cấp trên.

(7) VKSND cùng cấp.

.....(4).....

(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số: E20 - THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

...(1)...

...(2)...

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-...(3)...

..., ngày ... tháng năm...

QUYẾT ĐỊNH
Đình chỉ giải quyết tố cáo

.....(4).....

Căn cứ Luật Tố cáo số 25/2018/QH14, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiếp công dân, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo số 136/2025/QH15;

Căn cứ Điều 110 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 31/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 156/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Điều 75 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Điều 54 Thông tư số 06/2026/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn giao nhận, bảo quản, xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ; thủ tục quản lý hành chính, biểu mẫu nghiệp vụ và quy trình xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trong thi hành án dân sự;

Căn cứ Quyết định thụ lý tố cáo số .../QĐ-...(3)....ngày.../.../...của (4)....;

Xét đề nghị của(5).....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đình chỉ giải quyết tố cáo đối với: Ông (bà).....(người bị tố cáo)

Nội dung đình chỉ:

Lý do:

Điều 2. ... (5)...., người bị tố cáo, người tố cáo và các cơ quan, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
-(6)... (để b/c);
- ...(7)....;
- Lưu: VT, KTGQKNTC, HS.

.....(4).....

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan chủ quản.
- (2) Tên cơ quan ban hành.
- (3) Chữ viết tắt của cơ quan ban hành.
- (4) Người có thẩm quyền giải quyết tố cáo
- (5) Trưởng đơn vị tham mưu.
- (6) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức cấp trên.
- (7) VKSND cùng cấp.

Mẫu số: E21 - THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

...(1)...

...(2)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../ QĐ-...(3)...

..., ngày ... tháng năm ...

QUYẾT ĐỊNH
Gia hạn giải quyết tố cáo

.....(4).....

Căn cứ Luật Tố cáo số 25/2018/QH14, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiếp công dân, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo số 136/2025/QH15;

Căn cứ Điều 110 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 31/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 156/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Điều 75 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Quyết định thụ lý tố cáo số .../QĐ-...(3)....ngày.../.../...của .(4)....;

Xét đề nghị của ...(5)....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Gia hạn giải quyết tố cáo đối với: Ông (bà)(họ tên, chức vụ, chức danh người bị tố cáo)

Thời gian gia hạn là ngày, kể từ ngày hết hạn giải quyết tố cáo.

Điều 2. ... (5)...., người bị tố cáo, người tố cáo và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
-(6)... (để b/c);
- ...(7)....;
- Lưu: VT, KTGQKNTC,HS.

.....(4).....

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan chủ quản.
- (2) Tên cơ quan ban hành.
- (3) Chữ viết tắt của cơ quan ban hành.
- (4) Người có thẩm quyền giải quyết tố cáo.
- (5) Trưởng đơn vị tham mưu.
- (6) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức cấp trên.
- (7) VKSND cùng cấp.

Mẫu số: E22 - THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

...(1)...

...(2)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../ QĐ-...(3)...

..., ngày ... tháng năm ...

QUYẾT ĐỊNH
Tiếp tục giải quyết tố cáo

.....(4).....

Căn cứ Luật Tố cáo số 25/2018/QH14, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiếp công dân, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo số 136/2025/QH15;

Căn cứ Điều 110 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 31/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 156/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Điều 54 Thông tư số 06/2026/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn giao nhận, bảo quản, xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ; thủ tục quản lý hành chính, biểu mẫu nghiệp vụ và quy trình xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trong thi hành án dân sự;

Căn cứ Quyết định thụ lý tố cáo số .../QĐ-...(3)... ngày.../.../... của ...;

Căn cứ Quyết định tạm đình chỉ giải quyết tố cáo số ... /QĐ-...ngày .../.../... của(4).....;

Xét đề nghị của(5).....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tiếp tục giải quyết tố cáo đối với: Ông (bà)(họ tên, chức vụ người bị tố cáo)

Thời gian(số ngày gia hạn) ngày kể từ ngày.....

Nội dung tố cáo được tiếp tục giải quyết:

Điều 2.(5)....., người bị tố cáo, người tố cáo và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- ...(6)... (để b/c);
- ... (7)....;
- Lưu: VT, KTGQKNTC, HS.

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan chủ quản.
- (2) Tên cơ quan ban hành.
- (3) Chữ viết tắt của cơ quan ban hành.
- (4) Người có thẩm quyền giải quyết tố cáo
- (5) Trưởng đơn vị tham mưu.
- (6) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức cấp trên.
- (7) VKSND cùng cấp.

.....(4).....

(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số: E23 - THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP

ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

...(1)...

...(2)...

Số: .../QĐ-...(3)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm

**QUYẾT ĐỊNH
TRƯNG CẦU GIÁM ĐỊNH**

.....(4).....

Căn cứ Luật Tố cáo số 25/2018/QH14, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiếp công dân, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo số 136/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 31/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 156/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Điều 75 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Điều 56 Thông tư số 06/2026/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn giao nhận, bảo quản, xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ; thủ tục quản lý hành chính, biểu mẫu nghiệp vụ và quy trình xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trong thi hành án dân sự;

Căn cứ Quyết định thụ lý tố cáo số .../QĐ-...(3)...ngày.../.../...của ..(4);

Theo đề nghị của(5).....;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Trưng cầu(6).....thực hiện giám định đối với.....(7).....

Điều 2. Các tài liệu có liên quan hoặc mẫu so sánh gửi kèm theo bao gồm:.....(8).....

Thời hạn trả kết luận giám định:(9).....

Điều 3. Các ông (bà).....(5), (6)... và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 1;

- ...(8)....;

- Lưu: VT, KTGQKNTC, HS.

.....(4).....

(Ký tên, ghi rõ họ tên đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan chủ quản.

(2) Tên cơ quan ban hành.

(3) Chữ viết tắt của cơ quan ban hành.

(4) Người có thẩm quyền giải quyết tố cáo.

(5) Trưởng đơn vị tham mưu: Ban KTGQKNTC, Phòng KTQKNTC.

(6) Tổ chức hoặc giám định viên được trưng cầu.

(7) Nội dung yêu cầu giám định.

(8) Các tài liệu, chứng cứ kèm theo.

(9) Ghi thời hạn tổ chức giám định tư pháp hoặc giám định viên được trưng cầu giám định phải gửi kết luận giám định Cơ quan, tổ chức có liên quan.

(10) Cơ quan cấp trên.

Mẫu số: E24 - THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

...(1)...

...(2)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ... /KL-...(3)...

..., ngày ... tháng ... năm ...

KẾT LUẬN NỘI DUNG TỔ CÁO**Đối với (họ tên, chức vụ, chức danh của người bị tố cáo)**

Ngày .../.../...,(4)..... đã có Quyết định số .../QĐ-CQLTHADS/THADS thụ lý tố cáo đối với (họ tên, chức vụ, chức danh của người bị tố cáo)

Căn cứ nội dung tố cáo, văn bản giải trình của người bị tố cáo, kết quả xác minh tố cáo, các tài liệu, bằng chứng có liên quan và đối chiếu với các quy định của pháp luật, ...(4)... kết luận nội dung tố cáo như sau:

I. KẾT QUẢ XÁC MINH NỘI DUNG TỔ CÁO:**1. Nội dung tố cáo:**

.....

2. Nội dung giải trình của người bị tố cáo:

..... (những thông tin, tài liệu, bằng chứng do người bị tố cáo cung cấp) ...

.....

3. Nội dung những tài liệu, bằng chứng mà Đoàn xác minh tố cáo đã thu thập được để chứng minh tính đúng, sai của hành vi bị tố cáo:

(kết quả xác minh theo từng nội dung tố cáo và tài liệu, bằng chứng mà Đoàn xác minh tố cáo thu thập được để chứng minh tính đúng, sai của hành vi bị tố cáo).....

4. Nhận xét, đánh giá về nội dung tố cáo:

..... (các căn cứ pháp lý để xác định có hay không có hành vi vi phạm pháp luật, nội dung tố cáo đúng/đúng một phần/sai; xác định trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân)

II. KẾT LUẬN

Kết luận về hành vi vi phạm bị tố cáo: (ghi rõ từng nội dung tố cáo đúng/đúng một phần/sai; xác định trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến nội dung tố cáo nếu có)

III. KIẾN NGHỊ**1. Biện pháp xử lý theo thẩm quyền**

.....

2. Kiến nghị đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác (nếu có) áp dụng các biện pháp xử lý theo thẩm quyền đối với hành vi vi phạm pháp luật; bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân..... ./.

Nơi nhận:

- ... (5) ...;
- ... (6) ...;
- ... (7) ...;
- Người bị tố cáo;
- Lưu: VT,

.....(4).....

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan chủ quản.
- (2) Tên cơ quan ban hành.
- (3) Chữ viết tắt của cơ quan ban hành.
- (4) Người có thẩm quyền giải quyết: Cục trưởng Cục Quản lý thi hành án dân sự/Trưởng Thi hành án dân sự.
- (5) Cơ quan cấp trên.
- (6) VKSND cùng cấp.
- (7) Cơ quan quản lý của người bị tố cáo.

Mẫu số: E25 - THADS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BTP
ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

...(1)...

...(2)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: .../ TB-...(3)...

..., ngày ... tháng ... năm ...

THÔNG BÁO
Về việc kết luận nội dung tố cáo

...(4)... đã có Kết luận nội dung tố cáo số .../KL-...(3)... ngày.../.../...
về nội dung ông (bà) ... (người tố cáo) ..., địa chỉ... , tố cáo... (họ tên, chức
vụ, chức danh người bị tố cáo) về việc:

Theo quy định tại khoản 3 Điều 35 Luật Tố cáo và Điều 60 Thông tư số
06/2026/TT-BTP ngày 16 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng
dẫn giao nhận, bảo quản, xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ; thủ tục quản lý hành
chính, biểu mẫu nghiệp vụ và quy trình xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến
nghị, phản ánh trong thi hành án dân sự, ...(4)... thông báo kết quả giải quyết
tố cáo như sau:

..... (ghi tóm tắt kết quả giải quyết các
nội dung tố cáo)

...(4)... thông báo đề ông (bà) ... (người tố cáo)..... biết (đề nghị ông (bà)
... (người tố cáo) chấm dứt việc tố cáo (trong trường hợp tố cáo sai sự thật)./.

Nơi nhận:

- Người tố cáo;
-(5)... (để b/c);
-(6).....;
- Lưu: VT, KTGQKNTC, HS.

.....(7).....
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan chủ quản.
- (2) Tên cơ quan ban hành.
- (3) Chữ viết tắt của cơ quan ban hành.
- (4) Cơ quan có thẩm quyền giải quyết.
- (5) Thủ trưởng cơ quan cấp trên.
- (6) VKSND cùng cấp.
- (7) Người có thẩm quyền giải quyết tố cáo